

TẠP CHÍ VĂN HỌC CỎ THƠM

SỐ 82 - THÁNG 10, 2018

BAN ĐIỀU HÀNH

CHỦ NHIỆM:

PHAN ANH DŨNG

dathphan1@gmail.com

PHÓ CHỦ NHIỆM:

PHAN KHÂM

phanvyle@yahoo.com

CHỦ BÚT:

TRẦN BÍCH SAN

littleaigonnews@aol.com

TỔNG THỦ KÝ:

ĐỖ TRĂNG MỸ HẠNH

hanhbang@hotmail.com

CỐ VẤN DANH DỰ:

NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG

dsenser@yahoo.com

WEBSITE

PHAN ANH DŨNG

NGUYỄN VĂN BÀ

<http://cothommagazine.com>

TÒA SOẠN

9020 CARDIFF RD

RICHMOND, VIRGINIA 23236 USA

TEL. (804) - 387- 8773

dathphan1@gmail.com

BAN BIÊN TẬP

Ý ANH. ĐỖ BÌNH. DIỄM CHÂU.

NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG.

PHAN ANH DŨNG. NGUYỄN QUÝ ĐẠI.

NGÔ TĂNG GIAO. VŨ HỒI.

PHAN KHÂM. HUY LÃM.

NGUYỄN LÂN. PHẠM TRỌNG LỆ.

NGUYỄN PHÚ LONG. VŨ NAM.

NGUYỄN VĂN NHIỆM.

PHẠM THỊ NHUNG. TRẦN BÍCH SAN.

NGUYỄN SƠN.

NGUYỄN VĂN THÀNH1923.

MỸ PHƯỚC NGUYỄN THANH.

PHONG THU. TIỂU THU.

HỒNG THỦY. TRƯƠNG ANH THUY.

BÙI THANH TIỀN. PHẠM VĂN TUẤN

ĐẠI DIỆN

TRẦN BÍCH SAN: New Orleans, LA

DIỄM CHÂU: Spring Valley, CA

TIỂU THU: Québec, Canada

VŨ NAM: Germany

NGUYỄN MÂY THU: France



MỤC LỤC

SỐ 82 - THÁNG 10, 2018

BIÊN KHẢO

TR11 - BA BỘ LUẬT CỎ KHẮC TRÊN ĐÁ -
NGUYỄN VĂN THÀNH23

TR49 – GIỚI THIỆU BÀI CA DAO “ NỤ
TÂM XUÂN” - PHẠM THỊ NHUNG

TR56- HERTA MULLER, NỮ VĂN HÀO
ROMANIA - PHẠM VĂN TUẤN

TR65- TRUYỆN NGẮN - TRẦN BÍCH SAN

TR108- CON GÁI SƠN TÂY - NGUYỄN
PHÚ LONG

TR158- VÀI HÌNH ẢNH PHÁP LUẬT
TRONG TRUYỆN KIỀU – NGÔ TĂNG GIAO

VĂN

TR6- VÀI LỜI CHÂN TÌNH -
PHAN ANH DŨNG

TR21- KỂ PHẢN BỘI - NGỌC CƯỜNG

TR41- CON DÂU - DIỄM CHÂU

TR72- NGHĨA TÌNH TRỌN VẸN -
NGUYỄN LÂN

TR85- THƯ VIẾT CHO NGƯỜI TÌNH -
NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG

TR91 - BÀN SỐ 9 - TRƯƠNG ANH THỤY

TR105- NHỮNG CHIẾC ĐÈN ĐỒ TRÊN
ĐƯỜNG PHỐ - HỒNG THỦY

TR113-LỢI ÍCH CỦA HƠI THỜ- Ỡ NGUYỄN

TR119- MÁ HỒNG PHẬN BẠC - TIỂU THU

TR134- ĐẠI BẰNG ĐÔI CÁNH- TT THÁI AN

TR140- MIỀN ĐẤT MỚI – VŨU VĂN TÂM

TR144 - BORDEAUX... - VŨ NAM

TR150 - HAI NGƯỜI THẦY - PHONG THU

TR164-TÌM ĐƯỢC DĨ VẮNG – TÔN NỮ
MẶC GIAO

THƠ

TR6 -“TRÊN NHỮNG MIỀN QUÊ HƯƠNG“
- TRƯỜNG ĐÌNH

TR20 - THƠ XƯỞNG HỌA MÙA THU -
NGÔ TĂNG GIAO, NGUYỄN THỊ NGỌC

DUNG, NGUYỄN PHÚ LONG, PHAN KHÂM

TR40-NGƯỜI TÌNH TRONG THƠ-HOÀ VĂN

TR48- CHIỀU MƯA NHỚ BẠN-THÁI HƯNG

TR55- GIỌT MỜ HÔI& EM - BÙI THANH TIỀN

TR55- HẠ QUA RÒI - LÝ HIỀU

TR55 -MUA VUI BÁN BUỒN- PHAN KHÂM

TR71- COMME UN PAN DU MUR - DIỄM

HOA / TÒA MIẾU CỎ - THẨM OÁNH

TR90- THUYỀN VIỄN XỨ - HUYỀN CHI /

THE EMIGRATORY BOAT- THANH THANH

TR104 - MÙA THU NĂM ẤY - KIM Y

TR106 - HÌNH ẢNH NGƯỜI YÊU -

NGUYỄN ĐỨC VINH

TR112 - TIỆC THƠ - CAO NGUYỄN

TR117- ONE SMALL ROSE - ANONYMOUS

/ BÔNG HỒNG NHỎ - THU LÊ phỏng dịch

TR118- HUẾ, NỖI NHỚ KHÔN CÙNG ... -

HẠ THÁI TRẦN QUỐC PHIỆT

TR133- CHIỀU THU - NGUYỄN VÔ CÙNG /

MÙA THU PLYMOUTH - NGUYỄN KINH

BẮC

TR133 - **QUA ĐÈO NGANG** - **BÀ HUYỆN THANH QUAN** / **MỘT BÓNG BÊN TRỜI** - **NGUYỄN KINH BẮC** Thơ xướng họa
TR138 - **THU** - **HOÀNG TRÙNG DƯƠNG**
TR139- **MỘT TRỜI ĐẦY THU & LỆ THU** - **TRẦN QUỐC BẢO RICHMOND, VIRGINIA**
TR142 - **THƠ NGẮN** - **NGUYỄN THÙY**
TR143 - **THU MỤN** - **HÀ BÌNH TRUNG** / **TIẾC THU** - **QUỲNH ANH** / **VÀNG THU XỨ LẠ** - **TUỆ NGA** / **THU SANG ĐẤT KHÁCH** - **VƯƠNG ĐỨC LỆ**
TR149- **TRĂNG NÚI & HƯƠNG XANH** - **Ý ANH**
TR171- **PAYSAGE** - **PIERRE GAMARRA** / **PHONG CẢNH** - **MÂY THU** phỏng dịch

NHẠC

TR178 - **LAI LỊCH VỀ CA KHÚC “TÌNH THU TRÊN SÔNG SEINE” CỦA NGUYỄN VĂN ĐÔNG** - Biên soạn: **PHAN ANH DŨNG**

HỘI HỌA, NHIẾP ẢNH

BÌA TRƯỚC/SAU: **THU RA ĐI & MÙA THU** - **NGUYỄN SƠN GERMANY**
TR64- **EM TỪ LỤC BÁT** -Thơ họa: **VŨ HỒI**;
Thơ: **PHAN KHÂM**
TR71- **TÒA MIẾU CỎ** - Tranh **DIỄM HẰNG**
TR107- **SÔNG TRẮNG** - Thơ họa: **VĂN TẤN PHƯỚC**; Thơ: **TUỆ NGA**
TR139- **THU RICHMOND** - Ảnh: **PHAN ANH DŨNG**
TR185 – **VIỆT SỬ** - Thơ họa: **VŨ HỒI**;
Thơ: **VŨ HOÀNG CHƯƠNG**

GIỚI THIỆU SÁCH

TR39- **BĂNG KHUÂNG** của **NGỌC CƯỜNG**
TR163 - **VĂN HỌC VIỆT NAM** của **TRẦN BÍCH SAN**
TR201- **NHÀ VĂN, NHÀ THƠ VÀ TÁC PHẨM 2018** của **PHẠM VĂN TUẤN**
TR201 - **TRANH ĐẤU SỬ THI** - **CÂU LẠC BỘ VĂN HỌC VN OKC**

TƯỜNG NIỆM

TRƯỜNG NIỆM NHÀ THƠ PHƯƠNG DU BS NGUYỄN BÁ HẬU PARIS:
TR171- **PHÂN ƯU CỦA CỎ THƠM**
TR172- **THÔNG BÁO TIN BUỒN- ĐỖ BÌNH**
TR172- **VÀI CẢM NHẬN VỀ THƠ PHƯƠNG DU** - **GS TRẦN VĂN CẢNH**
TR177 - Thơ của **PHƯƠNG DU: GIÁC MỘNG NGÀY VỀ & MỘT CHIỀU THI NHẠC**

TRƯỜNG NIỆM NỮ SĨ VI KHUÊ VIRGINIA:

TR186- **PHÂN ƯU CỦA CỎ THƠM**
TR187- **ẢNH KỶ NIỆM VỚI CỎ THƠM**
TR188- **THEO CHÂN NỮ SĨ VI KHUÊ ... - HỒ TRƯỜNG AN**
TR195- Thơ của VI KHUÊ: **HOA/FLOWERS & THU Ở VIRGINIA/ AUTUMN IN VIRGINIA**
TR196- **THU VÀNG TIỀN CHỊ** - **TUỆ NGA**
TR197- **CHÂN DUNG TỰ HỌA** - **VI KHUÊ/ SELF PORTRAIT** - **THANH THANH**
TR198 - **CHỮ BÁ ANH & VI KHUÊ** - **TÂM MINH NGÔ TĂNG GIAO**

VÀI LỜI CHÂN TÌNH

Thưa quý mạnh thường quân, độc giả
và quý văn, thi, họa, nhạc sĩ, biên khảo gia, nhiếp ảnh gia của Tạp Chí Cỏ Thơm,

Mùa Thu êm dịu đang đến với thành phố Richmond, nơi tôi cư ngụ. Đã có nhiều hôm nhiệt độ xuống thấp - như sáng sớm hôm nay, trời hơi lạnh có chút sương mù như Đà Lạt: ra ngoài khoác thêm áo ấm, nhâm nhi chút cà phê, cảm thấy thật hạnh phúc khi ngắm nhìn quang cảnh thơ mộng quanh vùng! Tuy đã thấy nhiều lá rời cành rụng xuống sân nhà nhưng có lẽ phải đến cuối tháng 10 thì lá mới đổi màu nhiều! Hy vọng sẽ được như thế, thêm thi vị cho buổi họp mặt tại tòa soạn nhân dịp ra mắt Cỏ Thơm số 82.

Cỏ Thơm nhận được khá nhiều bài vở cho số này. Rất tiếc vì số trang có hạn - khoảng 200 trang cho mỗi số - nên chúng tôi xin phép để dành một số bài cho số 83, mong tác giả thứ lỗi cho.

Trong số này, chúng tôi hân hạnh giới thiệu đến quý vị 3 quyển sách đã xuất bản: “NHÀ VĂN, NHÀ THƠ VÀ TÁC PHẨM” của Biên khảo gia Phạm Văn Tuấn; “BẢNG KHUÂNG” của Nhà văn Ngọc Cường; và “TRANH ĐẤU SỬ THI” - do Câu Lạc Bộ Văn Học Việt Nam OKC biên soạn và phát hành (gồm các bài thơ tranh đấu chống bạo quyền của Vũ Hoàng Chương, Hà Thượng Nhân, Vũ Hối và Xuân Bích). Khoảng cuối tháng 12 năm nay, Biên khảo gia Trần Bích San, Chủ bút của Cỏ Thơm, cũng sẽ trình làng quyển “VĂN HỌC VIỆT NAM” mà ông đã biên soạn rất công phu trong 20 năm! Xin mời quý vị mua sách ủng hộ nhiệt tâm của các tác giả ở trên.

Cỏ Thơm cũng dành nhiều trang trong số 82 để tưởng niệm Nữ Sĩ Vi Khuê Trần Trinh Thuận (tức bà quả phụ Chủ Bá Anh) và Nhà thơ Phương Du Nguyễn Bá Hậu. Hai vị đã có những kỷ niệm thật thân tình với Cỏ Thơm & Câu Lạc Bộ Văn Hóa Paris cũng như những đóng góp tích cực cho văn hóa Việt Nam ở hải ngoại.

Mong quý vị tiếp tục ủng hộ và giới thiệu Cỏ Thơm đến người thân quen. Chúc quý vị nhiều sức khỏe và an vui. Xin hẹn tái ngộ ở số báo 83, dự định sẽ phát hành cuối tháng 1, 2019 - trước Tết Kỷ Hợi.

PHAN ANH DŨNG – Richmond, Virginia USA

Trường thi: “TRÊN NHỮNG MIỀN QUÊ HƯƠNG”

* Trường Đình *

LTS: Đây là một bài thơ gồm 1584 câu 8 chữ, 396 đoạn 4 câu. Nhà thơ Trường Đình đã chọn lọc từ 200 bài thơ về quê hương của chính tác giả và trau chuốt trong 2 tháng vào đầu năm 2018. Cổ Thơm sẽ lần lượt trích đăng trường thi này lên các tạp chí trong tương lai.

1
mời em nhé, về thăm quê xứ Mẹ
cùng với anh đi từ Bắc vào Nam
ghé Văn Miếu rồi đến chùa Một Cột
đền Ngọc Sơn và làng gốm Bát Tràng

2
chiều dạo bước bên bờ hồ Hoàn Kiếm
tha thần nhìn Ba Mươi Sáu Phố Phường
cầu Thê Húc từng bước chân kỷ niệm
ngọn gió thương, áo lụa trắng Hà Đông

3
cây Com Nguội mùa thu vàng tươi lá
nắng nhẹ rơi bên góc phố Hàng Đào
Hà Nội oi, nổi niềm anh thương nhớ
chiều Tây Hồ vương vấn nụ hôn trao

4
núi Độc Tôn sáng ngời cây Tháp Bút
viết vắn thơ, hỏi mưa nắng về chưa
gió thoảng bay, ngạt ngào hương hoa Sứ
theo em về, tìm lại giấc mơ xưa

5
ngàn cánh chim lượn bay hồ An Vũ
mỗi sáng chiều vẽ trắng góc công viên
ngõ vườn hoa nổi lên bờ mặt nước
đảo hòn Cò giữa thành phố Hưng Yên

6
con đường xưa đưa em về phố Hiến
một khung trời đậm sắc chôn làng quê
hương gió bay theo từng đợt sóng lúa
làm ngát ngậy những dấu bước tìm về

7
tuổi làng Nôm bên nếp nhà xưa cũ
đã bao năm với bến nước sân đình
nhánh rêu phong làm thêm nhiều cổ kính
huyện Văn Lâm, cây cầu đá yên bình

8
đền Phương Hoàng, mái thôn làng ngói đỏ
giữa quê nhà còn nhang khói Phù Cừ
nàng Cúc Hoa bên góc đền trước ngõ
lời thủy chung gói ghém trọn lẽ đời

9
ngày hừng sáng, ghé lên miền Bắc Kạn
hồ Ba Bể trên sóng nước mênh mang
bát ngát xanh như làn sương ngọc bích
động Nàng Tiên, em đẹp nét mơ màng

10
chiều băng lảng, thác ghềnh giăng tơ sóng
đẹp uy nghiêm Bản Giốc bảy sắc màu
núi Cô Muông, cảnh xưa mờ ảo mộng
động Ngườm Ngao, miền sơn cước
Cao Bằng

11

sáng mờ sương, vùng núi Đồi Quán Bà
thoảng mơ màng, nhìn lại Lũng Cẩm Trên
bóng hương hoa, em cười bên nương đá
ánh trời vàng vừa chợt hé cửa chào

12

bước thênh thang giữa thôn làng

Lũng Khúy

*vách đá treo, vang lên khúc đàn trời
muôn sắc hình dưới áo màu nhũ thạch
em dịu dàng, đưa lối vào cơn mơ*

13

hoa nở đẹp theo từng mùa trở giấc
dáng hình em bên cánh gió gieo hương
Tam Giác Mạch dú nhau vào cảnh sắc
khóm đá vàng, rừng cỏ bát ngát thơ

14

*hạt lúa thơm trên cánh đồng rực nắng
ruộng bậc thang như nét vẽ vào lòng
mây lại gần ngõ chùng hôn đèo vắng
gió chiều vương, bay nhẹ giữa Đồng Văn*

15

tình mê say trên con đường xoáy dốc
Mã Pí Lèng, nhớ mãi vách núi cao
giữa vàng trời, ngát ngát miền sơn dã
mây trên tay, theo gió vẽ muôn màu

16

*em ngơ ngẩn chốn quê nhà Mèo Vạc
anh trở về tìm lại tuổi xa xưa
ngọn thác Tiên reo mình trên sóng nhạc
chiều Hà Giang, rừng đá nở hương hoa*

17

biển sương mờ đang về trên Khau Pha
gió lá loi theo từng đợt sóng gầy
làm nhớ mãi nụ cười em thương gửi
mây trời xanh, kỷ niệm đã vương đầy

18

*vòng tay ấm chiều nay Mù Cang Chải
tình ngây ngơ khi em đã trao thề
bờ dĩ vãng vẫn vương ngày thơ dại
chợt trở về trên miền núi Rẻo Cao*

19

bên Suối Giàng, mây là đà xuống thấp
nhịp nhàng bay theo từng ráng khói chiều
mình có nhau như thuở nào đã gặp
cánh đồng thơ trên môi mắt Mường Lò

20

*hồ Thác Bà trăm năm còn reo mộng
nụ hôn nồng nở mãi mặt trời hoa
mây trắng mỏng theo nắng vờn soi bóng
dáng hình em bên dòng suối Bản Chao*

21

chiều Yên Bái, anh về thăm gió núi
trên bàn tay là một biển tình mây
miền sơn cước, Ngòi Tu trao điệu hát
du âm vang, vẫn còn mãi đắm say

22

*Mộc Châu đầy, hừng đông còn sương ngát
dập dờn trôi, con suối nước mơ màng
tháng ngày qua, em trở về huyền thoại
Dải Yếm xưa có tên gọi thác Nàng*

23

sóng chè xanh trái dài như biển lạ
nụ cười hồng cũng nhỏ lệ long lanh
chiều kỷ niệm trên vành mây Ngũ Động
tình đẹp ngời như chữ S trong tranh

24

*miền Sơn La, khói lam chiều soi bóng
nét bình bông đẹp mãi với duyên xưa
gió đông đưa làm xanh vời Bản Áng
giữa núi rừng còn óng ánh làn mưa*

25

động Sa Lai, viên ngọc châu rồng thả
dốc Thung Khe lên cao mãi nắng chiều
màu tím biếc cả một trời nhưng nhớ
đóa hoa Ban còn nở trắng tình yêu

26

*ngày nắng sớm, ghé lên vùng biên giới
đến Điện Biên là đến với núi rừng
lời gió nhắn, anh ru tình mong đợi
thương em nhiều trên từng nhánh
Mường Phăng*

27

là ngã say một vài ly Sầu Chít
bên cánh Đào giữa hồ nước Pá Khoang
em trao tay vào vòng thương dúi dít
hoa mặt trời cũng rộ nở yêu đương

28

*chiều Lai Châu, mưa dạt dào trong gió
từng giọt rơi nhẹ nhẹ xuống giữa đời
cuối trời xưa, Tây Bắc mờ sương ảo
thác Tác Tình trắng xóa cõi hoa mơ*

29

hạt nước rơi như trái tim tình lỡ
tiếng đập dồn kể lẽ chuyện xa xưa
nàng Nở Lan và chàng trai thổi sáo
đur điệu buồn vang mãi trong gió mưa

30

*chiều nhẹ xuống, lang thang miền
Tam Đảo
nhìn mây xanh, mơ ước chiếc hôn nồng
gió mênh mang làm suối hồ ngơ ngáo
mai xa rồi, còn nhớ mãi Thái Nguyên*

31

đảo Núi Cái, chiều nay mình ghé lại
chùa Thác Vàng, xin khẩn nguyện lời xưa
theo gió gọi, tìm vào hang Huyền Thoại
Ba Cây Thông đứng đợi người dưới mưa

32

*đêm tình si mơ màng theo Nhạc Nước
trái tim yêu trên đôi cánh thơ vàng
hồ Núi Cốc giữa mênh mộng bờ nhớ
dòng sông Công, ngân lệ ướt dịu dàng*

33

chiều Tuyên Quang, ghé thăm miền
son cước

hồ Na Hang tuyệt đẹp giữa núi rừng
óng ả xanh như mây trời tha thướt
đệt một làn thơ mộng dưới nắng say

34

*động Song Long, cánh rồng bay huyễn ảo
muôn sắc màu lấp lánh đóa hoa cương
nẻo thiên thai trái dài trên lối đạo
thạch nhũ treo, kỳ thú những dạng hình*

35

suối Mỹ Lâm, con dốc quanh sườn núi
đưa em về với tiếng hát bình yên
hồn thanh thân trôi theo làn nước ấm
ở giữa đời như lạc vào cõi riêng

36

*núi Pắc Tạ nhìn giống loài voi quý
đang say sưa bên nậm rượu hữu tình
dáng uy nghiêm dưới vầng mây ẩn hiện
mặt trời xanh trên sóng nước lung linh*

37

bóng cây Đa bên thôn làng Tân Lập
dưới tàng cây, ánh mát đến dịu dàng
buổi chiều nay, nhìn thấy em thơ dại
thác Bản Ba, hoa nở giữa đại ngàn

38

*sáng mai này theo biển sông trở lại
tình quê hương vẫn còn mãi bên nhau
miền xứ Lạng, về đây năm tháng nhớ
ở trong anh cho đến kiếp đời sau*

39

động Tam Thanh, cho nhau vòng tay ấm
em gửi trao kỷ niệm đã đông đầy
ngón tay thương trên bờ vai dĩ vãng
giữa cổng trời, anh vẽ cánh thơ mây

40

*chiều ghé lại cõi sương mờ Tô Thị
hòn Vọng Phu ghi lại những nét buồn
người hóa đá đứng chờ trăm năm nhớ
giọt lệ gầy trên thảm cỏ hoàng hôn*

41

chợ Kỳ Lừa vẫn còn chưa đóng cửa
màn đêm khuya, nhẹ phủ xuống cơn mưa
người tha phương giữa dòng đời sướt mướt
mắt lệ nhòa, ai hỏi ai về chưa

42

*sông nước cũ trôi về nương Khe Chảo
tháng ngày thương giữa bờ bến mênh
mông*

*đời ân nghĩa vẫn còn say mộng nhớ
tình quê hương, anh giữ mãi vào lòng*

43

hồ Cẩm Sơn một cõi trời nước biếc
Bắc Giang em vẫn đẹp nét cổ xưa
làng Thổ Hà, áo Tứ Thân nghiêng gió
nón Ba Tầm che mắt ướt trong mưa

44

*cành lá xanh, cây Dã Hương nghìn tuổi
ai nhớ ai bên chén rượu Vân Hà
yêu em nhiều để đời không tiếc nuôi
giọt lệ thương lóng lánh suối Nước Vàng
(còn tiếp)*

TRƯỜNG ĐÌNH



BA BỘ LUẬT CỔ KHẮC TRÊN ĐÁ

** TP Nguyễn Văn Thành23 **

Về nghệ thuật trong luật pháp theo các nhà sử học danh tiếng như Ephraim hay Louis Blom-Cooper, luật pháp đi xa hơn nghệ thuật và văn học vì phải đề cập tới tất cả khía cạnh đời sống hàng ngày của người dân trong xã hội, qua mọi thời đại, để giải quyết một cách thỏa đáng những sự xung đột về quyền lợi tương phản giữa cá nhân với cá nhân hay cá nhân với tập thể, nên đã tạo ra một kho tàng nghệ thuật và văn học mà ít khi ta để ý tới.

1- Nếu không có sự tranh chấp quyền lợi căn bản của con người diễn ra không ngừng từ thời xã hội hình thành trên trái đất cho đến ngày nay, như đêm nối tiếp ngày, thì chắc rằng xã hội không còn cần tới luật pháp nữa. Xã hội ngày càng thay đổi lại càng cần tới luật pháp. May mắn thay khi luật pháp thay đổi, xã hội cũng đổi thay theo. Do đó, ta học được, trong luật và về luật, biết bao chi tiết thật hữu ích, thích thú và rung động, về đời sống thực của tất cả mọi người trong xã hội chúng ta cũng như xã hội thuộc các dân tộc khác, bất cứ ở đâu, bất kỳ thời gian nào.

2- Trái lại, các nhà nghệ thuật và văn học không làm nhiệm vụ như luật quy định ở trên. Đó là lãnh vực chuyên biệt của các nhà luật học. Nhưng các nhà nghệ thuật cũng như văn học vẫn có thể đề cập tới mọi đề tài về luật, miễn sao có điều kiện, các sự kiện và cung cách nào đó có thể tưởng tượng được rút ra các câu chuyện rung cảm trong đời sống thực của con người qua các vụ án nằm

trong bi kịch của luật, để sáng tác tỷ như các tác phẩm nghệ thuật về hội họa hay điêu khắc của Giotto Michelangelo, Tintoretto, Rubens và Doré được nhắc nhở khá nhiều trong sử luật. Ngoài các nghệ sĩ tên tuổi vừa đề cập ở trên, cũng còn có một số nghệ sĩ ẩn danh tặng nhiều tác phẩm nghệ thuật vào các Viện Bảo Tàng, đặc biệt ở các thuộc địa cũ minh mông của Đế quốc Anh và Pháp. Các xứ nằm trong sự đô hộ của hai Đế quốc này đều chịu ảnh hưởng của Luật Anh-Cát Lợi thường được gọi Luật Nhật-nhĩ-man hay Hồng Mao (AngloSaxon) và Luật La-Hy (Greco-Roman) ở lục địa Âu Châu, được hợp nhất gọi chung là Luật Tây Phương (Western law) do mẫu quốc du nhập vào nước của họ, trong đó có Việt Nam của chúng ta.

Dựa vào các sự nhận xét của các nhà khảo luật, có thể liệt tác phẩm hiếm quý “Luật Một Kho Tàng của Nghệ Thuật và Văn Học” (LAW A Treasury of Art and Literature - Edited by Sara Robbins), là bộ sách có tranh ảnh nhiều nhất (gần 200 tranh ảnh) miêu tả khá đầy đủ về nghệ thuật và văn học trong luật pháp. Các nghệ sĩ thường dựa vào nguồn tài liệu phong phú, đa dạng trong Cổ Luật và các vụ án lớn nhất trải qua bao thời đại để lấy chất liệu sáng tạo ra nhiều tác phẩm nghệ thuật lừng danh được trưng bày tại các Viện Bảo Tàng khắp nơi trên thế giới.

Với phạm vi một bài viết có giới hạn, chúng tôi sẽ chọn lọc một số tranh ảnh tiêu biểu nhất hoặc lướt qua vài truyện

minh họa nằm trong chủ đề luật pháp, kể từ khi hai Bộ Luật cổ nhất của nhân loại được khám phá ra vào khoảng 2.000 năm trước Công Nguyên và các Bộ Luật sau tiếp nối cho đến thế kỷ 20.

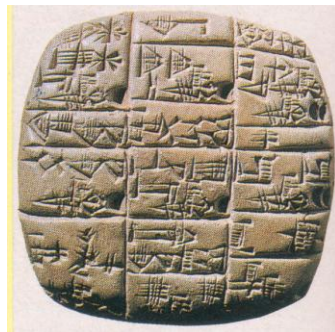
BỘ LUẬT LIPIT-ISHTAR (1)

Các nhà khảo cổ học đã khám phá ra Bộ Luật Lipit-Ishtar vào năm 1930 tại Nippur, cổ thành ở Đông Nam Babylon, một trung tâm tôn giáo với các kiến trúc đồ sộ cổ kính nổi tiếng trên thế giới. Đây là cái nôi của thuật điêu khắc trên đá, trên bia, hình chạm nổi và tạc tượng, nay là Niffer về hướng Đông Nam Cộng Hòa Iraq, cách thủ đô Bá Đa (Baghdad) 160 cây số.

Bộ luật trên được khắc trên đá vào thời nhà thông thái Lipit-Ishtar cai trị cổ thành Isin từ 1868-1857 trước Công nguyên, bằng tiếng Sumerian với hơn 350 ký hiệu khác nhau. Tiếng này được phát minh khoảng 4.000 năm trước Công Nguyên ở Sumer nằm trong hạ lưu sông Euphrates, Iraq, đánh dấu một khúc quanh rất quan trọng trong lịch sử của nền văn minh, đã giúp con người truyền đạt tư tưởng và cho đến nay vẫn chưa có phương tiện truyền thông nào có thể thay thế được.

(Bộ Luật Lipit Ishtar khắc trên 4 tấm đá bằng tiếng Sumerian có hình cái đỉnh được gọi chữ nôm, hiện trưng bày tại Viện Bảo Tàng Đại Học Pennsylvania, Philadelphia, Hoa Kỳ)

Tiếng Sumerian được nhiều nền văn minh khác sử dụng mãi cho đến thế kỷ thứ nhất sau Công Nguyên thì bị thay thế bằng văn tự của Đế Quốc hùng mạnh

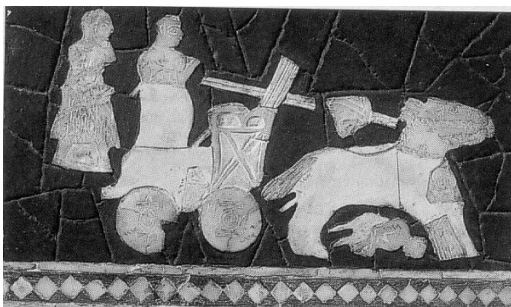


(Hình Chữ nôm người Sumer dùng để tính toán)

Akkad thống trị vùng Mesopotamia và các chư hầu, nay là một phần lớn thuộc lãnh thổ Iraq.

Chính tại nơi trên, người Sumer đã sáng lập ra nền văn minh cổ đại đầu tiên ở lưu vực Lưỡng Hà (sông Tigris dài 1.690 cây số và sông Euphrates dài 2.780 cây số, đều bắt nguồn từ Thổ Nhĩ Kỳ, chảy qua nhiều ngã đi vào lãnh thổ Iraq, nhập lại tại Chatt al-Arab, gần Thủ Đô Baghdad, rồi đổ ra vịnh Ba Tư) được gọi là nền văn minh Sumeria, nổi tiếng nhất trên thế giới. Các Đế quốc hùng mạnh như Akkad, Amorites, Elamites, Babylonia và Assyria xâm chiếm vùng Mesopotamia, chia cắt ra từng mảnh nhưng vẫn duy trì nền văn hóa của người Sumer cho đến nay vẫn còn ảnh hưởng tại Trung Đông.

Ngoài sự phát minh ra chữ viết, người Sumer còn sáng tạo ra bánh xe, lịch và toán. Theo sử gia Cao Thế Dung, “Bá-Đa (Baghdad) từ thế kỷ thứ 8 được coi là kinh thành ánh sáng của thi ca, văn học, nghệ thuật Lưỡng Hà, cổ kính bậc nhất trên thế giới cách đây khoảng 5.000 năm”.



(Bánh xe quay: Bánh xe gỗ chuyển động vòng mở một trang sử mới về nghề làm đồ gốm, ống sành xây ống khói...

Sau này bánh xe được biến cải có nan hoa, 2.000 năm trước Công Nguyên, ráp vào các loại xe hai bánh, bốn bánh dùng để chuyên chở vật liệu và nông phẩm trong công việc đồng áng cũng như quân trang và vũ khí trong các trận mạc giữa các đế quốc tranh chấp triền miên vùng Mesopotamia vậy.)

Các điều khoản quy định trong Luật Lipit-Ishtar

Bộ Cổ Luật Lipit-Ishtar viết bằng tiếng Sumerian đánh dấu một hệ thống pháp lý sớm nhất được ban hành khoảng 2.000 năm trước Công Nguyên. Theo các nhà khảo cổ học, có thể còn khá nhiều tài liệu đề cập tới xã hội vào thời đại đó như về kinh tế, chính trị, tôn giáo hay luật pháp khắc trên gỗ, xương, ngà đã bị mối mọt đục, chiến tranh liên miên và thời tiết khắc nghiệt tàn phá, nay chỉ còn phế tích tại Sumeria. Công việc tìm kiếm kéo dài trên một thế kỷ và nay vẫn còn tiếp tục.

Xin trích một vài điều khoản chính được quy định trong Bộ Luật trên:

- Nếu người nào thuê con bò mà gây hư hại mắt nó sẽ phải trả nửa giá tiền của con bò.

- Nếu người nào thuê con bò và gây thương tích ở mũi nó, sẽ phải trả một phần ba giá tiền của con bò

- Nếu người nào thuê con bò và làm gãy sừng của nó, sẽ phải trả một phần tư giá tiền của con bò.

- Nếu người nào chặt cây trong vườn của người khác, sẽ bị phạt một nửa đồng mina bạc.

- Nếu người nào vào vườn cây ăn quả (thường rào kín) của người khác để lấy trộm, sẽ bị phạt phải trả 10 đồng Shekels bạc.

Đọc các điều cổ luật trên, ta thấy người Sumer đã phải đối đầu với những vấn đề thực tế trong đời sống đầy cam go thường nhật của họ vào 2.000 năm trước Công Nguyên. Con bò được luật pháp bảo vệ chặt chẽ vì con vật hữu ích đó đã giúp người dân canh tác, chuyên chở không những sinh lời mà còn cung cấp thực phẩm thiết yếu cho người dân nữa.

Sự quy định phạt kẻ nào vào vườn cây ăn quả của người khác để lấy trộm hay chặt cây, cho thấy người dân đã có quyền tư hữu từ thời đó.

Tóm lại, Cổ Luật Lipit-Ishtar đã có công xây dựng một hệ thống pháp lý đầu

tiên trong lịch sử nhưng chưa hoàn chỉnh bằng Cổ Luật nổi tiếng sau.

BỘ LUẬT HAMMURABI (2)

Bộ Luật Hammurabi được khắc trên đá hoa cương màu đen vào thời Hoàng Đế Hammurabi thành lập Đế Quốc Babylonia trị vì từ 1792 đến năm 1750 trước Công Nguyên. Chiều cao trụ đá khoảng 88” (2 thước 23), đường kính gần 2 thước. Mặt trước trụ đá khắc hình mặt trời ở trên và 1 vị thần Công Lý (tay mặt) ngồi trên ngai vàng trao Bộ Luật Hammurabi cho Hoàng Đế Hammurabi đứng (tay trái). Trụ đá Hammurabi được tàng trữ tại Viện Bảo Tàng Louvre, Ba Lê, Pháp Quốc.

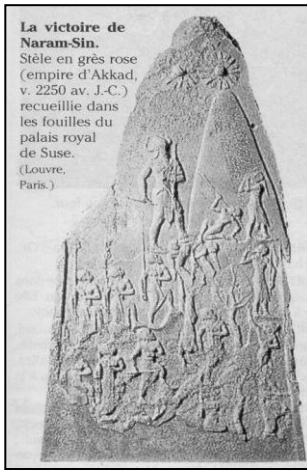


Khám Phá

Các nhà khảo cổ học Pháp đã tìm thấy Bộ Luật Hammurabi viết bằng tiếng Akkadian vào năm 1901 tại Cổ thành hoang phế Susa về hướng Tây Nam Ba Tư (Iran).

Ta thấy bộ Luật Lipit Ishtar viết bằng tiếng Sumerian (1868-1857) trước Công Nguyên, trái lại Bộ Luật Hammurabi viết bằng tiếng Akkadian (1792-1750 trước Công Nguyên). Sự thay đổi chữ viết đó nằm trong các lý do sau: Đế quốc Akkad chấm dứt triều đại Sumer và thống nhất Mesopotamia rộng lớn đến tận bờ biển Địa Trung Hải vào năm 2350 đến năm 2160 trước Công Nguyên. Bắt đầu từ đó, tiếng Akkadian của Đế Quốc thắng trận được sử dụng để thay thế văn tự của người Sumer đã phát minh khoảng 4.000 năm trước Công Nguyên. Sau này, đế quốc Akkad suy yếu dần và sụp đổ, bộ tộc Amorites chiếm Mesopotamia và lập ra triều đại Amorites. Hoàng Đế thứ 6 tài giỏi nhất của người Amorites là Hammurabi trị vì từ năm 1792 đến năm 1750 trước Công Nguyên đã thành lập đế Quốc Babylonia hùng mạnh và biên soạn ra bộ luật hoàn chỉnh nhất, vào thời đại đó, được gọi Bộ Luật Hammurabi.

a- Đế quốc Akkad sụp đổ nhưng đã để lại một trong những chiến thắng lẫy lừng nhất được khắc trên bia làm bằng sa thạch màu hồng, tìm thấy ở cung điện vua Akkad ở Susa, Ba Tư (2250 trước Công Nguyên)



(Vua Akkad đã sát nhập miền Bắc Syria vào Mesopotamia – Tấm bia sa thạch trên hiện tàng trữ tại Bảo Tàng Viện Louvre, Ba Lê, Pháp.)

b- Triều đại thứ II và III của người Our hay Ur đã chấm dứt sự cai trị của Đế quốc Akkad tại toàn vùng Mesopotamia (2111-2003 trước Công Nguyên). Nhưng sau đó Đế Quốc Our bị hai bộ tộc Amorites và Elamites đánh bại. Cuối cùng bộ tộc Amortites mạnh nhất do Hoàng Đế Hammurabi người Amorites cầm đầu đã thống nhất Mesopotamia lập ra Đế Quốc Babylonia hùng mạnh như đã trình bày ở trên.

c- Tóm tắt vài điều khoản qui định trong Cổ Luật Hammurabi:

Bộ Luật nổi tiếng và hoàn chỉnh nhất lấy tên Hammurabi, vua cổ thành Babylon vào thế kỷ 18 trước Công Nguyên. Đây là nền tảng thiết lập hệ

thống pháp lý đầu tiên quy định rất chi tiết gồm 282 điều về luật tố tụng, luật gia đình, dân sự và hình sự.

Xin trích vài điều khoản:

- Nếu pháp quan nào đã tuyên án và sau đó, lại hủy bỏ bản án do mình đã tuyên, sẽ bị bãi chức.

- Nếu người nào bẻ gãy xương của người khác sẽ thấy xương của mình cũng bẻ gãy như thế.

- Nếu người nào nhổ răng của một người khác sẽ thấy răng của mình cũng bị bẻ gãy như thế.

- Nếu người nào đánh chết một người khác, mặc dầu kẻ đó là ai, sẽ bị xử tử hình.

- Nếu vợ chính thức của người nào bị bắt đang nằm với người đàn ông khác, cả hai sẽ bị trói và ném xuống nước.

- Nếu người (đàn ông) nào sau khi cha chết, nằm trong lòng mẹ, sẽ bị thiêu chết cùng với người mẹ.

- Nếu một người nào tố giác một người khác về tội sát nhân nhưng Tòa không có bằng chứng để kết tội người đó được, sẽ bị xử tử hình..

Đọc qua các điều luật trên, ta thấy Luật Hammurabi bắt nguồn từ tôn giáo và phong tục tập quán đã áp dụng nguyên tắc sau:

- Mạng đền mạng
- Mắt đền mắt
- Răng đền răng
- Xương đền xương

Tóm lại, tên tuổi của Hoàng Đế Hammurabi cho đến nay vẫn được nhắc nhở về việc biên soạn Bộ Cổ Luật nổi tiếng mang tên Hammurabi rất có ích lợi cho ngành sử luật và khảo cổ học. Luật này được giảng dạy tại các Đại Học Luật Khoa khắp nơi trên thế giới.

BỘ LUẬT MOSES (3)

Kinh Thánh Cựu Ước và The Apocrypha

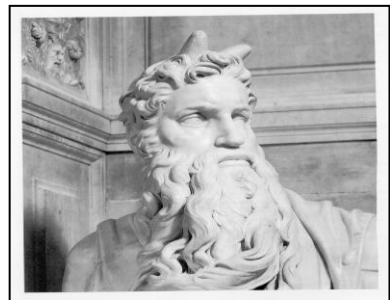
Bộ Cổ Luật Do Thái do Moses biên soạn vào thế kỷ 13 trước Công Nguyên, đã ảnh hưởng thật đáng kể vào sự phát triển nền văn minh Tây Phương và lại được bổ sung bởi các truyện chọn lọc trong Kinh Thánh Cựu Ước được coi như một phần di sản của chúng ta vậy. Các truyện như Cain và Abel, vua Solomon xử án cùng Susanna và các Trường Lão đặt ra những vấn đề pháp lý liên quan tới hành động thực tế trong đời sống của con người và đề ra một khía cạnh triết lý của từng truyện. Những sự kiện xúc động trong các truyện đó nằm trong bi kịch của luật vẫn lôi cuốn người đọc mà còn là nguồn cảm hứng cho biết bao nhà nghệ thuật sáng tác ra nhiều tác phẩm được tàng trữ trong các bảo tàng viện lừng danh trên thế giới.

Những vấn đề như cá nhân vô tội hay có tội đã được thảo luận từ thời cổ xưa. Tội lỗi cá nhân được hiểu theo ý nghĩa nào? Hay sự vô tội của con người được

giải thích ra sao? Kể từ khi Adam và Eve bị trục xuất khỏi vườn địa đàng Eden, vấn đề đó đã được nêu lên và cho đến nay vẫn còn được đặt ra trong các phiên xử và lương tâm của con người. Trải qua hàng ngàn năm, ở thế kỷ 21 này, ta đã thấy các cuộc tranh luận sôi nổi trên thế giới về đề tài “nên bãi bỏ hay duy trì án tử hình” vẫn chưa tìm được câu trả lời dứt khoát.

Văn hào Pháp Albert Camus viết trong tác phẩm “Hồi ức về máy chém Guillotine” (Reflections on the Guillotine) kêu gọi các nhà làm luật khi đưa ra những hình phạt quá khắc nghiệt hãy rút ra những bài học của người xưa về tinh thần nhân đạo, yêu chuộng công lý và dân chủ.

Bộ Luật Moses



(Tác phẩm Moses của điêu khắc gia Ý Michelangelo Buonarroti (1515) bảo tồn tại Giáo Đường San Pietro in Vincoli, Rome. Đá hoa, chiều cao khoảng 8'4" - 2 thước 54 phân. Nhà điêu khắc Michelangelo còn là Họa Sĩ, Kiến Trúc Sư và Thi Sĩ (1475-1564).)

Luật Do Thái, tiêu biểu là Bộ Luật Môi-Se xuất hiện vào thế kỷ 13 trước Công Nguyên, được quy định chính yếu trong Năm Sách đầu của Môi-Se trong Kinh Cựu Ước gọi là Sáng Thế Ký (Pentateuch). Luật Môi-Se chính yếu được phân chia ra ba loại:

Sự quan hệ giữa cá nhân với cá nhân, cá nhân với quốc gia và cá nhân đối với Thượng Đế.

Những điều qui định trong Bộ Cổ Luật Môi-Se khá phong phú như:

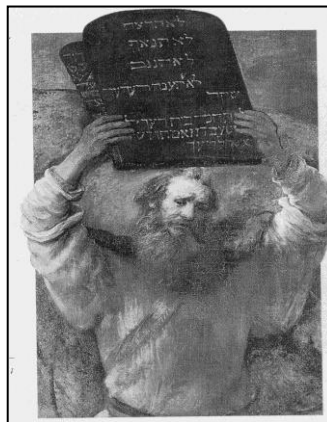
- Luật về tang chế
- Phạt tiền tri giả
- Phạt tội tà thần
- Sự lập giao ước
- Lời hứa và sự hăm dọa
- Kết hôn
- Quyền trưởng tử
- Trừng trị các con bội nghịch
- Luật về đánh đòn

Về tội đại hình, nguyên tắc quan trọng được áp dụng:

Mạng đền mạng /. Tay đền tay /.
Chân đền chân

Bộ Luật Môi-Se đích thực là văn kiện lập pháp đầu tiên được thảo ra và làm lu mờ tất cả các luật trước vì chứa đựng tinh thần nhân đạo, yêu chuộng công lý và dân chủ. Luật lệ của Môi-Se minh định những quyền của cá nhân không bao giờ bị lệ thuộc vào nhu cầu của nhà nước. Người dân có thể làm bất cứ điều gì nếu không bị luật minh thị cấm đoán.

Do đó, ta thấy cấu trúc thượng tầng của Luật Môi-Se đã tạo những điều kiện thuận lợi cho sự xuất hiện một hình thức dân chủ trong chính quyền bền vững suốt 8 thế kỷ.



(Moses với những tấm đá khắc Mười Điều Răn. 1650. Bức họa sơn dầu trên vải bố. Khổ 65 3/4 x 53" (167x 135 phân tây). Tàng trữ tại Bảo tàng viện Preussischer Kulturbesitz, Bá Linh, Đức Quốc)

Ngoài ra, Luật Môi-Se đã đặt ra những nguyên tắc đầu tiên về sự phân lập giữa tôn giáo và nhà nước hay thần quyền với thế quyền. Mặc dầu giới giáo sĩ có quyền giải quyết các vụ tranh tụng không được quy định ở Bộ Luật Môi-Se nhưng không thể đứng trên chính quyền dân sự (Sách Thứ Năm chương 17: đoạn 8 đến 12-Deuteronomy).

Không những vậy, giới giáo sĩ còn có trách nhiệm phải bảo vệ chính quyền đó trong khuôn khổ luật pháp Môi-Se cũng

giống như Tối Cao Pháp Viện Hoa Kỳ không thể ở trên chính quyền liên bang mà cũng có trách nhiệm giữ chính quyền đó trong khuôn khổ của Hiến Pháp vậy. Môi-Se cũng đặt ra nền móng của sự phân quyền khác rất cần thiết cho bất cứ một nền dân chủ nào. Đó là sự độc lập của ngành tư pháp.

Hiện nay, ở thế kỷ 21 này, còn có rất nhiều nước trên thế giới, ngoại trừ các nước văn minh theo chế độ dân chủ pháp trị, đang đối đầu để giải quyết những vấn đề pháp lý mà Môi-Se đã đặt ra để áp dụng trên 3.000 năm nay.

Tiếp theo Bộ Luật Môi-Se, ta thấy các luật gia lỗi lạc đã đóng góp liên tục những công trình nghiên cứu cực kỳ quan trọng vào sự phát triển luật pháp Tây Phương ảnh hưởng mạnh mẽ khắp nơi trên thế giới, đặc biệt đối với thuộc địa của Anh và Pháp.

Mặc dầu Pháp bị ảnh hưởng luật La Mã, nhưng nước Pháp rất tự hào có Bộ Luật Nã Phá Luân (Napoleonic code) tác động cực mạnh vào hệ thống pháp lý trên khắp thế giới. Bộ Luật gồm có Dân Luật (1804), Luật Dân Sự Tố Tụng (1806), Luật Thương Mại và Luật Hình Sự Tố Tụng (1808), và Hình Luật (1811). Với văn phong pháp lý tuyệt hảo, các bộ luật trên được coi như một kho tàng của luật pháp và văn học.

VƯỜN ĐỊA ĐÀNG EDEN (4)

Phóng viên báo chí theo quân đội Hoàng Gia Anh hành quân vào thị trấn Al Qurna (tháng 4 năm 2003) về miền Nam Iraq, đã gặp các trẻ em rách rưới chạy từ các cánh đồng tơi, thường vác các khúc gỗ về làm củi hay đội thùng nước trên đầu, trong khi những người già trong làng chờ ở ngã tư để hoan hô đoàn xe.

Trả lời cuộc phỏng vấn của các phóng viên, Giáo sư Anh Ngữ Qassem Khalif nói, “Một thời chúng tôi tin đây là mảnh đất thiên đàng trên mặt đất. Mỗi thế hệ đều được dạy rằng đây thực sự là Vườn Địa Đàng và đây là Cây Adam. Cây Khuynh Diệp linh thánh đó (Eucalyptus) còn dịch là cây bạch đàn - nơi người ta gọi là cây Adam, bây giờ thì đứng đó, trắng bóc, và chết cứng ngắt.

Giáo sư Anh Ngữ Khalif nói tiếp, “Bây giờ chỉ là mảnh đất hoang tàn từ nhiều cuộc chiến trong các thập niên vừa qua. Phía dưới Vườn Địa Đàng là vùng đầm lầy bị ô nhiễm với đủ thứ rác thành thị, nơi trẻ em nghịch phá và bơi lội.”

“Quý vị hãy nhìn xem các thứ còn lại. Thật là thảm kịch. Chúng tôi cảm thấy xấu hổ vì chúng tôi là người giữ gìn Vườn. Hy vọng chân thành của chúng tôi là khi hòa bình tới, dân chúng khắp thế giới sẽ tới đây cầu nguyện nơi cây của Adam.”

Vào năm 2000, Liên Hiệp Quốc đưa ra kế hoạch trùng tu Vườn Eden, kêu gọi các quốc gia hội viên gửi các nhà khoa học, sinh thái học và viện trợ tài chính để thực hiện kế hoạch trên. Công việc khôi phục Vườn Eden đang tiến hành tại miền Nam Iraq, nơi cư ngụ của hơn 250.000 thổ dân Madan, hay còn được gọi dân Ả Rập Đầm Lầy (Marsh Arabs), hậu duệ của người Sumerian đã từng thiết lập nền văn minh đầu tiên của loài người trên 5.000 năm tại đây.

Nhiều học giả về Kinh Thánh tin là Vườn Địa Đàng nằm đâu đó ở miền Nam Iraq ngày nay. Ngoài truyền thuyết này, Iraq còn được cả thế giới biết đến vì chính là chiếc nôi của nhiều nền văn minh cổ đại Tây Á. Nơi đã phát minh ra chữ viết, bánh xe, lịch và toán học. Nơi nổi tiếng về những cung điện đồ sộ và tráng lệ dành cho các vua chúa, về kinh thành ánh sáng Bá-Đa (Baghdad) của văn học nghệ thuật, về vườn treo Babylon được xếp một trong bảy kỳ quan trên thế giới... Quả đất nước Iraq thật xứng đáng mệnh danh là xứ “Ngàn Lẻ Một Đêm” vậy.

Trong bài viết này, chúng tôi đã trình bày phần tóm tắt ba Bộ Luật Cổ. Vài truyện minh họa sẽ được trình bày sau gồm:

- “Vụ án Cain giết Abel”,
- “Vua Solomon xử kiện”
- “Susanna và các Trưởng Lão”.

Truyện Cain và Abel, phán xét của vua Solomon cùng Susanna và các trưởng lão đặt ra những vấn đề pháp lý liên quan mật thiết tới quyền lợi căn bản của con người và đặc biệt đề ra một khía

ạnh triết lý của từng truyện. Những vấn đề cá nhân vô tội hay có tội đã được thảo luận từ thời cổ xưa. Tội lỗi cá nhân được hiểu theo ý nghĩa nào? Kể từ khi Adam và Eve bị trục xuất khỏi vườn địa đàng Eden, vấn đề đó đã được nêu ra và cho đến tận ngày nay hãy còn được nhắc nhở trong các phiên xử và trong lương tâm của con người.

Cũng như có nên duy trì án tử hình hay bãi bỏ? Ngay những điều quy định trong Bộ Luật Môi-Se như “mạng đền mạng” không phải lúc nào cũng áp dụng hình phạt đó. Cain giết em chỉ bị xử phạt lưu đày thể hiện tinh thần nhân đạo đối với hình phạt quá khắc nghiệt. Ngày nay cũng vậy, có nhiều nước Âu Châu bãi bỏ án tử hình nhưng phần đông các Châu khác vẫn duy trì hình phạt đó. Vấn đề vừa đề cập được đưa ra bàn cãi từ ngàn xưa và cho đến nay hãy còn là đề tài được tranh luận sôi nổi chưa có câu trả lời dứt khoát.

TP Nguyễn Văn Thành²³

Chú thích:

(1, 2) Ancient Beginnings - From The Code of Lipit Ishtar- The Code of Hammurabi- Law: A treasury of Art and Literature edited by Sara Robbins.

(3) Max I. Dimont - From Jews, God and History- On Mosaic Law.

(4) Tài liệu tham khảo và trích: Bản tin AFP đăng ở báo Thương Mại Miền Đông số 526, Báo Le Monde và The Washington Post ngày 28/04/2003 mang tựa đề: “Back to Eden: Restoring the Marshes of Iraq”

THƠ XƯƠNG HỌA MÙA THU

Bài xương:

TRỜI VÀO THU

*Tuổi trời thắm thoát đã vào Thu
Rừng lá vàng rơi dệt mộng mơ
Dĩ vãng đã qua nào tiếc nuôi
Trương lai chưa tới há mong chờ
Vuốt làn tóc bạc khơi thi hứng
Xoa nếp da nhăn gợi tí thơ
Nở đóa hoa lòng vui hiện tại
Thong dong ta nhẹ bước vân du.*

Tâm Minh Ngô Tăng Giao

Bài họa 2:

TÌNH THU

Xuân Hạ qua rồi nay đón Thu
Cứ vui như thể lúc đang mơ:
Anh về theo gió lòng xao xuyến,
Em đứng bên song dạ ngóng chờ.
Vài chiếc lá vàng bao ý nhị,
Một làn mây bạc rất nên thơ.
Đông sang còn hẹn nhiều tha thiết
Cho đỡ tủi buồn khi viễn du.

Nguyễn Phú Long



Bài họa 1:

MAN MÁC THU

Lãng đãng thời gian đếm bước thu
Hoàng hôn man mác đẹp như mơ
Lá vàng xao xác không nhưng nhớ
Gió lạnh hắt hiu chẳng đợi chờ
Kỷ niệm chôn sâu trang sách sử
Tâm tư khép kín áng văn thơ
Song khuya vương vãi trắng tơ bạc
Nhẹ cánh bay vào giấc mộng du.

Nguyễn Thị Ngọc Dung

Bài họa 4:

Ý THU

Khoảnh khắc này giao điểm ý thu
Nào ai ngỡ ngẩn lá vàng mơ
Đừng quên cây cỏ đang mong ngóng
Hãy nhớ người ta vẫn đợi chờ
Ngọn gió heo may run nét chữ
Mùa hoa cúc thắm họa bài thơ
Rượu mời chiếu trải thương đầu bạc
Đối ẩm đất trời chuyện lãng du.

Phan Khâm

KỂ PHẢN BỘI

* Ngọc-Cường *

Khi màn đêm bắt chợt buông xuống, bầu trời bỗng tối xảm bao trùm lên thành phố Westminster, thuộc Quận Cam, Nam Cali... Trong căn bếp nhỏ của một *housing rẻ tiền*, có ba người lính già đang vui vầy một cuộc hội ngộ. Họ ngồi nhậu quanh cái bàn tròn được kê sát cửa sổ nhìn ra một mảnh vườn, có trồng vài luống rau thơm, trông xanh mát, nhưng mọc nhiều nhất là mây bụi diếp cá, bên cạnh có vài nhóm húng cây và dăm cây tía tô đang mọc chen lấn cả ra lối đi bằng xi-măng.

Hẹn gặp nhau từ lúc xế chiều, bữa ăn bắt đầu từ khi nắng còn đượm một màu vàng óng-ả, chiếu xiên vào nhà, nhưng lúc này, bên ngoài trời đã tối. Thịnh thoảng có vài cơn gió từ phía biển tạt vào làm mát dịu căn bếp chật hẹp còn hâm hấp nóng của ngày Hè.

Vào lúc này, câu chuyện của ba người lính già đang ngụp lặn trong dĩ vãng, như họ đang cố tìm kiếm chút dư vị của một thời đã qua... nhưng một khi niềm vui chợt tới, và như hình liền với bóng, luôn kèm theo chút băng khuâng, xao xuyến, đã tự động kéo đến nhẹ nhàng không báo trước.

Đây là tầng chệt của một chung cư có hai tầng lầu và có nhiều lối ra vào từ đường cái, còn trái bếp nằm phía sau, ăn thông ra chỗ đậu xe cho cả khu nhà cũ kỹ rẻ

tiền. Do tiện lợi, nên bạn bè vẫn dùng lối này để vào nhà; và cũng chính nơi đây là chỗ Hưng và Loan dùng để tiếp khách. Họ biến phòng khách đằng trước thành chỗ ngủ cho vợ chồng, còn hai phòng ngủ lại dành cho mấy đứa cháu ngoại.

Trước kia là một sĩ quan *đề-lô* (1) của sư đoàn 22 Bộ Binh đóng ở cầu Bà Di Quy Nhơn, Hưng đang ngồi sát bếp để tiện đi lại phụ vợ lo đồ ăn tiếp khách. Đối diện với chủ nhà là Toàn, một cựu Trung Úy Hải Quân cư ngụ ở thành phố kế cận, là một người bạn luôn luôn được mời đến như sự hiện diện của anh là một trang sức không thể thiếu trong các cuộc nhậu nhẹt. Ngồi trong góc cạnh bên cửa sổ là Khanh, trước thuộc Đơn Vị 101 ngành Quân Báo QLVNCH.

Hung, Toàn và Khanh ở chung một Đội trong khoảng hơn một năm khi cùng bị giam ở Trại tù Long Giao. Sau đó, mỗi người bị đưa đi một nơi: Hưng ra Tuy Hòa, Toàn được về sớm, còn Khanh bắt gờ biên chế lên tàu ra tận ngoài Bắc.

Cách đây vài năm, từ ngày có hệ thống mạng internet và điện thư qua lại, những người lính cũ lưu lạc khắp nơi trên thế giới có cơ hội liên lạc với nhau. Nhận được tin Hưng và Toàn đang ở Nam Cali, Khanh từ Ohio qua thăm, và hôm nay là lần đầu tiên ba tên cựu tù gặp lại sau hơn mười năm xa cách.

Khi chuẩn bị cho đêm nay, Loan chỉ chú tâm làm một món gỏi gà, còn ngoài ra nàng chạy vội ra phố mua thêm nhiều món ở tiệm *com chí*. Thế mà bữa nhậu vẫn la liệt đồ ăn để kín trên mặt bàn, rồi cũng trở thành một bữa tiệc thịnh soạn đối với ba người lính già. Loan hăm hở làm món gà này vì mới học được cách luộc thịt gà sao cho vừa chín tới để cho được mềm, vì nấu hơi lâu là sẽ bở thịt. Nàng gián tiếp muốn thể hiện sự chu toàn bổn phận của một người vợ lính cũ, dù nghèo nhưng nội trợ cũng giỏi dang như ai, và như mọi lần, đang trông chờ lời khen của chồng và khách. Luôn đứng lên chạy qua chạy lại bên bếp để lo tiếp món ăn, trong khi chồng nói chuyện với bạn, nàng chỉ nghe trong yên lặng những câu chuyện của các ông, vì toàn là những kỷ niệm đời lính cũ và cảnh tù đây.

Về phần thức uống, Hưng dành phần lo: để bên dưới chân mình, ngay sát cạnh bàn, một cái cooler chứa ngập đá đầy nhóc chai Heineken, ngoài ra, còn dẫu kỹ vợ một chai Hennessy trên đầu tủ lạnh. Dù biết ba người khó uống hết 24 chai bia trong nội đêm nay, nhưng chàng vẫn muốn có dư còn hơn là thiếu, vì cốt để cho tự chính mình được an lòng, như để đền bù cho sự túng thiếu dai dẳng nhiều năm tháng bên nhà, từ lúc đi lính rồi vào tù; còn từ khi qua Mỹ này, hoàn cảnh tài chánh dù có đạm bạc so với người khác đi nữa, nhưng vẫn tự cho phép dư giả về mục ăn nhậu... Hưng đã tính sẵn trong đầu: Vào cuối bữa tiệc sẽ mở chai cognac để dành từ lâu cho dịp đặc biệt, như buổi hội ngộ đêm nay.

Qua định cư khi tuổi đã lớn, vợ chồng Hưng bung ra đi làm kiếm sống ngay, và từng trải qua nhiều nghề lao động, lương rất thấp, cho nên hôm nay phải dựa vào trợ cấp nhà và bảo hiểm sức khỏe của chính phủ. Năm ngoái, họ quyết định lãnh tiền già sớm để rảnh rang ở nhà trong nom mấy đứa cháu, phụ cho con gái đi làm nail. Trông cậy vào cái căn nhà housing rẻ tiền này, vợ chồng cũng thông thả đôi chút về chi phí tiền chợ và tiền xăng cho một chiếc Honda Accord ca khỗ, lại vừa mới hư máy lạnh...

Đang chăm rót bia cho hai người bạn, Hùng làm một cách ân cần như một người y tá tận tâm đang canh chừng thuốc men cho bệnh nhân. Nhưng thật ra, chính chàng là người uống nhiều nhất: Việc lo mời khách chỉ là cái cớ để tiện rót cho mình luôn!

Lúc bắt đầu mới vào tiệc thì cả ba cười nói âm ỹ, họ tranh nhau nhắc lại những kỷ niệm cũ trong tù. Còn bây giờ, sau khi ăn vừa no, uống cũng đã nhiều, câu chuyện bắt đầu thừa thớt... Đoán trước bữa tiệc sẽ còn kéo dài, Loan tự động đứng dậy chuyển bót chén bát và thức ăn dư qua bếp cho bàn được sạch sẽ gọn gàng.

Đã quen với những bữa nhậu của chồng cùng với các cựu sĩ quan hoặc bạn tù cũ, Loan thấy Hưng lúc nào cũng hào hứng nhắc những đến những chuyện xa xưa. Mặc dù đã nghe quen đến độ hầu như thuộc lòng hết những mẩu chuyện “tù cải tạo” của chồng, trong đó chuyện vui cũng có mà buồn thì nhiều. Lâu dần, nàng có cảm tưởng những câu chuyện kể của

chồng như là dĩ vãng của chính mình. Và mỗi khi nghe chồng kể lại, như đêm nay, Loan băng khuâng tự hỏi không hiểu rõ tại sao họ chẳng bao giờ nhằm chán khi nhắc cũng từng câu chuyện đó, làm như trước kia là tù nhân trong các trại giam, nay họ trở thành *tù nhân của quá khứ*: như thể thời gian qua là phần chính của đời họ, tương lai không đáng kể vì chẳng còn bao nhiêu nữa !

Nhìn chồng mặt đang đỏ bừng, đôi mắt trở nên hoạt bát và lanh lợi khác thường, nàng nghĩ rằng nhờ bia đã làm cho Hưng hứng khởi, bất ngờ như một đóm lửa bỗng vụt lóe sáng lên trong đồng tro tàn. Dù chưa hẳn đã già, nhưng trên đầu Hưng đã gần như hói. Nhìn mái tóc thưa thớt bạc trắng của chồng khiến Loan xao xuyến thấy rằng thời gian trôi quá mau, một khi không để ý đến, chớp mắt đã trở nên già... Bất chợt, nàng nhận rõ là tính tình của Hưng khác hẳn với Long, người chồng trước của nàng: Hưng bề ngoài thường ra vẻ nghiêm nghị khó khăn nhưng thực chất lại dễ chịu đến độ ngây ngô, còn Long trước kia vốn ít nói nhưng lại cứng đầu và thâm thúy... Nàng thoáng nhớ đến người chồng cũ và không ngờ đời mình có nhiều ngã rẽ, eo le như một tuồng cải lương nhưng đoạn cuối may mắn lại có hậu. Nàng mừng đã lấy được Hưng, vì không những thông cảm về quá khứ, mà còn thực tâm yêu thương và lo lắng cho đứa con gái riêng của vợ: Trải qua nhiều đoạn trường, nay nàng mới có hạnh phúc thật sự bên chồng con và cháu, ứng với lời một ông thầy bói tử vi đã tiên

đoán là nàng có hậu vận rất tốt, sau nhiều gian truân...

Từ giai đoạn đòi đời vừa qua, không ai có thể thoát được những cảnh ngộ chia lìa bi phẫn. Tâm sự con người dù nơi đâu và lúc nào cũng tương tự, như Nguyễn Du xưa đã than thở trong truyện Kiều “..*đã mang lấy nghiệp vào thân...*”

Lấy nhau ở trại tỵ nạn, hôn nhân của họ là bước thứ nhì của cả hai: Vợ trước của Hưng bỏ đi Mỹ theo gia đình bên ngoài từ trước tháng Tư năm 75, mang theo đứa con trai, trong khi Hưng còn kẹt trên Pleiku; ba năm sau bà đã lấy một người Mỹ. Còn chồng của Loan mất tích trong cuộc triệt thoái của Quân Đoàn II từ Pleiku rút xuống Phú Bổn. Mấy năm sau, khi biết anh đã tử trận, Loan mang con gái đi vượt biên và gặp Hưng trên đảo Galang. Cả hai đều đang trong tình trạng cô đơn, cần có nhau và phần cũng hợp tính, hai người dễ dàng nhanh chóng kết hợp, họ lấy nhau rồi nhập hộ và định cư ở Mỹ.

Không biết do hoàn cảnh đưa đẩy hay nhờ tình yêu ngấm ngấm đã khóa chặt họ vào với nhau?

Đôi lúc Hưng vẫn than thở với Loan là đã bị người vợ cũ *phản bội*, và tuy đau buồn ban đầu nhưng cũng nhờ vậy mà nay mừng là đã có Loan trong đời: Chuyện cũ ấy đã lâu nên không còn vương vấn chút nào... Ngày nay, vợ chồng Hưng - Loan vui vẻ tận hưởng cuộc sống mới. Dù có khó khăn thiếu hụt, Hưng cho là mọi chuyện trên đời là do số mạng, và cuộc sống con người luôn chứa nhiều mâu

thuần và đầy nổi oái ăm: Khi bị vợ bỏ, Hưng coi sự phản bội đem đến đau khổ cho mình; nhưng nay hoàn cảnh khác đi, vận xui ấy đã trở thành may mắn, nghĩa là nhờ có phản bội đó mà bây giờ chàng mới được hạnh phúc bên Loan! Phải chăng vui buồn là do nhận thức chủ quan chứ không phải hoàn cảnh như thể con người cuối cùng là nạn nhân của chính mình ...

Trong số ba người đang nhậu, Khanh có tư lượng yếu nhất. Hưng vốn là tay bợm nhậu, mỗi ngày nốc bia như uống nước; trong khi đó thì Toàn chỉ thích thú ngồi “phá mồi”, ăn rất khỏe, mặc dù uống cũng không thua gì ai.

Những ai đã từng đi lính, dù chỉ qua một thời gian ngắn, đều nhận thấy quãng thời gian trong quân đội luôn để lại dấu ấn sâu đậm, khó phai mờ như một vết xăm đã in trên da người. Ví dụ những kỷ niệm trong quân trường, dù nhỏ nhặt nhưng vẫn đeo đuổi suốt đời người chiến binh; tương tự, cảnh ngộ trong tù cũng luôn ám ảnh những người HO. Thời chinh chiến đã qua lâu, nay những người lính xưa giờ đây đã trở nên những ông già, nhưng họ thường dễ trở thành một “nạn nhân của quá khứ”, lưu luyến những kỷ niệm đã xa vời, và rất mơ hồ, như thể họ hiện chẳng còn một tương lai rõ rệt nào để bám víu?

Bị nhốt cùng Đội ở Long Giao, câu chuyện của ba người cứ xoay vần đến thời gian họ sống ở cùng Trại đó... Và bao giờ cũng khởi đầu bằng thăm hỏi, rồi

điểm danh từng người bạn xưa. Vì đang cư ngụ ở một thành phố rất ít người Việt, nên Khanh luôn mồm hỏi thăm bạn cũ, và vui mừng khi được biết là nhiều bạn lính đang ở Cali, một nơi vẫn được coi là *đất lành chim đậu*: và Bolsa quả xứng danh là thủ đô của người tỵ nạn Việt-Nam.

Riêng Khanh thấy buồn cho thân phận mình: vì hoàn cảnh sinh kế phải lưu lạc ở một nơi xa xôi hẻo lánh, lui thủ chỉ có vợ con bên cạnh, sống thiếu ban bè, không có ai cùng tri kỷ để tâm sự chuyện đời lính và cảnh tù...

Nhắc đến trại tù Long Giao, Khanh chợt lên tiếng hỏi:

- Các cậu có nhớ Hồ Xung, Đội Trưởng Đội 2 Trại mình không?

Đột nhiên nghe nhắc đến tên Xung, mặt bỗng đỏ bừng, hào hứng Hưng đáp:

-*Lệnh Hồ Xung* chứ gì? Ai mà chả biết tay Đội Trưởng ác ôn sáng nào cũng bắt Đội Hai ra tập thể dục ôn ào cả Trại, trong khi bọn mình vẫn còn ngủ...Sau khi biên chế, rời ra Bắc, tôi nghe nói ra ngoài đó hẳn còn ác ôn hơn lúc ở trong Nam nữa, có phải vậy không ?

Khanh vội nói tiếp như chợt nhớ ra:-Vậy cậu có nhớ ông già Lộc ở Đội I, Tổ 11, cuối dãy nhà thứ nhì đó... Ông ta ra Bắc một lượt với tôi năm 77, nhưng ở khác đội, trại Phong Quang. Tôi nghe nói ông ta bị Hồ Xung đi cho đến chết năm 78. Lúc đó, tôi ở đội bên cạnh nên không rõ hư thực ra sao...

Nhắc đến tay Đội Trưởng đã *phản bội* anh em trong tù, khuôn mặt Hưng trông khác hẳn cái vẻ làm lì bình thường như

một pho tượng, tự nhiên bỗng sấn lại vì giận dữ... trông anh trở nên dữ tợn, như người ta thường nói: khi say dễ bộc lộ tâm tính thật ? Nhưng chỉ sau dăm phút, vẻ hiền dịu trở lại, đôi mắt một mí lạnh lợi lúc này đang lơ lơ như buồn ngủ. Chàng giơ tay lên xoa mặt như cố giữ cho tỉnh táo, mái tóc đã bạc trắng thưa thưa được chải vắt qua một bên để che phần đầu hói. Dù đã trên sáu mươi, Hưng trông đầy đà, rắn chắc như một ông nông dân.

Đã từ lâu Khanh vẫn thắc mắc về lý do xui khiến một người đồng đội, một khi vào tù, làm Đội Trưởng có thể nhẫn tâm phản bội anh em, như Hồ Xung chẳng hạn... và tại sao ông già Lộc lại chết thê thảm, và không thể ngờ rằng một mạng sống có thể mong manh đến như vậy được. Đau đớn thay, số phận người tù chỉ như một con vật...

Nếu không có chiến tranh, có lẽ cuộc sống của ông Lộc hẳn phải vui vẻ đầm ấm bên gia đình trong căn nhà nhỏ ở xóm lò heo cũ gần khu chợ Bà Chiêu, Gia Định như ông đã kể cho bạn bè nghe. Và nếu đã may mắn sống sót sau cuộc chiến, cho dù là kẻ chiến bại, ông ta cũng không thể phải bị chết tức tưởi trong cảnh hòa bình và thống nhất! Hòa bình nhưng đói khổ, và thống nhất trong tù đầy. Dù đến nay chưa rõ về hoàn cảnh vợ con của ông ta ra sao, nhưng Khanh vẫn mừng rỡ coi thân phận của ông như điển hình của một người lính VNCH: gia đình đông con, có cuộc sống chật vật, nghèo khổ vì là nạn nhân của một guồng máy thối nát,

bất công. Rồi khi chiến tranh chấm dứt, bỗng trở thành tù binh, bị đày đọa, và cuối cùng là nạn nhân của một sự phản bội tàn nhẫn...

Phản bội mang đến hận thù và có thể sự tha thứ. Nhưng với thời gian, tùy mức độ và hậu quả của sự phản bội, phần đông tâm lý nạn nhân đã chọn cách dễ dàng là quên đi, và coi đó như một cơn ác mộng, một khi tỉnh dậy thì chẳng đáng nhớ đến nữa. Nhưng với Khanh, không thể quên được cái chết của ông Lộc và chàng bị ám ảnh đến độ kích thích nên cần tìm hiểu, và muốn biết sự thật. Thâm tâm Khanh, sau bao năm trôi qua, nhưng vẫn không bao dung hơn lúc còn ở trong tù, đầy căm thù với những kẻ phản bội. Chàng tự hỏi: Lẽ nào một chiến hữu cũ như Hồ Xung lại có thể thay đổi mau chóng để trở nên hèn nhát, tàn nhẫn đến như vậy được?

Hình ảnh ông già Lộc: thân hình cao cao, ăn nói rất nhỏ nhẹ, trắng trẻo trên khuôn mặt vuông hình chữ điền nổi bật lên cặp kính cận gọng đen... Trong Đội ít ai cận thị và có cặp kính dày như vậy. Thật ra lúc ấy ông ta khoảng bốn hay năm mươi là cùng và chưa hẳn là đã già... Nhưng trong đám Trung Úy cũ, tuổi thường chỉ trên dưới ba mươi ấy, trong khi ông đi lính lâu năm, thâm niên, lên sĩ quan từ cấp Trung Sĩ sau khi được cho học khóa đặc biệt nên ông được coi như già, nên có tục danh “già Lộc”. Dù ít học, nhưng với vẻ sáng sủa, trông ông như một ông thầy giáo làng hơn là một sĩ quan tình báo “ác

ôn có nợ máu với nhân dân, cách mạng“...

Xua đuổi những hình ảnh cũ mà nay trở nên mơ hồ, Khanh nhận ra là mình đang say, và đang có cái cảm giác lâng lâng quay cuồng nhưng lại dễ chịu, làm tan biến đi những lo âu phiền toái nhỏ nhất không tên hiện diện trong cuộc sống thường ngày, và đưa anh lạc vào một thế giới mờ mờ ảo ảo như trong một giấc mơ... Chính cái cảm giác mơ hồ ấy lại khiến Khanh trở nên tự tin hơn, sống thật với mình và dám nói thật lên tâm trạng của mình. Say sưa mang đến niềm thích thú nhất là vẫn ý thức được hiện tại như mình còn đang ngồi đây, nhận biết sự việc đang xảy ra đêm nay... nhưng mặt khác, lại xem hiện tại như một vở kịch diễn ra trước mặt, và như chàng đang ở trên cao nhìn xuống, thấy trong đó chính mình đang ngồi nhậu với hai người bạn. Thời gian vẫn trôi, và cuộc đời vẫn đang diễn ra, nhưng mọi chuyện chỉ là nhận thức *chủ quan* của mỗi người, không còn ranh giới rõ rệt giữa sự thật và hư ảo... Làm như đời sống đang toàn là trớ trêu và mâu thuẫn, đôi khi rất mong manh như mạng sống của ông Lộc chẳng hạn: đã chết một cách phi lý, đáng lẽ ra, mạng sống của con người vẫn phải là quan trọng nhất, đáng trân trọng hơn bất cứ thứ gì khác, kể cả giáo điều hay quyền hành... Bỗng câu nói “*sự thật bên này đây Pyrenee... bên kia là sai lầm*” (của Pascal) hiện ra trong óc Khanh, nhưng nó chỉ làm chàng hoang mang và *bâng*

khuâng thêm, như một đám mây vừa che mất ánh sáng mặt trời, khiến bầu trời tối sầm lại...

Khanh tưởng Hưng và Toàn nhớ nhiều về thời gian ở Long Giao và muốn biết thêm về ông già Lộc, nhưng cả hai đều ngồi yên lặng, vì họ không bị đưa ra Bắc nên không thể biết chuyện xảy ra ở trại tù Phong Quang nằm sâu trong rừng núi của tỉnh cực Bắc Lào Cai... Vẫn biết ai đã từng bị tù đầy đều có nhiều kỷ niệm buồn, và không ai muốn nhớ đến chuyện quá đau đớn, vì nhắc đến chỉ làm buồn thêm, có ích lợi gì đâu; trong khi còn nhiều câu chuyện vừa buồn vừa khôi hài, như *cười ra nước mắt* thường được có dịp nhắc lại...

Khanh tự cho là hoàn cảnh của mình may mắn hơn của hai người bạn vì có được người vợ chờ đợi ngày trở về sau năm năm tù. Về phần Toàn: Là sĩ quan cơ khí trên tàu há mồm LST, có cơ hội di tản năm 75, nhưng vì không muốn bỏ lại vợ con đang kẹt ở miền Tây nên ở lại chịu cảnh tù rồi mất cả vợ con. Sau ngày đầu hàng, và đoàn tụ với gia đình chỉ được hơn một tháng, anh trình diện đi tù... Bị giam ít lâu, anh nhận được tin vợ đi lấy chồng khác, ngoài Toàn ra không ai rõ lý do, nhưng mỗi khi bạn bè hỏi đến, anh vẫn bênh vực người vợ cũ là *không phải chị đã phản bội anh*, đã bỏ chồng vì yếu mềm trước đòi hỏi của vật chất mà là do anh *chủ động sắp xếp khi còn trong tù*, vì do thông cảm hoàn cảnh khốn khổ của bà vợ, không nuôi nổi đàn con ba đứa. Chính anh đã viết thơ nhắn vợ nên quên anh và

bước thêm bước nữa, vì tương lai tù nhân mù mờ, không biết bao giờ được thả về. Khi kể về quãng đời bị ai này, anh nói với vẻ rất thành thật, dù người nghe xong đều nghi ngờ là anh đã dối lòng. Tự dối chính mình nhiều khi dễ hơn đánh lừa người khác. Đến khi được tha, đứng vào cao trào vượt biển, *ngay như cột đèn cũng còn muốn bỏ nước ra đi*, và nhờ mang danh là Hải Quân, dù chỉ là một sĩ quan cơ khí trên tàu, nhưng cũng biết về hải hành nên Toàn được móc nối và giao lái một chuyến đi chui. Chủ ghe còn cho anh vài cây vàng bỏ túi, và mang gia đình đi theo. Nhưng đã bị vợ con bỏ, Toàn nhận một góa phụ, vợ của một hạ sĩ quan dưới quyền và hai đứa con riêng của chị ta là vợ và con của mình, cho đi theo mà không điều kiện tiền bạc gì. Người góa phụ cảm động tính hào sảng của anh. Nhờ lái tàu đi trót lọt, khi đến đảo, hoàn cảnh hay duyên nợ xui khiến, Toàn và góa phụ kia đã trở thành vợ chồng một cách tự nhiên, như những cánh bèo trôi giạt rồi gặp dịp tụ lại giữa giòng đời mênh mông...

Qua Mỹ, Toàn được người bà con giao cho chiếc xe bán lunch trên San Jose, ban đầu kiếm khá tiền. Nhưng vào một ngày đẹp trời, Toàn chợt để ý thấy cứ có một kẻ lạ mặt ngồi nhìn theo dõi chiếc xe lunch của anh. Vài tuần sau đó, anh nhận được thư của Sở Thuế gọi lên văn phòng. Hóa ra anh đã trốn thuế từ lâu, họ đòi phạt một số tiền quá lớn khiến anh phải chấp nhận trả còn hơn là vào tù một lần nữa. Sau đó, anh quay qua làm nhiều

nghề lật vặt khác sống qua ngày, cho đến năm ngoài đủ tuổi xin tiền già, anh ở nhà, trồng cây vào trợ cấp ít ỏi hằng tháng... Mặc dù ghiền bia nhưng vợ không cho mua uống mỗi ngày, Toàn thường hay ghé thăm Hưng vào buổi chiều vì biết trong nhà bạn lúc nào cũng sẵn một két Heineken hoặc rượu mạnh. Chiều Toàn, Hưng thường mời anh lai rai vài chai bia nhưng thường không để bạn quá say, lo ngại việc lái xe và vợ bạn sẽ cần nhần.

Đêm nay, uống đã khá say, Toàn ngồi trầm ngâm ít nói. Trông khuôn mặt hằn nét khắc khổ, và mỗi khi lên tiếng, anh nghiêng đầu nói lấp bắp, trông đến tội...

Nốc một ngụm bia, đặt ly xuống bàn và nhìn mọi người, đôi mắt nheo lại trên khuôn mặt vốn sẵn nhần nheo và xạm đen, Toàn tâm sự:

“Nhắc đến ông già Lộc, tôi xin kể câu chuyện...”

Mấy ông cũng nhớ, ông Lộc đeo kính cận rất dày độ, tính tình lại hiền, lành, lúc nào ông cũng tình nguyện đi lao động như một người tù ngoan ngoãn... Bữa đó Đội Trưởng cần năm người lên *khung* để kéo nước cho bọn Quản Giáo, ông Lộc tình nguyện đi và làm trưởng toán dắt thêm bốn anh em nữa. Công việc vốn không nặng nhọc gì mấy, và có khi Quản Giáo dễ chịu còn cho thuốc lá thuốc lào hút. Xong công tác, khi về đến cổng ... Lúc đó đang ngồi hóng gió bên ngoài phòng đội, thấy ông Lộc đứng trước hàng rào trình diện. Tôi ngạc nhiên khi nghe tiếng tên bộ đội gác cổng Trại la lối om xòm...”

Bồng Khanh cắt ngang Toàn: “Ừ, sao tôi ở đây mà không biết chuyện này há...?”

Hung góp lời vào:

“Tôi cũng không biết vụ này... nhưng nhớ khoảng thời gian đó, trại ta đang có phong trào làm vòng và lược bằng nhôm lấy từ mấy cán băng ca để đưa về làm quà cho vợ con. Sắp có đợt cho thăm nuôi... nhưng tôi là con bà phước vì bà vợ cũ đã qua Mỹ và không liên lạc gì với gia đình bà chị còn ở Sài-gòn, nên trưa nào tôi cũng nằm ngủ, không như nhiều anh đang lo mải, chà láng cái lược dự trữ tặng cho bà xã. Tổ tôi nằm phía dãy đầu nhà xa quá nên không biết được chuyện gì xảy ra ở chỗ công Trại.”

Nâng ly bia uống thêm ngụm nữa, Toàn kể tiếp:

“...Tôi vội chạy ra phía gần cổng Trại nhìn xem: Bên kia hàng rào kẽm gai chằng chịt; tôi thấy tên lính vệ binh gác trẻ tuổi đang leo xuống chòi gác, bước tới chỗ ông Lộc và toán lao động. Ông Lộc lúc đó đang đứng nghiêm báo cáo cho toán đi lao động về để nhập Trại, phía sau là bốn anh bạn tù đứng hàng một... Bồng tên Vệ Binh trẻ giận dữ đưa tay lên chụp cặp kính cận của ông Lộc quăng xuống đất, miệng la lối, mặt sát: “*Anh này, không biết bỏ kính ra khi báo cáo Cán Bộ hả? Bất lịch sự, đồ ngu xuẩn...Thôi rút vào!*”

Ông già Lộc, mặt đỏ gay vì nắng trưa, đôi mắt cũng đỏ hoe như đang khóc, cúi xuống nhặt cặp mắt kính lên, bỏ vào túi, không dám đeo lên mắt nữa, quay qua hô cho toán đi hàng một vào Trại...”

Ba người đều yên lặng.. Giây lát sau Hưng bật lên tiếng cười chua chát :

“Tụi nó ngu xuẩn thế mà thắng bọn mình. Thật đau!”

Làm ra vẻ thành thạo chuyện chính trị Thế Giới, Toàn góp ý :

“Tại tụi Mỹ cả, nó bán đứt mình để bang giao có lợi hơn với Trung Cộng.”

Đang có cảm giác khó chịu, *cười ra nước mắt*, Khanh chẳng biết nên nói gì. Nhưng đồng thời, chàng ý thức ngay là chúng ta đang sống yên lành no đủ trên đất Mỹ, còn cái thời tù đầy kia chỉ còn là kỷ niệm, đoạn trường đó đã qua đi; và nhờ may mắn mình đã sống sót, trong khi hàng ngàn đồng đội của mình đã phải bỏ xác trên quê hương điêu tàn... Thời chinh chiến, nỗi đau khổ không thể kể sao cho xiết. Sinh mạng của người lính cả hai bên chiến tuyến đều phải trả một giá quá đắt, cộng thêm hàng triệu sinh linh người Việt khác nữa.

Nhớ lại thì quá vô nghĩa cho cái giá của chiến tranh ... Bây giờ ba người lính già còn sống sót, và đang hưởng chút thoải mái... mà không ai biết được gia đình ông già Lộc hiện nay ra sao, có còn sống sót hay không?

Cả ba đều yên lặng, ngòi trầm ngâm cùng thả hồn về với dĩ vãng. Mỗi người theo đuổi một suy nghĩ riêng và rút ra những bài học cá biệt.

Khi cuộc chiến kết thúc, rõ rệt là có kẻ thắng người bại, nhưng ở cả hai phía đây rẫy nạn nhân. Biết bao sinh mạng đã chết cho sự huy hoàng của một thiểu số. Chiến tranh là bạo lực, và súng đạn hiền nhiên

không thể giải quyết được gì cho nhân loại.

Dù cùng là đồng bào người Việt cả, nhưng tại sao dân hai miền Nam-Bắc không thể hiểu nổi nhau... Phải chăng, do hai guồng máy cai trị *mang danh ý-thức-hệ* ấy đã bao trùm lấp lên chính kiến cá nhân ở hai bên chiến tuyến? Và kẻ chiến thắng ngày nay đã tự coi mình có đặc quyền trả thù kẻ thua cuộc? Chẳng lẽ trong cõi thế gian này luôn luôn đầy rẫy hận thù, với những kẻ phản bội luôn làm thui chột đi đạo đức, sự sống nhân bản của loài người?

Cầm ly bia lên, nhưng lại đặt xuống, như đang nghĩ gì để nói, sau giây lát, Hưng bỗng ngậm lên khe khẽ:

“Thế Chiến Quốc, thế Xuân Thu, gặp thời thế, thế thời phải thế!”...

Làm như không muốn nhắc lại chuyện buồn, khiến bữa nhậu mất vui đi, Toàn lên tiếng đóng góp:

“Thôi. Nếu không tù đây thì bọn mình cũng đâu có chắc gì được qua Mỹ sống Nghĩ cho cùng, trong cái xui vẫn còn cái may... Như chuyện tái ông xưa mất ngựa!”

”Có lý... có lý. Xin mời, xin mời..” Như chỉ trực có cơ hội để uống, Khanh nâng ly mời mọi người.

Thế là ba người đều cười, cùng uống cạn ly với nhau. Khanh chợt nhận ra là Hưng và Toàn hai người bạn đều không bị đưa ra Bắc, cho nên họ đã không biết gì về trại tù Phong Quang, nơi ông Lộc chết.

Câu chuyện trong tù kéo dài nhưng rồi cũng đến lúc nhạt dần... và cũng chỉ có chừng đó để thổ lộ. Vào những giây phút chót của bữa tiệc, họ lại quay qua nhắc đến các bạn cũ, cố gắng tìm cách liên lạc nhau, mong được gặp lại như muốn níu kéo những gì sắp sửa tuột đi vào lãng quên vì tuổi tác...

Đến nửa đêm, Hưng đề nghị khai chai Hennessy uống nữa, nhưng xem ra cả hai bạn đều đã ngà ngà say và từ chối. Toàn xin kiếu, còn Khanh, như đã dự trù, đem đồ ngủ lại nhà Hưng. Cô muốn kéo dài thêm cuộc vui, Khanh lấy lý do say lái xe nguy hiểm nên rủ Toàn cùng ở lại, nhưng người bạn vẫn nhất định lái xe về dù đã say. Cuối cùng họ đành hẹn sáng hôm sau sẽ gặp ở quán F. trên đường Brookhurst và sẽ rủ thêm vài bạn tù cũ khác nữa đến đó uống cà-phê, đấu láo.

Ba người cùng bước ra.. nhưng khi dừng ở ngưỡng cửa để đi giày, Toàn như chợt nhớ ra điều gì, quay qua nói:

“Hồi nãy cậu có hỏi về cái chết của ông già Lộc ở Phong Quang, tôi mới nhớ ra là có ông bạn mới quen, cũng HO, thuộc ngành *con tôm con tép* (1) đang ở gần đây. Trước kia nghe nói anh ta cũng chung đội với Hồ Xung ở ngoài Bắc. Sáng mai tôi sẽ phôn rủ anh ta ra uống cà phê để hỏi cho rõ về chuyện tay Xung này đã phản bội anh em ra sao”.

Khi thấy Loan sửa soạn chuẩn bị đi nghỉ, Hưng vội bước tới gần dặn nhỏ vợ sáng mai đưa hai cháu đi học thay cho mình. Xong cũng vào trong sửa soạn chỗ ngủ cho bạn. Đêm đó, Hưng và Khanh mỗi

người chiếm một cái ghế xa-lông ở phòng khách. Vì uống nhiều hơn bình thường, và hơn nữa, được cái trong lòng phấn chấn do gặp được bạn cũ nên vừa ngã lưng xuống là Khanh thiếp đi ...

Tỉnh giấc, và như một phản xạ, Khanh sửa lại thế nằm cho thoải mái trên chiếc ghế bành, rồi mở mắt ra: Trong không gian lơ mờ, dần dần hiện ra cảnh vật trong phòng, chàng thấy nhiều thứ lặt vặt ngổn ngang dưới đất, còn ở trên cao, từ hai ngọn đèn điện tỏa ra một thứ ánh sáng vàng nhạt dịu dịu ở hai đầu bàn thờ Phật. Không rõ lý do gì, mỗi khi nhìn một bàn thờ, Khanh đều có cảm tưởng xa lạ và hoang mang... như Đạo Pháp quá cao siêu đến độ không thể hiểu nổi. Liếc qua cửa sổ, bên ngoài bầu trời còn tối đen... Nghiêng mình liếc nhìn vào chiếc đồng hồ kê bên, thấy mới hơn bốn giờ sáng, Khanh tính nhắm, như vậy đã quá bây giờ sáng ở nơi mình cư ngụ, bên Ohio: Khác biệt về múi giờ nên từ ngày qua đây chơi, chàng cứ thức giấc sớm như sáng nay, như quen giấc mỗi ngày đi làm... Bỗng để ý nghe tiếng ngáy nhẹ nhàng đều đặn của Hưng nằm kê bên, Khanh chần chừ, nằm yên...có tìm lại giấc ngủ, nhưng lại cảm thấy đầu hơi choáng váng, mới nhớ là đêm qua mình đã uống hơi nhiều nhưng khi nhắm mắt lại chàng vẫn thấy tỉnh táo như thường. Sau một chập đầu óc mông lung, Khanh thả hồn suy nghĩ miên man... rồi ôn lại diễn tiến đêm qua, thấy khá băng khuâng về số phận chung của cả ba đứa: Qua bao năm không

gặp, đã có quá nhiều đổi thay như là hậu quả của ngã rẽ trong cuộc sống của mỗi cá nhân, trải dài suốt từ bên nhà cho đến khi qua đến Mỹ... Chàng đâu ngờ là có thể trùng phùng được như đêm qua. Xem ra sự đời luôn luôn kỳ diệu đến lạ lùng: Nó vô cùng phức tạp, có lúc vui rất vui, mà khi buồn thì cũng rất buồn khổ... Chàng thấy còn những may mắn, như cuộc hội ngộ đêm qua: ở một nơi xa lạ không thể ngờ, nó xảy ra như trong một giấc mơ... Thế mà bây giờ, ở Bolsa, lại là nơi có một không gian gần gũi và thân thương, ấm cúng và dễ thở. Rồi, không hề báo trước, dĩ vãng từ đâu chợt kéo về: Kỷ niệm trong tù lại hiện ra, đoạn trường ấy không thể quên được... Khanh ray rứt bản khuôn về thân phận lúc còn bị giam giữ, về phản ứng của mỗi cá nhân lúc bị tù đầy. Có người trở thành anh hùng, đã phản kháng cho đến cùng, dám hy sinh cả tính mạng... Nhưng cũng có nhiều kẻ thỏa hiệp, thông đồng với kẻ thù..

Phải chăng tất cả những ai buông xuôi đều là những kẻ phản bội ?

Nhưng phản bội với ai và với cái gì ? Khi một đất nước đã bị xóa bỏ, một quân đội đã đầu hàng, rồi tan rã, những kẻ cầm đầu lại là kẻ chạy trước nhất... trước cảnh bị thảm đó, niềm tin khó còn chỗ đứng vững.

Phản ứng của Khanh, và có lẽ cũng là của nhiều chiến hữu khác, là dễ dàng và thụ động nhất: Đó là thái độ *nín thở qua sông*: một khi đã mất niềm tin, rồi cảm thấy bất lực, đưa đến thái độ buông xuôi,

nên không còn lý do để chống đối, chỉ mong chịu đựng trong tù để có ngày sống sót trở về với gia đình, vợ con. Tình yêu và gia đình phải chăng là lẽ sống muôn đời của con người? Đường như khi guồng máy sụp đổ, cá nhân như một con ốc bị văng ra khỏi sự vận chuyển của bộ máy khổng lồ. Bị rơi vào hoàn cảnh tuyệt vọng, hụt hẫng ấy, ai cũng phải quay quắt đảo điên, chìm đắm trong cơn hải hùng, khiến lý trí phai mờ đi, nhường chỗ cho hoài nghi, kể cả với lý tưởng và dần dà đưa đến sự mất niềm tin vào mọi thứ trên đời.

Đứng trước một thực tế là cán cân lực lượng đã lệch hẳn, chỉ còn thế lực của kẻ thắng cuộc, đã tự cho phép mình có quyền chà đạp lên thân phận của bên thua cuộc. Phải chăng: đã làm một con ốc trong guồng máy, và một khi đã quen tuân lệnh đầu máy, nên một khi xập tiệm, chẳng còn gì để nghe theo thì chỉ còn con đường duy nhất là đầu hàng và chạy qua hàng ngũ của kẻ mạnh?

Có một nghịch lý thường xảy ra trong tù: Tù nhân nào trước kia có quyền hành, cấp bậc càng cao thì thường dễ đầu hàng, phản bội và hèn hạ hơn những kẻ cấp nhỏ, có lẽ vì vốn không có gì nhiều để mất, nên cường độ sợ sệt cũng ít đi. Có phải kẻ nào càng nhiều tiền của, cao quyền hành thì lại càng lo sợ mất nhiều, nên dễ dàng bị tha hóa... Tù nhân nào cơ thể cao lớn to béo, khi vào tù thì lại càng bị dằn vặt càng khổ sở vì thiếu ăn... hơn nữa, tuổi trẻ cũng dễ mạo hiểm hơn

người lớn tuổi, làm gì cũng dè dặt, tính toán hơn thiệt.

Rồi hình ảnh ông già Lộc lại hiện ra trong đầu, như nó vẫn thường đeo đuổi và ám ảnh Khanh, như một vết sẹo cũ còn nổi in vết lằn trên da thịt. Có thể cái chết của người tù trở lại với Khanh, cho dù nó làm đau lòng, nhưng cũng đã gián tiếp an ủi vì nói lên rõ rệt là mình kẻ *may mắn đã sống sót*. Phải rồi Khanh là kẻ may mắn và may mắn làm thỏa mãn tự ái và xoa dịu mặc cảm tự ti. Như đêm nay, cái *may mắn đã biến thành* “*mặc cảm đã được trở về*”, vì đang yên ổn hưởng thụ trong khi nhiều chiến hữu, như ông Lộc, đã bỏ xác trong trại giam!...

Rồi câu chuyện đầu đón về ông chú của một anh bạn bắt chợt trở lại từ ký ức sâu thẳm mênh mông: là một trung tá Phòng Nhì Bộ Tổng Tham Mưu, đúng ngày *trời xập*, từ đơn vị về nhà trong cư xá sĩ quan Chí Hòa, đã bắn vợ và năm người con rồi tự tử theo... Nghe nói mấy người con gái ông đều xinh đẹp, nổi tiếng là hoa khôi trong cư xá sĩ quan Chí Hòa. Ông thực sự là *một anh hùng không chịu đầu hàng*, nhưng đồng thời cũng là... *kẻ sát nhân giết cả vợ con!*

Lịch sử chiến tranh đầy rẫy cảnh bạo lực, nhưng rõ ràng rằng nêu cứ giết lẫn nhau mãi thì cuối cùng không thể giải quyết được gì, mà ngược lại, chỉ đem lại toàn những đau khổ cho nhân loại. Kẻ tự nhận là *đỉnh cao của trí tuệ* đã từng ngụy biện là nhất thiết phải dùng bạo lực để xóa hết bất công, dùng *cứu cánh để biện minh cho phương tiện*, vì *chân lý*... mà *chân lý*

của họ là gì, có thật không? Phải chăng, *Krisnamurti đã có lý khi nói rằng*: “lịch sử đã chứng minh: Tư tưởng không làm thay đổi được con người, mà chính con người đã thay đổi tư tưởng”, *chân lý chỉ là ảo ảnh và chỉ có con người là có thật...*

Chợt có tiếng cửa mình. Khanh mở mắt trông thấy Hưng kéo tấm chăn mỏng phủ lên kín tới cổ... xong tiếng ngáy lại trở lại đều đều như trước. Chàng bỗng chợt nhớ là khi ở Long Giao, có lần Hưng cũng được chỉ định làm Đội Trưởng, hình như chỉ trong vài tháng, nhưng Hưng đã không có điều gì phiền hà đến anh, em. Có lẽ vì vậy Khanh đã quên hẳn sự kiện này: Công việc Đội Trưởng của Hưng chỉ giản dị lo tập hợp điểm danh, phân công tác các Tổ, đưa Đội ra khỏi Trại đi lao động. Là một thứ Đội Trưởng bất đắc dĩ, và do khéo léo, Hưng được lòng cả Quản Giáo lẫn tù nhân. Nhưng vì lý do gì Hưng lại được chỉ định làm Đội Trưởng và thái độ của anh riêng đối với Quản Giáo như thế nào? Khanh chưa hề biết rõ rệt, và dù là một Đội Trưởng nhưng Hưng đã không phản bội, báo cáo xấu hại anh em. Và có lẽ vì vậy mà Hưng chỉ làm Đội Trưởng một thời gian ngắn nhất. Thực tế bọn cai tù tin vào bọn ăng-ten, chỉ điểm hơn cả Đội Trưởng, chức sắc, chúng dùng bọn ăng-ten này để kiểm soát cả tù nhân lẫn Đội Trưởng. Có điều sau này Khanh mới biết, là chính bọn cán bộ của Trại đã dùng ăng ten để dò xét cả Quản Giáo nữa. Rõ rệt trong hệ thống của Cộng Sản, chẳng ai tin ai!

Từ đâu xa, tiếng xe cộ đang chạy vọng tới, và nơi cửa sổ ánh sáng bắt đầu sáng tỏ... Phòng bếp bên cạnh đã có ai bật đèn, xong có tiếng lục đục soạn chén bát, tiếng xì xào nói nhỏ với nhau. Có lẽ như thường ngày, Loan đã dậy sửa soạn bữa ăn sáng cho kịp hai đứa cháu đi học sớm. Ngoái cổ nhìn qua chỗ Hưng nằm, thấy bạn mình vẫn còn yên ngủ, Khanh ngồi dậy nhưng vẫn nhẹ nhàng không muốn làm phiền đến sinh hoạt thường nhật của gia đình bạn. Gặp lại nhau, Khanh nhận thấy mình may mắn qua Mỹ trước và nhờ đó có cơ hội đi học nghề nên có việc vững vàng hơn các bạn HO sang đây khi tuổi tác đã cao, phải đi làm ngang các nghề lao động, lương ba cọc ba đồng. Chỉ một số nhỏ những anh nhiều tuổi, may mắn hơn vì con đã lớn có thể bung ra đi kiếm sống ngay giúp đỡ gia đình, nên hoàn cảnh tài chánh được thong thả hơn đôi chút.

Thời chinh chiến, Khanh là lính văn phòng, lè phè ở hậu phương, công việc cạo giấy an nhàn, không hề phải lặn lội xông pha trận chiến như Hưng, một người lính tác chiến, mạng sống luôn bấp bênh mong manh như tờ giấy, đồng lương lại eo hẹp không đủ nuôi vợ con. Ngày nay, khi hòa bình, Hưng vẫn chịu vất vả hơn bạn vì qua Mỹ sau. Khanh cho Ông Trời quả bất công và tàn nhẫn...

Cho xe queo vô khu shopping Việt-Nam trên đường B., các cửa tiệm còn đóng cửa và quang cảnh trông vắng vẻ, thấy nơi bãi đậu xe còn nhiều chỗ trống, Hưng

quay qua giải thích cho người bạn ở Ohio:

- Hôm nay ngày thường nên mình có chỗ, chứ weekend đôi khi tôi phải đậu xe phía đằng sau. Quán này cà-phê pha cũng tạm tạm, thường thôi, nhưng lại rất đông khách. Đây là nơi tụ họp đông đủ văn nghệ sĩ hoặc anh em HO, và những kẻ hưu trí, sống nhờ vợ như tôi!

Câu nói đùa của bạn Khanh nghe ra như đượm vẻ chua chát, nhưng lại lộ chút hãnh diện về bà vợ đảm đang xoay sở giỏi... nghĩ đến Toàn, chàng bạn khoãn hời Hưng:

-Bọn mình hẹn tám giờ. Không biết Toàn có rủ được anh bạn nào ra chưa... Sao không nghe Toàn phân sáng nay cho biết nhỉ?

Không trả lời, nhưng riêng Hưng thấy vấn đề thêm được người bạn nào có gì là quan trọng: Ở xứ Bolsa, thủ đô ty nạn này, người Việt đầy rẫy, nhiều khi gặp đồng hương còn phiền toái thêm. Không như ở chỗ Khanh ở, ra đường là chỉ mong gặp được một người quen để nói tiếng Việt cho đỡ nhớ.

Hai người mở cửa xe rồi lặng lẽ cùng bước tới trước cửa quán. Đi sau bạn, đảo mắt chưa thấy có ai ngồi các bàn có che dù bên ngoài.

Nhưng khi đẩy cửa bước vào bên trong, nhìn quanh, Khanh đã thấy Toàn và một người nữa ngồi trong góc bên phải, sát tường. Nhìn thấy nhau, bốn người cùng dơ tay chào. Toàn và anh bạn đứng dậy kéo ghế cho Khanh và Hưng ngồi.

Toàn giới thiệu :

-Đây là Việt, cũng dân HO, nhà cạnh tôi trong xóm mobile-home ở Santa Ana. Anh Việt học khóa 2 Chiến Tranh Chính Trị Đà-Lạt nên cũng bị đưa ra Bắc, như mấy ông, và có ở cùng Đội với Hồ Xung ... Tôi hôm qua, dù uống quá đã và *quắc cần câu* nhưng tôi không quên phen và mời Việt ra đây uống cà-phê với bọn mình và để cho hai ông tù ngoài Bắc tha hồ tâm sự...

-Ồ! Hay quá. Cám ơn hai anh.

Mừng rỡ, Khanh liếc mắt nhìn Việt, rồi nở nụ cười xã giao... xuất hiện từ lúc nào, cô gái chạy bàn đang lấy order.

Khanh đề nghị :

-Mời các anh ăn sáng luôn nhé?

Tất cả ra vẻ đồng ý với Khanh, họ đọc tờ thực đơn rồi lần lượt gọi cà phê và các món ăn sáng.

Như mỗi khi gặp khách lạ, Khanh chú ý nhìn dò xét Việt và đoán có lẽ cũng trạc tuổi với mình. Qua giọng nói, biết là người miền Nam, có khuôn mặt hơi choắt, cằm nhọn và đôi mắt tuy nhỏ nhưng trông lạnh lợi, trên đầu mái tóc đã bạc trắng gần hết, Việt thông dong và ra vẻ như một ông giáo sư Đại Học về hưu.

-Vậy anh ở Đội 12, trại Phong Quang?

Việt chột lên tiếng hỏi, Khanh đáp:

-Vâng, tôi ở Đội 12, phía trong cùng. Nghĩa là phải đi qua Đội của anh mới vào tới Đội tôi ở. Rồi sau đó tôi bị chuyển đi Vĩnh Quang. Còn anh bị đưa đi đâu?

-Cũng Vĩnh Quang, nhưng Trại B.

Trong quán chỉ có vài người khách. Ở bàn bên cạnh là một thanh niên ăn mặc

chỉnh tề, sơ mi trắng, cổ thắt cà vạt như sửa soạn đi làm; trên miệng đang ngón ngáo cắn ổ bánh mì mà mắt thì chăm chú đọc tờ báo. Ở sau quầy tính tiền, một bà đứng tuổi, có lẽ là chủ tiệm, đang chỉ bảo người làm, chăm lo quán xuyên cửa hàng. Rồi bà ta ngồi nhìn ra đường, cặp mắt lơ đãng như buồn ngủ, hay suy nghĩ điều gì, trước cảnh tiệm thưa khách buổi sáng thứ Ba...

Sau những thăm hỏi xã giao thường lệ, mấy người lính già cảm thấy thân mật dù mới gặp, họ đã coi nhau như bạn tri kỷ cũ: Dù gì cũng đã là thành viên trong đại gia đình quân đội, và hơn nữa, còn đồng cảnh ngộ bị giam cầm.

Cà phê được dọn ra trước... Nâng tách lên, Khanh nhấp ngậm đầu, cà-phê còn nóng, thơm ngon, đậm đà và đưa đến một cảm giác thú vị nhưng rất mong manh, chỉ thoáng qua như niềm hoan của người vừa kiếm thấy chum chìa khóa tưởng đã mất: Từ trong cổ họng, vị béo nhưng không ngọt lắm của sữa đặc thấm tỏa ra, sau đó là vị thơm hậu, hơi đắng một chút, rồi sau cùng là hương thơm của cà phê bốc lên mũi. Khanh là dân uống cà phê *instant*, do thói quen thường ngày chỉ cần một ly vào buổi sáng, và cho là mình không sành sỏi mà chỉ nghiền cafeine cốt làm cho tỉnh táo khi thức dậy.

Có một lần đi bộ trong mall, khi bước qua tiệm Starbucks, hương vị đặc biệt của cà-phê tỏa lan thật hấp dẫn khiến Khanh dừng lại, và lần đầu dám bỏ số tiền lớn đối với chàng để mua ly cà phê uống thử, nhưng thất vọng vì dường như cà phê Mỹ thơm nhưng lại không đậm đà. Hương

thơm như giả tạo và đã đánh lừa vị ngon? Nhưng với ly cà phê sữa nóng ở tiệm này, chàng mới nghiệm ra là không phải cà phê nào đều pha giống nhau, và trong bụng thán phục bà chủ nhân quán F...

Qua câu chuyện thăm hỏi về tiểu bang Ohio, và khi nghe Khanh than về thời tiết lạnh lẽo và cảnh vật buồn chán, không có nhiều người đồng hương, Việt tha thiết đề nghị:

- Sao anh không dọn qua đây, gần gia đình, bạn bè mà thời tiết lại ấm áp?

Đã từng được hỏi đại khái như thế nhiều lần, mỗi khi qua Cali thăm gia đình hay bạn bè, Khanh đáp như thường lệ:

- Sống đâu lâu quen đó, anh ơi. Hơn nữa, các con đã lớn, mọc rễ sâu quá rồi, không tiện đi đâu nữa.

Vừa nói xong, bỗng Khanh nhớ ngay đến mấy đứa cháu ngoại, rồi bản khoăn không biết giờ này chúng đang làm gì ở Dayton.

Mấy món ăn sáng dần dần được dọn ra để chắt kín trên bàn: Nào trứng chiên, nào bánh mì kẹp pa-tê xúc xích kiểu Tây... nhìn thức ăn la liệt, tự nhiên mấy người tù cũ ngẫm nghĩ liên tưởng đến cảnh trái nghịch giữa hiện tại và quá khứ triền miên đói khổ xa xưa trong các trại giam. Vậy mà tưởng chừng như mới xây ra vào ngày hôm qua. Mặt khác, họ lại thấy rằng ở đây và bây giờ, khó khăn không còn là thiếu ăn thiếu mặc nữa, mà là làm sao đạt được cho mình một ước mơ để đời: Là con người thì tất nhiên chỉ muốn những gì mình không có... Và một khi đã no đủ về vật chất, thì những nhu cầu tâm thần

lại chiếm ưu tiên cần được thỏa mãn, và nhận thức cũng như tâm tính riêng tư của cá nhân chính là hai yếu tố quyết định con người sẽ sống như thế nào... phải chăng vì thế mà về mặt tín ngưỡng, hiện ở Bolsa này, nhà thờ, chùa chiền đang mọc nhanh lên như nấm.. rồi còn nảy sinh ra nhiều đạo giáo kỳ quặc và khó hiểu khác nữa?

Bốn người bạn tù già bắt đầu ăn sáng, nhưng mỗi người một cách khác nhau: Có anh ăn chậm rãi, có người ngón cho nhanh, làm như chỉ cầu nọ bụng chứ không cần thưởng thức. Chẳng khác gì trong tù trước kia, có kẻ ngấu nghiến liên khẩu phần hằng ngày là một cục bột luộc nhỏ bé, nhưng cũng có anh lại ngồi ngấm, không dám ăn hết ngay, vì thà tự lừa dối chính mình còn hơn là phải chứng kiến sự thật phũ phàng: ăn xong sớm sẽ đói sớm, và vẫn luôn luôn đói! Sự thuyết phục chính mình rất công hiệu, nó thể hiện bản năng yếu đuối của con người là chẳng ai chịu tự trách về lỗi lầm của mình khi dễ dàng hơn và không bị lương tâm cắn rứt khi cứ đổ lỗi cho tha nhân... Trong mỗi tình đầu, khi một người con trai bị cô gái mình theo đuổi từ chối, một phản ứng bình thường là: để tránh bị tự ái dẫn vật, người con trai cứ nghĩ xấu về phía đối tượng, như vậy để cảm thấy đỡ khổ, đỡ quê một cục, nghĩa là không dám trực diện với sự thật, vì ... yêu chính mình và phủ nhận sự thật!

Bữa ăn sáng giản dị, bên tách cà-phê ngon, đơn giản có vậy mà tràn đầy niềm vui, mang hân hoan đến cho bốn ông già

tự nạn Việt-Nam. Mẩu bánh mì cuối cùng được quét trên đĩa trứng chiên, xong lấy giấy chùi miệng với vẻ thỏa mãn, Hưng nháy mắt Toàn, mở miệng đề nghị: - Hai đứa mình ra ngoài kia hóng gió, để cho hai ông tù ngoài Bắc tự nhiên tâm sự với nhau. Chẳng biết tù ngoài đó có gì ghê gớm quá, đến độ bọn mình ở trong Nam không hiểu nổi!

Hai người kéo ghế đứng dậy, đi ra ngoài. Khanh mở lời với Việt:

- Anh còn nhớ ông già Lộc chứ gì? Nghe nói Hồ Xung *đi ông ta tới chết* ở Phong Quang, tôi muốn biết rõ. Cái chết của Lộc lâu nay cứ ám ảnh tôi hoài.

-Vâng, cái chết của ông Lộc. Hay sự *phản bội* của Đội Trưởng Hồ Xung thì đúng hơn.

Với giọng nhẹ nhàng, bình thản và vô tư, Việt lên tiếng ...

Và câu chuyện đang kể dần dần đưa Khanh về khung cảnh của trại tù Phong Quang xa xưa, khiến chàng hình dung ngay về rừng núi âm u lạnh giá của tỉnh Lào Cai ngày nào, về Đội 11 nhà lá, nền đất và vách đất, bên trong gồm hai dãy sạp gỗ hai tầng để tù nhân ngủ dài dặng theo chiều dọc. Trong một góc là nhà cầu, mỗi sáng có anh tù hình sự làm sạch xong gánh phân hốt từ đây đưa ra khu trồng rau để đội 11 của Hồ Xung tưới bón... Ông Lộc nằm bên phải trong tận cùng của căn phòng giam, ngược đầu với Việt, bên trái, ngay sát cầu tiêu.

Đó là mùa Đông đầu tiên của Việt ở ngoài Bắc; và do là dân Sài-Gòn, quanh

nấm nóng bức nên lần đầu anh đối diện với cái lạnh cắt da: Không gian luôn âm u của núi rừng đã khiến người tù thấu hiểu là không chỉ đơn thuần mình đang bị giam giữ mà còn đang bị đầy ải: Từ trong Nam, những đoàn tù chính trị bị đưa ra tận vùng rừng rú cực Bắc của đất nước... Thật ra đây vẫn là đất nước của bọn cai tù, mặc dù cùng giống nòi, cùng nói tiếng Việt nhưng vùng đất này đã do tập đoàn tôn thờ chủ thuyết ngoại lai cai trị... Không gian đây chỉ còn là bốn bức tường đất giam giữ họ như những con vật trong cũi sắp bị đưa đi làm thịt. Còn thời gian thì đang chậm rãi trôi, như muốn kéo dài thêm cảnh khổ ải, cốt để đầy đọa thêm đám tù nhân...

Đội 11 được giao phụ trách một khu trồng rau xanh cho cả Trại: và tùy theo mùa, khi trồng rau muống, lúc vun xới bắp cải hay cải thìa.

Buổi sáng, tù nhân tập họp điểm danh ở sân Trại. Từ đó mỗi Đội đi ra ngoài chỗ hiện trường lao động riêng rẽ. Sau khi nói đuôi ra khỏi cổng, Đội của Việt rẽ sang bên phải vòng theo con đường mòn đến khu rau xanh. Đoàn tù nhân cự sĩ quan QLVNCH xếp hàng bước đi lặng lẽ trong sương mù bay la đà ven đường và dày đặc trên những ngọn đồi của núi rừng Lào Cai. Đoàn người ốm đói thất thủ đi như những xác không hồn đang nặng nhọc cố lê bước giống như trong một cuộc đua đẫm!

Ông Lộc già yếu nên được tổ phân công lo nhặt cỏ dại bên mấy luống rau, trong khi Việt trẻ và khỏe hơn có nhiệm vụ múc nước pha với phân người rồi tưới.

Nhưng trong số trên dưới bốn, năm mươi tù nhân của Đội 11, đâu đó xuất hiện như những con ma - vài tên tù phản bội - tình nguyện hay bị bắt buộc, Việt không rõ, họ đi kèm chỉ với quản giáo về mọi động tĩnh sinh hoạt của các bạn tù khác cùng đội...

Khanh chợt ngắt lời Việt:

- Xin hỏi anh, làm cách nào bọn ăng-ten báo cáo với quản giáo mà không ai biết vậy?

Nở nụ cười như khoái chí, Việt giải thích: Tình cờ một hôm bị cảm sốt, nghỉ lao động và được ở lại buồng của Đội. Một tên cán bộ đi vào. Qua khe chắn trùm kín, Việt đã nhìn thấy tên này bước đến chỗ nằm của một tổ trưởng và rất quen thuộc thò tay lục dưới gối, rồi móc ra tờ giấy nhỏ xong đút vào túi một cách nhanh nhẹn. Khi bước ra, chợt trông thấy Việt trùm chắn nằm lù lù đó, hấn ngạc nhiên đứng lại, quát:

- Anh này! Sao hôm nay không đi lao động? Nằm trong buồng làm gì. Đi ra ngay!

- Báo cáo cán bộ, tôi ốm, được y vụ cho nghỉ ở nhà.

Nghe vậy, tên cán bộ tức tối bỏ đi ra ngoài...

Cụ thể hệ thống liên lạc và thông tin của ăng-ten là như thế: Buổi tối lặng lẽ viết báo cáo lên một tờ giấy nhỏ, rồi nhét dưới gối, chỗ được chỉ định trước của cán bộ, để buổi sáng sau, khi cả Đội rời phòng đi lao động, tụi công an sẽ vào buồng lục lấy về. Nhìn kỹ lại, Việt biết đây là chỗ nằm của Tổ trưởng tổ 2, tổ của ông Lộc.

Mùa Đông năm ấy, ở Lào Cai, bọn tù hình sự lâu năm kháo nhau là lạnh hơn bình thường, nhiệt độ xuống tới 4,5 độ C, cây cỏ bị cháy vàng cả hai bên đường, tù nhân phải mặc ba bốn lớp áo; thời khắc ban ngày ngắn đi, chiều tối đến sớm hơn. Xong một ngày lao động, Đội 11 được dẫn về đứng trước cổng Trại, chờ lần lượt mỗi Đội báo cáo điểm danh cho cán bộ Trục rồi mới tuân tự nhập Trại... Một buổi chiều, khi các Đội đang đứng chờ ngoài cổng, bỗng tên quản giáo kêu đích danh ông Lộc bước khỏi hàng, đứng riêng ra một mình. Hắn đến gần ông và giận giữ dơ hai tay vạch mạnh cái áo khoác ngoài của ông Lộc ra, vài lá bắp cải nhả nheo rơi xuống đất. Ông Lộc khi ấy đứng trơ trọi ngượng ngùng. Tên quản giáo quát to, như muốn cho mọi người nghe: "Này, mấy anh đã thấy nhé, anh Lộc cải thiện linh tinh, vi phạm nội quy Trại... Tôi nay về Đội, anh Xung cho Đội kiểm điểm anh Lộc và rút kinh nghiệm! Ngày mai bắt đầu phạt anh Lộc xuống mức ăn C, cho đến khi lao động tốt... Thôi, anh Xung cho Đội về nhà."

Cả Đội lặng câm, bàng hoàng trước cảnh buồn tủi và nhục nhã bất ngờ vừa diễn ra cho ông Lộc, nhưng y hết như đang xảy đến cho chính mình...

Nghe Việt kể đến đó, Khanh mừng rỡ tưởng đến những mảnh lá bắp cải già héo chưa được rửa sạch mà vì đói quá, ông Lộc vẫn phải lén ăn nhòm ngòam. Rồi câu chuyện *cười ra nước mắt* về cặp kính cận của ông ở Long Giao mà Toàn vừa

nhắc đến đêm qua lại hiện ra trong ký ức Khanh..."*Đoạn trường ai có qua cầu mới hay...*"

Nhưng sáng hôm nay, đang no nê ngồi yên lành dưới nắng ấm áp ở Nam Cali, nhớ lại người bạn tù năm xưa đã bỏ xác trong rừng núi Lào Cai, cả Việt và Khanh đều thấy bút rứt, tim nhức nhối như ai đâm vào làm họ nghẹt thở.

Những ngày tháng năm trong tù cứ thế trôi qua, chậm chạp và buồn tẻ. Vì khác Tổ và hai người nằm ở hai đầu của lán, Việt không có dịp để ý đến ông Lộc nữa. Có lẽ cả tháng sau, một buổi sáng bỗng ông Lộc khai bệnh nằm nhà, Việt thấy ông cứ phải đi qua chỗ mình để vô nhà cầu liên tục. Hóa ra ông bị kiết lỵ. Bỗng một đêm, sau giờ ăn, Việt nghe thấy tiếng la lối, cãi vã giữa ông Lộc và Hồ Xung. Qua câu chuyện được nghe nói lại, ông Lộc yêu cầu tên Đội Trưởng xin Quản Giáo cho lại lọ thuốc guanidan mà ông đã giấu mang từ trong Nam ra nhưng bị Hồ Xung báo cáo nên đã bị tịch thu đưa lên trạm xá cho Trại xử dụng. Tên Xung từ chối, viện cớ là theo đúng nội quy thì mọi tù nhân phải xin khám bệnh, và việc phát thuốc hay không là quyền của y vụ. Vài ngày sau, bệnh tình ông Lộc trở nặng, được chuyển qua nằm cạnh chỗ Việt cho gần cầu tiêu hơn vì ông đã không còn cảm được việc đại tiện nữa. Và ông Lộc bắt đầu được phát cháo, một chén cháo nhỏ xíu, thay vì chén ngô luộc, loại bắp cứng để cho ngựa hay súc vật ăn. Việt nhận thấy ban đêm ông Lộc cứ phải lục đục đi vệ sinh miết, và mùi hôi thối nồng

nặng bắt đầu tỏa ra từ chỗ ông nằm. Một sáng, Việt nghe ông Lộc nói với Đới Trường để ông được ăn bắp như anh em, vì húp cháo quá đói, ông không chịu được.

Diễn tiến câu chuyện xảy ra đã quá lâu, Việt không nhớ rõ, nhưng vào một buổi chiều, khi đi lao động về, chỗ ông Lộc trống không, được biết ông đã được đưa lên trạm xá. Cả Đới xôn xao, hy vọng vào lòng tốt của Trại vì nghe nói là ông Lộc được phát bồi dưỡng một quả trứng luộc! Nhưng ngay ngày hôm sau, được tin ông qua đời, và khi quả trứng luộc thứ hai được phát ra thì tên y vụ đã trộm lấy ăn mất!

Ngừng kể, xong với tách cà-phê uống cạn, Việt tránh nhìn Khanh, mông lung hướng mắt ra ngoài đường... trong khi đó, nghe xong câu chuyện về ông Lộc, Khanh xao xuyến buồn nản như một mối. Cũng vừa lúc ấy, Hưng và Toàn đang bước về chỗ ngồi.

Thấy hai bạn đang buồn rầu nín lặng, Toàn lên tiếng hỏi:

- Như vậy Hồ Xung đã phản bội anh em, đi ông Lộc đến chết thật hả anh Việt?

- Mày ông có biết Hồ Xung đang ở Cali này không, hấn đã tránh, ít khi liên lạc với bạn tù cũ.

Hưng nói xen vô .

Cái chết của ông Lộc, giản dị là do kiệt lực, nhưng bắt nguồn từ hoàn cảnh tàn nhẫn khắc nghiệt tạo nên, trong đó có sự kiện làm ăng-ten của Hồ Xung. Hấn bản chất là một tên phản bội hay chỉ vì hèn nhát, ích kỷ mà hành động như vậy?

Khanh thấy chuyện đời không bao giờ giản dị, dễ hiểu như trắng với đen, tốt với xấu, mà nhiều yếu tố cộng lại đan vào nhau đến độ phức tạp, rối mù.

Ra về sành tâm lý, Việt góp lời:
- Tôi quen nhiều người đã từng phục vụ chung một đơn vị với hấn ở Sở Quân Vụ Phủ Đà Rồng, họ cho biết lúc trước, Xung rất *reglo*, quy tắc, làm việc chăm chỉ và năng nổ, tuân lệnh xếp một mực nên dù chỉ là lính văn phòng, hấn tiến thân rất nhanh, leo lên cấp bậc Thiếu Tá trong vòng 9 năm sau khi tốt nghiệp Khóa 20 Thủ Đức. Vô tù, cũng nghĩ như thế, hấn tiến thân theo lệnh của Quản Giáo, mà quên là tiến thân trên sự đau khổ của chiến hữu, đâm sau lưng anh em. Hành động như vậy là kẻ phản bội, chạy theo kẻ thù cũ...

Bốn người tù cũ ngồi lặng yên như đang đắm chiêu suy nghĩ về cảnh ngộ xưa.

Bên ngoài, nắng đã lên cao, nhiều xe lần lượt trám chỗ bãi đậu: Đến giờ mở cửa tiệm và công nhân viên đi làm. Cuộc sống xô bồ ở Cali vẫn trôi nổi, và đầy bất ngờ...

Ông Lộc đã ra người thiên cổ; còn Hồ Xung thì đang sống chui lủi, cô đơn và biệt lập. Như vậy có phải hiểu ra là hấn đã hại anh em? Hay đơn giản hấn chỉ tuân theo guồng máy mới, như hấn đã làm trước kia khi còn trong QLVNCH? Có lẽ mục tiêu của Xung chỉ là tiến thân, sinh tồn như đã từng thành công ở thời trước 75, và rồi hấn muốn lập lại cách hành xử này sau khi vào tù ?

Ý tưởng hay hành động, yếu tố nào quan trọng và có ảnh hưởng hơn? Thường ý tưởng hướng dẫn hành động, nhưng ngược lại, hành động cũng ảnh hưởng và làm thay đổi ý tưởng như một người cha la rầy đưa con, nhưng sau đó lại ân hận. Mặt khác, có khi một ý định rất tốt, nhưng hậu quả lại đưa đến hành động tàn nhẫn. Như vụ thả hai trái bom nguyên tử lên đầu người dân Nhật vô tội hồi 1945, Mỹ lấy lý do hành động ấy nhằm để chấm dứt chiến tranh. Như vậy có phải “*địa ngục được lót bằng những ý định tốt*”? Cũng như người lính xông pha trận địa để giết kẻ thù là do lòng ái quốc cao cả, nhưng khi một quân thù bị hạ gục thì tất nhiên đưa đến bao khổ đau cho gia đình, bạn bè của người vừa nằm xuống. Chả nhẽ hành động đó vừa tốt lại vừa xấu, tùy theo vị trí của người phán xét vấn đề?

Và như vậy, Hồ Xung có là một kẻ phản bội hay không?

- Xin phép các anh, tôi phải đi, đến giờ hẹn với bác sĩ.

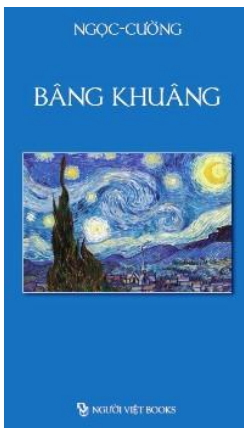
Lời từ giã của Việt đưa Khanh về với hiện tại... Bốn người lính già đứng dậy chia tay nhau. Toàn cũng phải về đưa bà xã đi làm, còn Hưng sẽ chờ Khanh đến thăm người chị ở Irvine.

Nghĩ đến người Đội trưởng cũ bị lên án và kết tội, Khanh chợt băn khoăn, không biết sẽ xử trí ra sao nếu tình cờ gặp lại Hồ Xung ở Phước Lộc Thọ.

Câu nói của vị Giáo Hoàng bỗng hiện ra trong tâm trí Khanh: “*Tôi lấy tư cách gì để có thể phán xét người khác!*”./.

NGỌC-CƯỜNG

Chú thích:(1) Sĩ Quan Tiền Sát của Pháo Binh QLVNCH.



Nhà văn Ngọc Cường tên thật là **Nguyễn Tường Cường**, sinh năm 1947 tại Hà Nội. Lớn lên và đi học ở Sài Gòn. Từng phục vụ các đơn vị: Tiểu đoàn 20 Chiến Tranh Chính Trị (Quân Đoàn II), Nha Báo Chí Phủ Tổng Thống, Cục Tâm Lý Chiến VNCH. Sau 1975, bị giam ở các trại tù của Cộng Sản. Vượt biên và định cư ở Ohio từ 1981. Hội viên Hội Văn Bút Việt Nam Hải Ngoại, miền Đông Hoa Kỳ. Đã xuất bản: **Bèo Giọt** (2014), **Hệ Lụy** (2016).

**** Băng Khuâng là tập truyện thứ 3, có bán trên Amazon Books (search: Cuong Ngoc) và trên mạng báo Người-Việt Shop. Giá \$ 17.**

Liên lạc: nguyentuongcuong@yahoo.com, phone (937) 269-9217 **

NGƯỜI TÌNH TRONG THƠ



Bỗng dung mình ao ước
em là người tình sâu
trong tim ta nhật nguyệt
bây giờ và mai sau

Người tình sâu không thấy
chôn nào không ai hay
cung đàn nào ai dạo
tiếng hát nào trên tay

Ta yêu trăng mùa hạ
nâng niu gió mùa thu
mùa đông buồn vơi vợi
nhưng tim không hững hờ

Mùa xuân hoa xuân nở
tình xuân nở mấy mùa
ta mang đời lữ thứ
xuân tàn lúc tuổi thơ

Bỗng dung mình ao ước
tình yêu em trong thơ
con chữ đầy trên giấy
chỉ thơ và chỉ thơ

Hồn thơ ta lãng mạn
chữ yêu là hư vô
chữ đời là hư ảo
vẫn thích tình vu vơ

Tuổi nào ta còn mộng
tuổi nào ta còn mơ
con tim còn rung động
thì còn nghĩ vẫn vơ

Tình đời vốn vô vọng
tình yêu vốn vô bờ
con tim còn máu đỏ
thì cứ mơ và mơ

Bỗng dung mình ao ước
trang thơ tình hôm nay
được dát vàng nạm ngọc
tên em cuộc đời này

Tình yêu non cao ngất
lời thương biển dâng đầy
người tình không có thật
ta tìm em trong mây.

Hoa Vãn

Mời nghe **NGƯỜI TÌNH TRONG THƠ - LMST phổ nhạc.**
Hương Hoài Diệp thực hiện: <https://www.youtube.com/watch?v=gsY-b-2JWZo>

CON DẬU

* Cát Đơn Sa (Diễm Châu) *

Từ khi chạy ra khỏi nước bằng đường biển, trong lòng bà Trang lúc nào cũng hoài vọng về quê hương, nơi có xóm đình làng Rạch Cạn, vùng sông nước miền Nam đã nuôi sống anh em bà trong thời thơ ấu, sau đó là con hẻm ở Biên Hoà, trước nhà ga xe lửa của thời hoa niên...

Càng nhớ về tuổi trẻ, bà Trang càng bồi hồi nhớ thương... Bà không muốn nghĩ đến điều này để lòng cứ day dứt mãi, nên ngồi vào bàn vặn máy computer lên, kiếm một phim hài hước Việt Nam coi cho quên đời...

Bà Trang là người dễ tính, dễ quên... những khi buồn đời, bà cứ phim hài mà chúm mũi vào, hay ra ngoài khu shopping dạo một vòng, nhìn người ta đông đúc qua lại, thì bà có thể thoải mái ngay một cách dễ dàng... Nếu bà là người sống nội tâm chắc là sẽ buồn khổ lắm!

Bởi vậy khi cu Tính ra trường, xin vào làm ở một hãng xa mẹ đến hàng ngàn cây số, lúc đầu bà Trang cũng quýu cả người lên vì lo lắng! Từ nào tới giờ hai mẹ con sống với nhau, nói đúng hơn là bà Trang coi thằng con là chỗ dựa tinh thần vững mạnh mà sống, còn thằng Tính thì bám vào vòng tay mẹ hẳn nhiên, vì chung quanh nó đâu còn ai thân thuộc mà bám!

SỐ 82

Hai mẹ con là điểm dựa tinh thần cho nhau...

Vậy mà thời gian trôi qua như bóng câu cửa sổ! Nhìn quanh thì bây giờ bà chỉ còn

minh ên đơn độc! Thằng Tính nay đã trưởng thành, đủ lông đủ cánh, có chí hướng riêng. Bà không muốn cản trở sự nghiệp và đời sống của con...

Bà chỉ biết nhảu:

- Con coi liệu mà kiếm vợ đi, lấy vợ Việt Nam nghe con...

Thằng nhỏ phản đối ngay, cái tính ương ngạnh như “má nó” lộ ra trước mắt:

- Lấy ai mà chẳng được hả mẹ! Con đâu có quen Việt Nam!

- Thì mẹ giới thiệu cho, bạn mẹ con cái họ thiếu gì... mấy người hay về Việt Nam... con gái Việt nghe nói tụi nó cũng đẹp lắm...

- Thôi... lấy mấy người đó họ chỉ thích đi Mỹ thôi, ai họ cũng gặt đầu chịu hết! Ông già rưng rún cũng chịu luôn, con đẹp trai làm vậy mất giá!

Bà Trang bực mình vì thằng con hay cãi, hài hước không đúng lúc... chứ không phải bực vì câu trả lời của nó, bởi những gì nó nói hoàn toàn đúng. Nhưng bà cũng trả lời:

- Đâu phải ai cũng như ai...

- Vậy chứ mẹ muốn con lấy ai?

Câu hỏi vặn lại của con làm bà Trang ú ớ! Bà chỉ muốn nó lấy vợ Việt Nam, chứ không phải là muốn giới thiệu cô nào! Bà ít bạn, bên đây chỉ có mỗi người bạn tên Hồng là thân, tính bà dù vẫn chương lai láng, nhưng con người lại đầy trách nhiệm, cũng như sự thật thà không khách sáo... nên bà ngại nói mấy chuyện riêng tư gia đình với người ngoài, nghe có vẻ kỳ kỳ làm sao!

Con bà cũng học hành danh phận đảng hoàng, lại còn trẻ, chưa cần phải lo chuyện vợ con, bà chỉ nói trước phòng hồ...

- Mẹ đâu biết, nhưng mẹ thích con dâu người Việt để nó nói được tiếng mẹ đẻ, rồi con của con cũng biết tiếng Việt... tốt hơn là không biết!

- Trời... mẹ lo xa quá! Mẹ nhìn quanh đi, những người lớn tuổi mẹ quen đó... gia đình họ Việt Nam mà con cái toàn là nói tiếng Mỹ, có đứa còn không hiểu tiếng Việt nữa là khác...

Thằng Tính nó tìm đâu ra điều này mà đối đáp tron tru! Quả không sai tý nào! Nhưng bà Trang chẳng nói thêm, vì con bà nó không còn nhỏ và chịu nghe lời bà như khi xưa... Nói cái gì nó cũng có vẻ “hiểu biết, chính xác, uyên thâm” hơn lập luận của bà...

Thấy mẹ im, thằng Tính hơi thương:

- Con có bồ rồi... khi nào rảnh đưa nó lại thăm mẹ, không phải Mỹ đâu mà mẹ lo...

Bà Trang mừng thầm, tính hỏi “Việt Nam hả con”... nhưng bà lại nói khác:

- Con sắp nhận việc rồi, thì đưa nó tới mau cho mẹ biết trước khi đi chứ...

Thế rồi hai mẹ con thoả thuận ngày giờ với nhau. Khi Tính đưa bạn gái tên Kim về nhà giới thiệu cho mẹ, thì ra cô là người Ấn Độ!

Cái thằng ham sắc!

Nhủ thầm trong bụng, nhưng bà Trang cũng công nhận cô Kim này khá đẹp. Bà nhớ thằng Tính hay phê bình:

- Đàn bà Ấn Độ nổi tiếng đẹp trên thế giới...

Buổi tối trước khi đi ngủ, Tính hỏi:

- Mẹ thấy sao? Kim được không?

- Mẹ không ưa mùi cà ri!

Điều này bà nói thật nhưng làm cho Tính giận! Thuở nào tới giờ bà Trang không thích ăn cà ri nị mấy, và bà cũng không quên mấy ông Ấn Độ bán vải ở Việt Nam thường có cái mùi nặng nặng giống hôi nách, khó chịu làm sao!

Nhưng Tính thì khác hẳn! Nó thích ăn cà ri, còn biết có bao nhiêu nhà hàng bán món cà ri ngon, kể ra vanh vách cho mẹ nghe ra điều hứng thú lắm!

Sự việc làm bà bất ngờ nhất là hai đứa nó cùng được một hãng nhận vào làm như nhau. Thế là chúng có đôi có cặp bay đi

phương trời xa, còn bà “già” cu ky một mình.

Rồi theo tính toán của chúng, một đám cưới sau đó được tổ chức ở Las Vegas, số người được mời là cỡ hai mươi, bên vợ cũng chẳng ai thêm tới tham dự, nghe đâu họ phản đối con họ lấy chồng Việt Nam!

Cô dâu không có cha mẹ mình cũng vẫn tinh bơ, cười tươi như hoa bên đám bạn bè thân thiết. Tính thì sắp xếp cho mẹ ngồi kế bên một anh bạn Việt Nam để mẹ nói chuyện. Bà Trang thấy đám cưới gì đâu mà nhạt nhẽo, chỉ có bà là lớn tuổi nhất, nhưng tụi trẻ thì đặc ý, có vẻ hoan hỉ là khác!

Con đã lấy vợ thì bà Trang phải tính cách khác. Bà không đại mà phản đối hay giận hờn âm ỉ như đa số các bà mẹ độc đoán... Làm quá thì mất dâu, mất cả con! Đám cưới của chúng dù không làm cho bà nở mày nở mặt, thì ít ra cũng chẳng tốn của bà xu nào!

Ngay cái vòng cần hột xoàn bà có mỹ ý, tính làm quà cưới cho cô dâu, chúng cũng không màng...

- Bây không cần thì tao lại cất vào hộp thôi...!

Bà nghĩ khi “ván đã đóng thùng” thì làm cách khác. “Hương” chúng về cội nguồn, tập cho con dâu ăn những món Việt thuần

túy, để không mất gốc. Tuy vậy, điều khó là chúng nó có ở gần bà đâu!

Thế là những lần đi chợ sau đó, bà Trang hay mua vài thứ đồ khô trữ, lâu lâu ra buro điện lấy cái hộp nhỏ “priority” gửi cho con, kèm theo cái “recipes” nấu ăn, để con dâu thực tập.

Vừa đi vào chợ với bà Hồng, bà Trang lẩm bầm:

- Thăng Tính thích ăn phở, gói cuốn, chả giò, bánh cuốn, cơm tấm bì sườn nướng chả trứng, bún riêu...

- Sao nó thích nhiều món vậy!

Nghe bạn hỏi, bà Trang cười xoà:

- Ừa, từ nhỏ đến lớn mình nuôi nó, cho nó ăn thành quen, cái gì nó cũng thích...

- Thì mỗi lần bà gửi cho nó một món thôi, bày cho vợ nó nấu, gửi nhiều quá vợ nó sẽ bị “tẩu hỏa nhập ma”...

- Có lý.

- Tui thấy chắc hơn nữa là bà bay qua thăm tụi nó, rồi nấu nướng tại chỗ thì “đổi phương” sẽ thám đòn ngay... gửi kiểu này chắc gì chúng xài!

- Có lý luôn.

Bà Hồng hỏi tới:

- Chùng nào bà đi?

- Phải đi thôi... tui ghét đi máy bay, nhưng để “bảo tồn nòi giống”, tui phải... “hy sinh đời mẹ để... sánh sẹ đời con”...

Tiếng bà Hồng cười lớn:

- Gì vậy má! Người ta nói “hy sinh đời bố để củng cố đời con”!

- Biết rồi... nhưng làm thơ cũng cho trúng chữ chứ!

- Cái đó là “thơ” đó hả? Ồ, tui có ý kiến này.

- Gì nữa đây?

Bà Hồng rủ rê theo kiểu “tối luôn bác tài”:

- Bà có một thân một mình, sao không gia nhập “làng thơ” với tui tui cho vui.

Bà Trang nheo mắt, hồi xưa trong lớp bà nổi tiếng văn hay chữ giỏi, bây giờ mới có người gái trúng chỗ ngựa khiến bà cảm thấy vui!... Lâu nay còng lưng ra nuôi con, bà quên nghĩ tới sở trường của mình! Nhưng...

- Tui có nghe nói cũng thích thích, nhưng sợ gặp mấy cha “dê” quá bà ơi!

Trời đất, dê thì ở đâu chẳng có, cần gì vô hội thơ mới gặp! Vội lại thời này làm như ăn phải “nấm độc” hay sao ấy, mấy “cha” có vẻ khác người, hồng thơ mộng như hồi xưa!

- Đâu phải là đàn ông mới khác người, cả đàn bà cũng vậy...

Nghe bạn nói, bà Hồng cà rờn:

- Chắc trong số đó có cả bà và tui?

- Không... ừ, mà biết đâu chừng mình cũng ăn phải “nấm độc” lúc nào mà không hay!

Hai bà tán dóc đã đời rồi chia tay. Bà Trang về nhà mở lịch coi ngày nghỉ nào

thuận tiện, rồi gọi điện thoại báo tin cho con hay là mình sẽ qua thăm chúng vào một ngày đẹp trời sắp tới.

Trong lúc chờ đợi, bà đi chợ mua những thứ đồ khô như bún khô, bánh phở, hoa hời, đinh hương, mấy cục gia vị làm bò kho, đường phèn, bánh tráng mỏng, bột gạo... cả một gói bột ngọt nho nhỏ mà bà nhất quyết phải mang theo, vì chợ Mỹ không có bán.

Dĩ nhiên là bà Trang còn mua thêm mắm nêm, và một chai nước mắm thượng hạng, giá tiền gần năm đồng, đem về quán giấy chêm mấy lớp, rồi cột vào hai ba cái bao ny long cẩn thận, nếu không may có bị bể hay đổ ra, thì còn có bao ny long chịu trận, chứ mấy thứ này tui ngoại quốc sẽ không chịu nổi mùi! Dù vậy, quán bao kỹ lưỡng xong, bà Trang lại lấy một cái hộp nhựa lớn đủ bỏ hai chai mắm vào, rồi đây nắp lại. Ở trong này chắc, tui bây sẽ không bể được.

Bà Trang hứng thú nhìn đống đồ mình vừa mới đóng gói. Bà nghĩ thương con ở xa, ăn uống sẽ không được chăm chút từng thứ như khi còn ở với bà. Lòng bà mẹ nào cũng thương yêu và lo lắng cho con, dù đứa con đó có già đầu đi chẳng nữa, nhiều khi đi ngoài đường người ta còn tưởng là hai chị em... nhưng dưới mắt người mẹ, con mình lúc nào cũng bé bỏng!

Tui nó sẽ ăn được cả tháng là ít!

Chuyên đi này bà tính sẽ ở chơi với con hai tuần là đủ. Bà không thích bỏ nhà đi lâu quá. Trong sân sau, bà có trồng những thứ cây, dù không phải quý giá cho lắm, nhưng nếu tụi nó thiếu nước mà ngúm, thì bà cũng tiếc hùi hụi!

Mới sáu tháng xa con, mà khi gặp lại thì con dâu đã có bầu! Cái bụng nó tròn quay nhô cao sau làn vải áo. Thăng Tính thì cung vợ đặc biệt, cái thằng khi ở nhà thì lười như hủi, không bao giờ giúp mẹ thứ gì... vậy mà bây giờ cũng biết chăm sóc vợ, không để cho vợ đặng tới cái gì, trừ buổi chiều nào sau bữa cơm, cũng phải đưa vợ đi dạo “hoạt động” khoảng một tiếng đồng hồ. Đúng là “dại gái”!

Thấy mẹ mang theo nhiều thùng bọng, Tính ngạc nhiên:

- Cái gì mà nhiều vậy mẹ?

- Đồ ăn...

- Đồ ăn?

Ánh mắt của cô dâu có vẻ ngạc nhiên, khi nghe Tính giải thích, Kim cười:

- Tụi con vẫn ăn uống hàng ngày mà mẹ!

- Không, những thứ này là đồ ăn Việt Nam.

Rồi bà Trang giải thích thêm với con dâu:

- Đồ khô, mẹ mang theo để chỉ con nấu cho chồng ăn, mẹ hay nấu mấy thứ này...

- Ủa thức ăn Việt Nam không có đồ tươi hả mẹ? Ở đây nhiều nhà hàng Việt, Tính đưa con đi ăn hoài...

Nghe vậy, bà Trang đã gắt:

- Đi ăn ngoài nhiều mỡ màng bột ngọt, độc hại lắm con ơi, ăn ở nhà lành hơn!

- Mẹ đừng lo, tụi nó nấu ngon lắm mẹ...

- Biết vậy, nhưng ăn ở nhà thì tiết kiệm tiền bạc và an toàn hơn con à...

- Tụi con có tiền mà mẹ!

Hai đứa này tiền lương gộp lại nghe nói hơn cả hai trăm ngàn đô la một năm, nhưng không phải vì vậy mà phung phí. Theo ý bà Trang, thì cái gì đáng mua hãy mua. Thấy chúng tiêu xài mà bà xót cả ruột!

Thế giới này người ta đói nhiều lắm, con biết không!

Biết mẹ sắp giảng mô ran, Tính nói lảng qua chuyện khác.

Kim không phải là một cô gái đảm đang như những cô gái con nhà Việt Nam đàng hoàng, giỏi giang. Kim sinh ra và lớn lên trong một gia đình khá giả chuyên về buôn bán mỹ phẩm bên Mỹ, cách suy nghĩ và xử thế của Kim cũng y như Tính.

Gia đình của Kim dù ở Mỹ, nhưng theo xưa giống như các quốc gia Châu Á di dân... Bởi vậy tới giờ, bên gia đình họ vẫn chưa chịu chấp nhận Tính là con rể trong nhà, mà chỉ là miễn cưỡng.

Tính hy vọng sau khi Kim có con, thì tình trạng sẽ tốt đẹp hơn.

Tính không nói cho mẹ biết về tình trạng của gia đình bên vợ. Kim cũng đồng ý

với Tính là nếu ba má cô mà cứ xử thế như vậy, thì cô sẽ không thèm biết đến họ nữa!

Bởi vậy, không bao giờ bà Trang nghe hai đứa nhắc đến gia đình bên vợ, cũng không có một cái hình nào của họ trong nhà... Nhưng thôi, chuyện con dâu đang có bầu cũng phải lo từ đây là vừa...

Ngày đầu tiên, khi bà Trang mở cái kho chứa đồ ăn trong nhà chúng nó, thì bà thấy ngay những hộp đồ khô gói bụu điện của bà chẳng ai mở ra xem, còn nằm nguyên trong đó. Bà thấy buồn buồn, cái buồn kéo dài ra cả buổi...

Nhưng rồi bà lại phải cố quên để cho không khí dễ thở:

- Kim, tới đây mẹ dạy cho mà nấu phở... Kim đang vác cái bụng khá to so với thân hình nhỏ nhắn của cô, ị ạch đi tới chiếc ghế sofa ngồi xuống, chứ không vào bếp với mẹ chồng:

- Con mệt... mẹ cứ làm một mình đi, chồng con thích ăn phở lắm, tuần nào cũng phải đi ăn một lần...

- Mẹ đã nói ăn ở ngoài độc hại lắm....

- Không có đâu. Nhà hàng này họ được báo chí Mỹ viết bài khen quá trời... nếu mẹ nói độc thì làm sao khách cứ đến nhiều vậy! Mà đâu thấy ai bị vô nhà thương!

Nghe Kim nói, bà Trang thấy bực quá nhưng... cũng đúng. Độc hại là khi về lâu

về già nó mới phản ứng, chứ có ai thấy liền đâu!

- Thì nó không làm mình chết bây giờ... có điều không tốt cho mình sau này... hồi xưa đâu có ai biết mà nói cho mẹ hay như các con bây giờ!

Kim tròn mắt lên:

- Mẹ không biết nên mẹ ăn phở ở tiệm hoài phải không?

Bà Trang tưởng con dâu đồng thuận với mình, gật đầu:

- Chứ sao nữa, giờ mới thấy hối hận.

- Mà tới giờ mẹ vẫn đâu có sao.

Tức thì thôi. Nhưng bà Trang không thêm nói với con dâu lười biếng này nữa.

Bà sẽ nói riêng với thằng con mình...

Nhưng rồi một lúc sau, nghĩ lại bà thấy con nhỏ cũng có lý. Ngày xưa bà ăn uống tuồng luông, bây giờ lớn tuổi rồi mới biết sợ... Dòng đời trôi chảy như thế, bà cảm chúng nó làm gì...

Nhìn con dâu trong chiếc bụng bầu uể oải bà cũng ngán ngẫm, ngày xưa có bầu thằng Tính bà còn tẻ hơn thế nữa, là nằm vùi trên giường suốt ngày, cơ thể bà như không giống với những người đàn bà bình thường khác, mà yếu đuối lạ lùng! Con Kim giống bà ở điểm này, nhưng nó còn đi lại trong nhà hay shopping, còn bà thì không! Nghĩ thế nên bà thông cảm cho dâu, cảm cúi o bế nôi phở thật ngon, để chúng còn thưởng thức.

Ngồi vào bàn ăn, nhìn con trai vừa húp nước súp vừa khen ngon luôn miệng, con dâu cũng y vậy, bà Trang cảm thấy bao nhiêu buồn phiền trôi cả... Bà khoái chí vì con cái ăn uống tận tình, không bày đặt chê ỏng eo như một số “quý tử” khác là bà vui rồi.

- Ai bày cho mẹ nấu phở vậy?

- Không ai hết, tự mẹ tìm tòi và nấu thôi... ăn thua là mình biết nêm nếm.

Tính khoe:

- Kim nó biết làm cá chiên dầm nước mắm ngon lắm mẹ.

- Thật không?

- Kim, ngày mai chiên cá “crunchy” cho mẹ ăn nha.

Con dâu cười toét miệng:

- OK, con thích món này lắm.

Ngày hôm sau, khi Tính đã đi làm, Kim thức dậy sớm hơn ngày thường, rồi sửa soạn rồi đi chợ với mẹ chồng. Hai người đón xe điện cho tiện. Ngồi trên xe, Kim nói:

- Xe điện sẽ chạy qua một khu rừng thông đẹp lắm nên con thích đi là vậy, chút nữa mẹ nhìn xem nhé.

- Con không đi làm sao?

Kim nhìn mẹ chồng, cười:

- Khi biết mẹ sắp qua chơi, con đã xin sở cho nghỉ nửa năm không ăn lương, nhân tiện để dưỡng sức sanh đẻ luôn, nên mẹ đừng lo...

- Vậy sao!

Bà Trang bất ngờ khi nghe Kim nói... “thì ra chúng nó cũng sửa soạn để đón mình chứ không vô tình quá như mình nghĩ”.

Bà thấy có cảm tình hơn với con dâu này. Nhưng những câu hỏi về hai hộp đồ khô chúng không đụng tới... mà bà Trang thắc mắc lẩn quẩn trong đầu. Bà muốn hỏi cho ra lẽ. Cuối cùng bà mở miệng:

- Sao mấy hộp đồ ăn mẹ gởi qua con không mở ra coi?

Kim ngạc nhiên:

- Hộp nào mẹ?

Thì hai hộp mẹ gởi bưu điện đó.

- Ủa, có đồ ăn trong đó hả mẹ?

- Chứ con nghĩ là mẹ bỏ cái gì trong đó?

- Ồ... vậy mà anh Tính nói con là mẹ gởi sách dạy nấu ăn, mà chính mẹ cũng nói là gởi sách mà! Con đâu biết chữ Việt mà đọc...

- Mẹ nói hỏi nào?

- Thì con thấy trên hộp mẹ có ghi là “book” mà!

Nghe Kim nói, bà Trang chợt nhớ ra đúng vậy, chính bà là người ghi chữ đó, vì bà nghĩ như vậy giá tiền cước phí sẽ rẻ hơn, có ai ngờ nếu dùng hộp của bưu điện, thì tiền gởi giống nhau... Bà giả lơ không nhắc đến nữa, trong lúc Kim hỏi:

- Lát về nhà con sẽ mở coi.

Hôm đó Kim đã chiên con cá thật giòn theo phương pháp của cô, dầm với nước mắm tỏi ớt do Tính làm, và nhất là mớ rau muống luộc có màu xanh, tươi rói theo cách nấu của Ba Tàu, như lời Kim thổ lộ.

Nước mắm tỏi ớt là do chính bà biên cho Tính một tờ giấy ghi cách làm, không ngờ thằng nhỏ còn giữ, và thực hiện cũng ngon.

- Mời mẹ ăn cơm...

Con dâu mời bằng tiếng Việt ngon nghịu, nhưng bà Trang rất vui lòng. Bà nghĩ: “Thôi từ nay nhớ chúng thì mình cứ qua thăm, nấu cho chúng ăn, nó muốn học thì học, không thì thôi, khỏi cần chỉ vẽ làm gì cho mệt... lâu ngày tự nhiên nó cũng biết”! Bà âu yếm nhìn dâu:

- Nghe thằng Tính nói con nấu cà ri ngon lắm. Mai nấu cho mẹ ăn nghe...

Cát Đơn Sa (Diễm Châu)

CHIỀU MƯA NHỚ BẠN

*Trời còn mưa bão bao lâu?
Bạn xưa trường cũ nơi đâu bây giờ?
Thời gian trôi lẹ đâu ngờ,
Vùi sâu xóa lấp tuổi thơ ngày nào?*

*Buồn vì vận nước lao đao,
Sinh từ đất Mẹ lẽ nào vô ơn.
Ngày mưa giông tố cô đơn, (1)
Biết bao khốn khó khi cơn bão vào?*

*Nhìn mưa, mắt lệ tuôn trào,
Kẻ Nam người Bắc dạt dào nhớ nhau.
Sáu ba năm lẹ qua mau, (2)
Duyên mà gặp lại tay lau lệ nhòa.*

*Tình thời đi học đậm đà,
Thầy yêu bạn mến chan hòa tuổi xuân.
Mùa Thu lá đỏ đầy sân,
Tự trường mong được Hồng ân ngập tràn.*

*Thu qua, Đông tới năm tàn,
Bạn, Ta cuộc sống tuổi Vàng còn bao?
Cuối đời mơ ước làm sao,
Còn ngày gặp lại khát khao mong chờ.*

*Quê hương, trường cũ xa mờ,
Ngày vui hội ngộ trông nhờ duyên may.
Ngoài trời mưa gió cuồng quay,
Nguyện cầu bão tố không bay cửa nhà.*

*Tình yêu bạn học thật thà,
Lợi, danh, vật chất chỉ là hư không.
Đất, Trời, vũ trụ mệnh mông,
Tương lai, Tổ quốc chờ trông học trò.*

Thái Hưng/ PGH

(1) Virginia đang có "Bão tố Florence" thổi vào khoảng 14 tháng 9, 2018

(2) Chu Văn An 1955 Sài Gòn



Giới Thiệu bài Ca dao:
NỤ TÂM XUÂN

* **Phạm Thị Nhung** *

Trong kho tàng văn chương bình dân phong phú của dân tộc, những bài ca dao nói về tình yêu lứa đôi là nhiều hơn cả. Song không phải cuộc tình nào cũng đi đến hôn nhân tốt đẹp, mà trong đời sống thực tế như ca dao chứng tỏ, đã có lắm cuộc tình lỡ vì nhiều lý do khác nhau. Nói về những bài ca dao loại này, bài **Nụ Tâm Xuân** được xem là nổi tiếng hơn cả.

- *Trèo lên cây bưởi hái hoa
Bước xuống vườn cà hái nụ tầm xuân
Nụ tầm xuân nở ra xanh biếc
Em có chồng anh tiếc lắm thay!*
- *Ba đồng một mớ trâu cày
Sao anh chẳng hỏi những ngày
còn không?
Bây giờ em đã có chồng
Như chim vào lồng, như cá cắn câu
Cá cắn câu biết đâu mà gỡ
Chim vào lồng biết thuở nào ra.*

Tương truyền bài ca dao trên gồm hai đoạn đối đáp giữa Chúa Trịnh Tráng và ông Đào Duy Từ. Nguyên vào thời Nam Bắc phân tranh, hồi đầu thế kỷ thứ 17, Chúa Trịnh Tráng đã nhiều phen cử đại binh vào Nam chinh phạt Chúa Nguyễn mà vẫn không thành công. Chỉ vì nơi đây

có nhiều chiến lũy kiên cố, như Lũy Đồi Hói, Lũy Trường Dục ...

Chúa Trịnh cho dò hỏi, được biết ông Đào Duy Từ gốc người Thanh Hoá, Đàng Ngoài, hiện là Quân Sư cho Chúa Nguyễn. Họ Đào đã giúp nhà Chúa đắc lực trong việc chấn chỉnh nội trị cũng như trong việc xây thành, đắp lũy để chống chọi với quân Bắc Hà. Hối tiếc vì đã không trọng dụng họ Đào từ trước, để ông trốn vào Nam phụ trợ Chúa Nguyễn. Trịnh Tráng bèn sai người ngầm đem phẩm vật ban tặng họ Đào, với bốn câu ca dao nhắn gửi:

-*Trèo lên cây bưởi hái hoa
Bước xuống vườn cà hái nụ tầm xuân
Nụ tầm xuân nở ra xanh biếc
Em có chồng, anh tiếc lắm thay!*

Biết ý Chúa Trịnh muốn chiêu dụ mình, Đào Duy Từ rất khó xử, vì mồ mả tổ tiên còn ở Đàng Ngoài nên không dám cự tuyệt. Nhớ lại tích Trương Tịch đời Đường xưa, sống trong cảnh loạn ly, họ Trương cũng đã rơi vào hoàn cảnh éo le như ông. Sau giải quyết được êm thấm là nhờ bài "*Tiết Phụng Ngâm*" mà giải bày được cảnh ngộ:

*-Gái tiết nghĩa không thể lấy hai chồng,
khác nào: Trai trung liệt không thể thờ
hai chúa.*

Đào Duy Từ bèn bắt chước Trương Tích,
mượn lời tạ tình của một thiếu phụ khác
để trả lời Chúa Trịnh:

*- Ba đồng một mớ trâu cay
Sao anh chẳng hỏi những ngày còn
không?
Bây giờ em đã có chồng
Như chim vào lồng, như cá cắn câu.
Cá cắn câu biết đâu mà gỡ
Chim vào lồng biết thuở nào ra.*

Tất nhiên bài ca dao trên được truyền
tụng sâu rộng trong dân gian (ngày nay
giới trẻ cũng biết nhiều qua bản phổ
nhạc của Phạm Duy). Nhưng không phải
vì lý do chính trị như vừa kể, mà vì tính
chất trữ tình và nhạc điệu của nó.

Bài ca dao chỉ vắn vẹn có mười câu thơ
viết theo thể song thất lục bát biến thức,
nhưng đã cực tả được một cuộc tình lỡ
rất thơ mộng, đầy xúc cảm và cũng đầy
cảm khái.

II. Trước hết, bốn câu thơ đầu (cc.1-4)
giới thiệu cho ta biết hoàn cảnh, tình
cảm và tâm trạng của chàng trai.

Chàng trai rời quê hương đi du học
phương xa đã mấy năm nay, một ngày
nào đó chàng bỗng cảm thấy nhớ nhung
cô bạn láng giềng nơi quê nhà. Chàng
thường lấy làm thích thú mỗi khi ôn lại

những kỷ niệm vui chơi cùng nàng trong
thời niên thiếu vừa qua:

*-Trèo lên cây bưởi hái hoa
Bước xuống vườn cà hái nụ tầm xuân ...*

Càng ôn lại kỷ niệm xưa, chàng càng ý
thức được rằng mình đã yêu ai, và có hy
vọng sẽ chiếm được trái tim của ai. Lòng
mừng khắp khởi như đã nắm được hạnh
phúc trong tầm tay.

Sau mười năm đi du học, thành đạt trở
lại quê nhà. Chàng nôn nóng ngóng
trông sang bên hàng xóm... Sao lạ chưa,
không hề nghe thấy tiếng nàng nói cười,
và “*bên hiên vẫn vắng bóng nàng*” (thơ
N. Bính). Dò hỏi cha mẹ, chàng mới hay
nàng đã bị gia đình ép gả chồng xa, nay
thì đã yên bề gia thất.

Hỡi ơi! Cả bầu trời như sụp đổ dưới
chân chàng. Chàng đau đớn nghe tim
mình như tan vỡ ra hàng trăm ngàn
mảnh... Thương cho ai mà lại tiếc cho
mình!

Cơn xúc động lắng dần... Vào những
ngày rảnh rỗi, chàng chỉ còn biết tự giam
mình trong phòng vắng, ôn lại những kỷ
niệm xưa... Chàng nhớ rất rõ, tất cả như
mới ngày hôm qua, chàng sống lại với
từng tiếng nói, tiếng cười, từng cử chỉ
của ai... Như một cuốn phim, những kỷ
niệm thân yêu ấy cứ diễn đi diễn lại trong
nỗi nhớ, niềm thương của chàng.

Cho tới một ngày ... bên hàng xóm bỗng
có tiếng người lao xao, nghe vắng lại
như tiếng nói của ai xưa. Chàng chồm
dậy, bước vội về phía khu vườn tuổi thơ

như người mộng du... Nơi đó, nhà chàng chỉ cách nhà nàng một hàng giậu thưa, trồng hoa hồng tầm xuân, một loại hồng leo. Cánh hoa mỏng, màu hồng, màu trắng hay vàng nhạt, rộ nở vào mùa xuân. Nơi đó còn có cây bưởi, hoa trắng ngần, thơm ngát; mãn khai khoảng tháng ba.



Chàng và nàng hồi đó chỉ cần lách mình là sang được vườn nhà nhau.

Chàng trai của chúng ta khi bước tới khu vườn tuổi thơ, thì mắt chàng chợt nhìn thấy bóng dáng một phụ nữ cũng mới xuất hiện bên hàng rào cuối vườn - *Nàng?... Chính nàng!* vừa nhận ra cô bạn gái hàng xóm, chàng chìm ngay vào một cảm giác choáng ngợp vì xúc động trước vẻ đẹp yêu kiều, mặt hoa mơn mớn, tươi thắm của ai kia!

Sau vài giây lấy lại bình tĩnh, chàng tiến về phía nàng và biết mình phải làm gì để xóa tan cái không khí ngại ngùng, xa cách giữa đôi bên. Chàng bèn nhắc lại

mấy kỷ niệm thân thiết giữa họ trong thời niên thiếu ngày nào:

- *Trèo lên cây bưởi hái hoa*

Bước xuống vườn cà hái nụ tầm xuân

Ý chàng muốn nói - Ôi cái thời trẻ dại đó, chúng mình còn thơ ngây, hồn nhiên quá; chỉ biết "*Trèo lên cây bưởi hái hoa/ Bước xuống vườn cà ...hái nụ tầm xuân*" vui chơi vô tư bên nhau. Nào có để ý phân biệt hoa với nụ gì đâu? Hoa bưởi bị hái đã đành, mà mấy nụ tầm xuân bên hàng rào cũng bị bọ mình ngắt luôn! Quả nhiên sau lời nhắc lại kỷ niệm xưa có pha chút "đùa giỡn" của chàng; chàng và nàng cùng cười lên vui vẻ. Họ đã lấy lại được không khí tự nhiên của tình bạn thân thiết thuở nào. Nhờ vậy chàng mới dám tính tới chuyện ngỏ lời khen ngợi nhan sắc của cô bạn. "*Nàng đẹp quá! Vâng, nàng đẹp quá!*" Chàng tự nhủ, không thể khen một cách bộc trực như thế được, mà phải khen sao cho thật bóng bẩy, tế nhị kia. Chàng sực nhớ mình vừa nhắc tới kỷ niệm về *nụ tầm xuân* trong thời niên thiếu của họ.

Đúng quá, thuở ấy nàng còn nhỏ nhít, khác gì nụ tầm xuân mới đâm chồi nảy lộc, còn ở thể trạng nụ hoa xanh ngắt, non tơ. Nay nàng tới tuổi dậy thì, nhan sắc đến kỳ khai hoa trở mã, thì cũng khác gì từ nụ hoa xanh ngắt non tơ kia, vươn ra thành những cánh hoa ...những cánh hoa...Trong khi đôi mắt chàng trai đang "bám sát" vào cô bạn láng giềng

hết sức xinh đẹp và rất mực thương yêu của chàng, chàng đâu có thể chấp nhận chuyện ví von nhan sắc của nàng giờ đây khác nào những cánh hoa tầm xuân màu hồng, màu vàng hay màu trắng nhạt nhẽo dung dị ngoài đời? Không, không... nhan sắc nàng như từ nụ hoa xanh ngắt, non tơ kia phải trở ra thành những cánh hoa rất tươi, rất thắm; ngắt một màu xanh biếc nguyên trinh. Đúng rồi!

- Nụ tầm xuân nở ra xanh biếc!

Thế là màu hoa tầm xuân của chàng trai đã rời khỏi màu sắc hiện thực của ngoại giới để trở thành màu hoa "*xanh biếc*" của tâm giới!

Chỉ một sát-na của thời gian, bằng ấy sự suy luận, so sánh, liên kết hình ảnh, màu sắc, cùng trí tưởng tượng; cộng thêm với nỗi xúc động bởi tình yêu đắm đuối trước tấm nhan sắc tươi tắn, mặn mà của người bạn gái đã diễn ra trong tâm trí chàng, để thoát ra thành một lời khen tặng vừa bóng bẩy ý nhị, vừa thâm trầm,thắm thiết.

Nhưng than ôi! Nhan sắc cô bạn láng giềng càng xinh tươi, đậm thắm bao nhiêu thì nỗi tiếc hận của chàng càng thống thiết bấy nhiêu:

*- Nụ tầm xuân nở ra xanh biếc
Em có chồng, anh tiếc... lắm thay!
(cc.3-4)*

Chỉ hai câu thơ ngắn ngủi ấy thôi, chàng trai đã thổ lộ được hết cùng cô bạn láng

giềng cái tâm sự yêu đương tha thiết, và nỗi lòng tiếc hận khôn cùng của mình. Thật vậy, người ta đã hỏi nàng làm vợ, đã lấy nàng vì những lý do nào chàng không cần biết. Riêng đối với chàng, nàng là viên bảo ngọc vô giá! Nàng tượng trưng cho tất cả những kỷ niệm êm đềm hạnh phúc của chuỗi ngày niên thiếu thơ ngây. Nàng là đoá hoa hồng tầm xuân mơn mớn, tươi thắm, đối tượng của tình yêu ngọt ngào trong tuổi thanh xuân của chàng. Suốt bao năm nay nàng đã luôn luôn hiện diện trong lòng tưởng nhớ của chàng, khích lệ chàng trên đường học vấn, và cùng chàng mộng mơ về một tương lai tươi sáng, chứa chan hạnh phúc ... Thế mà giờ đây "*Em đã có chồng!*" Đổ vỡ hết rồi, tiếc nuối biết bao nhiêu:

- Nụ tầm xuân nở ra xanh biếc

Em đã có chồng, anh tiếc .. lắm thay!

Cả hai câu thơ rút lại chỉ một chữ "tiếc" đủ gói ghém trọn ý.

*

Còn cô láng giềng thì sao?

II/. Sáu câu thơ cuối (cc.5-10) đã cho chúng ta biết về cảnh ngộ cùng tâm tình, thái độ của cô gái.

Cô láng giềng đi lấy chồng xa đã bao tháng rồi, mãi hôm nay nàng mới có dịp trở lại quê nhà. Vừa ra thăm vườn cũ... nào ngờ được gặp lại người bạn trai hàng xóm thưở nào. *Chàng đi xa học*

hành lập nghiệp từ mười năm nay, chàng trở về rồi đó ư? Người thanh niên cao lớn đang đứng dưới gốc cây bưởi gần hàng rào, hướng mặt về phía nàng là chàng đó ư?- Đúng rồi, người xưa đây mà! Nàng vừa xúc động, vừa bối rối, then thùng ...

Suốt thời niên thiếu thơ ngây, nàng và chàng thường vui chơi thân thiết bên nhau. Từ ngày chàng đi xa du học, đôi khi nàng có thoáng thấy lòng mình nhớ nhung ai. Nhưng mãi đến tuổi dậy thì, bắt đầu biết mộng mơ, hình ảnh ai kia mới thực sự ngự trị trong trái tim nàng. Từ đó nàng âm thầm mong ngóng ai về... Trong thời gian này, những người tới dạm hỏi nàng làm vợ, nàng đều viện hết có này, có nọ để thoái thác. Nàng cố tình chờ đợi chàng! Năm tháng lặng lẽ trôi qua... Chàng không một lần trở về, cũng chẳng một lời nhắn gửi thăm hỏi, nàng tránh sao khỏi buồn tủi:

- Duyên kia ai đợi mà chờ

*Tình kia ai tưởng mà tơ tưởng tình !
(ca dao)*

Nên đã có một ngày, nàng đành gạt nước mắt nghe lời cha mẹ đi lấy chồng. Một người chồng xa xứ mà trước đó nàng không hề quen biết, nói chi tới yêu thương? Hôm nay bất ngờ gặp lại người xưa, nàng xúc động quá. Đã vậy còn được nghe chàng thổ lộ tâm tình :

-Nụ tâm xuân nở ra xanh biếc

Em có chồng anh tiếc lắm thay !

Trời ơi ! Thì ra... chàng cũng đã yêu nàng say đắm và đã muốn cùng nàng kết tóc xe tơ! Sung sướng và cảm động làm sao! Nhưng...nhưng nay đã lỡ làng hết rồi. Nàng không khỏi trách chàng đã quá chậm bước:

- Ba đồng một mớ trâu cay

*Sao anh chẳng hỏi những ngày
còn không ?*

Qua câu nói ấy, vô tình nàng cũng đã thổ lộ tình yêu của nàng cho chàng hay.Nếu như chàng xin dạm hỏi nàng ngay từ ngày nàng "còn không" thì nàng đã bằng lòng!

Hơn nữa, không chỉ nàng ưng chịu mà song thân nàng cũng đã sẵn sàng đón nhận cuộc hôn phối này.Chẳng thế, hai vị vẫn có ý nấn ná đợi chờ chàng trở về, sẽ dành mọi sự dễ dàng cho chàng, chỉ cần:

- Ba đồng một mớ trâu cay

"*một mớ trâu cay*" là cách nói hoán dụ, lấy một phần để chỉ tổng thể lễ vật dạm hỏi. Gồm trâu, cau, trà, rượu. Vàng, chỉ với lễ vật tối thiểu trong nghi thức đi dạm vợ đó thôi là gia đình nàng đã chấp thuận cho chàng làm rể. Vậy mà chàng đã không sớm lo liệu? Năm tháng trôi qua, nàng đã đứng tuổi (thời xưa con gái 13,14 tuổi chưa ai đến dạm hỏi, đã bị coi là "ế" !). Thế nên gia đình nàng đã ép nàng phải lấy chồng. Hôm nay nàng và chàng được gặp lại nhau, hiểu rõ lòng

nhau; điều này hẳn là một niềm an ủi lớn cho họ. Nhưng cũng vì vậy mà nỗi tiếc hận của nàng, nhất là của chàng càng nhân lên gấp bội.

Than ôi ! đã quá muộn rồi! Đã lỡ làng hết rồi ! Nay nàng đã là gái có chồng. Dầu cuộc sống lứa đôi của nàng bị câu thúc, không có hạnh phúc. Nàng đã tự ví kiếp làm vợ bị tù túng của mình “*Như chim vào lồng / Như cá cắn câu*”.

Nhưng nàng đành chấp nhận. Vậy xin chàng đừng tơ tưởng, vấn vương gì nữa, vì Số phận của nàng đã an bài:

- *Cá cắn câu biết đâu mà gỡ
Chim vào lồng biết thuở nào ra.*

Câu trả lời của người thiếu phụ rất thành thực. Tuy có ý buồn cho cảnh ngộ nhưng rất đứng đắn, dứt khoát từ chối tình yêu của người bạn trai láng giềng thân thiết thuở nào. Điều này đã làm chúng ta phải cảm động và quý mến nàng. Nàng đã biết chế ngự tình cảm lãng mạn của mình, biết dừng ở lúc phải dừng. Dù lấy chồng không yêu thương, cuộc sống hiện tại không như ý. Nhưng một khi đã làm vợ, nàng biết giữ bổn phận phải thủ tiết với chồng, để duy trì sự yên ấm cho gia đình. Nàng không giống như nàng tiết phụ của Trương Tích, nhận ngọc của một chàng trai ái mộ mình, đem giấu trong dải yếm. Khi ý thức ra bổn phận phải thủy chung với chồng mới vội trả ngọc lại cho người, với hai hàng nước mắt tiếc rẻ:

- *Hoàn quân minh châu song lệ thù
Hận bất tương phùng vị giá thi.*

Kết Luận. Tóm lại, bài ca dao Nụ Tầm Xuân chỉ với mười câu thơ song thất lục bát biến thức ngắt ngụi nhưng đã diễn tả một cách xuất sắc về một cuộc tình lỡ rất nên thơ và cảm động. Vừa có giá trị nhân bản, vừa có giá trị đạo đức. Ý tứ đã dồi dào, tinh tiết lại sôi nổi, tràn ngập cảm xúc. Đồng thời, hình thức đã hội đủ những ưu điểm: Nhịp thơ khi êm đềm, thanh thoát ở những câu lục bát gieo toàn vần bằng; khi lại bổng trầm nức nở ở những câu song thất lục bát gieo hai vần bằng, trắc xen nhau. Nhất là âm **tiếc** ở câu 4 (bắt vần với âm biếc ở câu 3), khi phát ra trong khẩu cung (miệng), âm tiếc có phụ âm đầu **t** thuộc loại âm bổng, **i ê** thuộc loại nguyên âm bổng, với dấu sắc (/) thuộc loại thanh bổng. Nhưng ... đã bị phụ âm cuối **c** thuộc loại âm tắc (âm phát ra tận cuống họng) chặn lại. Nên khi đọc lên, nhịp thơ bị đứt đoạn, nghe như tiếng nấc nghẹn ngào; rất thích hợp để diễn tả nỗi lòng tiếc hận không cùng của chàng trai ở đây.

Do đó, chúng ta có thể nói, bài ca dao NỤ TẦM XUÂN là một trong mấy bài ca dao trữ tình nổi tiếng nhất trong kho tàng văn chương bình dân truyền khẩu của dân tộc ./.

PHẠM THỊ NHUNG

GIỌT MỒ HÔI và EM

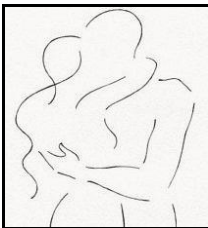
*Dáng xưa em bao kỷ niệm đong đầy
Gọng ca buồn như ray rứt sương vầy
Một cánh hoa rơi, ôi! đời nghiệt ngã
Đôi mắt u buồn, cơn gió nhẹ lay.*

*Từng hạt sỏi âm thầm, cây khô cháy
Ánh tà dương đang xuống, thoáng hồn say
Vào cõi mênh mông, chiều tiễn chân ngày
Lòng em đó, bao vầng mây dịu vợi.*

*Từ hạt bụi nắng hồng lên phơi phới
Tiếng oanh ca, giọng hát đến tuyệt vời
Mắt nai em, bờ môi êm nhung gấm
Áng hương thè đường cũ ...có phai phôi?*

*Chiều xưa đó, tóc em phủ tơ trời
Trái tim trong nhau, yêu đương mời gọi
Mộng mơ nhiều nhưng bình minh chưa tới
Hoàng hôn về, bão nổi suốt đêm thâu.*

*Nụ hôn môi: ngây ngất mộng ban đầu
Hơi em thở nghe hương nồng bất tuyệt
Siết chặt nữa, vòng ân tình tha thiết
Giọt mồ hôi đầm ướt áo em xanh...*



BÙI THANH TIÊN

NẮNG HẠ ĐÃ PHAI RỜI

Tháng ngày vẫn lặng trôi
Nhục vinh, lòng hồ thẹn
Thầm biết một mình thôi
Nhớ lại thời mộng muội
Buồn theo suốt cuộc đời
Thơ nằm cho một gặm
Đêm thắm, giọt sầu rơi.

LÝ HIẾU 09 - 2018



MUA VUI BÁN BUỒN

Mua niềm vui, bán nỗi buồn
Làm sao qua hết
ngọn nguồn lạch sông
Hay là về lại đám đông
Bao nhiêu mới thấy
cõi lòng thành thoi...

PHAN KHÂM

HERTA MULLER (1953 -)

Nữ Văn Hào Romania

Đoạt Giải Thường Nobel Văn Chương Năm 2009

* **Phạm Văn Tuấn** *



Herta Muller là nhà văn viết tiểu thuyết, nhà thơ, nhà văn viết bình luận (essayist) và cũng là Nữ Văn Hào lãnh Giải Thường Nobel Văn Chương năm 2009.

Từ đầu thập niên 1990, nhà văn nữ Herta Muller đã nổi

tiếng trên văn đàn thế giới và các tác phẩm của bà đã được chuyển dịch sang hơn 20 ngôn ngữ. Các tác phẩm văn chương của Herta Muller trở nên danh tiếng vì đã mô tả các ảnh hưởng của bạo lực, sự tàn ác và các cách khủng bố trong đất nước Cộng Sản Romania dưới thời kỳ cai trị tàn bạo của chế độ Nicolae Ceausescu, đây là quê hương mà bà đã từng trải qua các kinh nghiệm đau thương.

Nhiều tác phẩm của bà Herta Muller đã kể lại toàn cảnh xã hội từ quan điểm của sắc dân thiểu số Đức sinh sống tại hai địa phương Banat và Transylvania. Cuốn tiểu thuyết xuất bản năm 2009 được rất nhiều độc giả ca ngợi có tên là "Thiên thần đói khát" (The Hunger Angel = Atemschaudel) đã mô tả cảnh trực xuất sắc dân Đức thiểu số trong nước

Romania tới các "Quần Đảo Ngục Tù" của Stalin trong thời gian quân đội Liên

Xô chiếm đóng xứ Romania và người Nga đã dùng những người gốc Đức này làm lực lượng lao động cưỡng bách.

Nhà văn nữ Herta Muller đã nhận được hơn 20 Giải Thường, gồm có: Giải Thường Kleist năm 1994 (the Kleist Prize), Phần Thường Văn Chương Quốc Tế IMPAC Dublin năm 1998 (the

International IMPAC Dublin Literary Award), Phần Thường Nhân Quyền Franz Werfel năm 2009 (the Franz Werfel Human Right Award)...

Vào ngày 08 tháng 10 năm 2009, Hàn Lâm Viện Thụy Điển (the Swedish Academy) đã công bố rằng nhà văn nữ Herta Muller được trao tặng Giải Thường Nobel Văn Chương và đã mô tả bà Muller là một phụ nữ "với cách tập trung thơ phú và lời văn xuôi thẳng thắn, đã mô tả toàn cảnh của những người bị chiếm đoạt" (who, with the concentration of poetry and the frankness of prose, depicts the landscape of the dispossessed).

1/ Các năm niên thiếu

Herta Muller sinh ra đời vào ngày 17 tháng 8 năm 1953 trong làng Nitchidorf (tiếng Đức là Nitzkydorf), hạt Timis trong

khu vực Banat ở miền tây của nước Romania với tiếng mẹ đẻ là tiếng Đức. Gia đình Muller này thuộc về sắc dân thiểu số Đức với ông nội của Herta Muller là một nhà buôn và nhà nông giàu có, có tài sản bị chế độ Cộng Sản tịch thu. Cha của bà Muller là một quân nhân trong đội quân SS của Đức Quốc Xã trong thời kỳ Thế Chiến Thứ Hai, rồi về sau kiếm sống bằng nghề tài xế trong xứ cộng sản Romania.

Vào năm 1945, mẹ của Herta Muller khi đó mới 17 tuổi, đã bị trục xuất cùng với 100,000 người Đức thiểu số khác, tới các trại lao động cải tạo của Stalin nằm bên trong Liên Bang Xô Viết rồi sau đó, bà mẹ này được thả ra vào năm 1950.

Tiếng mẹ đẻ của Herta Muller là tiếng Đức nhưng cô Herta đã học tiếng Romania tại trường trung học rồi khi lên Đại Học Timisoara, Herta Muller theo học môn Ngôn Ngữ Đức và Văn Chương Romania. Tới năm 1976, cô Herta làm công việc dịch thuật (a translator) trong một cơ xưởng kỹ nghệ nhưng qua năm 1979, cô bị sa thải khỏi nhà máy vì từ chối cộng tác làm tình báo viên cho cơ quan Mật Vụ Securitate của chế độ Cộng Sản Romania. Sau khi bị sa thải, cô Herta kiếm sống bằng nghề dạy các học trò tiểu học và dạy tư tiếng Đức.

2/ Theo nghiệp Văn Chương

Cuốn truyện đầu tiên của Herta Muller có tên là "Các Nơi Thấp Nhất" (Nadirs = Niederungen) được phổ biến bằng tiếng Đức trong nước Romania vào năm 1982. Đây là ấn bản đã bị nhà nước kiểm duyệt, nhưng ấn bản đầy đủ được

phát hành tại Tây Đức mới thực sự gây ra sôi động trong dư luận. Cuốn truyện này mô tả đời sống của những người Swabians sinh sống trong khu vực Banat với các cảnh sống bị ám ảnh bởi nỗi lo sợ, sự tuyệt vọng, sự tham nhũng, cảnh nghèo đói và bạo lực. Nhiều người trong cộng đồng Banat Swabian đã chỉ trích Herta Muller vì cách mô tả thiếu thiện cảm đời sống của dân làng Banat.

Herta Muller đã là một hội viên của Nhóm Aktionsgruppe Banat, là nhóm các nhà văn viết tiếng Đức tại Romania, họ ủng hộ và cổ võ nền tự do ngôn luận, chống đối chế độ kiểm duyệt của chính quyền cộng sản Nicolae Ceausescu. Nhóm Aktionsgruppe Banat này đã bị cơ quan mật vụ Securitate giải thể.

Một tác phẩm khác đề cập tới vấn đề này, đó là cuốn truyện "Miền Đất của những Trái Mận Xanh" (The Land of Green Plums). Khi bà Herta Muller viết ra hai tác phẩm kể trên, bà đã bị cơ quan Mật Vụ Securitate xách nhiễu rồi sau đó, bà Muller đã xác nhận sự việc này trong một bài viết đăng trên tạp chí hàng tuần Die Zeit vào tháng 7 năm 2009.

Năm 1985, Herta Muller bị từ chối, không được phép di cư sang Tây Đức nhưng rồi hai năm sau, 1987, bà Muller cùng người chồng là nhà văn Richard Wagner được chính quyền Romania cho phép ra đi, sang thành phố Tây Berlin, tại nơi này, bà Muller nhận chức vụ giảng dạy ngôn ngữ Đức tại các đại học và tại các nước ngoài.

Bà Herta Muller được bầu làm hội viên của Hàn Lâm Viện Ngôn Ngữ và Thơ Ca Đức (the Deutch Akademie fur

Sprach und Dictung) vào năm 1995, sau đó là các danh dự khác.

Nhà văn nữ Herta Muller đã nhận được hơn 20 Giải Thưởng, gồm có: Giải Thưởng Kleist năm 1994 (the Kleist Prize), Phần Thưởng Văn Chương Quốc Tế IMPAC Dublin năm 1998 (the International IMPAC Dublin Literary Award) trị giá 100,000 euro (tương đương với 85,000 bảng Anh), Phần Thưởng Nhân Quyền Franz Werfel năm 2009 (the Franz Werfel Human Right Award)...

Năm 1997, bà Herta Muller rút tên ra khỏi Trung Tâm Văn Bút Đức (the PEN Centre of Germany) để phản đối sự sát nhập của trung tâm này với trung tâm cũ của Đông Đức bởi vì đã có nhiều nhà văn Đông Đức đã làm mật báo viên cho cơ quan an ninh Stasi của Cộng Sản Đông Đức và những nhà văn kể trên chưa được bạch hóa trước công luận.

Nhà văn Herta Muller cho xuất bản tác phẩm "Sổ Thông Hành" (the Passport) trong đó tác giả đã dùng kỹ thuật ý nghĩa đặt sai chỗ (a strategy of displaced meaning) theo đó Nicolae Ceausescu không bao giờ được nói tới, nhưng nhà độc tài này vẫn là trung tâm của câu chuyện mà người đọc không bao giờ có thể quên được.

Vào năm 2009, Herta Muller đã thành công một cách lớn lao trên văn đàn quốc tế do cuốn tiểu thuyết "Thiên Thần Đói Khát" (the Hunger Angel = Atemschaudel), tác phẩm này được đề nghị dự tranh Giải Thưởng Sách Tiếng Đức (the German Book Prize = die Deutcher Buchpreis) và đã đoạt được Phần Thưởng Nhân Quyền Franz Werfel (the Franz Werfel Human Rights Award).

Trong tác phẩm này, Herta Muller đã mô tả cuộc hành trình của một người trẻ bị đẩy vào "Quần Đảo Ngục Tù" bên trong nước Liên Xô, với các điều kiện sống kinh hoàng, cũng như số phận bị đầy ải khổ cực của nhiều người Đức trong miền Transylvania sau Thế Chiến Thứ Hai.

Sở dĩ Herta Muller viết ra được tác phẩm này bởi vì bà đã phỏng vấn nhà thơ Oskar Pastior, ông này đã kể lại quá khứ đau thương của mình khi bị bắt buộc làm lao động khổ sai tại Donets Basin, Liên Xô, và bà Herta Muller cũng dùng các kinh nghiệm sống còn của chính bà mẹ của tác giả. Qua các cuốn tiểu thuyết, các bài bình luận và các tập thơ, nhà văn Herta Muller luôn luôn đề cập tới các cảnh đàn áp, các cách khùng bố của chế độ độc tài cộng sản và sự lưu vong của chính mình.

Vào tháng 10 năm 2009, Hàn Lâm Viện Thụy Điển cũng trao Giải Thưởng Nobel Văn Chương cho nhà văn nữ Herta Muller bởi vì tác giả đã mô tả một cách thẳng thắn hoàn cảnh của những người dân bị chiếm đoạt đất đai và tài sản, rồi bị tống khứ đi các trại lao động cải tạo. Bà Herta Muller là phụ nữ thứ 12 đoạt Giải Thưởng Nobel Văn Chương trong 108 năm phát giải, và bà đã nhận được số tiền thưởng là 10 triệu đồng kronors Thụy Điển, tương đương với 893,000 bảng Anh.

Ông Peter Englung, Thư Ký Thường Trực của Hàn Lâm Viện Thụy Điển, đã ca ngợi nhà văn nữ Herta Muller về cách dùng các từ cực kỳ chính xác (extreme precision of words) do bởi bà Muller đã sinh sống trong một chế độ độc tài, tại nơi này ngôn ngữ đã bị dùng sai và đã bị lạm dụng (abused). Ông Englung cũng

khuyến các độc giả chưa quen với tác giả Herta Muller nên đọc cuốn tiểu thuyết "Mảnh Đất của các Trái Mận Xanh" (the Land of Green Plums = Herztier) bởi vì nhiều người coi đây là tác phẩm hay nhất của nhà văn Herta Muller.

Hàn Lâm Viện Thụy Điển cũng so sánh sự tương đương trong thể văn của Herta Muller với thể văn của Franz Kafka và ảnh hưởng của Kafka trong các tác phẩm của Herta Muller. Giải Thưởng Nobel Văn Chương này trùng hợp với ngày kỷ niệm 20 năm sụp đổ của Chủ Nghĩa Cộng Sản, và ông Michael Kruger, giám đốc của nhà xuất bản các tác phẩm của Herta Muller đã cho biết: "Do tặng Giải Thưởng Nobel Văn Chương cho Herta Muller, Ủy Ban đã nhận ra một tác giả đã không để cho độc giả quên lãng bộ mặt bất nhân (inhuman side) trong đời sống dưới chế độ Cộng Sản".

Năm 2012, khi nhà văn Mạc Ngôn (Mo Yan) của Trung Cộng được trao tặng Giải Thưởng Nobel Văn Chương, bà Herta Muller đã bình luận rằng Hàn Lâm Viện Thụy Điển rõ ràng đã lựa chọn một tác giả cổ võ cho sự kiểm duyệt.

3/ Nhận xét về Nữ Văn Hào Herta Muller

Herta Muller đã không cho biết các nhân vật hay các quyển sách đặc biệt nào đã ảnh hưởng đến văn nghiệp của bà, nhưng bà Muller lại xác nhận sự quan trọng của ngôn ngữ khi theo học các nền văn chương Đức và Romania, bởi vì có khi với cùng một từ, ý nghĩa lại thuộc về hai thế giới khác nhau.

Các tác phẩm của bà Herta Muller bị ảnh hưởng của nhiều kinh nghiệm của người chồng cũ là ông Richard Wagner, một nhà văn viết tiểu thuyết kiêm viết bình luận. Cả hai người này cùng trưởng thành trong nhóm sắc dân thiểu số Banat Swabian, cùng theo học văn chương Đức và Romania tại Đại Học Timisoara, cùng là giáo sư dạy tiếng Đức và cùng ở trong Nhóm Aktionsgruppe Banat, đây là một hội văn chương tranh đấu cho nền tự do ngôn luận.

Do ở trong nhóm tranh đấu kể trên, Herta Muller đã có đủ can đảm để viết một cách thẳng thắn mặc dù các đe dọa và các cách xách nhiễu của bọn Mật Vụ Romania. Các tác phẩm của Herta Muller đều thuộc loại giả tưởng nhưng được viết ra do các kinh nghiệm thực sự và được căn cứ vào các người thực sự bởi vì tác giả Herta Muller là nhân chứng của một thế giới bị thống trị bằng hận thù, nơi này con người bị đối xử một cách tàn ác, mọi người trở nên vô cảm trước các nghi lễ và đạo đức, cá tính bị tiêu diệt, con người bị coi rẻ như nô lệ, mọi thứ đều do Đảng và Nhà Nước quyết định.

Herta Muller đã mang lại cho độc giả những kinh nghiệm chính trị quan trọng khi chủ nghĩa Cộng Sản vẫn còn tồn tại nhưng các tác phẩm của bà đã không bị chính trị hóa. Bà Herta Muller đã nói lên các bằng chứng, các kinh nghiệm của thế giới độc tài và tàn bạo của Nicolae Ceausescu, nơi chính bà đã được sinh ra và trưởng thành. Trước những người sinh sống trong chế độ đàn áp và tàn ác này, họ chỉ biết cúi đầu khuất phục thì tác giả Herta Muller đã phê phán, lên án

chủ nghĩa đó với ý thức trách nhiệm và nhân bản.

Khi được nhật báo Ba Lan Gazeta Wyborcza hỏi ý kiến về cái chết của vợ chồng nhà độc tài Nicolae Ceausescu trong cuộc cách mạng năm 1989, bà Herta Muller đã nói: “Tôi đã nhìn thấy trên TV và tôi đã khóc. Cuộc xử bắn thật đau lòng nhưng họ xứng đáng với kết cục đó, suốt 20 năm sinh sống trong chế độ của Ceausescu, lúc nào tôi cũng thầm mong cho họ chết đi. Tôi nói vậy, nhưng tôi không ủng hộ án tử hình”.

Cuốn tiểu thuyết "Mảnh Đất của các Trái Mận Xanh" (the Land of Green Plums) xuất bản năm 1996, được sáng tác sau cái chết của hai người bạn mà bà Herta Muller nghi ngờ rằng cái chết này do bởi bọn Mật Vụ và một trong các nhân vật của cuốn truyện được căn cứ vào một người bạn thân trong Nhóm Aktionsgruppe Banat. Bà Herta Muller đã nói cuốn tiểu thuyết này được viết ra để “tưởng nhớ các người bạn Romania của tôi đã bị giết chết bởi chế độ Ceausescu”.

Truyện “Mảnh Đất của các Trái Mận Xanh” mô tả bốn người trẻ tuổi sinh sống trong chế độ cảnh sát toàn trị của xứ sở cộng sản Romania và người kể chuyện là một thiếu nữ trẻ không cho biết tên, thuộc về sắc tộc thiểu số Đức. Nhân vật đầu tiên được giới thiệu với độc giả là cô gái tên là Lola, cô này ở cùng phòng với 5 cô gái khác, kể cả người kể chuyện, trong nhà lưu trú của trường đại học. Lola ghi lại các kinh nghiệm trong một cuốn nhật ký, nói về các cố gắng của cô muốn vượt thoát ra khỏi cảnh sống độc tài của trường học và xã hội. Cô Lola đã

từng làm tình với các người đàn ông trở về từ nhà máy, luyện ái với thầy dạy thể dục và đã tham gia đảng Cộng Sản. Phần đầu câu chuyện chấm dứt khi người ta tìm thấy cô Lola bị treo cổ và cô ta đã để lại cuốn nhật ký trong va li của người kể chuyện.

Người kể chuyện sau đó kể về cuốn nhật ký với ba người bạn trai tên là Edgar, Georg và Kurt, các chàng thanh niên này đều mang tinh thần nổi loạn như cất giữ các sách tiếng Đức bị cấm đọc, hát các bài hát bị cấm hát, chụp hình các xe sơn đen chuyên chở tù nhân tới các công trường. Cả bốn người kể trên đã bị tên đại úy an ninh Securitate tên là Pjele theo dõi. Đồ đạc của họ bị lục soát, thư của họ bị mở ra đọc. Họ thảo luận phương cách trốn ra khỏi nước. Georg là người đầu tiên làm công việc này. Sau khi qua được nước Đức, Georg đã tự tử bằng cách nhảy qua cửa sổ của một khách sạn ở Frankfurt. Người kể chuyện và Edgar nhận được thông hành qua nước Đức nhưng vẫn bị đe dọa, còn Kurt ở lại Romania nhưng về sau bị chết vì treo cổ.

Cuốn tiểu thuyết kể trên được tác giả Herta Muller viết ra để mô tả sự sợ hãi, nỗi cô đơn, sự bỏ rơi bởi vì mọi công dân của nước Romania đều sinh sống trong hoàn cảnh sợ hãi thường xuyên gây ra bởi bọn mật vụ (the secret police) hay cơ quan Công An Securitate. Trong một cuộc phỏng vấn, tác giả Herta Muller đã nói rằng sự sợ hãi trong cuốn tiểu thuyết là lời tự thuật. Tác giả cũng đã dùng cách ẩn dụ bằng hình ảnh của các trái mận xanh. Từ xưa, các bà mẹ thường khuyên các con không nên ăn các trái xanh, chưa chín, bởi vì các trái

này “độc”. Cuốn truyện thường mô tả các sĩ quan Công An ăn các trái mận xanh, tương tự như các cách hành hạ con người không thương tiếc của chế độ tàn bạo Nicolae Ceausescu.

Cuốn tiểu thuyết “Nơi Hẹn” (The Appointment = Heute war ich mir lieber nicht begegnet) mô tả những cách làm nhục do các người cộng sản Romania, kể lại do một thiếu nữ làm công nhân của nhà máy vải sợi, cô này bị mật vụ cộng sản tố cáo là đã may các lời nhắn vào trong các bộ áo vét đàn ông, yêu cầu người nhận được lời nhắn cưới cô để giúp cô thoát ra khỏi xứ sở.

Cuốn tiểu thuyết “Thiên Thần Đói Khát” là cuốn truyện dày 304 trang, được Philip Boehm dịch sang tiếng Anh là “The Hunger Angel = Thiên Thần Đói Khát” với tên tiếng Đức là Atemschaukel, xuất bản năm 2009. Do dịch thuật cuốn truyện này, ông Philip Boehm được trao tặng Giải Thường Sách Dịch Hay Nhất (the Best Translated Book Award, 2013) và Phần thưởng Oxford-Weidenfeld (the Oxford-Weidenfeld Translation Prize, 2013).

Truyện “Thiên Thần Đói Khát” thuật lại chàng thanh niên Leo Auberg là người Romania gốc Đức, được 17 tuổi khi Đức Quốc Xã bắt đầu thua trận, bỗng một hôm bị quân đội Xô Viết bắt giữ rồi bị tống lên một toa xe lửa cùng với hàng chục thanh niên Romania gốc Đức khác. Họ bị chuyển chở tới nước Nga để làm việc lao động trong kỹ nghệ mỏ than. Từ tháng 1 năm 1945 tới đầu năm 1950, Leo Auberg phải làm việc cực nhọc từ trước khi mặt trời mọc cho tới sau khi tối trời, phải xúc than, chuyên chở bê tông,

vác gạch... công việc quá nặng nhọc mà lại không đủ ăn, chàng ta cảm thấy luôn luôn có một ông thần “đói khát” tìm kiếm cơ hội để kéo chàng về cõi chết âm u. Leo đã viết: không lời nào đủ để mô tả sự khốn khổ gây ra bởi cơn đói. Nội dung cuốn truyện là sự mô tả các cách hành hạ các người Đức thiểu số tại Romania bởi chế độ Stalin-nít, họ bị lực lượng chiếm đóng Xô Viết đẩy đi làm lao động khổ sai từ năm 1945 tới các năm về sau.

4/ Các tác phẩm văn xuôi của Nữ Văn Hào Herta Muller

- Các Nơi Thấp Nhất (Nadirs = Niederungen), truyện ngắn, ấn bản bị kiểm duyệt xuất bản năm 1982 tại Bucharest, ấn bản không kiểm duyệt xuất bản tại nước Đức năm 1984, phổ biến bằng tiếng Anh với tên là Nadirs năm 1999 do nhà x.b. the University Press of Nebraska Press.
- Tango Ngọt Ngạt (Oppressive Tango = Druckender Tango), truyện dài, Bucharest, 1984.
- Sổ Thông Hành (The Passport = Der Mensch ist ein grosser Fasan auf der Welt), Berlin, 1986, xuất bản bằng tiếng Anh với tên là Passport, Serpent's Tail, 1989.
- Chân Đất Tháng Hai (Barefoot February = Barfussiger Februar), Berlin, 1987.
- Du Lịch bằng Một Chân (Traveling on One Leg = Reisende auf einem Bein), Berlin, 1989, xuất bản bằng tiếng Anh với tên là Traveling on One Leg, Hydra

Books, Northwestern University Press, 1998.

- Con Quỷ đang ngồi trong tấm gương (The Devil is sitting in the Mirror = Der Teufel sitzt im Spiegel), Berlin, 1991.

- Con Chó Sói cũng là Người Thợ Săn (Even back then, the Fox was the Hunter = Der Fuchs war damals schon der Jager), Hamburg, 1992.

- Củ Khoai ấm là một cái Giường ấm (A Warm Potato is a Warm Bed = Eine warme Kartoffel ist ein warmes Bett), Hamburg, 1992.

- Người Gác lấy cái Lược (The Guard takes His Comb = Der Wachter nimmt seinen Kamm), Hamburg, 1993.

- Tới như thể không ở đó (Arrived As If Not There = Angekommen wie nicht da), Lichtenfels, 1994.

- Mảnh Đất của các Trái Mận Xanh (The Land of Green Plums = Hertzier), Hamburg, 1994, phổ biến theo bản dịch tiếng Anh do Michael Hofmann thành The Land of Green Plums, New York, 1996.

- Trong cái Bẫy (In a Trap = In der Falle), Göttingen, 1996.

- Nơi Hẹn (The Appointment = Heute war ich mir lieber nicht begegnet), Hamburg, 1997, xuất bản theo tiếng Anh là The Appointment, N.Y./ London, 2001.

- Thiên Thần Đói Khát (The Hunger Angel = Atemschaukel), Munich, 2009, Metropolitan Books, 2012.

5/ Các Phần Thưởng

1981 Phần Thưởng Adam-Muller Guttenbrum của The Temeswar Literature Circle.

1984 Phần Thưởng Văn Chương Aspekte.

1985 Phần Thưởng Văn Chương Rauris.

1985 Phần Thưởng Văn Chương Khuyến Khích Bremen.

1987 Phần Thưởng Ricarda-Huch của Darmstadt.

1989 Phần Thưởng Marieluise-Fleisser của Ingolstadt.

1989 Phần Thưởng Ngôn Ngữ Đức.

1990 Huy Chương Roswitha của Bad Gandersheim.

1991 Phần Thưởng Văn Chương Kranichsteiner.

1993 Phần Thưởng Đặc Biệt về Văn Chương.

1994 Phần Thưởng Kleist

1995 Phần Thưởng Aristeion.

1997 Phần Thưởng Văn Chương của Graz.

1998 Phần Thưởng Văn Chương Ida-Dehmel và Giải Thưởng Văn Chương Quốc Tế IMPAC Dublin vì tác phẩm Mảnh Đất của các Trái Mận Xanh.

2001 Phần Thưởng Cicero.

2002 Huy Chương Carl-Zuckmayer.

2003 Phần Thưởng Joseph-Breitbach (cùng với Christoph Meckel và Harald Weinrich).

2004 Phần Thưởng của Konrad-Adenauer-Stiftung.

2005 Phần Thưởng Văn Chương Berlin.

2006 Phần Thưởng Wurth và Phần Thưởng Văn Chương Walter-Hasenclever.

2009 Giải Thưởng Nobel Văn Chương.

2009 Phần Thưởng Nhân Quyền Franz Werfel.

2010 Phần Thưởng Hoffmann von Fallersleben.

2013 Phần Thưởng Sách Dịch Hạng Nhất (Best Translated Book Award) vì cuốn truyện Thiên Thần Đói Khát = The Hunger Angel.

6/ Sơ lược về Lịch Sử của nước Romania sau Thế Chiến Thứ Hai

Thế Chiến Thứ Hai bắt đầu tại Châu Âu vào tháng 9 năm 1939. Vào tháng 6 năm 1940, Đức Quốc Xã thắng các nước Đồng Minh, nên đã để cho nước Hungary chiếm phần đất Transylvania phía bắc của nước Romania, Liên Xô lấy phần phía đông bắc còn nước Bulgaria chiếm phần phía đông nam. Khi quân đội Đức chiếm đóng xứ Romania thì nước này tham gia vào cuộc chiến theo phía người Đức.

Vào tháng 8 năm 1944, khi phe Đức Quốc Xã thất bại, xứ Romania lại theo phe Đồng Minh. Khi Thế Chiến chấm dứt vào năm 1945, phe Đồng Minh đã lấy miền đất Transylvania phía bắc trao lại cho xứ Romania trong khi Liên Xô và Bulgaria vẫn còn chiếm giữ các phần đất của Romania.

Vì Liên Xô chiến đấu chống Đức Quốc Xã cùng với các nước Đồng Minh tây phương nên vào năm 1944, Liên Xô đã chiếm nước Romania, biến xứ sở này thành một vệ tinh của Liên Xô (a Soviet satellite).

Trong thập niên 1950, người dân Romania đã phẫn uất trước sự can thiệp của Liên Xô vào nội bộ của xứ Romania. Đầu thập niên 1960, lãnh tụ Cộng Sản là Gheorghe Gheorghiu-Dej bắt đầu chống đối công khai người Nga Xô. Gheorghiu-Dej qua đời vào năm 1965, Nicolae

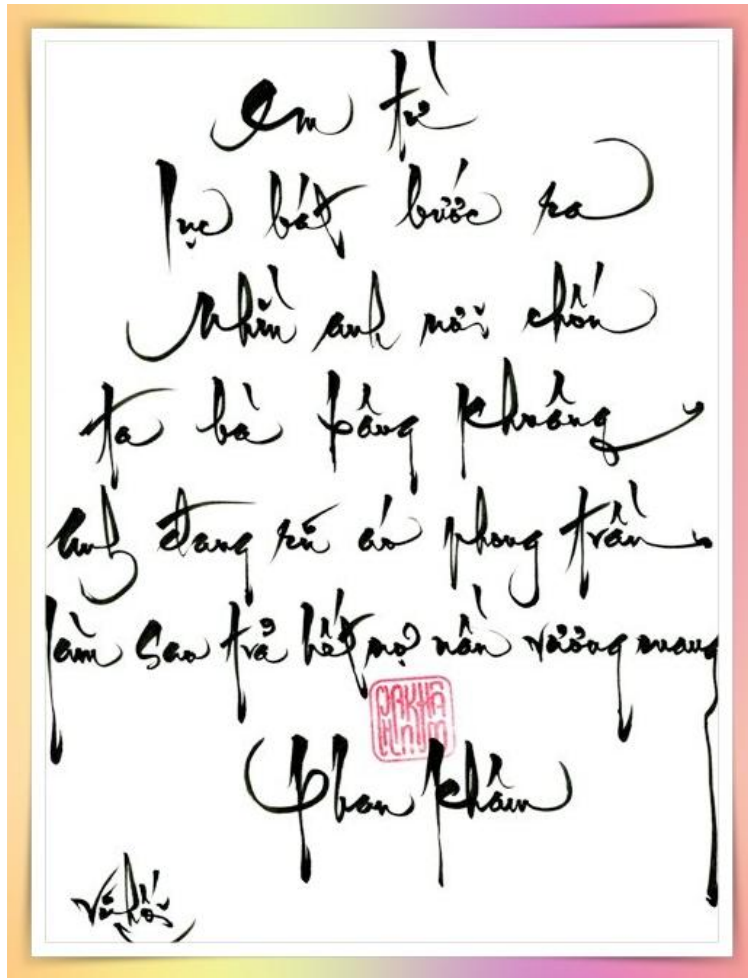
Ceausescu kế tục làm Bí Thư Đảng, cũng tiếp tục chống đối.

Nicolae Ceausescu (1918 – 1989) cai trị xứ Romania từ năm 1965 tới năm 1989, là người đứng đầu đảng Cộng Sản rồi tới năm 1968, ông ta cũng là Chủ Tịch Nhà Nước. Ông Ceausescu là nhà độc tài, đã kiểm soát rất chặt chẽ đời sống của người dân, đã đặt ra các chương trình kinh tế thất bại khiến cho các hàng hóa tiêu dùng bị khan hiếm trầm trọng, đời sống của người dân rất làm than. Ngoài ra, ông Ceausescu đã dùng quyền lực một cách bất hợp pháp để thu gom tài sản cho riêng mình và xếp đặt các người nhà vào các chức vụ cao cấp của chính quyền.

Vào năm 1989, ông Ceausescu khước từ đi theo các cải tổ dân chủ giống như các nước cộng sản châu Âu nên hàng ngàn người Romania đã đứng lên phản đối đường lối cai trị độc tài của ông ta. Do đàn áp các cuộc biểu tình, lực lượng an ninh đã bắn chết hàng ngàn người. Sau đó, quân đội cách mạng đã lật đổ chính quyền đàn áp này và ông Nicolae Ceausescu cùng với bà vợ Elena đã bị xử bắn vào ngày 25 tháng 12 năm 1989, sau khi chính quyền mới kết tội hai vợ chồng này vì nhiều vụ sát nhân và tham nhũng./.

Phạm Văn Tuấn

Tài liệu tham khảo: Wikipedia.org, các bài báo ngoại quốc trên Internet.



EM TỪ LỤC BÁT

*Em từ lục bát bước ra Nhìn anh nơi chốn
Ta bà bang khuông
Anh đang rũ áo phong trần
Làm sao trả hết nợ nần vương mang.*

Thơ: **Phan Khâm** – Thư họa: **Vũ Hối**

Biên Khảo
TRUYỆN NGẮN
* Trần Bích San *

Truyện ngắn đầu tiên trên thế giới không xuất hiện ở Tây Phương mà từ Trung Đông. Lịch sử truyện ngắn bắt đầu bằng *Tales of the Magicians* của Ai Cập khoảng thế kỷ 40 trước Tây lịch, sau đó, *The Epic of Gilgamesh* của dân Sumerian trong thung lũng sông Euphrate vào thế kỷ 20 trước Tây lịch.

Một Nghìn Một Đêm Lễ, tác phẩm gồm nhiều truyện ngắn dưới dạng kể chuyện được gom lại ở thế kỷ thứ 8, sửa chữa trong thế kỷ thứ 12, và nhuận lần cuối vào thế kỷ thứ 16 thành tập truyện mà chúng ta đọc ngày nay. Ở Châu Âu, bản Pháp ngữ do Antoine Galland dịch năm 1704, 2 năm sau, 1706 một phần bản chữ Pháp được dịch ra Anh văn.

Ở Việt Nam, thần thoại và cổ tích là những truyện ngắn truyền khẩu đầu tiên. Đến thế kỷ thứ 13 truyện ngắn thành văn đầu tiên xuất hiện trong các tác phẩm chữ Nho *Việt Điện U Linh Tập* của Lý Tế Xuyên, *Báo Cục Truyện* đời Trần. Thế kỷ thứ 15 có *Lĩnh Nam Trích Quái* của Trần Thế Pháp, thế kỷ thứ 16 có *Truyện Kỳ Mạn Lục* của Nguyễn Dư [01]. *Chuyện Đời Xưa Lựa Nhóm Láy Những Chuyện Hay và Có Ích*, tập truyện cổ tích viết bằng Chữ Quốc Ngữ đầu tiên do Trương Vĩnh Ký thu thập chép lại xuất bản ở Sài Gòn năm 1866.

Việt Điện U Linh Tập gồm 28 truyện ngắn gồm có:

- 6 truyện về các lịch đại đế vương Sĩ Nhiếp, Phùng Hưng, Triệu Việt Vương, Lý Nam Đế, Thần Xã Tắc, Hai Bà Trưng, My Ê.

- 12 truyện về các lịch đại phụ thần Lý Hoàng, Lý Ông Trọng, Lý Thường Kiệt, Tô Lịch, Phạm Cự Lượng, Lê Phụng Hiểu, Mục Thận, Trương Hống, Trương Hát, Lý Phục Man, Lý Đô Úy, Cao Lỗ.

- 10 truyện về hạo khí anh linh Hậu Thổ phu nhân, Thần Đồng Cổ, Thần Long Độ, Thần Khai Nguyên, Thần Phù Đổng, Sơn Tinh Thủy Tinh, Thần Đằng Châu, Thần Bạch Hạc, Thần Hải Thanh, Nam Hải Long Vương Quân.

Viết bằng chữ Nho nhưng Lý Tế Xuyên sử dụng từ ngữ rất phổ thông đơn giản. Trong *Việt Điện U Linh Tập* không có câu văn dài. Đặc tính của Nho văn vốn nhiều điển tích và các vế đối nhau nhưng hầu như không thấy trong tác phẩm. Kỹ thuật tả cảnh, tả tình có nhiều điểm đặc sắc, đối thoại linh động trong thể văn tự sự.

Truyện Kỳ Mạn Lục gồm 20 truyện thần quái hoang đường lưu truyền trong dân gian từ thời nhà Lý, Trần đến thời suy mạt nhà Lê. Truyện được viết theo lối văn như *Tiến Đẳng Tân Thoại* của tác

giả người Tàu Cồ Tông Cát có phần biện luận và chen thêm thơ hoặc các đoạn văn tứ lục. Mỗi truyện đều có dụng ý luân lý, đạo đức, hoặc châm biếm thói tục người đời.

Cả 2 tác phẩm *Việt Điện U Linh Tập* và *Truyện Kỳ Man Lục* còn trong hình thức truyện kể nặng tính chất truyền kỳ, một dạng phôi thai của truyện ngắn.

Truyện ngắn dạng hiện đại, không phải cổ tích hay truyện kỳ, thực sự bắt đầu từ thế kỷ thứ 18 ở Tây phương với Daniel Defoe, Sir Richard Steele, Joseph Addison, Manley, Haywood, Voltaire, Oliver Goldsmith. Truyện ngắn bắt đầu phổ cập từ Edgar Allan Poe với *The Gold Bug*, *The Cask of Amontillado*. Poe, nhà văn kiêm phê bình gia, đi tiên phong trong việc phân tích và coi truyện ngắn là loại văn có chỗ đứng riêng biệt như các thể loại khác. Trong tác phẩm lừng danh *Duyệt Xét Về Hawthorne* xuất bản năm 1842 khi định nghĩa truyện ngắn Poe nhấn mạnh đến sự cần thiết của việc tạo *một ảnh hưởng duy nhất* khi dựng truyện. Poe bị các nhà phê bình cổ điển tấn công dữ dội. Thực ra, nhiều thành phần khác của truyện ngắn cũng đáng được xét đến, bởi truyện ngắn xây dựng trên căn bản gì, nếu không là kết hợp các yếu tố mâu thuẫn, tương phản, sai lầm, phi lý.

Washington Irving khai triển *cách sắp đặt bối cảnh*, Nathaniel Hawthorne thêm yếu tố *cá tính nhân vật*, Edgar Allan Poe, tiếp nối bởi Guy de Maupassant, kiện toàn thể truyện ngắn bằng *tiết tấu câu chuyện*.

O. Henry nhà văn đầu tiên đưa ra lối *kết thúc ngạc nhiên*. Chỉ vài dòng trong đoạn kết, hoặc đôi khi chỉ vài chữ cuối cùng, tác giả làm người đọc hụt hẫng. The *Furnished Room* (1904), *The Gift of the Magi* (1905), và nhiều truyện ngắn khác làm người đọc sửng sờ.

Anton Chekhov và Ivan Turgenev không tạo sự hấp dẫn bằng *các diễn biến* mà xoáy vào *các nhân vật đời sống thực*.

Xương sống các truyện ngắn của Bret Harte, Joseph Conrad, Katherine Mansfield nằm trong phân tích *tâm lý nhân vật*, truyện ngắn đôi khi trở thành *truyện không có chuyện*.

Một số nhà văn hiện đại dùng lối kết bỏ lửng kiểu *Đja Ngục Môn (Rashomon)* mở ra nhiều hướng để độc giả suy nghĩ, tùy trình độ, cảm quan, người đọc hiểu một cách khác nhau. *Thư gửi Thượng Đế (A Letter to God)* của Gregorio Fuentes hoặc những truyện ngắn như *Kiểm Sắc, Vàng Lửa, Phẩm Tiết* của Nguyễn Huy Thiệp thuộc loại này.

Ở nước ta, truyền thống truyện ngắn lối mới chỉ khởi sự từ đầu thế kỷ thứ 20 với Phạm Duy Tốn và Nguyễn Bá Học, hai nhà văn tiên phong trong lối truyện ngắn kiểu Tây phương.

Đoàn thiên *Câu Chuyện Gia Tinh* (Nam Phong số 10 - 04/1918), *Chuyện Ông Lý Chấm* (Nam Phong số 13 - 07/1918), *Có Gan Làm Giàu* (Nam Phong số 23 - 05/1919) của Nguyễn Bá Học, *Sống Chết Mặc Bay* (Nam Phong số 18 - 12/1918), *Con Người Sở Khanh* (Nam

Phong số 20 – 02/1919) của Phạm Duy Tồn là những truyện ngắn viết theo lối mới đầu tiên tuy chưa thoát ra khỏi khuôn sáo cũ.

Nguyễn Bá Học, nhà nho thuộc giới cựu học, du nhập yếu tố đột ngột của Tây phương nhưng vẫn dùng nghị luận đưa luân lý vào truyện, cách dựng truyện còn luộm thuộm, thiếu nghệ thuật. Trước khi vào truyện ông bàn luận về thế sự theo lối cổ, luận đại cương rồi thu hẹp lại để vào đề với đủ bộ *khai, thừa, chuyển, hợp* của cổ văn.

Phạm Duy Tồn, thuộc lớp Tây học đầu tiên với Phạm Quỳnh, Nguyễn Văn Vĩnh, sử dụng lối tả chân trước nhất nhưng không để sự việc tự nói, cách cấu kết nhiều khuyết điểm và thật thà quá, đọc đoạn trên đã đoán biết được đoạn dưới. Ông cũng như Nguyễn Bá Học chưa đoạn tuyệt nổi với lối văn cổ. Hai ông là nhà văn có công trong việc mở đường truyện ngắn theo lối mới.

Tuy sinh sau đẻ muộn, truyện ngắn của ta tiến những bước nhảy vọt. Chỉ trong vòng hơn 20 năm, đến giữa thập niên 40, văn học Việt Nam có những truyện ngắn xuất sắc của Thạch Lam, Tô Hoài, Nam Cao, Bùi Hiển.

Tập truyện ngắn *Gió Đầu Mùa* của Thạch Lam đến nay vẫn còn hay. Các truyện ngắn của ông như *Ngày Mới, Đói, Tiếng Sáo, Người Linh Cũ, Dưới Bóng Hoàng Lan* là những truyện ngắn diễn tả tài tình và tinh vi tình cảm lẫn cảm giác con người. *Nằm Vạ, Ma Đậu, Thằng Xin* của Bùi Hiển, *Chí Phèo* của Nam Cao, *Tuổi Trẻ, Đồi Gi Đá, Một Cuộc Bể Dâu*,

Cu Lặc của Tô Hoài, *Điều Thuốc Lá, Đồng Xu* của Khái Hưng là những truyện ngắn cực hay.

Ngày nay truyện ngắn hay của ta đã đạt được tiêu chuẩn nghệ thuật và tự tưởng không thua gì Tây phương. Các đoàn thiên *Buổi Chiều Đi Chơi Với Thạch Lam* của Nguyễn Tường Giang hòa cái thực vào cái ảo, khéo đến độ biến cái ảo trở thành cái thực, *Cửa Sau* của Mai Thảo, *Thác Đổ Sau Nhà* của Võ Phiến, *Cổ Hoang của Lê Tấn Điều, Chiếu Chiếu Hoa Cọp Điều* của Doãn Quốc Sỹ xuất sắc như những truyện hay được tạp chí *Reader's Digest* tuyển lựa trong *Great Short Story of the World*.

Thế nào là truyện ngắn?

Tất nhiên, truyện ngắn khác với truyện dài, nhưng dài đến độ nào truyện ngắn trở thành truyện vừa (novella), loại truyện xuất hiện trên các tạp chí ở Mạc Tư Khoa của Nga hồi đầu thế kỷ thứ 19? Một cách hợp lý, vấn đề cần được đưa ra trước tiên: việc đặt tên, xếp loại văn phẩm trong văn học có lợi ích gì không, hay chỉ tạo thêm rắc rối vô bổ?

Những cây viết phê bình văn học và các nhà văn học sử là những người đầu tiên khởi xướng việc xếp loại các văn phẩm. Điều này dễ hiểu bởi nó đem lại thuận tiện cho các nhà ấy trong việc phê bình và khảo cứu.

Thực ra, khi tác phẩm văn chương được xếp riêng từng loại một cách hợp lý thì chính nhà văn, sau khi đã thấu hiểu trật

tự đó, sẽ chuyển tâm tư mình đến đối tượng bằng hình thức văn chương thích hợp và hiệu quả nhất.

Sự lựa chọn, dù bằng lý trí hay trực giác, cách nào đi nữa, hình thức của loại văn được sử dụng góp phần không nhỏ vào việc chuyên chở tư tưởng tới địa điểm phóng ngoại là độc giả. *Điều muốn nhắn gửi* và hình thức văn chương là hai chuyện hoàn toàn khác biệt, nhưng điều sau ảnh hưởng rất lớn đến sự tiếp nhận của người đọc.

Cảm nhận trước một họa phẩm và một vũ điệu khác nhau dù cả 2 cùng nhằm chung một ý đi chăng nữa. Sự hiểu tranh hay vũ khúc không bằng tri thức hay đề tài, trái lại, nó đến từ những rung cảm khác nhau. Hội họa cảm nhận qua chiều sâu thị giác, vũ điệu qua những động tác nghệ sĩ trình diễn, W. B. Yeats từng thốt lên:

*Oh body swayed to music, oh brightening glance,
How can we know the dance from the dance?*

Truyện ngắn là loại ngọc quý trong văn chương. Không phải ngọc thô trong đá mà đã được bàn tay nghệ thuật của nhà văn lựa chọn, mài dũa, chau chuốt cẩn thận.

Chữ nghĩa trong truyện ngắn cô đọng, đái lọc khó khăn gần như lối chọn từ trong thơ. Anton Chekhov để lại cho nhân loại những truyện ngắn hoàn hảo đến độ 1 ngụy sử văn học danh tiếng Tây phương cho là không ai có thể thay đổi 1

chữ, dù chỉ 1 chữ thôi, trong các đoạn thiên của ông.

Nhận xét có tính cách cực đoan nhưng không ai phủ nhận rằng phàm truyện ngắn nào đã qua máy lọc khắt khe của thời gian, được đời ca tụng ắt phải chứa đặc tính trên. Lý do hiển nhiên, bản chất truyện ngắn vốn là sự dồn ép đặc quánh và chứa đựng chất thơ, điều mà truyện dài không hề có.

Ngày nay đọc lại truyện dài *Gone With The Wind* của Margaret Michell, *Đoạn Tuyệt của Nhất Linh*, *Trường Đời* của Lê Văn Trương có thể cắt nhiều đoạn thừa không mấy khó khăn. Việc loại bỏ vài trang trong *The Adventures of Huckleberry Finn* của Mark Twain chưa chắc đã làm giảm giá trị tác phẩm. Ngay cả truyện dài lừng danh *Chiến Tranh và Hòa Bình (War and Peace)* của Leo Tolstoy việc cắt xén các phần rườm rà không phải điều không thể làm được.

Truyện ngắn có ba yếu tố chính: *một câu chuyện được cẩn thận cấu tạo, cô đọng, và thuần nhất*. Tất cả chi tiết trong truyện ngắn đều có lý do và ảnh hưởng.

Cả truyện ngắn và truyện dài đều chứa đựng những dữ kiện đời sống, một hay nhiều con người có thực hoặc tưởng tượng về bất cứ đề tài gì của nhân loại. Tuy nhiên, truyện ngắn *chỉ khai triển một sự kiện độc nhất hoặc tính chất bi kịch trong liên hệ giữa con người với con người nhưng với rất ít chi tiết*.

Trung bình truyện ngắn dài khoảng 3,000 đến 10,000 chữ. Tuy nhiên, từ 1,000 chữ trở lên tạm được xếp vào loại

truyện ngắn, nhưng nếu trên 10,000 chữ, truyện ngắn ra khỏi ranh giới trở thành truyện vừa hoặc truyện dài. Dưới 1,000 chữ khó có nhà văn nào dựng được truyện cho hay, kể cả Earnest Hemingway.

Truyện vắn vện dưới 2 trang sẽ đi vào sự dồn nén cô đọng thái quá không tạo nổi thích thú lôi cuốn, càng không thể đem lại sự cảm thông giữa người đọc và tác phẩm vốn là mục đích căn bản của văn chương. Ngắn quá, như 1 truyện ngắn của Thomas Bailey Aldrich vắn vện chưa tới 3 dòng có tính cách lập dị, không diễn tả hay nói lên được điều gì:

“Một người đàn bà ngồi trong căn nhà cũ kỹ, cửa đóng, ý thức mình là người duy nhất còn sống trên cõi đời. Tất cả đã bị hủy diệt. Chuông cửa reo”.

Truyện ngắn hay thường chứa đựng những rung động phức tạp trong tâm hồn con người. Cái khéo trong một truyện ngắn tuyệt tác là *vết tích việc làm văn biến đi*, roi tằm, mắt hút trong tương đối và trừu tượng. Nathaniel Hawthorne khi sáng tác *The Artist of the Beautiful* khai triển tuyệt vời cái trừu tượng đến độ chỉ cần một sợi tóc cũng đủ biến tất cả nhân vật và sự kiện thành ảo giác.

Berg Esenwein, tác giả *Writing the Short Story* được coi là sách gối đầu giường hồi đầu thế kỷ 20 định nghĩa truyện ngắn như sau:

A short story is a brief, imaginative narrative, unfolding a single predominating incident and a single chief

character, it contains a plot, the details of which are so compressed, and the whole treatment so organized, as to produce a single impression.

Truyện ngắn là giai đoạn chuẩn bị, sửa soạn, tiến trình phải có trước truyện dài, là bước khởi đầu của một nhà văn. Các tác giả thường trải qua một giai đoạn viết truyện ngắn trước khi viết truyện dài. Nhận xét này đúng phần nào vì phản ảnh thực tế, thường được lập đi lập lại bởi chính những người cầm bút *“nhà văn chưa phải là nhà văn nếu chưa viết được truyện dài”*. Khi truyện ngắn chưa định hình, cái tinh thần coi trọng truyện dài từ thế kỷ thứ 18 ở trên, ngày nay không thể tồn tại.

Truyện ngắn hiện đại đã đủ tầm vóc để trở thành một loại văn riêng biệt. Truyện ngắn hiện diện đồng đẳng với truyện dài trong toàn bộ văn nghiệp của nhà văn. Địa vị của một nhà văn không thể đặt căn bản trên truyện dài hay ngắn mà tùy thuộc vào giá trị nghệ thuật đích thực của tác phẩm cũng như tầm ảnh hưởng đối với thời đại.

Trần Bích San

CHÚ THÍCH

[01] Chúng ta vẫn quen gọi tác giả *Truyện kỳ Mạn Lục* là Nguyễn Dữ. Nhưng chữ *dữ* có nghĩa là độc địa, hung ác. Vậy có lẽ nào một bậc thâm nho, từng học chữ Hán đến bạc đầu, đã đỗ đến tiến sĩ, làm quan đến thượng thư như Nguyễn Trường Phiêu lại đặt tên cho

con trai theo một cung cách lạ đời như vậy?

Nếu căn cứ theo *Tân Biên Truyền Kỳ Mạn Lục Tăng Bồ Giải Âm Tập Chú* in năm 1763 của Nguyễn Bính - bản này cũng được Dương Quảng Hàm nhắc đến trong *Việt Nam Văn Học Sử Yếu* - thì tên tác giả là Nguyễn Dư, chữ "dư" viết có bộ "ngọc" tức là "dư phan", tên một loại ngọc quý nước Lỗ.

Lê Quý Đôn, qua *Kiến Văn Tiểu Lục* viết năm 1777, nhân nhắc đến Phạm Tử Hư, đỗ tiến sĩ khoa Mậu Dần niên hiệu Trịnh Khánh (1218) vai chính của truyện Phạm Tử Hư lên chơi thiên tào trong *Truyền Kỳ Mạn Lục*, cũng ghi tên tác giả là Nguyễn Dư, nhưng chữ dư viết với bộ "thổ". Trong bản in *Việt Nam Văn Học Sử Yếu* lần thứ nhất năm 1944 tại Hà Nội, Dương tiên bối ghi nhầm là Nguyễn Dữ, nhưng ở cuối sách, nhà nghiên cứu đã đính chính là Nguyễn Dư. Đáng tiếc là không mấy người để ý đến chi tiết này nên cứ thuận miệng theo thói quen đọc hoài là Nguyễn Dữ. Nhất là vì sau đó, một mặt Trúc Khê Ngô Văn Triệu khi dịch *Truyền Kỳ Mạn Lục* cũng ghi tên tác giả là Nguyễn Dữ. Mặt khác, các bản in *Việt Nam Văn Học Sử Yếu* không còn có phần đính chính ở cuối sách, lại không được tác giả kiểm soát trước khi in (Dương Quảng Hàm mất năm 1946). Nhưng trong *Quốc Văn Trích Diễm* do nhà xuất bản Bốn Phương tái bản theo nguyên bản của nhà in Nghiêm Hàm năm 1925, phần *Hán Việt Văn Biểu*, Dương Quảng Hàm viết rành mạch là Nguyễn Dư, kèm theo chữ nho "dư"(sơn+dữ). Trong khi đó bản dịch *Đại*

Việt Lịch Triều Đăng Khoa Lục của Tạ Khúc Khải lại in là Nguyễn Dữ, còn bản dịch *Tân Biên Truyền Kỳ Mạn Lục* của Bùi Xuân Trang lại đề là Nguyễn Tự. Chắc ở dưới xuôi vàng, Nguyễn tiên sinh đang ngậm ngùi vì nổi tên mình chẳng ngờ cũng mang tính cách truyền kỳ. (Trần Văn Tích, *Sự Muôn Năm Cũ* trang 15,16, nxb Làng Văn, 1992).

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Angoff, Allan, *The Art of the Short Story*, trang 176-191, New York University Press, 1957.
- Bader, A.L., *The Structure of the Modern Short Story*, trang 86-92, College English VII, 1945.
- Bates, H.E., *The Modern Short Story: A Critical Survey*, Boston: The Writer, 1941.
- Beachcroft, T.O., *The Modest Art: A Survey of the short Story in English*, Oxford University Press, 1968.
- Boyce, Benjamin, *English Short Fiction in the Eighteenth Century: A preliminary View*, trong *Studies of Short Fiction*, V, trang 95-112, 1968.- Chekhov, Anton, *Letters on the Short Story, the Drama, and Other Literary Topics*, Dover Publication, 1966.
- Esenwein, J. Berg, *Writing the Short Story*, Hinds, Noble and Eldredge, 1909. - Harte, Bert, *The Rise of the Short Story*, Cornhill Magazine, VII, trang 1-8, 1899. - Maugham, W. Somerset, *The Short Story*, trong *Points of View: Five Essays*, trang 163-212, Doubleday & Company, 1959.
- Moravia, Alberto, *The Short Story and the Novel*, trong *Man as an End: A Defense of Humanism*, bản dịch của Bernard Wall, Farrar, Straus & Giroux, 1966.
- Vũ Ngọc Phan, *Nhà Văn Hiện Đại*, Tân Dân, Hà Nội, 1942, Thăng Long tái bản, Sài Gòn 1960.

COMME UN PAN DE MUR

*Comme cette pagode rescussitée de mille
ans me ressemble*

*Et boit mon âme jusqu'à la fin
du crépuscule*

*Vous qui m'aimez, ne la restaurez plus
Se mêlant dans ma voix, tels que vos pas
de détresse*

Piétinant sur ses ruines en lambeaux.

*Car mon coeur y est là,
Près de ce pan du mur vidé du temps
Dans ce désespoir gravez pour moi votre
poème immortel
D'une main si douce de poète
Pour que ce toit fragile ne s'écoule pas.*

*Voyez ma vie dans ce désert d'amour
Se mariant avec le monument brisé
Soufflé par tant de tempêtes d'automne
De ce sable durci dans le temps
Oubliez-moi comme vous
l'avez fait jadis ...*

Diễm Hoa 8/12/2018

TOÀ MIẾU CỎ

Lòng tôi đó! Chỉ một toà miếu cỏ.

Người có thương, tôi đâu dám nhờ xây?

Người có thương xin nhẹ nhẹ gót giầy.

Trong thêm nát mái xiêu, tường cột đổ.

Lòng tôi đó! Vách xiêu tường cột đổ.

Người có thương, ban giúp một bài thơ.

Nhưng có đề xin nhẹ tay hoa.

Tường cột đổ còn e dè vỡ lở.

Lòng tôi đó những mảnh tường vỡ lở.

Là cát khô, tro lạnh tự lâu rồi.

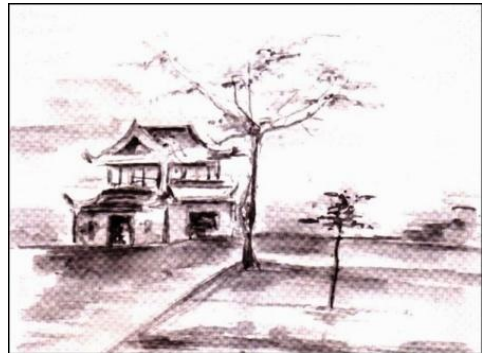
Đừng thương nữa người ơi!

Lòng tôi đó!

Thơ và nhạc: **Thẩm Oánh**

Kim Tước hát TÒA MIẾU CỎ:

<https://www.youtube.com/watch?v=-6OT-FWEwac>



Tranh của **Thẩm Tô Diễm Hằng**

NGHĨA TÌNH TRỌN VẸN

* Nguyễn Lân *

Tung chăn ngồi dậy, Lệ tuột khỏi giường ngay. Những tia sáng đầu ngày yếu ớt lọt qua khe cửa chớp là điềm báo một ngày âm u buồn tẻ. Lệ mở tung hai cánh cửa chớp để khí lạnh bên ngoài ùa vào. Nàng thấy tinh táo hơn. Bỗng Lệ sững người vì nàng vừa chợt thấy dưới gốc sấu bên lề đường đối diện Robert ngồi trên yên xe đạp, một chân chống đất, một chân trên bàn đạp, lưng tựa vào thân cây, mắt ngó thẳng vào khung cửa Lệ đang đứng. Lệ vội thụt lui vào trong phòng. Nàng thấy bực bực. Anh chàng bạn học cùng lớp điển trai con nhà giàu nhưng học lười này đã cả tháng nay sau ngày nhập học theo đuổi nàng sát nút. Trong lớp học Lệ ít khi ngó quanh. Nàng chăm chú theo dõi bài giảng của giáo sư trên bục. Tháng hoặc nàng cảm thấy gai gai như có ai nhìn, nàng lập tức ngó thẳng về phía “kẻ gian” là thế nào cũng bắt gặp cặp mắt thiết tha thành khẩn của Robert khiến nàng mủi lòng. Đáng lý ra Lệ phải trừng mắt nhìn “hắn”, nhưng nàng chỉ lạnh lùng quay đi. Bây giờ hắn còn táo bạo hơn dám đứng chờ nàng trước cổng nhà. Thấy mà phát ghét. Bên ngoài trời mưa lâm lâm nhưng Robert vẫn thẫn thờ chờ đợi. Đẩy cặp da vào học bàn, Lệ khựng lại vì tay vừa chạm một phong bì. Nàng đoán

ngay chủ nhân nó là ai. Thong thả, Lệ cầm phong bì màu xanh nhạt ngắm nghía. Nàng định xé nhưng vừa lúc ấy giáo sư vào lớp khiến Lệ phải đổi ý. Nàng đút cái phong bì đó vào cặp. Thế thôi, nàng nghiêm trang theo dõi mọi diễn tiến trên bảng đen...

Về đến nhà Lệ quên khuấy bức thư cho tới lúc nàng lấy sách vở ra làm bài. Tay lại đụng phải... nó! Của nợ! Lệ lôi phong bì ra, rút bức thư. Nàng đã định vò nhàu nó. Nhưng có một cái gì đó, sự tò mò hay lòng trắc ẩn khiến Lệ lấy bức thư xanh chăm chú đọc. Một bức thư tỏ tình! Nét chữ phóng túng nguệch ngoạc. Lệ nhớ mãi cái câu hán phê bình nàng: “Lệ nghiêm trang, khô khan, lạnh lùng, băng đá quá! Lệ không được cai bễ ngồi lộng lẫy, Lệ không có cái ẻo lả nhỏ nhẹ của phái nữ nhưng... nhưng ở Lệ có cái gì cuốn hút tôi. Nhất là những khi ra chơi, đứng ngắm Lệ nô đùa với các bạn gái là tôi lại thấy rung động. Lệ có nụ cười thật tự nhiên, rất có duyên. Lệ có giọng cười dòn tan khuấy động tâm can tôi. Tôi đã bị Lệ hớp hồn rồi... Lệ không biết rằng nhiều đêm tôi nhớ hình bóng Lệ đến thẫn thờ, đội sương dưới gốc cây trước nơi Lệ ở trọ chỉ để chờ một hình ảnh thương yêu

vô vọng... ”. Ngẫm ra, hẳn thật thà và nói đúng. Lệ bớt ghét hẳn hơn.

Ngày hôm sau, Robert đến thẳng chỗ Lệ đang đứng trong sân trường. Nàng chưa kịp có phản ứng, Robert nói: “Lệ đã đọc thư của tôi chưa?”

Lệ nghiêm nghị gật đầu: “Đã. Tôi có một lời nhắn nhủ với Robert là anh nên chịu khó học hơn là đeo đuổi ái tình”. Robert lặng thinh. Hẳn không nói gì và cúi chào nàng, vào lớp học.

Từ buổi đó, “anh chàng” thôi không làm phiền Lệ nữa. Hẳn có vẻ chăm chú nghe lời thầy giảng. Không biết hẳn có thực tâm hay chỉ muốn lấy lòng nàng? Dù sao hẳn không còn viết thư hay đứng rình trước cửa nhà nàng hằng đêm nữa. Nàng bắt đầu có cảm tình với Robert hơn. Thịnh thoảng trong đám bạn bè vui nhộn Lệ vẫn nói vài câu chuyện tầm phào với chàng ta. Robert vẫn ngó nàng với tia nhìn đắm đuối ngây dại. Lệ thấy rỏ da gà. Nàng không thích đàn ông con trai có kiểu si mê ấy.

Một bữa vắng bóng anh chàng trong lớp. Lệ nghe thấy bạn bè xôn xao khác nhau Robert đã được gia đình gửi đi du học bên Pháp. Thôi thế cũng hay. Nàng mong cho “anh chàng” chóng thành tài và nàng lại say sưa vui đầu vào những chồng sách. Lệ học giỏi và siêng năng. Bằng Tú

Tài Pháp không khó khăn gì đối với nàng. Lệ cũng muốn được đi du học nhưng nhà đông anh chị em, Lệ phải nhường cho cậu em trai đi trước kéo cậu ta bị gọi vào quân ngũ. Nàng ghi danh theo học Luật. Nàng muốn trở thành một luật sư trong ngành này hay ít ra thì cũng là một giáo sư. Bạn bè vẫn khen nàng có khiếu nói năng đanh thép. Đường còn dài. Mộng còn cao. Sao cho có ý chí là đạt được điều mong muốn. Năm nào nàng cũng được bằng vàng.

Đôi khi trong lúc rỗi rảnh, đầu óc thanh thoi nghĩ lang bang đây đó, Lệ chợt nhớ tới Robert. Gần bốn năm rồi nàng không nhận một lá thư nào của hẳn. Không lẽ một người si tình như chàng ta lại quên người yêu mau đến thế dù Lệ không đáp lại mối chân tình! Nàng thoáng thấy ân hận. Nhưng chỉ là một ý tưởng lướt nhẹ qua đầu rồi tan biến khi một cuốn sách mở rộng trước mắt nàng.

Sáng nay Lệ nhận được thư Robert. Anh chàng xin lỗi vì đi du học đã hơn ba năm rồi mà vẫn chỉ có mảnh bằng Tú Tài Pháp. Trong thư Robert than thở đã quá nặng tình với hình bóng Lệ khiến anh ta không thể tập trung suy tưởng học tập. Anh ta chỉ lấy quán rượu và khiêu vũ trường làm nơi mua vui, tạm thời quên đôi mắt sáng và khắc nghiệt của nàng. “Cho anh tạ lỗi”. Thế thôi. Một bức thư

ngắn ngủi. Lệ vội vã hồi âm ngay. Nàng khuyến khích thúc đẩy bạn một cách nhiệt thành trên đường tiến thủ. Nàng không muốn bạn thua kém, nàng không muốn bạn quỵ ngã trên trường đời. Nàng muốn Robert chứng tỏ cho nàng thấy chàng là người có khả năng, có bản lĩnh của một người đàn ông. Thư gửi đi. Nàng vẫn thấy e ngại. Nàng vẫn sợ con người nàng mạnh dạn và bộc trực quá có khi làm chạm tự ái của Robert. Nhưng biết làm sao? Nàng như vậy. Nếu Robert yêu nàng thì chàng phải chấp nhận tất cả những gì ở con người nàng. Và lại ý của nàng là ý tốt, là ý hướng thượng. Chàng phải hiểu như vậy. Tuy nhiên Lệ vẫn băn khoăn. Lệ vẫn thấy có cái gì không ổn trong đời sống của chàng, trong lời lẽ khuyên răn của nàng. Ở con người Lệ lý trí lấn át tình cảm. Robert không thể là bạn đời của nàng nếu chàng học hành dang dở. Khi nàng đã là bà Cử mà chàng vẫn lặn đạn vì ham chơi thì không thể chấp nhận được. Ấy là chưa kể xa nhau hằng ngàn dặm!

Lệ đi làm đã được nửa năm. Nàng là phụ giáo của Đại Học Luật Khoa. Nàng đã xong Cao Học. Nàng bắt đầu say sưa nghĩ đến sự nghiệp của một ngày mai tươi sáng. Đã hơn tháng nay, ngày nào Lệ cũng gặp giáo sư Thông trong phòng ăn nhà trường. Ông là người ít nói nhưng có

cái dễ thương là vẻ giản dị, tính cởi mở. Ông nhìn nàng bằng cặp mắt chăm chọc nhưng ông săn sóc nàng thật chu đáo.

Trong cantine, ông chỉ cho Lệ những món nên ăn và bao giờ cũng trả tiền ăn cho nàng với vẻ đàn anh kẻ cả. Ngồi với ông nửa giờ Lệ học hỏi được nhiều điều cần thiết cho tầm hiểu biết của nàng về các bộ luật mà nàng phải mất nhiều thì giờ đọc sách nghiên ngẫm tìm tòi. Nàng lợi dụng lúc giáp mặt ông đặt những câu hỏi về các ngành chuyên môn như luật hiến pháp, luật công ty, luật thương mại và phát triển kinh tế. Giáo sư Thông, một con người giàu kiến thức, một con người nhã nhặn. Thế là đủ cho Lệ cảm thấy yên tâm bên cạnh người đàn ông trí thức này. Nửa năm quen nhau, nửa năm gần gũi và học hỏi ở giáo sư Thông, Lệ thấy mến phục. Lệ đã nhận lời cầu hôn của ông. Ông lớn hơn nàng đến cả hai chục tuổi nhưng điều đó đâu có nghĩa gì. Nàng cần một người chồng đã thành danh, một người chồng trí thức, một người chồng lịch duyệt, một người chồng làm cho nàng mát mặt. Đó là những lý do cần thiết cho cuộc hôn nhân đúng đắn. Lệ đã nghĩ tới Robert. Nhưng chàng vẫn còn sa lầy, chưa thoát khỏi cảnh chơi bời lêu lổng. Nàng không thể có một người chồng mà tương lai mịt mù như thế. Nhận lời lấy giáo sư Thông là một quyết định quan trọng, một quyết định đứng

đẫn của một cô gái con nhà gia giáo, biết lễ nghi và có học như nàng.

Đám cưới linh đình. Quan khách đều là những người tăm tiếng, những bác sĩ, kỹ sư, giáo sư thạc sĩ, những tổng bộ trưởng, những tướng tá đương thời thân quen với giáo sư Thông. Trước mắt họ Lệ chỉ là một cô gái trẻ. Lệ không muốn bạn bè chồng coi nàng như con nít. So với các mệnh phụ khác Lệ còn nhỏ thật, nhưng nàng là người có bằng cấp cao nhất trong số những bà lớn. Điều này làm nàng tự tin trước những người trọng tuổi. Nàng thản nhiên trò chuyện một cách cởi mở. Đa số các bà thích nàng. Người thì chỉ dẫn cách thức nấu ăn trong những tiệc tùng cần thiết. Người thì chỉ dẫn lối xử thế sao cho phù hợp với địa vị một mệnh phụ cao sang. Nàng lại quả cho họ những hiểu biết của một người học thức.

Dù Lệ đã cố tỏ ra nhũn nhặn nhưng nhiều bà vợ các vị tổng trưởng, thứ trưởng vẫn không hài lòng vì “con nhỏ lanh lợi quá”. Những bước đầu, nhiều lúc Lệ muốn bật khóc vì vẻ kẻ cả khinh khỉnh của nhiều quý phu nhân khác mà trong thâm tâm nàng coi thường. Họ chẳng có gì ngoài cái hào nhoáng bên ngoài, Lệ thầm nghĩ và đôi lúc nàng ân hận đã nhận lời lấy giáo sư Thông. Trong tương lai, chồng nàng sẽ là một Bộ Trưởng rồi lên Thủ Tướng mấy hồi. Nhiều lúc nàng muốn

yên thân ngồi trong phòng nghiên ngẫm một cuốn sách hay. Nhiều lúc nàng nhớ tới Robert. Không chừng làm vợ chàng Lệ sống thoải mái hơn.

Khi Lệ sinh đứa con đầu lòng nàng mới nhận được tin bạn cũ. Chàng đã là một kỹ sư tài ba và chàng đương hái ra tiền. Chàng đã cưới một cô đầm khi nghe tin Lệ lập gia đình. Chàng sẽ trở lại quê hương trong chuyến đi công tác sắp tới. Chàng mong được gặp lại người xưa. Lệ rất vui vì bạn đã thành công. Nàng không thấy một trở ngại nào cho ngày gặp gỡ của đôi bạn. Nàng đã yên bề gia thất. Chàng đã có vợ. Chỉ còn là ân tình kỷ niệm.

Lệ mở cửa bước vào trong nhà hàng Givral. Hơi lạnh tỏa từ máy làm không khí mát mẻ. Ngoài đường nóng quá. Thật thú vị khi bước vào phòng máy lạnh. Robert đang ngồi chờ bạn trước ly bia 33. Mắt chàng sáng lên khi Lệ tiến tới bàn. Chàng đứng dậy, lịch sự kéo ghế mời Lệ mà mắt không rời khỏi nàng. Lệ hơi lúng túng nhưng nàng lấy lại bình tĩnh ngay. Nàng nhìn thẳng vào mặt chàng. Nàng sững lại vì không ngờ Robert đẹp trai đến thế. Chàng đã thay đổi nhiều. Trông thật chững chạc, rất đàn ông và rất thu hút.

- Lệ vẫn như ngày nào. Tôi thật xúc động. Chàng ghen lời, đăm đăm nhìn

Lệ. Đôi mắt chàng vẫn nồng nàn, vẫn si dại.

- Robert trông người lớn quá. Khác xưa nhiều. Nghe nói bạn thành công, tôi rất mừng. Tôi vẫn hằng đêm cầu nguyện cho bạn những điều tốt đẹp nhất trên đời.

Nàng đã hết lúng túng dù tia nhìn của chàng vẫn sôi bỏng tưới trên khuôn mặt nàng. Nàng cho chàng biết đời sống của nàng hiện tại. Chàng có vẻ suy nghĩ. Chàng kể chuyện tại sao ngày nay chàng đã thành công bên xứ người. Chàng giàu có. Chàng lấy một người vợ mà chàng không yêu, một cô đầm thuộc loại trí thức, khá đẹp. Chàng cho nàng xem tấm hình vợ chàng, rồi thêm: “Tôi phải có gia đình thôi. Bất cứ lấy ai tôi cũng không yêu vì linh hồn tôi đã có người cướp mất rồi”.

Lệ mỉm cười thật tươi: “Cuộc đời đã an bài. Chúng ta mỗi người một phận số. Lệ chỉ mong chúng ta mãi mãi là một đôi bạn chân tình. Robert nên chấp nhận đề nghị này”.

- Đương nhiên phải như vậy nếu tôi còn muốn nhìn thấy mặt người tôi đã yêu và còn yêu... mãi mãi...”

- Chúng ta là bạn. Chúng ta làm đẹp cái ý chí gây dựng cho nhau không phải là điều đáng quý nhất trên đời sao? Bất cứ lúc nào Robert cần ý kiến là Lệ sẵn sàng vì Lệ biết lấy một người ngoại quốc sẽ có vài điều khó cảm thông.

- Đúng. Mặc dù tôi sống ở Pháp đã lâu, mặc dù tôi nói tiếng Pháp trôi chảy hơn tiếng mẹ đẻ, nhưng tôi vẫn còn một chút gì rất Việt Nam.

Đôi bạn vui vẻ trong ngày gặp gỡ. Một tuần lễ qua nhanh. Một tuần lễ hồn nhiên vui sống đối với Lệ. Nàng thấy lòng mình đôi khi rung động trước Robert, một cảm giác trước kia chưa từng có. Nhưng Lệ vẫn bản khoăn. Nàng vẫn cho rằng đó chưa phải là tình yêu, dù chỉ là tình yêu trong trắng của tâm hồn. Nàng nghĩ rằng chàng đã chinh phục được một góc nhỏ trong tim nàng vì lẽ chàng đã thật sự trưởng thành, chàng đã đạt được mục đích mà nàng mong muốn, và chàng thật lịch sự, thật quyến rũ. Nhưng, một cái gì mơ hồ... tri thức cho nàng thấy chàng không phải là đối tượng của nàng. Nàng thở phào. Nàng đã không phạm tội ngoại tình dù chỉ là ngoại tình trong tư tưởng. Robert rời Sài Gòn. Lệ trở lại cuộc sống bình thường.

30/4 Sài Gòn thất thủ. Ông Thông đã được người Mỹ đưa đi vợ và không kịp từ biệt vợ con. Còn lại một mình, Lệ lo lắng mọi việc, quay cuồng trong xã hội mới đảo điên để tìm cách sống, tìm cách vượt biên. Cả gần năm sau mới nhận được tin chồng. Ông đang vận động để vợ con sang Mỹ đoàn tụ. Lệ gom góp tiền bạc tìm cách trốn khỏi tay Cộng Sản.

Nàng đã mất khá nhiều tiền. Nàng đã bị lừa. Nàng đã bị giam cả tháng với hai đứa con thơ, Thu Lệ 10 tuổi và Cẩm Lệ 5 tuổi. Mẹ con nàng đã sống những ngày thảm thiết trong ngục tù. Đã biết thế nào là đói khổ. Đã hưởng trọn vẹn những sự bản thù, hôi hám, rệp muỗi. Nàng chịu đựng được. Chỉ thương cho hai đứa nhỏ. Vì thế, vừa được thả là nàng lại tìm đủ cách chạy chọt, len lỏi thậm chí đến vay mượn để được tự do. Giấy bảo lãnh của chồng chưa tới mà chỉ hơn một năm sau ba mẹ con nàng đã tới Paris.

Lệ bắt đầu đời sống của một tiểu công chức tại thành phố hoa lệ này. Nàng vẫn yêu Paris với tháp Eiffel cao vút, với Arc de Triomphe trang nghiêm đồ sộ, với nhà thờ Notre Dame mơ màng trong sương mù, với những lâu đài dinh thự tuyệt hảo của một nền văn minh cổ kính. Nàng theo chương trình Pháp từ nhỏ nên nàng cảm thấy gần gũi với nền văn hóa Pháp. Gần chỗ mẹ con Lệ ở trọ may lại có gia đình chị Vân, chị ruột nên Lệ cảm thấy vững tâm.

Một bữa vừa về đến nhà đã có người gõ cửa, trao quà gửi tặng. Cả trăm đóa hồng nhung đỏ thắm trong một hộp kính nhạ. Quà biếu không ghi tên người gửi. Lịch sự và xa xỉ. Chỉ có Robert thôi. Lệ chưa liên lạc với Robert và nàng cũng không muốn chàng thấy nàng trong hoàn cảnh

thất thế này. Nàng đã dặn bà chị đừng để lộ tông tích nàng. Ấy vậy mà anh chàng cũng tìm ra!

Chưa xong bữa cơm chiều, chị Vân đã gọi điện thoại: “Lệ đây hả? “Hắn” tới phá rối vợ chồng tao suốt cả buổi sáng. Đã khô cổ cho hắn biết Lệ không muốn giao tiếp với ai trong thời gian này. Hắn vẫn lằng nhằng xin địa chỉ. Không ở nhà thì ở sở. Tao thấy thương tình quá. Tao đã cho địa chỉ ở sở mi rồi vì để hắn tới nhà gặp hai đứa nhỏ thật bất tiện”.

Lệ thờ dài. Âu cũng là số mệnh. Nay ở cùng một tỉnh chẳng lẽ trốn tránh được mãi ư? Chẳng gì nàng đã hứa trở thành người bạn chân tình của Robert. Nàng sẽ không nhờ vả chàng bất cứ việc gì cho đến ngày qua Mỹ đoàn tụ cùng chồng. Nàng vẫn giữ một khoảng cách trong tình thân bè bạn, sao không được?

Ý nghĩ này Lệ đã giữ đúng trong suốt thời gian nàng còn ở Paris. Thỉnh thoảng nàng mới cho phép Robert đến đón mẹ con nàng đi chơi. Hai cô con gái của Lệ, Thu và Cẩm thương chú Robert lắm. Cả hai quán quít bên chàng những khi gặp gỡ. Robert hành xử nghiêm chỉnh. Lệ không có cách gì từ chối những giúp đỡ của chàng. Chàng vẫn yêu nàng nồng nàn say đắm. Chàng không năn nỉ gì nữa nhưng ánh mắt, cử chỉ và lối săn sóc đặc biệt khiến Lệ vẫn ngại ngần.

Robert cũng đã có một con trai cũng tuổi Thu Lệ. Chàng cho nàng biết chàng đặt tên nó là Hoàng Lệ, tên của nàng để nhớ tới nàng không phải chỉ bây giờ mà còn sau này nữa... Lệ thấy khó chịu, cãi: “Lệ là tên phái nữ, sao Robert lại cho con trai tên ấy? Dị hợm lắm!” Robert chỉ cười nhẹ. Vợ chàng cũng biết chồng theo đuổi Lệ từ sau khi cưới. Ông ăn chả, thì bà ăn nem. Bà ta cặp bồ với nhiều chàng trai trẻ Pháp. Bà ta chỉ cần tiền bạc và sự rộng rãi của Robert thôi. Robert để Charlotte, vợ chàng muốn làm gì thì làm miễn là nàng lo cơm nước chu đáo, nhà cửa tươm tất cho chàng. Được cái Charlotte làm đầy đủ bổn phận của một người vợ trong gia đình. Chắc chắn nàng là một người vợ tốt nếu Robert không nhạt nhẽo với nàng. Charlotte chán ngán vì lúc nào về nhà Robert cũng như ở trên cung trăng. Chuyện gối chăn thì họa hoằn như miễn cưỡng. Charlotte mới ngoài ba mươi, nàng còn trẻ, nàng còn cần sự yêu đương ấp ủ. Điều này nàng không tìm thấy ở chồng. Nhưng nàng vẫn lo cho Robert từng chút một, từng cái bàn chải đánh răng đến cái quần lót lúc nào cũng đầy đủ để trả lại sự rộng rãi về tiền bạc, sự khoan dung về lối sống đi khuya về tắt của vợ. Cả hai không có gì phải to tiếng với nhau.

Những ngày Lệ ở Paris, Robert vắng nhà nhiều. Ngày nào chàng cũng đến thăm

nàng và hai cháu. Không gặp mặt Lệ một bữa thôi là Robert thấy ruột gan nóng bỏng, nhưng nhớ trào dâng. Lệ đã nhiều lần cảnh cáo chàng. Robert nói: “Chỉ có thời gian này là được gặp Lệ mà thời gian này chỉ là tạm bợ và hữu hạn. Mai này Lệ sang Mỹ theo chồng đâu còn được trò chuyện thường xuyên. Tôi có dám xin gì đâu ngoài đến thăm Lệ và các cháu”.

Lệ nghiêm mặt: “Nhưng không được mua quà cáp nữa đấy”.

Robert thộn mặt: “Trẻ con thích những món quà. Đâu có đáng bao nhiêu mà làm người khác vui thì tôi thấy không cần phải tránh”.

Lệ đuối lý. Nàng chỉ còn thúc giục chàng mau trở về nhà với gia đình những khi chàng ngồi lì lợm hàng giờ tại nhà nàng.

Gần ba năm sau, Lệ cùng chồng tái hợp tại Hoa Thịnh Đốn, thủ phủ của nước Mỹ. Ngày rời Paris, nàng đã yên lặng sắp xếp mọi việc để tránh không cho Robert biết. Sau này chị Vân kêu toáng lên trong điện thoại: “Nó đến chỗ mày ở thấy mẹ con mày đi mất rồi. Nó đến tao ăn vạ, than van quá trời, làm ầm lên như là bị vợ bỏ! Mày gọi điện thoại nói chuyện với nó đi!”

Và Lệ gọi... Bên đầu giây kia, xa cách cả đại dương, nàng nghe giọng chàng rít lên đau đớn: “Đã gọi là bạn chân tình tại sao Lệ phải bỏ trốn tôi? Cả tháng trời nay tôi

buồn hết sức. Thêm vào nữa, Charlotte đã mang thằng bé Hoàng Lệ về bên ngoài và đệ đơn ly dị rồi!”

Lệ có dự phần vào sự tan vỡ của Charlotte và Robert không? Nàng băn khoăn cay đắng tự hỏi. Dù ngoài ý muốn, Lệ vẫn thấy nàng có một phần trách nhiệm. Robert sẽ lao đao vất vả vì chàng hoàn toàn dựa dẫm vào vợ. Chàng chỉ biết đi làm kiếm tiền. Chàng chưa hề mó tay vào một việc gì trong nhà. Sống ở bên Pháp mà cứ như công tử Việt Nam quen kẻ hầu người hạ.

Lệ thật sự lo lắng cho bạn. Nàng điện thoại sang Pháp khuyến khích tinh thần Robert và chỉ dẫn từng li từng tí những cần thiết tối thiểu chàng phải mó tay trong nhà. Chàng tỏ vẻ hân hoan. Chàng cho rằng vợ bỏ đi như vậy là một điều tốt để nàng có cơ hội săn sóc chàng dù chỉ qua điện thoại. Chàng nói: “Charlotte biết hình ảnh Lệ không bao giờ có thể rời tâm não tôi. Nàng có ghen hay không? Tôi không biết. Nhưng nàng lấy cớ đó để bỏ tôi. Tôi không cần. Tôi vẫn có Lệ, vẫn có bạn chân tình lo cho tôi. Tôi sẽ cho thằng bé Hoàng Lệ và Charlotte cái nhà này. Nhà lớn quá. Tôi trông nom không xuể. Tôi sẽ mua một căn hộ ba phòng trong một cao ốc sang trọng nhất Paris, nhìn ra tháp Eiffel. Nơi đây tôi có cơ hội ôn lại những ngày hội ngộ của chúng ta

với những kỷ niệm chan chứa. Tôi sống vì cái đó. Tôi sống vì hình bóng Lệ”.

Lệ cảm động. Nàng vẫn cố vớt vát: “Robert phải có một đời sống lành mạnh hơn. Bỏ thuốc lá, bỏ rượu đi. Đừng phung phí tiền bạc. Đừng để người ngoài thấy Robert giàu có, nguy hiểm lắm... nhất là bây giờ Robert có một mình. Mỗi năm, ít nhất là một lần, Lệ sẽ sang thăm gia đình chị Vân và Robert. Chúng ta vẫn giữ tình bạn thanh cao và thơ mộng”.

Bên kia đầu giây, giọng chàng run run: “Anh Thông lớn tuổi rồi phải không? Nếu một ngày nào đó anh Thông ra đi, Lệ có nghĩ rằng chúng ta còn cơ hội gần gũi nhau không?”

Lệ lặng người: “Anh Thông đã ngoài bảy mươi rồi. Nhưng, Robert ơi! Đừng mơ màng viễn vông. Dù anh Thông có ra người thiên cổ, Lệ cũng không thể nào chung sống với Robert được. Lệ còn hai cô con gái. Nay cả hai đã có gia đình danh giá, có địa vị ở xứ này. Lệ không thể chung sống với Robert. Nhưng dù xa xôi thế mấy, Lệ vẫn lo cho Robert đến giờ phút cuối của đời Lệ. Như thế không đủ hay sao? Từ đây, bất cứ lúc nào có chuyện cần, Robert cứ gọi ngay cho Lệ”.

Ngày qua. Tháng qua. Năm qua... Thấm thoát đã gần mười năm. Lệ vẫn giữ lời hứa. Hằng năm, nàng sang Paris thăm gia đình chị và thăm chàng. Chàng vẫn đẹp,

vẫn trắng kiện. Chàng rậm rấp nghe lời nàng. Thôi thì cũng tạm ổn. Vợ chàng thỉnh thoảng vẫn cho con về thăm bố. Thăng bé không thể hiểu tại sao nó mang tên Lê, một cái tên con gái. Nói đúng ra nó cũng chẳng hiểu nguyên do vì đâu nó có cái tên này. Nếu nó biết được chắc gì nó còn thương bố nó và chắc chắn nó ghét nàng lắm.

Hai đứa con nàng hoàn toàn vô tư, chúng không bao giờ nghĩ một người nghiêm trang, đầu óc dấn dỏi như mẹ chúng mà tận sâu đáy lòng lại có một mối tình kỳ khu như vậy. Chúng sẽ không bao giờ biết. Thỉnh thoảng chúng vẫn nhắc nhở tới chàng. Chúng dành nhiều tình cảm mến thương cho Robert. Chúng vẫn hỏi mẹ tại sao đám cưới chúng chú Robert không sang dự. Chú Robert giàu lắm mà. Chắc chẳng qua tại mẹ không chịu mời. Nàng cũng chỉ ừ ào cho qua chuyện. Nàng không muốn Robert dính líu tới gia đình mình. Nàng trọng và nể chồng. Nàng không thể tha thứ cho chính mình tội ngoại tình dù chỉ là ngoại tình trong tư tưởng. Mấy chục năm qua. Lê tự hỏi nàng có yêu Robert không? Hồi trẻ, chắc chắn là không. Bây giờ đã lớn tuổi, sao nàng hay nghĩ vãn vợ hơn xưa!/? Hay vì chàng đã chung thủy với mối tình duy nhất của đời chàng. Thì nàng trả lại nghĩa thủy chung. Thôi, kiếp này đành đoạn.

Lê đang sửa soạn đi lễ nhà thờ thì chuông điện thoại reo vang. Ông Thông cầm ống nghe gọi vợ: “Điện thoại viễn liên từ Pháp của ông bạn nào đó hỏi em”. Chồng nàng lúc nào cũng tềa nhị. Ông không bao giờ vắn hỏi về bạn bè của vợ.

Lê cầm ống nghe: “Alô!” nàng biết ai rồi. Giọng Robert reo vui: “Tuần tới Robert sang công tác ở California năm ngày. Robert sẽ lợi dụng cơ hội này bay tới D.C. thăm Lê và các cháu”.

Lê ngần ngại. Sao Robert không nói thăm gia đình nàng? Thế chồng nàng hẳn bỏ đi đâu? Hơi bực mình, nhưng Lê vẫn vui vẻ: “Wellcome! Cho tôi biết ngày giờ tới phi trường để đón”.

Chuyến máy bay Air France tới Dulles đúng 6 giờ chiều. Giờ này tại DC kẹt xe quá. Lê đã đi sớm hơn nửa tiếng nhưng chắc chắn Robert phải chờ. Lê biết chàng sẽ không cần nhàn nhưng lòng nàng xôn xao khó chịu. Có lẽ vì nàng là loại người nghiêm túc. Tuy nhiên Lê vẫn lái xe cẩn thận dù nàng cảm thấy sốt ruột. Đậu xe xong là nàng chạy vội tới chỗ lấy hành lý. Nàng đã hẹn chàng tại đó. Kia, Robert kia rồi. Chàng đang ngơ ngác quàng. Tiếng reo vui òa vỡ khi chàng nhìn ra nàng đang tất tả bước tới. Bỏ cả hành lý, Robert chạy ào về phía Lê. Nhưng vừa tới trước mặt nàng, chàng bỗng khựng lại, chỉ chìa tay ra bắt. Sự vui mừng trên

ánh mắt của hai người vẫn không thể ngăn cản được bức thành lễ giáo mà Lê đã xây đắp từ lâu. Nếu mình ôm anh chàng thì đã sao? Câu hỏi từ trong tim nàng tuôn ra. Không có câu trả lời. Nhưng nàng biết sự kiện ôm chầm lấy nhau không thể xảy ra. Nàng không bao giờ đi bước trước. Tội nghiệp Robert mà cũng tội nghiệp mình. Lê thầm nghĩ. Nàng cố tạo thái độ dửng dưng. Thốt nhiên Lê cảm thấy ngạt thở... Robert đang ghì chặt lấy mình nàng, môi chàng tham lam khóa kín miệng người yêu. Một cái hôn đắm say. Một cái hôn dài. Một cái hôn gửi tất cả chân tình nhưng nhớ. Một cái hôn trao tình... và nàng đã hưởng ứng. Suốt đời nàng không thể quên được giây phút này... Cố gắng, Lê đẩy người yêu ra:

- Thôi! Đi, anh!

Cả hai sóng bước ra xe. Họ chuyện trò thật vui như chưa từng có chuyện gì xảy ra, như xưa... Cũng đã gần năm trời chưa gặp lại. Robert vẫn phong độ, vẫn đẹp. Vài sợi tóc mai đã bắt đầu ngả bạc trông chàng lại chững chạc thêm. Lê bị lôi cuốn bởi cái dáng dấp ấy.

Trên đường đến khách sạn Mariotte, Robert cho nàng biết chàng lại mới dọn về một căn hộ 2 phòng trong một chung cư sang trọng khác cũng tại Paris. Nơi ấy có người canh gác, an ninh hơn chỗ

trước. Chàng có hầu phòng người Việt, có bồi hầu hạ riêng vì chàng dư dả tiền bạc thuê họ. Chàng cũng chu toàn cho mẹ con Charlotte. Vợ chàng đã có bồ mới. Robert mừng cho vợ vì chàng biết chàng không đủ bản phận của người chồng. Chàng cười dễ dãi: “Nhu vậy tôi bớt áy náy. Còn thằng con trai tôi, thằng Hoàng Lê cũng đã lên Đại Học rồi. Một ngày nào đó, đường nó nó đi. Tôi lại hoàn tay trắng! Nhưng hình bóng Lê đủ làm tôi vui sống”.

Lê băn khoăn: “Bây giờ có một mình, Robert phải thận trọng. Không nên tin cậy người làm quá. Có những chuyện bất ngờ xảy ra không lường trước được. Đừng giao chìa khóa cho cho người làm. Đừng tiêu xài hào phóng quá lộ ra mình có tiền. Đừng để hàng xóm láng giềng biết Robert là người có chức vị. Hãy hứa với Lê đi. Hứa với Lê sống thực tế và khôn ngoan hơn trước”. Nói xong nàng liếc nhìn chàng. Nói như mẹ khuyên con có chạm tự ái của chàng không?

Robert cười sáng khoái một cách hồn nhiên: “Khiếp quá! Cứ như tôi mười bảy mười tám không bằng. Liệu Lê có thể nghĩ và săn sóc tôi đến bao giờ?”

- Mãi mãi...

- Cho đến ngày... tôi chết?

Lê giật mình, cự ngay: “Đừng nói gở”.

Ông Thông bằng lòng ngay khi Lê đề nghị để Robert đến thăm gia đình. Ông lúc nào cũng ung dung, hòa nhã. Ông biết anh chàng “tây con” này thương yêu vợ mình. Ông cũng biết Lê có nhiều cảm tình với hấn ta. Nhưng ông tin tưởng ở vợ, một người đàn bà cứng rắn, sống với lý trí nhiều hơn tình cảm. Ông còn thay Lê báo cho hai cô con gái Thu và Cẩm ngày Robert đến chơi. Cả hai cô giờ đã thành tài, đã có gia đình. Cả hai vẫn dành nhiều tình cảm cho chú Robert như ngày nào còn ở Paris.

Buổi gặp gỡ thật vui nhộn. Thu và Cẩm ôm Robert, hôn trên má chu một cách nhiệt tình. Cả hai cô cùng thích thú trò chuyện với chú Robert. Đối với Thu và Cẩm, Robert thật hào hoa phong nhã. Cô nào cũng đã có một con. Robert bồng hai đứa trẻ trên tay âu yếm. Nói tiếng Việt không rành, Robert chỉ biết một câu nịnh hai người đàn bà trẻ: “Gái một con trông mồn con mắt”. Chàng mua biết bao quà tặng cho hai cô và các cháu bé. Kẹo bánh thượng hạng ở Paris, quần áo đúng thời trang của những designers danh tiếng, những chai nước hoa Mon Péché, Channel No 5 lớn nổi tiếng đã từ lâu. Ngay cả chồng các cô cũng cũng có những cà vạt tuyệt vời. Riêng ông Thông, anh chàng Robert lịch thiệp và tế nhị chỉ biếu ông một cuốn sách về những tư tưởng lớn của những nhà chính trị gia đại

tài bên Âu Châu. Còn Lê, một hộp nhung đen nhỏ. Bên trong là một sợi dây chuyền bạch kim nhận hạt kim cương lóng lánh... 5 carat! Mọi người hể hả, chỉ có Lê không bằng lòng:

- Ông khoe của đấy hả? Làm như suốt đời tôi không có nổi một viên kim cương. Cầm về tặng ai thì tặng.

Mặt anh chàng tiu nghỉu. Ông Thông đỡ lời:

- Anh ấy lòng thành. Em nên nhận cho Robert vui.

- Xin cảm ơn anh. Robert nhìn ông Thông triu mến thành thực.

Lê vẫn cảm thấy bức khi nghe chồng nói và nhìn về mặt của cả hai. Nàng dẫu tiếng thở dài vì thấy chồng khôn ngoan trong khi anh chàng ngây thơ cứ tưởng ông Thông nói thật.

Tàn tiệc. Robert rời nhà trong hân hoan.

Tối đến, ông Thông chỉ nói với vợ:

- Anh ta chung thủy nhỉ!

Lê cúi đầu. Nàng không trả lời. nàng không thích ai phê bình đến tình nghĩa thủy chung của nàng và Robert ngay cả ông Thông, người nàng vẫn kính phục.

Trần trọc trên giường tới gần sáng, Lê thiếp đi trong cơn mộng mị nặng nề... Lê đương bước xuống những bậc cầu thang tối thui. Nàng lần mò trên những mảnh gỗ kê kẹt xuống dưới hầm. Nàng suýt té ngã mấy lần. Văng vẳng như vọng từ cõi

xa xôi nào một giọng trầm âm: “Lệ ơi! Đau đầu quá! Chắc chết mất!”. Giọng của chàng, giọng của Robert... mà chàng đâu? Lệ đã xuống tới chân cầu thang. Một tia sáng le lói phía trước. Một khe cửa hơi hé. Lệ nhào tới chỗ tia sáng lọt vào. Cánh cửa bật mở. Robert nằm co quắp dưới nền đất lạnh, quần quai đầu đón. Quần áo bê bết máu. Mặt chàng xanh ròn nhầy nhựa mồ hôi và máu với những vết thương hằn trên làn da co dúm theo những vết nâu đỏ chạy dài khô đọng. Lệ chồm tới. Hình như chàng đã tắt thở. Nàng hét một tiếng ai oán như dao cứa cuống họng...

Giọng ông Thông trầm tĩnh ở giường bên: “Gì vậy em? Một cơn ác mộng à?” Mồ hôi toát ra như tắm, Lệ tỉnh hẳn. Miệng đắng chát, hơi thở vẫn dồn dập, Lệ ngượng với chồng, với chính mình.

Robert trở lại Pháp hơn một tháng rồi. Lạ quá! Sao chàng không điện thoại cho Lệ. Nàng thấy ruột còn cào nóng bỏng. Nhưng nàng không gọi cho chàng. Biết tính Robert, được đăng chân, lân đăng đầu. Anh chàng vẫn hi vọng, hí hửng từ ngày sang chơi đây. Anh chàng thấy chồng nàng đã già yếu, hai cô con gái đều đã có gia đình, đều thương mến mình. Ngày đưa Robert ra phi trường, anh chàng còn nói với giọng tin tưởng trước

khi chia tay: “Tuổi già mình sẽ có nhau, chắc chắn là vậy, Lệ ạ!”

Liên miên suy nghĩ. Điện thoại bỗng reo vang. Lệ chắc mẩm Robert gọi. Nàng thông thả nhấc điện thoại: “Alô!”

- Robert đã chết rồi! Giọng bà chị chàng vang trên đầu giây bên kia, hốt hoảng, oà khóc - Nó bị cướp vào nhà. Bọn cướp thông đồng với thằng gát dan và con người làm. Khi đưa vào nhà thương đã muộn. Thương tích trên đầu trầm trọng. Lệ ơi!

Nàng lặng người. Đầu tê mê. Ngực buốt nhói. Một cảm giác lạnh lẽo xâm chiếm toàn thân. Lệ nhớ tới cơn ác mộng.

Bà chị Robert gào lên ở đầu giây: “Lệ! Lệ nghe thấy không? Tôi sẽ sang Pháp ngày mai lo vấn đề chôn cất cho nó. Lệ có sang cùng với tôi không?”

Chợt nhớ tới mẹ con Charlotte, Lệ bình tĩnh hẳn: “Chị sang trước đi. Em sẽ sang thăm mộ sau”. Đầu giây bên kia vang tiếng nức nở. Lệ không khóc nhưng nàng thềm khóc. Có cách nào giải tỏa nỗi đau lòng ngoài tiếng khóc thê lương?

Gió thu hiu hắt. Lá vàng từng chiếc, từng chiếc lìa cành. Trời thu nặng nặng u buồn trong nghĩa trang heo hút. Lệ một mình lần bước tìm ngôi mộ mới đắp của Robert. Một chiều Chủ Nhật lê thê rầu rĩ. Bà chị muốn đi cùng nhưng nàng từ chối.

Nàng muốn một mình tới đây để nghe rõ lòng mình hơn và cảm thông nỗi cô đơn đã từng và xé chàng.

Mộ chàng đây. Một ngôi mộ được xây rất trang nhã với dòng chữ:

NOI AN NGHĨ CỦA ROBERT HOÀNG,
NGƯỜI CHA THÂN YÊU
LỆ HOÀNG CHI MỘ

Tên nàng rành rành trên bia mộ. Làm gì mà Charlotte không biết. Cậu con trai xây mộ chí cho cha rõ ra đã vô tình. Nàng ngồi sụp dưới chân mộ, đặt chậu hoa hồng thắm rực màu huyết dụ trên tấm lát. Đây là ngực chàng. Đây là chỗ trái tim chàng đang se lạnh, đang dần dần rữa nát. Nhưng biết đâu trái tim chàng vẫn mãi mãi tồn tại như trái tim Trương Chi vì:

*“Nợ tình chưa trả cho ai,
“Khối tình mang xuống tuyền đài chưa tan”* (Kiều - Nguyễn Du)

Giờ phút này Lệ mới hoàn toàn sống thực cho tình cảm của chính mình mà cả một đời nàng đánh mất. Những giọt lệ trào trên khóe mắt, lăn dài xuống gò má, xối xả đổ trên tấm lát mộ bia ngay chỗ chân chàng nằm. Robert ơi! Đã muộn! Tham vọng hừng hực của Robert không thành

và ước muốn thầm kín của Lệ chẳng bao giờ đạt được. Tất cả chỉ gói ghém trong một nụ hôn dài. Vì sao? Vì quan niệm sống? Vì tấm tiếng? Vì tự ái? Vì hạnh phúc của những người thân mà Lệ, một phụ nữ Việt có học, phóng khoáng, ngổ ngáo cũng không thể dứt bỏ. Lệ có tất cả trừ tình yêu đam mê, hoạn lạc mà có lẽ giờ phút này Lệ mới thấy tiếc! Lệ khóc... khóc chàng hay khóc cho chính mình? Chiều thu lụi tàn. Đêm thu giăng mắc...



NGUYỄN LÂN

(Trích trong tuyển tập “Tình“)



THƯ VIẾT CHO NGƯỜI TÌNH

(Để tưởng nhớ người bạn đời, R.A.S. của tôi)

* NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG *

(Dịch từ những lá thư Anh ngữ cũ. Tiếp theo Cỏ Thom số 81)

Washington, June 26, 1970

My dear,

Anh đánh máy thư này vì anh muốn giữ một bản sao. Nó là một lá thư quan trọng. Anh muốn biết chắc chắn anh nói gì và anh không nói những gì. Anh muốn biết phản ứng của em khi nhận được thư này. Thư sau anh sẽ lại viết tay. Em có thể gọi thư này là thư đánh máy.

Hôm nay anh về nhà lục khắp hộp thư. Anh có thời giờ nên làm việc này. Anh nghĩ có thể có thư em, và có một cái. Một lá thư mỏng và làm anh lo âu. Lời viết của em làm anh lo sợ hơn. Hãy tha lỗi cho anh nếu anh nói đúng sự thật mà anh nghĩ, và xin cho anh biết anh đúng hay sai, nếu em muốn.

Suy nghĩ đầu tiên của anh là lấy chuyến bay gần nhất để đi gặp em. Nếu em muốn, anh sẽ. Nhưng không biết sao anh lại hy vọng là anh sai – em không muốn gặp anh, dù anh tới Sài Gòn, em có thể bối rối vì anh. Nếu em không muốn gặp anh, anh sẽ không bao giờ đến Sài Gòn gặp em nữa. Đó sẽ là một kinh nghiệm kinh khủng, và anh không muốn nó xảy ra.

Bước quan trọng trong đời anh là làm đơn ly dị. Dù khi ở Sài Gòn, và khi anh nói với em, anh sẽ ly dị, anh lo âu có thể anh sẽ đổi ý. Nhưng anh đã không và

anh sẽ không. Có lẽ sau này anh sẽ giải thích tại sao điều đó khó khăn đối với anh; có thể trong một thư khác. Nhưng anh đang lo thủ tục ly dị. Anh nghĩ em biết sự việc này. Anh mong phần cuối cùng sẽ kết thúc trong vài tuần nữa. Nếu em muốn cưới anh, anh hy vọng điều đó sẽ tiến tới gần, và rất gần. Nếu em không muốn nữa, anh cũng chẳng cần phải thúc đẩy việc ly dị. Bởi vì sớm hay muộn hơn vài tuần không thành vấn đề nữa. Nhưng trước khi có giấy ly dị, anh không thể xin phép cưới được. Phép cưới đòi hỏi giấy tờ ly dị.

Một bước lớn cho anh là dọn đi Washington. Cho mình anh thì anh không muốn, cũng không chống ý định ở Washington, nhưng vì chúng ta, anh làm. Vì ở đó anh có thể xin phép cưới em nhanh chóng hơn và chúng ta có thể ở đây cho đến khi anh được bổ nhiệm công việc sau.

Anh biết em không thích chờ đợi. Nhưng anh nghĩ em muốn nói với anh điều khác. Anh nghĩ em đã có nguồn hạnh phúc khác. Em không có thời giờ học Anh ngữ, hay viết thư nữa. Em đi chơi ra ngoài muộn. Em không chỉ không kiên nhẫn với anh, hay không vui vì anh. Em đã có người nào đó che lấp nỗi đau buồn của em. Phải không, em?

Niềm hạnh phúc của em tùy thuộc những gì em muốn làm. Đôi khi em nghĩ, em yêu anh nên em không thể yêu người đàn ông khác. Anh biết điều đó không thực, không ở người đàn bà đẹp, thông minh và tử tế như em. Vậy nếu em có nguồn hạnh phúc nào hơn, anh rất mừng cho em, dù anh rất buồn cho chính anh. Anh không muốn em phải thương hại anh. Anh không nghĩ em phải trung thành với anh nếu em có nguồn hạnh phúc hơn.

Anh xin lỗi vì niềm đau khổ anh đã gây cho em. Năm tháng vừa qua đã rất khó khăn. Anh có thể ly dị sớm hơn, em có thể đã tới đây với anh. Em biết không, em yêu, nếu chúng ta đã cưới nhau mà em đòi ý, anh nghĩ anh có thể tự vẫn. It nhất là anh chỉ cay đắng. Vậy nếu em đòi ý, thì tốt hơn, em làm vậy từ bây giờ.

Anh biết anh đã viết gì, làm gì để làm cho em đòi ý (Nếu em đã như anh nghĩ). Không, anh nghĩ đã có điều gì xảy đến với em. Anh biết nếu anh gặp em, em có thể nói sự thật với anh, nhưng từ khi chúng mình xa nhau, em đã giấu sự thật vì em không muốn anh đau khổ. Nhưng em đã làm anh thật sự đau khổ khi em viết cho anh lá thư chỉ viết "Bob thân" và cái thư thật lạnh lùng với anh. Anh không trách móc nếu em chỉ giận, mà lạnh nhạt...

Dung, darling, em còn yêu anh không? Anh lo âu, em không. Có lẽ bây giờ em đã có ý định rõ rệt, có hay không? Anh hy vọng sẽ là có.

Tối nay anh đưa Tùy Viên Lao Động của Úc đi dùng cơm. Anh sẽ chờ ông ta

ra phi trường sáng sớm Thứ bảy. Sau đó anh sẽ học ôn tiếng Pháp nhiều.

Anh tuyệt vọng lo lắng sẽ mất em. Anh muốn viết nhiều thư cho em, dù chỉ nhận được rất ít, nhưng anh biết em không muốn nhận thư của một người từ lâu em không còn yêu nữa.

Anh viết thư này tại sở, trong thời gian làm việc. Nhưng anh muốn viết cho em ngay vì hy vọng em sẽ nói với anh rằng anh sai, anh không mất em, vợ của anh. Em biết không, nếu em muốn cưới ai khác, em phải ly dị anh trước. Đó là sự thực.

Em hãy nhớ rằng anh yêu em và anh sẽ luôn luôn. Chúng ta sẽ cưới nhau. Điều đó tùy em.

Bob.



Washington, July 01, 1970

My dear Dung,

Cảm ơn lá thư của em, 25 tháng 6 đã đến hôm nay. Cảm ơn em đã cho anh sự thực và tại sao em rất bận.

Xin em, đừng lo lắng, anh sẽ không đi Sài Gòn và nếu anh phải đến, anh sẽ không đến sở hay nhà em. Anh sẽ không viết nhiều thư, không gây phiền lụy cho em. Anh vẫn yêu em, yes, anh hiểu và không trách móc em.

Thứ lỗi cho cái thư ngắn ngủi của anh. Anh không nên nói nhiều nữa. Thật là kinh ngạc cuộc đời có thể thay đổi chỉ trong một tháng. Thảm thiết quá. Lỗi tại anh, không tại em. -- Bob.



Washington, July 2, 1970

My dear Dung,

Anh vừa gặp H. dù anh ở sở, anh muốn viết cho em nhanh chóng. Anh nói với H. về tình trạng chúng ta, vì anh cần nói với một người nào đó. Ông ta là một người bạn anh thích nhất.

Anh nói với ông ta anh hiểu tình trạng của em. Ông ta cũng vậy. Em thấy đó, hôm qua anh nhận được thư em nói rằng em không muốn anh đến Sài Gòn thăm em, nhưng em vẫn yêu anh và muốn anh cưới em. Trước hết, anh muốn viết cho em một lá thư ngắn nói rằng anh hiểu em và anh sẽ làm những điều em muốn.

Nhưng anh sợ rằng nếu bốn tháng nữa anh mới gặp em, em sẽ đổi ý. Anh cũng muốn có một cuộc nói chuyện dài với em sớm mà chúng ta có thể.

Em có thể lấy giấy thông hành đi Hong Kong hay là Tokyo không? Anh sẽ gặp em tại một trong hai thành phố. Anh sẽ đến trước em và gặp em tại phi trường. Anh thích Tokyo hơn, vì chúng ta có thể có một chuyến nghỉ ngơi đẹp. Anh biết em thích Tokyo.

Nếu em muốn đến, hãy lấy hai hay ba tuần nghỉ vào đầu tháng tám. Anh sẽ tìm hiểu về passport ngay. Anh sẽ gửi em vé máy bay. Anh sẽ không nói với ai về chuyến đi gặp gỡ của chúng ta, vì em có thể không muốn ai biết.

Cung ơi, chúng ta phải gặp nhau. Em hiểu vậy không? Nếu có thể, chúng ta nên có ngày nghỉ với nhau tại Tokyo. Nếu không, anh sẽ tới Sài Gòn vào tháng tám, bất cứ khi nào em muốn. Anh sẽ không đến nhà em. Anh sẽ không đến sở em. Nhưng chúng ta phải nói chuyện. Nếu chúng ta không nói chuyện với nhau, chúng ta đợi bốn hay năm tháng nữa, anh sợ tất cả sẽ mất. Anh muốn làm tất cả những gì anh có thể, để giữ em, bởi vì anh yêu em thật nhiều. -- Bob.



Washington, July 4, 1970

Saturday 4 p.m.

My dear Dung,

Ngạc nhiên! Anh không viết thư cho em hôm nay, dù là một cái. Em xứng đáng được nghỉ đọc quá nhiều Anh ngữ.

Anh luôn luôn muốn gọi điện thoại cho em, nhưng nghĩ khó khăn cho em nói chuyện trong sở. H. nói em có thể gọi mà anh trả tiền. Em có thể cố gắng làm thế không? Anh muốn lắm được nói chuyện với em.

Đây là số điện thoại của anh tại nhà 202... H. nói em có thể gọi anh qua PTT từ 8 giờ tối đến 4 giờ sáng, 8 giờ tối ngày thứ bảy tại Sài Gòn là 8 giờ sáng thứ bảy tại Washington. 8 giờ tối Sài Gòn Chủ nhật là 8 giờ sáng Chủ nhật tại Washington. Vậy em có thể tìm điện thoại gọi anh Thứ bảy sau trong khoảng 8 giờ tối đến 12 giờ đêm, hay Chủ nhật

cũng trong khoảng thời gian đó. Anh sẽ ở nhà cả hai sáng Thứ bảy và sáng Chủ nhật, hy vọng nhận được điện thoại của em.

Nếu em thấy đường giây không nghe rõ, em gác máy và gọi điện thoại viên quay số lại cho em. H. nói đã gọi điện thoại về Washington hai lần khi ở Sài Gòn và nghe rất rõ.

Việc ly dị không có vấn đề gì và sẽ ra tòa trong 3 tuần lễ nữa. Anh sẽ liên lạc với luật sư ngày Thứ hai. Tuần sau anh sẽ gửi mẫu giấy để em điền xin giấy phép và khám sức khỏe chẳng hạn.

Nhưng anh vẫn lo âu như em biết. Thư của em có vẻ khác, em yêu, khiến anh lo em đã thay đổi dù em nói không. Có lẽ đây là lần đầu tiên anh hiểu cảm giác của em. Em bảo anh hãy đợi đến khi anh gặp em. Bây giờ em lại bảo anh phải chờ, và anh cảm thấy bị bỏ rơi. Ngày đêm của anh thật cô đơn. Nay anh hiểu ý em khi nói rằng "Bob sau khi chúng ta cưới nhau, đừng bỏ em cô đơn." Anh cảm thấy cô đơn ở Chicago và ở Washington, khi anh mới đến. Nhưng nỗi buồn của anh dịu bớt khi biết rằng anh sẽ gặp lại em. Bây giờ có người khác săn sóc em và anh lo trong khi em nói còn yêu anh, nhưng tình yêu đã từ từ phai nhạt.

Em ơi, phải hai tuần mới nhận được phản ứng của em. Thật quá lâu. Anh phải nói với em về việc anh sẽ đi gặp em, bất cứ nơi nào em nói, nhưng mà mau chóng đi, em nhé. Anh mong em muốn đi Tokyo và lấy được passport. Yêu em

thật nhiều. Nếu anh tới Sài Gòn cưới em ngày mai, em còn muốn không?

I love you.

Bob.



Washington, Saturday night, July 4, 1970

My dear,

Nếu anh biết em không còn yêu anh nữa, anh sẽ uống rượu say đêm nay. Anh buồn khi nghĩ đến tiệc sinh nhật của em năm ngoái và tiệc của em năm nay mà có lần em mời anh đến dự dù 3 hay 4 tuần trước, và bây giờ thì không. Anh không trách em. Anh sẽ tỏ cho em biết anh yêu em và muốn cưới em đến chừng nào.

Cảm ơn em đã gửi cho anh số điện thoại của em. Anh sẽ thử gọi em trước khi em nhận được thư này. Anh đã viết cho em một thư trước đây trong đó anh hỏi em gọi điện thoại cho anh. Ngoài kia có nhiều pháo bông lớn cho Ngày Độc Lập. Anh không đi ra ngoài. Anh không muốn vui thú một mình. Anh không thích đi với ai ngoài em.

Anh quyết định không học tiếng Đức bây giờ. Anh sẽ học tiếng Đức hay tiếng khác với em. Nhưng anh tiếp tục ôn tiếng Pháp.

Anh nhắc lại những gì anh đã nói trong một thư khác. Bây giờ anh hiểu cảm giác của em thế nào. Em đã tin tưởng ở anh, em phải chờ đợi và không có gì chắc chắn xảy ra. Em không chịu

đựng được. Anh cũng vậy. Anh không thể chịu được một tháng nữa mới được gặp lại em. Anh không muốn nói chuyện với người đàn bà nào khác. Nếu anh có thể thì chỉ nói chuyện với em. Vì thế anh đi gặp H. và người bạn khác của anh. Anh không trách em đã nghi ngờ anh. Em đã tín nhiệm anh nhiều và những lá thư của anh không đủ. Những thư của anh không thể nói lên được rằng anh yêu em sâu đậm đến thế nào. Anh muốn em là sở hữu của anh, người yêu của anh. Anh muốn làm em hạnh phúc. Anh không thể tưởng tượng tiếng của em ra sao khi anh sẽ nói chuyện với em. Anh nhớ rõ rằng, mỗi lần em nghe tiếng anh, em luôn luôn rất vui mừng. Trước kia, em học tiếng Anh giỏi. Một lần em gọi anh, anh nghe như có âm nhạc trong giọng nói của em và em rất vui khi nghe tiếng của anh. Anh muốn nói vang cho cả thế giới nghe, anh yêu em. Nếu em không muốn, hãy cho anh biết.

Anh định gọi J. gửi hoa tặng sinh nhật em. Nhưng J. đi xa. Anh thật đáng trách. Có thể em nghĩ anh quên sinh nhật của em. Anh yêu em như thế đấy. Anh viết cho em nhiều thư, nhưng thư không đủ, anh biết. Và anh nghĩ đã không làm rõ ràng về tương lai của chúng ta. Anh không hiểu sao em có thể không kiên nhẫn. Bây giờ thì anh không kiên nhẫn một cách tuyệt vọng.

Anh biết em yêu anh nhiều. Em đã làm anh rất hạnh phúc. Anh không bao giờ được hạnh phúc với ai như với em. Anh hy vọng chúng ta vẫn sẽ có hạnh

phúc với nhau. Nếu em quyết định không, thì em cũng nên hiểu rằng anh không ghét em, anh vẫn yêu em. Anh hãnh diện được biết em nhiều. Nhưng chúng ta vẫn tiếp tục hạnh phúc nếu em muốn và đó là tùy nơi em.

Radio đang phát thanh "You're Too Good To Be True" làm anh khóc. Có thể khi em nhận được thư này anh đã nói chuyện được với em qua điện thoại.

Anh sẽ viết cho người bạn ở Tokyo, chúng ta có thể đến thăm thành phố ông ta ở trong tương lai gần.

Anh mong em viết cho anh nhiều hơn là một thư trong một tuần. Anh hiểu cảm giác của em, nhưng có điều anh không hiểu là tại sao em chỉ viết ở sở và một thư mỗi tuần. Mong gặp lại em ngày gần tới.

Bob.

(còn tiếp)



Ngọc Dung & Bob Senser

Thuyền Viễn Xứ

Ra khơi sương khói một chiều
Thùy dương rũ bên tiêu điều ven sông
Lơ thơ rớt nhẹ men lòng
Mây trời pha ráng lụa hồng giăng ngang

Có thuyền viễn xứ Đà Giang
Một lần dạt bến qua ngàn lau thưa
Hò ơi! Câu hát ngân xưa
Ngân lên trong một chiều mưa xứ người

Đường về cố lý xa xôi
Nhịp sâu lỡ bước, tiếng đời hoang mang
Sau mùa mưa gió phủ phàng
Bến sông quay lại, hướng làng nẻo xa

Lệ nhòa như nước sông Đà
Mái đầu sương tuyết lòng già mong con
Chiều nay trời nhẹ xuống hồn
Bao nhiêu sương khói chập chờn lên khơi

Hai bờ sông cách biệt rồi
Tần Yên đã nổi bốn trời đao binh
Ngàn câu hát buổi quân hành
Dậm trường vó ngựa đấng trinh nẻo xưa

Biết bao thương nhớ cho vừa
Gửi về phương ấy mật mờ quê hương
Chiều nay trên bến muôn phương
Có thuyền viễn xứ lên đường... lại đi....

The Emigratory Boat

That frost smoked evening, to the sea people set out.
Weeping willows drooped desolately the riverside about;
Clouds mixed with setting sun spread a rosy silky band.
Something somewhat fluttered uneasily in my sand.

There, was the emigratory boat from the Black River
Once leaving its marina thro sparse reeds that quiver.
Hey Hey! The habitual harmonious song since foretime
Vibrated in a rainy evening in the foreign clime.

The way back to the old native land was too distant,
On the sad span the step missed, the rumor inconsistent.
After the unfavorable weather, the ruthless storm,
Looking back to the marina the village grew a fuzzy form.

Eyes blurred by tears so brimful as the Đà River water;
The children were expected by the snowy haired mater.
This evening the universe on my soul lightly lights,
All the frost and smoke glimmer rising to their heights.

The two sides of the river have already separated,
Like the ancient Roman-Persian Wars that were fated.
So many martial songs have echoed on the departure day
And hoofbeats on the march resonated from far away.

Well, how much loving, missing, longing to fit feeling,
To send to that indistinct home town being to it kneeling.
In this very evening from various marinas everywhere
There still are other emigratory boats start out to dare.

HUYỀN CHI

Translation by THANH-THANH

Mời nghe Mai Hương hát “Thuyền Viễn Xứ”, Phạm Duy phổ nhạc

<https://www.youtube.com/watch?v=T2iRgPeTguA>

BÀN SỐ 9

*** TRƯƠNG ANH THỤY ***

Ông Bàn đứng ngơ ngác nhìn xung quanh. Những chiếc đèn pha lê “chandelier” không lồ rủ từ trên trần xuống từng chùm sáng loáng làm ông mỗi cổ ngược nhìn. Cái hành lang dài trải thảm đỏ băng qua khoảng rộng dùng làm phòng tiếp nhận khách. Từ chỗ ông đứng, giữa khoảng rộng này, ông có thể nhìn hai phía đến tận cùng hai đầu hành lang, theo tấm thảm trải tiếp lên mấy chục bậc cao. Ông lẩm bẩm một mình: “Tàu thủy gì mà trông như cung điện nhà vua thế này!” Bà Bàn vừa làm xong thủ tục giấy tờ, bà xẹt qua chỗ ông, nói nhanh: “Xong giấy tờ rồi. Thôi đi ăn.” Nói xong bà thoăn thoắt đi trước về phía cuối tàu... bước lên các bậc... Hết bậc là một khoảng trống, rộng. Một tấm bảng lớn dựng ở đó với mấy chữ “Welcome to the Dining Room.” “À thì ra mình đi lên tầng ba, và đây là phòng ăn.” -- Ông Bàn tự nhủ.

Trong khi ông còn đang lóa mắt trước cảnh trang hoàng choáng lộn của phòng ăn, thì bà Bàn đã lấy xong hai thẻ ăn. Anh bồi bàn trong bộ đồng phục bằng dạ, áo đỏ, sơ mi trắng, quần đen, khoát tay ra dấu mời ông bà đi theo. Anh ta cao lớn, bước đi thật nhanh. Bất thình lình anh ta dừng lại. Suýt nữa thì bà Bàn đâm sầm vào lưng anh ta. “Đây là bàn số ‘9’, bàn của ông bà. Ông bà muốn ngồi chỗ nào thì tùy ý.” Bà Bàn lùi lại để

ông Bàn chọn trước. Ông chọn chiếc ghế sát cửa sổ, ngồi xuống. Anh hầu bàn kéo ghế mời bà Bàn ngồi. Trong bàn đã có sẵn hai cặp vợ chồng đứng tuổi. Chiếc bàn dài phủ khăn đỏ, còn bốn chiếc ghế trống. Bà Bàn đoán là còn hai cặp nữa chưa tới. Thế là bàn của bà sẽ có mười người.

Bà Bàn nhòai người ra giữa bàn, bắt tay hai cặp đến trước. Không biết họ là người nước nào, nhưng từ hồi chiều khi lên tàu thấy người ta nói toàn tiếng Anh nên bà cũng nói tiếng Anh: “Xin chào! Tên tôi là Hoa. Nhà tôi là Bàn Nguyễn.” Hai cặp ngồi đối diện cũng liú ríu bắt tay, tự giới thiệu:

- Tôi là George Smith. Vợ tôi là Mary.
- Tôi là Harry Jones. Đây là Nancy, vợ tôi.
- Quý vị là người nước nào? Bà Bàn hỏi.
- Chúng tôi đều là Mỹ. Ông George trả lời
- Thế còn ông bà?
- Chúng tôi cũng là Mỹ. Chúng tôi đi từ California. Bà Bàn nhanh nhẩu đáp.
- Chúng tôi muốn biết ông bà là gốc người nước nào cơ. Người ta đang bảo là tám mươi phần trăm du khách trên con tàu này là Mỹ. Chính người Mỹ nuôi sống con tàu Song of Norway này mà. Vậy ông bà có là dân Mỹ thì cũng không có gì lạ.
- À, gốc gác chúng tôi là Việt Nam.

- Ô thế này thì hay quá! Tôi đã đóng ở Đà Nẵng sáu năm trời, vào những năm cuộc chiến gay go nhất. Nước của ông bà đẹp quá. Tôi chỉ ước ao có ngày được trở lại thăm. Còn ông bạn tôi đây chưa bao giờ ở Việt Nam, ông ấy có đây câu hỏi trong đầu về Việt Nam. Bây giờ ông tha hồ mà hỏi nhé!--Ông George vừa nói vừa vỗ vai ông Harry.

Ông Bân từ nãy chăm chú đọc tờ chương trình kê ra những giờ giúp vui, ăn uống, đánh bạc v...v..., nay nghe thấy ông George nói ông ở trong quân đội, đã từng ở Việt Nam, mắt ông Bân sáng lên:

- Thế ông rời Việt Nam năm nào?
- Năm 74. Cám ơn trời!
- Ông có ở trong hải quân không?
- Không, tôi là bộ binh trong ngành truyền tin.

Bà Bân hãnh diện:

- Nhà tôi ở trong hải quân đấy
Nói rồi bà hứng chí kể tuần tuột: Tháng tư năm 75 nhà tôi đang là hạm trưởng của một chiến hạm tại miền Trung. Anh gửi tôi với bốn cháu nhỏ cho một người bạn hải quân, lúc bấy giờ đang đóng ở Vũng Tàu, nhờ anh này đưa chúng tôi đi di tản. Còn nhà tôi thì sau khi được lệnh rút lui, anh biến con tàu của anh thành tàu chở đồng bào tỵ nạn. Tới vịnh Cam Ranh thì đồng bào lên được tàu quốc tế đi di tản, còn anh ở lại với đơn vị cho đến khi Cộng Sản cưỡng chiếm miền Nam. Sau đó anh ấy ở tù “cải tạo” 11 năm.

Từ đầu hai bà vợ Mỹ chẳng để ý gì đến câu chuyện của mấy ông chồng, nay nhảy bổ vào, tranh nhau hỏi:

- Thế rồi bà sang thăm Mỹ à?
- Thế làm sao bà có thể một mình nuôi nổi bốn đứa con ở cái xứ này?
- Dạ, tôi được đưa sang đảo Guam rồi sang Mỹ. Lần chót tôi được nói chuyện với nhà tôi là lần anh gọi từ Vịnh Cam Ranh năn nỉ tôi đem các cháu đi trước, anh hứa sẽ tìm đường đi sau. Thế rồi sang đến Mỹ, mẹ con tôi chờ mỗi mắt chẳng thấy tăm hơi anh ấy đâu--Nói tới đó bà Bân càng như được khơi mạch sấu, kể lể: Lẽ dĩ nhiên tôi phải xoay sở mà sống. Lúc đó cháu đầu mới mười hai tuổi, cháu út mới có mười tám tháng. May nhờ có trợ cấp xã hội, các cháu đều được học miễn phí, tôi lập tức đi học kế toán. Sáu tháng sau là đã có một nghề. Tôi lại tìm được việc làm tương đối tốt. Vừa làm vừa học thêm. Hai năm sau thi được cái CPA....
- Bà giỏi quá trời! Tôi phục bà sát đất!--
Nói rồi bà Nancy lay tay chồng, nũng nịu: Này anh! Anh mà bỏ em một mình ở một nước xa lạ là em chết ngay chứ đừng nói lại còn phải nuôi con nữa.
- Anh bỏ em một mình ở ngoài chợ em cũng chết chứ đừng nói lại bỏ ở một nước xa lạ.
- Anh này chuyên môn nói quá. Hồi anh ở Việt Nam, em chả ở nhà một mình với hai con là gì?
- À! Thế nhưng cứ mỗi sáu tháng, hễ anh không về thăm là em lại mò sang Việt

Nam phải không? Người ta bảo người Mỹ quen thói hư thân là đúng.

Trước khi câu chuyện cãi vã của ông bà George và Mary đi đến chỗ gay go thì một cặp vợ chồng bước vào bàn. Lại một màn giới thiệu ồn ào xảy ra. Câu chuyện của ông bà Bân phải ngưng. Mọi người lại hỏi thăm nhau về quê quán, lộ trình, kinh nghiệm du lịch... Nghe một chập ông bà Bân hiểu ra là những người ngồi cùng bàn đều là triệu phú. Hai cặp đến trước là bạn thân nhau từ hồi niên thiếu, cùng quê quán ở Nữ Ước. Cặp đến sau ở Chicago, tên chồng là Frank, vợ là Susie. Cả ba cặp đều có cơ sở làm ăn. Người thì đã về hưu hẳn, người thì về hưu một phần. Họ từng đi du lịch bằng tàu như thế này nhiều lần, nên đối với họ chẳng có gì lạ mắt lạ tai hết. Anh hầu bàn đem thực đơn đến cho mọi người và tự giới thiệu: “Tôi là Allen, người hầu bàn chính của quý vị trong suốt cuộc hành trình.” Mọi người bắt đầu hào hứng chọn món ăn. Chắc là ai cũng đói. Đây là bữa đầu nên mọi sự đều chậm trễ hơn thường lệ.

- Còn một cặp nữa là ai, sao chưa thấy đến? Bà Nancy hỏi Allen.

- Không phải là một cặp. Một người là một thiếu phụ còn trẻ, đã lên đây ghi tên từ sớm. Chắc bà ta trở về phòng nghỉ. Còn người nữa là một người đàn ông, không lên tàu ở đây với chúng ta. Ông ấy sẽ lên tàu khi chúng ta ghé Thụy Điển

Anh hầu bàn vừa nói đến đây thì reo lên: “Kìa, bà ta đến kia rồi.”

Một thiếu phụ dong dỏng cao, mảnh mai. Nước da trắng xanh, nổi bật trong chiếc áo dạ hội đen sang trọng. Anh hầu bàn kéo chiếc ghế cạnh bà Bân mời nàng ngồi. Màn giới thiệu lại ồn ào nổi lên, nhưng rồi im ngay khi nàng cất giọng nhỏ nhẹ:

- Xin lỗi, tôi ngủ quên. Đêm hôm qua tôi không chớp mắt được. Lần đầu tiên đi du lịch một mình, tôi vừa lo sợ, vừa lúng túng.

Cả bàn không ai bảo ai đều đưa mắt nhìn ngón tay đeo nhẫn của nàng thì thấy có chiếc nhẫn cưới. Susie tò mò:

- Thế tại sao bà lại phải đi du lịch một mình?

- Nhà tôi mất đã gần hai năm nay. Anh ấy bị ung thư gan

Nói tới đó thiếu phụ phải ngừng vì trong bàn mọi người đều nói: “Tôi xin chia buồn”

- Xin cảm ơn các ông, bà. Mẹ tôi cứ đẩy tôi đi chơi chuyến này, bà nói là tôi phải đi chơi cho khuây khỏa chứ ở nhà ủ rũ hoài tôi sẽ điên mất.

- Đừng sợ gì hết, bà đã có chúng tôi. Khi nào được lên bờ đi vãng cảnh, bà cứ đi cùng với chúng tôi là yên chí. Bà Susie an ủi.

- Cảm ơn các ông các bà. Được nhập bọn với các ông, các bà, tôi rất mừng.

Ông Bân nhìn ra biển. Đã tám giờ tối. Tàu đã rời bến được một tiếng đồng

hồ, đang tiến về phía Đông Bắc. Mặt biển lặn tấp, lóng lánh... lặn vào chân trời đỏ ối tận xa tít. Cả một trời kỷ niệm tràn về. Những buổi tuần tiễu, những buổi huấn luyện anh em hải quân trên chiến hạm ngoài khơi Đà Nẵng, Nha Trang, Cam Ranh... Những chiến công oanh liệt, tình đồng đội tràn trề... Tâm tư ông nặng trĩu những vui buồn, sầu hận, tiếc nuối...

Bình minh trên biển là phong cảnh ông mê nhất. Từ ngày vào hải quân, ông đã tập được thói quen dậy thật sớm khi trời còn mờ sương. Lên boong tàu thở hít không khí trong lành và ngắm bình minh tràn lan trên mặt biển. Sau hai chục năm trải qua những chia lìa, tù đầy, mất mát... nay ông mới thấy lại cái cảnh quen thuộc... Lòng ông lâng lâng sáng khoái, trải rộng ra tận chân trời... Vàng dương vừa ló. Cửa thiên đường hé mở, tỏa hào quang sáng rực cả vùng trời. Ông Bân chăm chăm nhìn về hướng mặt trời mọc. Nín thở, chờ đợi một phép lạ xuất hiện, một nàng tiên bước ra... Bỗng ở đâu chạy vào, một chiếc tàu đen thui, nhỏ như miếng giấy trẻ con cất chơi, in hình trên chiếc mâm vàng đang dần dần nhích lên trên mặt nước từng ly, từng ly...

Tiếng còi của chiếc Song of Norway và tiếng hú chào lại của chiếc tàu chở hàng đi ngược chiều làm ông Bân giật mình, trở về với thực tế. Ông nhìn đồng hồ, đã bảy giờ rưỡi nhưng ông quyết định bỏ bữa điểm tâm, tiếp tục ngắm trời, ngắm nước... Cái thực tế mà ông Bân

đang cố tránh không muốn nghĩ tới mà không sao tránh được, vì đó là nỗi nhức nhối, dằn vặt đeo đuổi ông từ ngày ông sang Mỹ đoàn tụ với gia đình theo diện HO. Hoàn cảnh ông thật là éo le. Đứng vào cái tuổi đáng lẽ ông phải được hưởng hạnh phúc, tâm trí an nhàn, thanh thoi thì trái lại, đầu óc ông lúc nào cũng đầy u uẩn, bất mãn. Suốt thời gian ông ở tù, vợ con ông gửi tiền về nuôi ông. Khi ông ra khỏi tù thì thúc bách, giục ông sang Mỹ cho nhanh. Tất cả những thịnh tình đó làm ông mừng rỡ trong đầu một nếp sống gia đình xum vầy, đầm ấm, trên thuận dưới hòa như xưa, để bù lại phần nào những ngày chia lìa, tù tội. Nhưng khi sang tới nơi thì sự thật hoàn toàn khác với những gì ông trông đợi. Chỉ có đúng một bữa cơm tối đầu tiên khi ông mới đến Mỹ là có đầy đủ vợ chồng con cái ngồi ăn, còn những bữa sau là mảnh dứa nào dứa nấy vợ vội một cặp bánh mì, quét quét cái thứ gì chả hiểu, ngốn thật nhanh, chiêu vội cốc sữa rồi chạy... Vợ ông cất nghĩa là dứa thì đi học của tôi. Dứa thì đi làm ca đêm, dứa thì đi trông trẻ cho người ta, lấy vài chục đồng mua sách... Thằng út thì cao to nhất nhà, tôi nào nó cũng đi chơi bóng rổ trong trường, vì, cũng theo vợ ông, nó phải chơi giỏi một môn thể thao nào thì mới dễ dàng xin học bổng lên đại học. Tối ngày hôm nay thì cả bốn đứa con ông đã thành tài. Dứa út được học bổng toàn phần vừa học xong kỹ sư điện hồi tháng sáu, thế mà sáu tháng trước khi nó ra trường đã có một hãng Mỹ lớn đặt cọc

mướn. Nay các anh chị nó không còn phải chung tiền trả tiền nội trú cho em, bèn bảo nhau hùn tiền biếu bố mẹ hai vé đi du lịch bằng tàu thủy. Khi nghe các con đề nghị như thế thì phản ứng đầu tiên của ông là gạt phắt. Ông nói là không muốn các con tốn tiền. Nhưng thực sự trong thâm tâm ông, ông không muốn đi vì không muốn phải nhìn mặt bà vợ hai mươi bốn tiếng đồng hồ một ngày. Ở nhà thì trong tuần bà ấy đi làm, buổi tối hay cuối tuần ông đi chùa hay đi họp hành với hội họ hội kia. Đi du lịch thì sẽ đến toàn những nơi xa lạ, ông biết trước là ông sẽ phải phụ thuộc vào bà nhiều lắm, và nếu có chuyện bất hòa thì ông không biết chui vào đâu, chẳng nhẽ nhảy xuống biển?! Ông sang Mỹ được gần ba năm rồi mà sao ông vẫn chưa có thể chấp nhận được cái cảnh vợ con ông quá Mỹ hóa. Họ độc lập trong mọi hoạt động, chẳng mấy khi đợi hỏi ý kiến ông trước. Ông thấy ở bà vợ, một người đã vượt ngoài tầm tay ông: Trẻ trung, khỏe mạnh, nhanh nhẹn, hoạt bát, thành thạo, và còn có vẻ “xéch-xi” nữa! Trong khi đó ông tự nhìn thấy ông: Già nua, ốm yếu, chậm chạp, cù lằn, quê mùa... Sự hiện diện của bà chỉ tỏ nhắc nhở ông sự tương phản rõ rệt đó. Con cái thì không một đứa con nào còn nói tiếng Việt. Những đứa lớn tuy không nói được nhưng còn hiểu được phần nào, đứa con út thì hoàn toàn là một thằng Mỹ con, từ ngôn ngữ đến cử chỉ. Ông vẫn thường mắng nó: “Thằng này đâu annamite, đít américain,

chẳng ra ngô ra khoai gì cả”. Đứa con gái lớn thì vợ ông cho tự do đi chơi với một thằng bạn trai Mỹ làm giáo sư trong trường UCLA. Bữa nọ nó dám mở miệng xin ông cho phép đính hôn vào dịp Noel này, và còn nói là sẽ theo đạo Thiên Chúa của chồng mới đáng sợ chứ! Ông gạt phắt đi thì bà lại bảo: “Lấy vợ lấy chồng thì phải dựa trên vấn đề hợp tâm hợp tính. Từ bao nhiêu năm nay nó không gặp một người Việt Nam hiểu nó, hợp với nó, thì tại sao lại cứ bắt nó phải lấy bằng được một người Việt Nam? Còn đạo thì đạo nào dạy con người ăn ở tốt là đạo đó tốt. Điều quan trọng cốt ở người thi hành đạo có đúng đường hay không, chớ không phải ở chỗ người ấy theo đạo nào.”

“Ồi giời!”. Ông nghĩ, “Bà này trở thành một luật sư, một nhà truyền giáo từ lúc nào thế này! Hồi ông mới cưới bà về, bà là một tiểu thư nhút nhát, chân yếu tay mềm, phải dựa vào ông cả tinh thần lẫn vật chất cơ mà. Cái gì đã làm bà thay đổi quá vậy?” Đau nhất cho ông là ông đặt bao nhiêu kỳ vọng vào đứa con trưởng để nối dõi tông đường, nay nó trên ba mươi tuổi đầu rồi mà mấy lần ông nhắc đến chuyện vợ con, nó cứ lơ đi. Bà vợ ông cắt nghĩa là hai đứa con đầu bị chậm học, chậm lập gia đình vì phải giúp mẹ lo kiếm cơm nuôi các em. Có lần bị ông trách móc quá về việc bà không chịu lo tìm vợ cho ông con trai trưởng, bà dám bảo thẳng vào mặt ông là vì nó trông gương ông khắc nghiệt đối với vợ con

cho nên nó chán nhân tình thế thái, không muốn lấy vợ nữa!” Ông cũng chẳng chịu thua: “Hừ! Tôi chẳng có tội gì đối với vợ con hết, ngoại trừ cái ‘tội’ để tinh thần trách nhiệm đối với quân đội, với tổ quốc trên trách nhiệm gia đình. Cái ‘tội’ thứ hai là ngồi tù mười một năm, không đi trước được như người ta để làm giàu cho vợ con hưởng. Và bây giờ lại thêm cái ‘tội’ là đòi giữ được nếp sống gia đình khả dĩ có văn hóa, có kỷ cương, có trên có dưới.” Từ sau bữa to tiếng đó, ông giận cả nhà luôn. Ông đặc biệt tránh nói chuyện với bà trừ những chuyện thật là cần thiết. Thế là không khí trong nhà đã nặng nề lại càng nặng nề hơn.

Nhưng ông Tròi thật là trớ trêu! Tuy không muốn giáp mặt bà vợ hàng ngày như thế này, nhưng ông lại rất ham đi du lịch cho biết đó biết đây. Ông là người trí thức, đọc sách nhiều, nên từng ước ao được đặt chân lên những mảnh đất đầy những huyền thoại, những biến cố lịch sử...v...v... Đọc tờ quảng cáo có ghi lộ trình của chuyến đi do con ông đưa cho: Ngày thứ nhất bay sang Luân Đôn để xuống con tàu Song of Norway; sau đó tàu đi trên con kênh Kiel, một thủy lộ dài 51 dặm, nối Biển Bắc với biển Baltic; ngày thứ tư thăm thành phố cổ kính Stockholm, Thụy Điển; ngày thứ năm đến Helsinki, Phần Lan, một thành phố lịch sử. Kế đó là ở thăm St Petersburg ba ngày để đi thăm những lâu đài, cung điện của các Nga hoàng, bảo tàng viện, và đặc biệt là bảo tàng viện Hermitage có rất nhiều tranh quý và các bảo vật khác do

Catherine the Great có công thu thập. Sau St Petersburg thì ghé Tallinn, Estonia. Rồi Copenhagen, Đan Mạch; rồi Oslo, Na Uy. Cuộc hành trình hấp dẫn quá, ông không thể bỏ qua dịp này. Cuối cùng ông đành dẹp tự ái, nhận món quà của các con. Đó là tại sao ông có mặt trên con tàu này hôm nay.

Bà Bân đã dậy, uể oải ngồi trước bàn trang điểm. Nhìn vào gương bà thấy những nếp nhăn đã bắt đầu xuất hiện nhanh chóng trên khuôn mặt. Suốt tuổi thanh xuân bà ngồi ôm con chờ chồng ngoài mặt trận, rồi ôm con chờ chồng trong tù. Đến tuổi hồi xuân thì... có chồng cũng như không. Đêm đêm bà thường mất ngủ, nằm trên giường suy nghĩ và khóc thầm, không muốn để chồng con biết. Tội nghiệp lũ con! Với đầu óc tiến bộ, cởi mở, làm sao chúng hiểu nổi thái độ của ông bố, không chịu hòa mình với hoàn cảnh mới, mà chỉ suốt ngày bới móc bắt bẻ để tự hành hạ chính mình và hành hạ mẹ chúng, tạo cho không khí gia đình lúc nào cũng như ở địa ngục. Cũng vì thế mà ngay sau khi thẳng út ra trường là anh chị nó nghĩ ngay đến việc tìm cách tạo cơ hội cho bố mẹ gần gũi nhau, hầu giải tỏa những mâu thuẫn, hiểu lầm tích lũy từ mấy năm nay. Trước khi ông Bân sang Mỹ đoàn tụ với gia đình, bà xây mộng sắp được sống lại những cảnh gia đình đầm ấm xưa kia. Mặc dù bà biết rõ sau mười một năm tù đây, về thể xác ông chắc chắn phải già và đầy bệnh tật. Nhưng bà vẫn hình dung

ông là một chiến sĩ tự do, một anh hùng của dân tộc, xứng đáng để bà nương tựa về tinh thần trong những ngày còn lại. Vì thế bà không quản nhọc nhằn, đi làm hai ba việc, để dành tiền, thúc đẩy con cái học hành cho mau thành tài để ông sang được sống thoải mái, vui vẻ và hãnh diện. Nhưng thực tế đã làm bà thất vọng ê chề. Không những ông không tỏ ra mừng rỡ ngạc nhiên về những thành tựu vượt bậc mà một bà vợ yếu đuối và lũ con nhỏ dại của ông vượt qua được trong những ngày đầu mới tới một nước xa lạ. Trái lại, mới sang được hai tuần ông đã bắt đầu chỉ trích lối sống tự do, “vô kỷ luật” của vợ con. Ông đòi hỏi các con phải ngồi ăn cùng một lúc với bố mẹ, ít nhất là bữa tối. Ông nói xưa nay ở bữa cơm tối trong gia đình, có đầy đủ mọi người là nơi thuận tiện để các cụ dạy con cháu, bàn bạc chuyện gia đình, hỏi han chuyện học hành, làm ăn... Điều ông nói rất đúng ở thời trước, nhưng sai ở chỗ là hoàn cảnh không cho phép mà vẫn cứ cứng nhắc đòi làm theo ý mình. Đã nhiều năm bà đi làm hai, có khi ba việc. Chính bà cũng không có ở nhà buổi tối thì ai là người ngồi dạy con cái trên bàn ăn? Ông cũng chê trách bà dễ dãi, buông thả nên lũ con không biết nói tiếng Việt, không còn biết thưa gửi, lễ phép là gì...v...v... Chưa hết, ông gán cho bà đủ thứ tội, nào là văn minh, nào là tiến bộ, theo đợt sống mới, coi thường chồng, lộng quyền... “Hừ!” Bà nghĩ: “Trong thâm tâm, tôi thấy chẳng có tội gì đối với

chồng tôi hết. Sống thì phải nhập gia tùy tục chứ. Đi làm đi ăn ở cái xứ này người ta phải tỏ ra tháo vát, nhanh nhẹn, trẻ trung, ăn mặc gọn ghẽ, đẹp đẽ..., nếu không thì ai thèm muốn? Trong nhà có nhiều việc phải giải quyết ngay, mà hỏi ý kiến ông thì đợi cả nửa ngày ông cũng chưa buồn ‘phán’ cho một tiếng. Minh phải tự quyết định thì ông ấy lại bảo là lộng quyền.”

Ông vẫn quan niệm “Dạy con từ thuở còn thơ, dạy vợ từ thuở bơ vơ mới về”, ông chỉ quên một điều là con ông thì chẳng còn thơ nữa, mà chính ông mới là người “bơ vơ mới về” chứ không phải là vợ ông. Đáng lẽ ông phải nên từ tốn quan sát, xem tại sao vợ con ông lại sống, hành xử, suy nghĩ như thế này, thế nọ, để mà lựa ra, cái gì có thể chấp nhận thì hội nhập cho có hòa khí trong gia đình, cái gì không chấp nhận được thì đem ra thảo luận một cách cởi mở với vợ con, để họ có cơ hội cắt nghĩa quan điểm của họ, hay thay đổi theo ý ông nếu có thể... Ngược lại ngay từ đầu ông đã đòi đảo ngược cả nếp sống hàng ngày của mọi người. Không được thì ông cho là vợ con “chẳng coi ông ra gì”. Rồi ông bắt mẫn. Hôm nào bà đi làm về cũng thấy dấm bầy cái cốc tách uống nước trà dơ bẩn để rải rác khắp nơi. Mấy tháng đầu ông mới sang bà không dám nói gì, sau bà phải từ tốn nói: “Anh rửa hộ em mấy cái cốc chén anh uống nước ban ngày, không thôi để đến tối thì nó cáu bẩn, khó rửa.” Ông bảo là bà khinh

thường ông, sai ông như sai người làm. Ông đi chùa hay đi họp hành với các hội đoàn, ông viết chi phiếu đóng góp, bà chỉ nhắc ông ghi rõ là viết chi phiếu cho ai, trả cho việc gì, thì ông bảo là bà kiểm soát việc chi tiêu của ông. Riết rồi bà đâm lỳ. Nhiệt tình của bà dành cho ông dần dần khô cạn, chai đá. Còn ông thì suốt ngày, nếu không đi họp hành với mấy ông bạn thì lại về nhà chui vào phòng riêng đọc sách, chẳng nói chuyện với ai.

Bà Bân nhìn đồng hồ, đã bảy rưỡi. Bà quyết định bỏ bữa ăn sáng để được ngồi một mình gặm nhấm những tâm sự u buồn. Chắc là ông Bân đang ăn trên phòng ăn. Vậy càng tốt. Có sự hiện diện của ông ở đây chỉ tỏ làm không khí nặng nề ngột ngạt. Bây giờ bà mới có dịp nhìn kỹ căn “cabin”: Bề rộng độ ba thước rưỡi, bề dài độ bảy thước. Bàn, ghế bày gọn gàng khiến cho căn phòng không chật chội. Hai chiếc ghế “đi-văng” dài kê đối diện nhau, có thể dùng để ngồi, hay dùng làm hai chỗ ngủ riêng như hiện nay. Anh bồi phòng đã hỏi ông Bân có muốn anh ta ráp hai cái “đi-văng” lại với nhau, ngả hai cái lưng ghế xuống làm thành một chiếc giường rộng rãi cho hai ông bà không, thì ông Bân bảo không, cứ để riêng rẽ như hiện tại. Tấm gương lớn treo, che gần kín mảng tường cuối phòng, làm cho căn phòng như rộng hẳn ra.

Bà Bân trang điểm qua loa rồi mặc quần áo, ra ngoài hành lang, định hưởng, rồi quyết định đi một vòng quanh tàu để

thăm hiểm những phần còn lại của cả con tàu.

Ông bà Bân vừa tới bàn ăn thì mấy người cùng bàn nhao nhao lên: “Tại sao sáng nay không thấy ông bà lên ăn sáng?” “Chắc đây là tuần trăng mật nên ông bà đều trốn qua sáng để ngủ cho đã, phải không?” Đến lúc đó bà Bân mới biết ông Bân bỏ bữa sáng, và ông Bân cũng mới biết là bà Bân bỏ bữa sáng. Hai ông bà trả lời qua loa để chữa ngượng. Bà Bân đổi đề tài:

- Không biết hôm nay họ cho chúng ta ăn gì nhỉ? Tôi đói quá.

- Tôi thấy bàn bên cạnh được dọn gà quay và thịt bò bí tết. Bà Nancy trả lời.

- Này ông bạn ơi! Hôm qua tôi quên hỏi ông là ông có ném mùi Hà-Nội Hilton không? Ông George hỏi.

Tuy ông George không gọi được tên ông Bân nhưng ông cũng biết câu hỏi đó dành cho mình:

- Có chứ. Tôi phải ở đó tám tháng trước khi họ chuyển tôi đi nhà tù Thái Nguyên. Nhưng bây giờ Hà-Nội Hilton bị phá đi rồi. Chỉ còn một mảng tường được để lại để làm di tích lịch sử.

- Thế ông làm gì trong quân đội Việt Nam Cộng Hòa mà đến nỗi bị mười một năm tù?

- Tôi là Trung tá chinh huấn.

- Ô thảo nào! Cộng Sản đâu có tha thứ được cho những việc ông làm. Ông bạn Harry của tôi đây chưa biết nhiều về Việt Nam. Ông có thể nói qua cho ông ấy biết về chế độ lao tù ở đó được không?

- Giá tôi có kể cả tháng cũng không hết được. Nhưng tôi chỉ xin kể một chuyện. Bữa đó vào một buổi sáng mùa đông ở vùng Việt Bắc, trời lạnh như cắt ruột. Một lũ tù chúng tôi chừng bảy tám người phải nhảy xuống sông để vớt nứa. Nứa là một loại tre, và các ông các bà nên biết rằng lá nứa sắc như dao. Nhưng những lúc vớt nứa thì tay chúng tôi cũng đã tê cứng rồi, lá nứa có cắt cũng không biết. Khi về nhà thì vết cắt mới nhức nhối, suốt đêm không ngủ được. Bữa đó tôi chỉ biết là đã ngâm mình dưới nước lâu lắm rồi và đã cảm thấy như sắp không chịu đựng nổi nữa, thì nghe có tiếng cán bộ quát mắng âm ỹ ở phía kia. Cả đám tù dồn mắt nhìn về hướng đó thì thấy một anh cán bộ đang đứng trên bờ cầm chiếc xào dài đầy đầy, cố đánh thức một tù nhân đang nằm úp mặt, vớt nứa người trên bó nứa nổi lênh bênh. Chúng tôi thấy dáng nằm của anh bạn tù không có vẻ gì là tự nhiên liền không ai bảo ai lội nhanh lại phía đó, nâng mặt anh ta lên thì thấy mặt anh trắng bệch, mắt nhắm nghiền. Chúng tôi vội vớt anh ta lên để nằm trên bờ, nhưng anh đã tắt thở tự bao giờ. Người cứng đờ...

Các bà nhao nhao lên:

- Khốn nạn quá!
- Bất nhân quá!
- Thế các ông vớt nứa để làm gì? Bà Mary hỏi.
- Nứa dùng được nhiều việc lắm. Nứa dùng làm vật liệu làm nhà rất tốt. Trường

hợp chúng tôi thì đem nứa về chẻ ra làm nan đan rô giá để cán bộ đem bán.

Bà Susie phần nộ:

- Theo luật quốc tế thì không ai có quyền bắt tù nhân làm bất cứ loại hàng hóa nào để chính phủ đem bán lấy tiền.

Ông George tỏ vẻ thành thạo: "Bà này thật là ngây thơ! Cộng Sản Việt Nam có theo luật nào đâu. Họ muốn làm gì thì họ làm chứ."

- Tôi thấy chỉ tại các người tù không chịu đoàn kết. Nếu các ông hợp nhau lại kiện thì mấy tên cai tù phải chết chứ. Ông Harry nói giọng quả quyết.

- Ông nói giỡn! Cả cái nhà nước Cộng Sản Việt Nam nó như thế thì ông kiện lên đâu? Ông cứ làm như ở Mỹ ấy, hơi tý là kiện. Ông George cãi hăng hái.

Kể chuyện xong, ông Bàn ngồi trầm ngâm... Không muốn tham dự vào cuộc tranh luận của mấy ông bà Mỹ.

Tất cả mọi người trong bàn số "9" trở nên thân mật với nhau một cách nhanh chóng. Ông bà Frank và Susie có vẻ lớn tuổi hơn cả thì nói năng điềm đạm nhưng họ cũng rất cởi mở. Bà Susie đặc biệt chăm sóc bà Margareta, người góa phụ trẻ. Ông Bàn để ý thấy bữa nào ông Harry cũng cắt đồ ăn trên đĩa của bà vợ thành từng miếng nhỏ. Mãi đến hôm nay bà Nancy mới tiết lộ là ba năm trước bà bị ung thư vú. Sau khi cắt bỏ hẳn một bên vú thì cánh tay phải cũng liệt luôn không cử động được. Bà làm việc, ăn uống hay mặc quần áo đều khó khăn. Kể

rồi bà cảm ơn ông Harry, chồng bà, là người kiên nhẫn, giúp đỡ bà rất nhiều, và bà nói tiếp “Chưa bao giờ tôi thấy cái chữ ‘người bạn đường’ nó đầy đủ ý nghĩa như thế.”

Hôm nay sau bữa cơm trưa, Ông George đề nghị cả bàn đi lên lầu trên chơi Bingo chung với nhau. Mỗi người bỏ ra mười Mỹ Kim để mua “các”. Cả bàn chung tiền thì sẽ có thể mua nhiều “các” để chơi, và như vậy sẽ dễ trúng hơn là nếu mỗi người chơi riêng. Cả bàn tán thành. Bà Bản quả quyết:

- Chắc chắn chúng ta sẽ ăn chuyến này tại vì chúng ta ngồi ở bàn số “9”. Người Việt chúng tôi tin số “9” là số hên lắm.

Ông Harry hào hứng:

- Thế thì chúng ta phải chọn những tấm “các” có nhiều số 9.

Cả chín người cười nói vui vẻ kéo nhau vào phòng chơi Bingo.

Cuộc hành trình tiến hành theo đúng dự tính. Con tàu thì đem đi trên mặt biển, ngày lại ghé vào một nước theo đúng lộ trình đã định để hành khách xuống vãng cảnh. Buổi chiều ai nấy lại kéo về tàu tắm rửa, ăn, ngủ. Mọi người trong bàn số “9” thường thường chơi chung với nhau từ những buổi đi ăn khuya trên boong tàu, xem hát, xem xi-nê, đánh bạc, hay đi vãng cảnh trên bộ. Ông Bản cảm thấy thoải mái. Những gì ông lo trước khi đi như phải tùy thuộc nhiều vào bà vợ hay phải nhìn bà 24 tiếng đồng hồ một ngày...v...v... đã không xảy ra, vì các người ngồi cùng bàn đã vô tình

giúp ông chắm vào hố ngăn cách giữa hai ông bà.

Có lẽ tất cả chín người trong bàn, mỗi người đều cũng cảm thấy thoải mái theo hoàn cảnh của riêng mình. Ở bữa cơm tối, sau khi lên bờ vãng cảnh Stockholm, người thứ mười xuất hiện làm xáo trộn một số sinh hoạt của bàn số “9”. Anh này tên là Jacques, người cao ráo, đẹp trai, ăn nói hoạt bát, lịch thiệp. Anh ta nói thông thạo ba thứ tiếng, Anh, Pháp, Thụy Điển. Anh ngồi ở chiếc ghế duy nhất còn lại giữa Margareta và bà Susie. Không khí trong bàn bỗng dung trở trung hẳn lên. Nhiều đề tài mới lạ được đưa vào câu chuyện của cả bàn. Ông Bản đặc biệt mừng vì có người để ông dùng lại tiếng Pháp. Đến ngày thứ ba thì bà Susie vô tình khám phá ra là Margareta và Jacques đang nắm tay nhau bên dưới bàn. Margareta ăn xong món chính, đứng dậy xin cáo lui. Chỉ một phút sau là Jacques cũng cáo lui, đi ra. Bà Susie mong mãi mới có cơ hội nói cho cả bàn nghe cái bí mật bà vừa khám phá. Bà thì thầm:

- Các ông các bà có biết không? Anh chàng Jacques của được cô nàng Margareta rồi. Tôi thấy hai anh chị nắm tay nhau ở dưới bàn.

- Thảo nào tôi thấy mấy bữa nay Margareta vui hẳn lên. Thôi thì cũng mừng cho cô ấy. Tội nghiệp hầy còn trẻ. Bà Mary nói.

- Nay các ông các bà! Thế nào cô nàng này chả được hưởng món bảo hiểm nhân thọ lớn của chồng. Lại còn gia tài nữa

chứ. Cô ta bảo tôi là ông chồng mở hãng xuất nhập cảng mà. Chuyến này thì anh chàng Jacques đào trúng mỏ vàng. Bà Nancy nói khẽ.

Ông Harry gắt:

- Em thật là buồn cười. Cứ làm như người ta lấy nhau đến nơi rồi ấy. Hai người độc thân gặp nhau thì họ làm bạn cho khỏi cô đơn chứ đã có gì đâu mà em cứ ròi cả lên!

Bà Susie phản đối:

- Đây không phải là vấn đề lấy hay không lấy. Cô ta hiền lành như thế mà dám liều lĩnh thân mật với một người lạ hoặc từ trên trời rơi xuống là nguy hiểm lắm! Chúng ta phải có bổn phận che chở cô ta. Tôi đã hứa với cô ấy như thế rồi mà.

- Em không nhớ à? Bà bạn Việt Nam đây nói là ngồi bàn số “9” hên lắm. Biết đâu anh Jacques chẳng là người tử tế-- Ông Frank, chồng bà, vừa nói vừa đứng dậy, đi ra, để mặc bà Susie ngồi tư ngẫm.

Đây là lần đầu tiên ông Bàn được dịp tiếp xúc lâu với người Mỹ, lại được tham gia vào các cuộc tranh luận về đủ mọi mặt: chính trị, kinh tế, xã hội, văn hóa... và đặc biệt là được chứng kiến lối sống và quan điểm của họ về đạo đức, tình người... Ông đi từ ngạc nhiên này đến ngạc nhiên khác.

Hôm nay ông Bàn cảm thấy bực bội như người nghiện thiếu thuốc. Từ ngày lên tàu đến giờ ông ăn nhiều quá, có ngày

ăn tới năm, sáu bữa. Ông béo hẳn ra nên ngày nào cũng phải lên trên boong trước bữa ăn tối để tập thể dục. Nhưng hôm nay hình như con tàu đang đi vào vùng hạ áp nên gặp mưa to gió lớn. Ông thử lên trên boong để xem xét tình hình thì bị nhân viên trên tàu mời xuống. Họ nói lên boong bây giờ rất nguy hiểm vì người có thể bay xuống biển. Con tàu lắc lư khá mạnh, và có lẽ sóng cấp 5. Mọi người trong bàn đang chờ đợi món ăn của họ được đưa ra thì ông thuyền trưởng bước vào phòng với chiếc máy vi âm không giây trong tay: “Thưa quý vị, ở ngoài bây giờ trời đang mưa bão. Sức gió hơn 50 dặm và sóng cao đến 10 “phít”. Nhưng chúng ta ở đây bình yên. Tôi đang cố gắng cho tàu đi dần vào phía gần bờ cho an toàn hơn, nhưng chúng ta không có gì đáng lo ngại cả. Chúc quý vị ăn ngon.”

Ông thuyền trưởng vừa đi khỏi được một lúc thì ông Bàn cảm thấy như biển nổi sóng dữ dội hơn. Ông lắng mình nghe ngóng thấy con tàu đang lắc dọc bỗng dừng quay ra lắc ngang. Sóng vỗ vào mạn tàu, nước bắn tung tóe cả lên các phiến cửa kính phòng ăn. Các bà các cô kêu rú lên. Các cục đá trong cốc chạm vào thành cốc kêu leng keng. Chùm đèn “chandelier” trên trần ngay chỗ cửa ra vào kêu lanh canh. Một lúc sau hình như con tàu đã được lựa đúng theo chiều sóng, tàu lắc dọc trở lại.

Món tôm hùm để trước mặt làm ông Bàn thấy đói, ông bắt đầu ăn ngon lành. Bà Nancy bảo chồng ăn hộ cả phần

của bà vì bà thấy khó chịu. Những người khác trong bàn chỉ cầm nĩa gậy gậy, không ăn được. Anh trưởng phòng ăn thông báo là có thuốc say sóng ở trên phòng y tế, ai cần thì xin cứ tự động đi lấy. Trong bàn chỉ có ông Bân là tỉnh táo hơn cả, ông cảm thấy ngồi ăn không đành, ông tình nguyện đi lấy thuốc. Lúc trở về bàn thì cặp thanh niên trẻ và ông bà Harry-Nancy đã đi rồi. Ông phát thuốc cho mọi người, còn dư ông phát cho các bàn khác. Ông Frank có vẻ mệt ngồi rũ ra, trong khi đó thì bà vợ cứ đòi xuống phòng tắm. Ông Bân xốc nách bà Susie kéo xênh xệch đi xuống tầng dưới trước con mắt kinh ngạc của bà Bân. Bà tự hỏi không hiểu sao bữa nay ông lại khỏe mạnh nhanh nhẹn thế. Lúc trở lên phòng ăn, ông Bân gặp bà vợ đang gặp người xuống nôn mửa ở đầu cầu thang. Ông chẳng nói chẳng rằng, bế xốc bà lên, đem về phòng, bôi dầu, đắp chân cho bà xong là ông đi mất biến.

Mọi người lục tục kéo vào phòng ăn. Tiếng thăm hỏi, tiếng kể chuyện ồn ào hơn mọi ngày. Ông Bân phải ngừng ở nhiều bàn để bắt tay, để nghe kể lể, mãi mới về được tới bàn của ông. Mọi người trong bàn số “9” đều có vẻ tỉnh táo như không hề có chuyện gì xảy ra đêm hôm trước. Hai vợ chồng ông bà Frank và Susie cảm ơn ông Bân không hết lời vì đêm hôm qua ông đã dìu bà Susie xuống phòng để bà nghỉ, nhờ vậy ông Frank đã

có thể ngồi nán lại ở phòng ăn chờ cho đỡ nôn nao, mà không phải lo lắng về bà vợ.

Hôm nay mọi người đều có nhiều chuyện để kể. Ngoài chuyện gió bão hôm qua, sáng nay tất cả hành khách được đổ bộ lên Helsinki nên ai cũng có chuyện để nói, có quà kỷ niệm mới mua được để khoe. Ông Bân hào hứng kể:

- Các ông các bà có biết không. Ngay từ ở trong tù tôi đã được nghe loáng thoáng người ta truyền tai nhau về hội nghị Helsinki xây ra năm 1975. Mặc dầu đó là một hội nghị về an ninh và hợp tác Đông Tây ở Âu Châu để mua lấy một sự giảm thiểu đối đầu với các nước tự do. Phe Cộng Sản đã phải nhượng bộ về mặt nhân quyền bằng cách chấp thuận một số hoạt động nhân quyền trên lãnh thổ của họ. Tôi rất quan tâm đến việc này nhưng chẳng bao giờ lại dám mơ có ngày được đặt chân vào căn phòng họp đó.

Bà Mary hỏi:

- Ông theo dõi chuyện thế giới kỹ thật đây. Nhưng ông sang Mỹ đã ba năm rồi, tại sao bây giờ ông mới đến thăm Helsinki?

- Đi thế này đâu phải chuyện dễ. Nhờ các con chúng tôi ra trường hết cả chúng mới chung tiền mua biểu cha mẹ hai cái vé đi du lịch, để cảm ơn bố mẹ đã vất vả nuôi chúng ăn học đầy đủ.

- Trời đất ơi, sao mà ông bà có phúc thế!- Bà Mary nói - Ước gì các con chúng tôi cũng có hiếu như thế. Chúng đã ra trường từ lâu, đều đã có gia đình, ăn nên làm ra mà chẳng thấy đưa nào cho chúng

tôi cái gì cả. Có khi còn về xin thêm nữa chứ.

Bà Susie tiếp lời:

- Bọn trẻ Mỹ bây giờ chúng thế cả đấy bà ạ. Chúng cứ tưởng là cha mẹ chúng kiếm tiền dễ dàng để nuôi chúng, có khó nhọc gì đâu mà phải biết ơn.

- Thế ông bà đã có cháu nào lập gia đình chưa? Ông George hỏi ông bà Bản.

Bà Bản hơi lúng túng, bà mới chỉ nói “À...” được một tiếng, thì ông Bản cướp lời:

- Đến khoảng lễ Giáng Sinh này thì chúng tôi sẽ cho cháu gái lớn làm lễ đính hôn. Chồng tương lai của cháu là một giáo sư tâm lý học đang dạy trong đại học UCLA. Anh này là người Mỹ.

Bà Bản không tin tai mình nữa. Bà ngoảnh lại nhìn ông như nhìn một quái vật. Đã lâu lắm bà không dám nhìn thẳng vào mắt ông như thế. Thật là một phép lạ từ đâu đưa đến khiến câu chuyện con gái ông bà đòi lấy anh Mỹ này, ông đã quyết liệt chống mà sao hôm nay lại đổi ý dễ dãi thế. Trong bàn có nhiều tiếng tán tụng, chúc mừng...

Cơm đã được dọn ra, ai nấy ăn uống vui vẻ. Trước khi dọn tráng miệng, người ta thấy anh trưởng phòng ăn mang tới bàn số “9” một chai “săm banh”, anh Allen đi theo sau với 10 chiếc cốc trên tay. Anh trưởng phòng lớn tiếng tuyên bố:

- Thưa quý vị! Ở bàn số “9” này chúng ta có một vị anh hùng. Đêm hôm qua trong khi tàu chúng ta gặp giông bão, làm

nhiều người bị say sóng thì có một vị anh hùng đã làm không biết bao nhiêu chuyến chạy lên, chạy xuống, để đi lấy thuốc phát cho mọi người, và đặc biệt ông đã điu rất nhiều vị cao niên ở đây xuống phòng “cabin” nằm nghỉ an toàn. Vị anh hùng đó là ông Ban Nguyen. --Anh ta vừa nói vừa kéo ông Bản đứng dậy, và cầm tay ông giơ lên cao. Cả phòng ăn vỗ tay như pháo rang. Anh trưởng phòng nói tiếp: Tôi được thuyền trưởng giao cho việc mang chai “champagne” đến đây, trước hết là để cảm ơn ông, sau là để ăn mừng chúng ta tai qua nạn khỏi.

Vừa nói anh vừa khui chai rượu. Có tiếng nổ “bốp”, rượu vọt ra... Cả phòng lại vỗ tay. Có mấy bà già ở các bàn khác la lên: “Ông Bản! Ông phải nói cái gì đi chứ.” Ông Bản đứng dậy:

- Xin anh trưởng phòng chuyển lời cảm ơn của tôi lên ông thuyền trưởng. Xin cảm ơn lòng ưu ái của quý vị ở đây. Sự thật quý vị chẳng cần phải cảm ơn tôi. Tôi làm việc đó cũng chỉ là bổn phận thôi. Hồi còn ở Việt Nam, tôi ở trong Thủy quân của Quân lực Việt Nam Cộng Hòa, và đã từng làm hạm trưởng, vì thế quá quen với bão biển. Có lẽ lúc đó tôi quên mình chỉ là một hành khách, lại cứ tưởng mình còn là hạm trưởng thành ra phải hăng hái làm việc chứ. Ngồi im đâu có được!

Cả phòng ăn vỗ tay rầm rầm. Mấy bà già ở các bàn khác chạy lại ôm ông Bản hôn chùn chụt. Tất cả mọi người

trong bàn số “9” nâng cốc chúc mừng, khen ngợi ông Bân.

- Hay quá! Hay quá! Tôi chưa bao giờ nghe một bài diễn văn cảm động như thế-

- Ông Harry vừa nói vừa nhào người sang bắt tay ông Bân.

- Chúng tôi hãnh diện được ngồi chung bàn số “9” với ông, ông Bân ạ-- Ông Frank tiếp lời. Còn Jacques thì cứ luôn mồm:

- Bravo! Bravo! Merveilleux! Merveilleux!

Mười cái ly lại được dịp chạm nhau chan chất.

Bà Bân đi bộ xong 20 vòng chung quanh boong tàu như bà vẫn thường làm mỗi tối trước khi đi ngủ. Bà xuống tầng hai để trở về phòng. Bà tra chìa khóa vào ổ khóa, xoay, đẩy cửa bước vào. Vừa đi được độ ba bước thì có cái gì đập vào mắt làm bà chú ý: Hai cái ghế “đi-văng” đã được ghép lại. Cái dựa lưng đã ngã xuống làm thành một cái giường rộng. Hai chiếc gối để song song. Cái chăn đã được trải rộng ra phủ cả giường...

Bà Bân rón rén giật lùi ra cửa. Bà xập cửa, ngăn vội tiếng nước chảy ào ào từ hoa sen của ông Bân trong phòng tắm. Bà chạy bán mạng lên boong tàu. Bà ngồi phịch xuống chiếc ghế băng đã ẩm ướt sương đêm. Hai tay ôm mặt khóc nức nở...

Người ngoài, tùy từng tâm trạng, tùy từng cuộc trải nghiệm trong đời... có thể

hiều nước mắt của bà Bân là nước mắt vui, hay nước mắt buồn, hay chỉ là nước mắt tiếc nuối cho một sự bất hạnh đáng lẽ không phải xảy ra trong một kiếp nhân sinh mà không thể quy lỗi cho ai cả./.

TRƯƠNG ANH THỤY

MÙA THU NĂM ẤY

*Mỗi độ thu về lại nhớ thương,
Nhớ nhà nhớ mẹ nhớ quê hương.
Nhớ bao kỷ niệm thời thơ ấu,
Nhớ cánh đồng xưa lúa chín vàng.*

*Mùa thu năm ấy bước ra đi,
Thổn thức khôn cầm lệ biệt ly.
Mỗi phút một xa vời cổ quận,
Mây tản che khuất bóng tử vi.*

*Hết một thu rồi lại một thu,
Thu qua thu tới, tới bao giờ?
Bao giờ trở lại con đường cũ,
Dưới gôi Tì thân kể chuyện xưa!*

(Sài thành 1957)

KIM Y

NHỮNG CHIẾC ĐÈN ĐỎ TRÊN ĐƯỜNG PHỐ

* Hồng Thủy *

Mấy tuần nay tôi rất vui và hãnh diện về một nhà văn nữ Việt Nam ở Canada. Cô có tác phẩm RU viết bằng tiếng Pháp đã quá thành công vì được dịch ra 27 thứ tiếng của các quốc gia khác nhau. Tác phẩm này là 1 trong 4 tác phẩm được chọn vào chung kết cho một giải thưởng văn chương thật giá trị và cao quý ngang hàng với giải Nobel. Đó là nhà văn Kim Thúy, một nhà văn trẻ và cũng là một thuyền nhân tị nạn Cộng sản. Khi rời Việt Nam năm 1978 Kim Thúy mới có 10 tuổi. Sau khi được xem và nghe cuộc phỏng vấn Kim Thúy của phóng viên Đài VOA tôi lại càng khâm phục nhà văn trẻ này hơn. Cô có bề ngoài thật dễ thương, bình dị. Đặc biệt khi nói chuyện rất khiêm tốn. Cô bước vào sự nghiệp Văn Chương thật tình cờ, tự nhiên và dễ dàng với đôi hia bầy dậm. Một điều làm tôi vô cùng ngạc nhiên là thời gian cô hoàn thành tác phẩm là những giây phút lái xe gặp đèn đỏ và phải ngừng lại để chờ. Cô viết để khỏi buồn ngủ vì cô luôn luôn ngủ gục khi chờ đèn đỏ. Cứ như vậy những đoạn văn của tác phẩm RU được thành hình bằng những chuỗi thời gian ngắn ngủi chớp nhoáng đó. Với tôi, cô quả là một thiên tài rất đặc biệt, vì chỉ có thiên tài mới có thể viết văn trong những giây phút bất ngờ quá ngắn ngủi và thiếu liên tục như vậy. Có ai lái xe mà biết trước được trên quãng đường đi lúc nào thì đèn

sẽ đỏ? Và đèn đỏ bất ngờ như vậy thì ý tưởng và văn chương ở đâu mà tuôn ra nhanh như vậy được? Trước khi đèn đỏ, chắc chắn cô phải chăm chú lái xe, nếu không có thể gây tai nạn dễ dàng. Một điều lạ là cô chỉ thích viết văn với những giây phút chờ đèn đỏ. Cô đã tâm sự là cô cố tình đi vòng quanh kiếm những ngã tư có đèn đỏ thật lâu, để có thêm thì giờ sáng tác. Nhưng dù đèn đỏ có lâu tới đâu, thì cũng chỉ cho cô đủ thì giờ viết một đoạn văn thật ngắn. Tôi không hiểu tại sao cô lại không viết văn bằng thời gian rảnh rỗi yên tĩnh ở nhà, mà lại thích viết vào lúc lái xe chờ đèn đỏ? Quả là một sự khác lạ đầy ngạc nhiên và thú vị phải không các bạn?

Những cái đèn đỏ của nhà văn Kim Thúy làm tôi nhớ lại những cái đèn đỏ mang đầy kỷ niệm của tôi. Cách đây khoảng 15 năm, tôi còn đi làm mỗi ngày, đời sống của tôi vô cùng bận rộn. Tôi làm gần 50 tiếng một tuần, làm tóc và làm ăn chia chừ không lãnh lương giờ, nên làm mút mùa, hết khách mới về. Tôi có rất đông khách vì làm lâu năm và được khách hàng thương. Thời gian đó, tôi còn phải lo cho mẹ già và một ông anh bị bệnh nặng. Tôi không bao giờ có thì giờ ăn sáng và trang điểm ở nhà. Buổi sáng rời nhà tôi luôn mang theo một bát cơm, một ly sữa và một túi đồ trang điểm. Tôi

vừa lái xe vừa xúc cơm ăn, vừa uống sữa. Sữa tươi lạnh nên tôi uống bằng ống hút. Mỗi khi ngừng trước đèn đỏ là tôi trang điểm mặt mày. Qua một đèn đỏ là tôi kẻ một bên lông mày, qua đèn đỏ thứ 2 kẻ tiếp lông mày bên kia. Qua đèn đỏ nữa thì đánh má hồng, qua thêm đèn đỏ thì kẻ mí mắt. Cứ tiếp tục như vậy. Đến sở làm là tôi trang điểm xong xuôi, và cũng nuốt hết đũa bát cơm, uống hết ly sữa. Đời sống qua mau với những ngày lao động tít tít. Chu toàn bản phận với mẹ, với anh và cơm nước ngày 2 bữa cho gia đình. Nhiều lúc quá mệt mỏi, tôi cũng thảm than thân trách phận. Rồi anh tôi qua đời, tôi như người hụt hẫng. Bố tôi chết sớm, mẹ tôi đẻ vội được có 2 anh em. Anh tôi không lập gia đình nên anh em tôi rất gần gũi nhau. Anh bỏ đi rồi tôi mới thấy nhớ, tiếc những ngày được bạn rộn lo lắng cho anh. Tôi cứ thảm ao ước cho tôi được trở về những ngày anh còn sống, tôi sẽ sung sướng được lo cho anh chứ không ngu dại thảm thảm nữa. Bây giờ anh tôi và cả mẹ tôi cũng đã ra đi.

Mỗi lần lái xe ngừng trước đèn đỏ, tôi lại ngậm ngùi nhớ lại những ngày còn mẹ, còn anh. Ước gì cho tôi được trở lại những ngày tháng cũ, những ngày tháng được trang điểm trước những cái đèn đỏ trên đường. Ôi những cái đèn đỏ đáng yêu của những ngày tháng hạnh phúc nhất đời.

HỒNG THỦY

HÌNH ẢNH NGƯỜI YÊU

Người yêu tôi tên là Việt Nam

Tên quá quen nghe vẫn bàng hoàng (1)

Tôi lại vụt trở thành tôi xưa cũ

Không, ngàn năm tôi vẫn cứ là tôi

Em biết rõ và tôi càng biết rõ

Lời vui mừng vừa quét sạch màn đêm

Ngàn cung điệu thu vào hai tiếng gọi

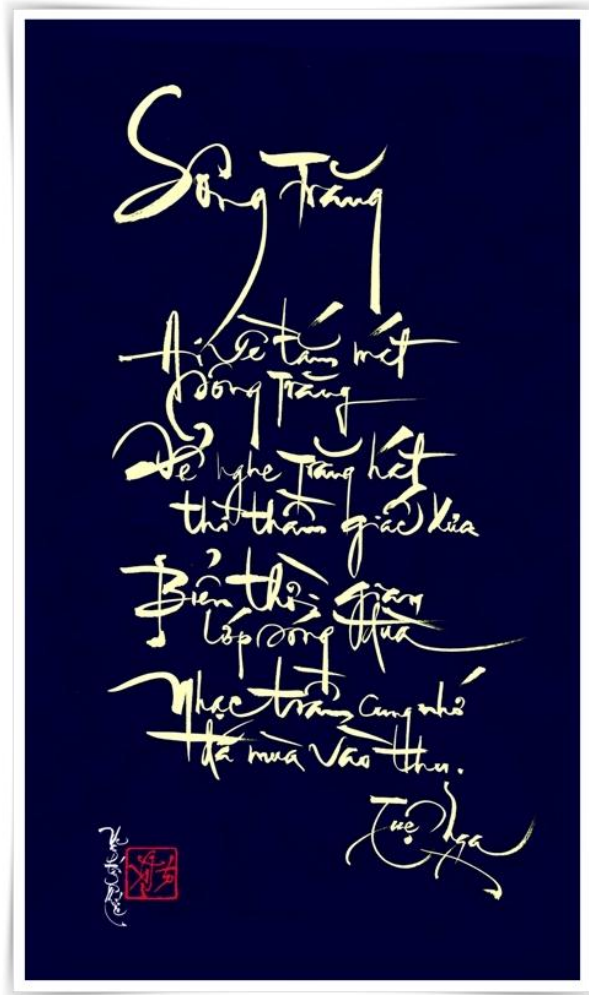
Tôi gọi thảm em yêu dấu: Việt Nam (2)

Nguyễn Đức Vinh (1939-2006)

(1) Trích trong “Người Yêu Tôi Tên Là Việt Nam”, *Miền Tâm Thức*, 1982

(2) Trích trong “Ngàn Cung Điệu”, *Chiếc Nón Bài Thơ*, 1993





Sông Trăng

*Ai về tắm mát sông trăng Để nghe trăng hát thì thầm giấc xưa
Biển thời gian, lớp sóng đưa Nhạc trầm cung nhớ đã mùa vào thu.*

Thơ: **Tuệ Nga** - Thư họa: **Văn Tân Phước Paris**

CON GÁI SƠN TÂY

* Nguyễn Phú Long *

Quê ngoại tôi ở tỉnh Sơn Tây Việt Nam. Nguyên do giản dị, vì mẹ tôi, là con của hai ông bà có nhà cửa, công việc, mồ mả tổ tiên, thân nhân xa gần cư ngụ, sinh hoạt tại Sơn Tây lâu đời...

Hai ông bà phúc đức này, không kể việc nuôi một đứa trẻ mồ côi ăn học từ năm đói đến khi trưởng thành, đã thường xuyên tích cực tham gia công việc đình chùa làng xã, đã sinh ra sáu người con tính cả mẹ tôi tại đây...

Tôi cũng sống ở quê ngoại gần suốt thời gian thơ ấu, đâu tới năm lên mười, mười một gì đó, gần mùa tựu trường, tháng 8 năm 1950 về sau, mới ra Hà Nội vào Sài Gòn, lang thang...

Với một quãng đời lâu như thế, nhất là với cái tuổi chưa phải bon chen suy nghĩ những vấn đề rắc rối tình, tiền, nợ, kia. Chỉ “ngày ngày đi học chiều chiều đi chơi” thời gian thật tuyệt vời, thơ mộng! Tôi luôn yêu mến quê ngoại, điều ấy bình thường. Tôi cho rằng tình cảm nhiều người khác cũng vậy đối với quê ngoại của họ. Tuy nhiên, Sơn Tây cũng có nhiều yếu tố, lý do khách quan để yêu mến vì là một trong số vài khu vực kỳ cựu đất nước.

Cho đến nay, tôi vẫn giữ nhiều hình ảnh, kỷ niệm, bạn hữu thuở ấy. Song có lẽ mãi mãi không quên được và thỉnh thoảng lại suy nghĩ về mấy câu đồng dao của trẻ nhỏ vùng này như sau:

*Con gái Sơn Tây,
Yếm thúng tây giần,
Răng đen hột nhót*

Chân đi cù nèo

Tóc rẽ tre cô chải lược bỏ cào...

Bài đồng dao trên chưa hết, song bấy nhiêu cũng đủ nói lên tính ngoa ngôn, hài hước, chế diễu... kể ra toàn mấy điểm xấu xa của người con gái, mà lại đồ riệt đó là những cái xấu của con gái vùng Sơn Tây, quê ngoại tôi...

Bài đồng dao còn dài, dài lê thê tổng cộng đếm đủ 36 câu, còn kể nhiều cái vô cùng kinh hãi nữa, như “Mía de cô chép miệng cũng vài trăm cây; Đêm nằm chấy rận nóng mình bò ra to như con ba ba!” Thú thực đến nay tôi cũng không thuộc hết, chẳng dám nói ra hết.

Trước tiên, xin mạn phép giải thích một danh từ bây giờ ít thấy, ít phổ thông, trong bài đồng dao Con Gái Sơn Tây: “giần”. Giần là đồ dùng đan bằng tre, hình tròn và dẹt, đường bán kính chừng nửa mét, tùy theo, có thể lớn hay bé hơn; Bề mặt gồm nhiều lỗ nhỏ mục đích là khi xàng qua xàng lại, lui tới, để loại thứ nhỏ hơn rớt xuống dưới chỉ còn giữ các vật thể lớn hơn trên giàn.

Đến cái yếm của phụ nữ chắc mọi người cũng rõ diện tích chẳng bao nhiêu, vậy mà nói mặc yếm vào, chiếc yếm bị rách, bị thủng tày giàn, mà vẫn mặc làm ta chẳng thể hình dung ra sao! Thực sự thấy vô lý không thể như thế.

Cái yếm ấy, mấy người lớn tuổi, rành chữ nho thường gọi là cái xiêm, là thứ đồ mặc che nửa thân trước của phụ nữ miền quê Bắc Việt, nó chỉ là một miếng vải vuông giản dị, hay bảo là hình thoi thì

đúng hơn, hai góc của đường chéo ngang có đính sợi dây; Góc trên có khoét nửa vòng tròn như cổ áo T shirt cũng đính dây để buộc vòng qua cổ, qua lưng.

Mỗi cạnh hình thoi khoảng hai gang tay, thường làm bằng vải nhuộm nâu (yếm nâu) hay lụa hồng đào (yếm lụa đào) để che phía trước ngực còn áo cánh và áo tứ thân thì mặc khoác bên ngoài đôi khi để nửa kín nửa hở với dải bao thắt lưng xanh lững lờ buông dài tới gối góp phần làm tăng cái duyên dáng của bộ y phục phụ nữ cổ xưa, ngày trước...

Yếm nâu rất phổ thông, yếm lụa đào thường dành mặc lúc đi hội hè lễ tết, hoặc riêng cho phụ nữ các gia đình giàu có và đám tuổi trẻ.

Về mùa hè nóng bức, việc nông tang khó nhọc, nhiều khi đàn bà làm việc chỉ mặc yếm không cần mặc áo cho thoải mái gọn ghẽ, vẫn kín đáo trông chẳng kêu gọi, mà càng đẹp, càng quyến rũ, càng có vẻ nhanh nhẹn, đảm đang.



Lại nữa bài đồng dao còn đề cập đến màu sắc răng đen mà vụng về để bực phếch như hột quả nhót; Chân đi thì vòng vòng cù nèo làm chẳng ai dám tới gần sợ bị khoèo té xuống đất; Tóc cứng

SỐ 82

tựa rễ tre nên phải chải bằng loại lược to và chắc như cái cào phơi lúa. Nhưng xấu và đoảng nhất vẫn là yếm thùng! Yếm che ngực mà dễ rách, thùng tầy giàn thì hở hết còn chi, nếu sự thật thế thì đúng là con gái chẳng ý tứ gì cả, vụng về kim chỉ vá may.

“Con Gái Sơn Tây” bị kể xấu là vậy nhưng lạ lùng thay ta chẳng nghe ý kiến bức tức, phản đối của các cô thiếu nữ Sơn Tây bao giờ. Họ yên lặng, không trả lời, chẳng có thái độ, bởi lẽ thấy rõ ràng đấy cũng chỉ là chuyện thường, trẻ con. Ai đó đòi công đòi nghề bày đặt cho vui chứ không có ý bôi xấu thực sự, và, thực sự quan trọng, là, gái Sơn Tây cũng chẳng bao giờ có những cái xấu xa như bài đồng dao dẫn ra, bịa ra...

Như vậy tôi nghĩ thái độ, cách cư xử phớt tình của các cô là cao thượng là đúng, là thật đẹp, rồi cứ lan man mãi, tới lúc cho rằng chắc chắn tác giả bài đồng dao hẳn cũng biết thế. Làm thế mục đích chỉ để tạo sự vui vẻ cho hào hứng, cho lạ lùng, dí dỏm... và dần dần được tất cả mọi người chấp nhận yêu mến luôn!

Bởi nó đã đề cập đến mấy tính chất mà kẻ sáng tác, người nghe ai cũng biết không phải sự thực, không làm ai tức giận, và khi trẻ con cùng “dao” lên thì tất cả những âm thanh chi tiết rất hài hước, độc đáo, cời mờ, vô tư, mới mẻ... đã đem lại sự thoải mái, vui tươi trong lòng tất cả đám đồng hiện diện.

Có lẽ chính vì thế nó không bị cấm cản gì nên đã được các em tự do nhắc đi nhắc lại trong lúc tụ tập, giải trí, nô đùa và bài đồng dao cứ vô tình lưu truyền đã bao lâu, chẳng bị đào thải dù chỉ trong một phạm vi đặc thù, địa phương, hàng tỉnh.

109

Vậy nói chung mấy cô con gái Sơn Tây vẫn bình thường chẳng ảnh hưởng gì dù bài đồng dao trên rất lộng ngôn, không đúng sự thực. Con gái Sơn Tây bình thường y hệt mấy nơi khác.

Y hệt, nghĩa là bốn phận, nhiệm vụ hàng ngày con gái Sơn Tây cũng tương tự những nhiệm vụ bốn phận của con gái Việt Nam ở những nơi khác, thí dụ như bài thơ trong cuốn Tập Đọc Quốc Văn xuất bản nơi quê hương, không rõ nơi nào từ khoảng 1950 (lacviet.wordpress.com) đã tóm tắt mấy sinh hoạt ấy: chợ búa, gánh gồng, bếp núc, đồng áng, thu dọn nhà cửa, xay lúa giã gạo siêng năng làm việc cả khi đêm khuya “bên chồng con yên giấc ngủ say sưa.”

Hơn thế nữa, đặc biệt Sơn Tây cũng có số ít cô gái nổi trội tiếng tăm với đôi mắt buồn vô cùng đẹp, đẹp u ẩn man mác hơn mấy nơi khác:

“Mắt em như nước giếng thôn làng.”

“Mắt em dịu dịu buồn tây phương”

Mắt em! Ôi mắt em! “Đôi mắt Người Sơn Tây” như thiết tha, âu yếm bao phủ từng địa danh Sông Đà, Núi Tản, đồng Bương Cẩn phủ Quốc Oai, phủ Quảng Oai, làng Kim Bí, Vật Lại...

Cứ tưởng tượng đi! Đôi mắt ấy mà biểu diễn thôi miên ai đắm đuối thì kẻ “bị” hớp hồn chịu sao thấu, có thể cuối cùng đành phải xuống nước, năn nỉ: “Thôi đừng quay lại nhìn anh nữa!”

Không thấy người miền Nam mặc yếm giống như người miền Bắc, như vùng quê ngoại tôi. Họ mặc áo bà ba, bên ngoài, cài cúc từ trên xuống dưới, kín đáo hơn, nề nếp gọn gàng hơn và chắc

chắn tẩm áo bà ba cũng có cái đẹp và quyến rũ riêng.

Mà ngay cùng tại miền Bắc cũng có chỗ mặc yếm: thường là dân thôn quê làm ruộng cấy cấy; nuôi tằm. Nơi phái nữ không dùng yếm, như ở chốn thành thị, buôn bán...

Mẹ tôi là con gái Sơn Tây đấy! Nhưng đừng về phía chẳng mặc yếm. Cũng như phần lớn đàn bà Việt Nam xưa, mẹ tôi được đi học không nhiều. Tuy vậy vốn liếng chữ nghĩa của một số trong nhóm này cũng đủ để thường thức, bàn luận tiểu thuyết Tự Lực Văn Đoàn, thuộc nhiều ca dao, biết làm thơ lục bát, do đó từ đời nhà Trần, tiến sĩ Phạm Sư Mạnh (?-1384) đã hãnh diện tuyên bố: “Nam triều nhân vật tổng năng văn!”

Chẳng những thế, nhóm này thường tiến bộ hơn, dần dần bỏ bớt tục nhuộm răng đen thỉnh thoảng thắm bộ quần lĩnh trắng áo dài Cát Tường giống dân thành thị, tiểu thư Hà Nội, rất quý phái, tự nhiên, thoải mái không mặc cảm. Đến đây chẳng nói thì mọi người, nhất là quý ông, đều biết, cái yếm mà tôi nói trên không phải cái nịt ngực (cái bra) như ta thấy rất thông dụng mọi nơi bây giờ! Văn hào Yasunari Kawabata (1899-1972), Nobel văn chương 1968, tấm tắc xuýt xoa: “vẻ đẹp ở ngực người phụ nữ chẳng phải là vinh quang rực rỡ nhất của sự tiến hóa nhân loại hay sao?”

Lâu lắm rồi, tôi không có dịp trở lại Sơn Tây. “*Vì ai cho tớ phải lênh đênh! Nặng lắm em ơi, một gánh tình*”. Ông ám Hiếu, (Tản Đà Nguyễn Khắc Hiếu) đã vô tình nói giùm chúng tôi như thế. Dòng Bến Hải đóng vai trò con sông Gianh thuở

trước. Họ hàng gia đình ông bà tôi đã vào Sài Gòn, Cái Sắn, Củ Chi từ 1954.

Đến khi thông thương được, bắt đốt ngón tay, nhớ lại thì thấy ở Sơn Tây chỉ còn ít hàng xóm cũ, quen thuộc xa, mới nghĩ trở về tìm gặp họ, chưa chắc họ vẫn ở chốn cũ, kẻ còn người mất. Cảnh và tình nhiều phần đã đổi khác, giống như ông Hạ Trí Chương bên Tàu (659-744) từ rất xa, rất lâu, khi trở về cố hương, nơi nào đó cũng bên Tàu, không ai biết ai nhất là đám trẻ con trong làng.

Với tâm trạng bỡ ngỡ lạc lõng ông già bèn than thở qua mấy câu thơ: “Nhi đồng tương kiến bất tương thức! Tiểu vấn khách tông hà xứ lai”. Thế là sau đó lại phải tự mình giới thiệu vòng vo tam quốc mấy người ấy mới dần dần nhận biết cũng nản.



Bây giờ thời buổi mới, tân tiến, cái gì cũng thay đổi, nhìn cũng khác. Mái tranh với cái chõng bày vài quả ổi, quả khế, cô hàng nước tươi cười, mặc yếm nâu bên đường có khi, chỉ còn là vang bóng một thời.

Ở đây, nhiều phần nay không ai mặc yếm như trước, họa hoàn lắm thì cũng rất ít, rất hiếm hoi, đó là mấy mẹ già thủ cựu, nhất định không thay đổi, cái yếm đối với các cụ lúc nào cũng như vô cùng

cần thiết bỏ đi nó trống trải, hụt hẫng khó chịu, chịu không nổi...

So sánh cái yếm xưa và cái nịt ngực hiện tại thì thấy cả hai cùng là thứ y phục của phụ nữ dùng cho một mục đích: che phần thân thể quý hoá, ấp ủ, mong đợi, dẫu yêu, song nó đã tác dụng hơi khác nhau. Mặc yếm thoải mái hơn, ít gò bó hơn. Còn nói về phương diện thẩm mỹ thì, hai bên đều... mười phân vẹn mười, tôi khẳng định như vậy, tôi cũng xin thêm, thẩm mỹ là một chuyện còn vấn đề thời trang, sự tiện lợi và nhu cầu cần thiết lại là lý do khác.

Tuy nhiên cái yếm nhiều khi vô tình cũng gây ra mấy sự rắc rối ngoài ý muốn, dở khóc dở cười: Như chuyện ba cô đội gạo lên chùa, một cô (chỉ mới một cô thôi!) yếm thắm bỏ bùa cho sư mà làm sư về ốm tương tư, đến trọ đầu! Vụ này không phải xảy ra ở Sơn Tây đâu nhé, chỉ là nơi nào đó, thời sự, hãn hữu, song quá đặc biệt, vang dội, tiếng tăm...

À thì ra kẻ tu hành cũng có lúc chẳng cưỡng lại được sự khêu gợi, mỹ miều, hấp dẫn của chiếc yếm thắm. (Có thể cả yếm nâu bình dân nữa chứ!).

Đi tu... Thuyền Từ cứ tưởng một lèo sẽ tới thẳng miền Tây Trúc, ai ngờ hóa ra bước chân của các hậu duệ thầy Đường Tam Tạng đôi khi cũng nhiều gặp ghềnh, trắc trở! Đến nỗi sau trở thành mấy câu ca dao, thành chuyện nằm trong kho văn chương bình dân phổ thông khắp nơi, mãi mãi.

Tóm lại, nội dung bài đồng dao cũng như tác giả của nó hiển nhiên không có ác ý kể xấu con gái Sơn Tây. Khắp nơi đều

thấu triệt và hoan hỷ đón nhận vui vẻ, cởi mở. Bài đồng dao Con Gái Sơn Tây được phổ biến như một cuộc vui công cộng, giải trí hồn nhiên, lành mạnh nơi thôn dã. Để kết thúc tôi suy nghĩ thế, tin tưởng thế và biểu đồng tình với bốn câu thơ trong bài Cô Gái Việt, xin ghi lại nơi đây, trân trọng ca ngợi cô gái Việt Nam bao gồm toàn thể các cô gái Sơn Tây:

Hỡi cô gái Việt Nam! Tôi kính cẩn,
Cúi chào cô người vợ thảo mẹ hiền,
Cô là hiện thân của lòng kiên nhẫn;
Của sự dịu dàng, tình âu yếm vô biên.
Khuyết danh (Tập Đọc Quốc Văn)

Nguyễn Phú Long



TIỆC THƠ

*Vui tiệc thơ, mời người say bữa chử
khởi nâng ly, ta uống thử Ngũ Ngôn
huơng đượm sắc bừng bừng men lạc thú
ngắm Đường Thi, con chử lại bồn chồn*

*Uống nữa nhé, cho mềm rân con chử
chénh choáng rồi, thức ngủ cứ Tự Do
lấy nghĩa khí tri tình mà luận ngữ
ôm ờ chi cung cách để so đo*

*Tiếp ly nhé, này Thát Ngôn Tír Tuyệt
chất trừ tình điếm xuyết mộng phong vân
nồng lửa ái, cung hầu nâng Lục Bát
ngất ngây tình khao khát giác cuồng si*

*Nếu vì chử mà say thì cũng đáng
đời trôi qua thắm thoát đã vạn ngày
bữa tiệc thơ, không hẹn chờ năm tháng
thơ còn đây, chử nghĩa vẫn vờn say !*

*Nghịem thế sự hồ nghi dòng Bát Ngữ
luận ân tình, chúc Tứ Tự giao âm
thật hay ảo, cứ chính tâm hành xử
nệ hà chi Cổ Ngữ với Cách Tân*

Cao Nguyên



Một Thoáng Suy Tư

LỢI ÍCH CỦA HƠI THỞ

* Ý Nguyên *

Tôi hôm qua giấc ngủ không tròn, tôi nghĩ sáng nay mình sẽ bị mệt mỏi lắm đây. Tốt nhất tôi làm một ly café đen thực đặc để giải tỏa cơn ngái ngủ. Nhìn bầu trời trong sáng qua khung cửa sổ tôi nghĩ ngay đến việc đi bộ thay cho việc tập thể dục trong “gym” nhà. Thường thì tôi thích đi bộ ngoài trời cho quen với thời tiết nắng gió để hệ thống miễn dịch (Immune System) của mình được tăng trưởng cũng như lãnh hội được Vitamine D dồi dào hơn, song lại sợ bị di ứng ngứa mắt, hắt hơi bởi cây cỏ nên việc đi bộ ngoài trời của tôi bị giới hạn phần nào.

Lót bụng với cặp sandwich trứng gà xong xuôi, tôi đi vội đôi bata vào chân, đội cái mũ rộng vành trên đầu, đeo cặp kính dâm lên mắt, một chai nước lọc nhỏ cầm trong tay cùng là chiếc cell phone đem theo để còn bàn chuyện “Bà Tám”. À, một chút xíu nữa tôi quên không xịt mũi và nhỏ mắt để tránh bị allergy. Tôi thanh thản đi theo con đường nhựa sạch sẽ vắng lặng trong khu xóm. Hôm nay là ngày thường lại vào giờ xế trưa thiên hạ đi làm hết thành thử khu phố vắng hẳn tiếng xe và yên tĩnh tuyệt đối. Sau trận mưa tầm tã tối hôm qua, sáng nay trời

đẹp quá, nắng bùng lên khiến cây cỏ ngát xanh còn đọng những giọt nước mưa óng ánh như những hạt kim cương. Cũng nhờ mưa nhiều mà khu vườn xinh xinh sau nhà chẳng cần tưới tẩm, các loại rau thơm vẫn đua nhau mọc lên xanh mướt, ăn không kịp. Các nòng cúc vàng và hồng tía trong chậu kiểng phía trước nhà và balcony đua nhau nhoẻn cười duyên dáng khoe màu sắc lộng lẫy cao sang, tuyệt đẹp! Như mọi năm vào tháng bảy này trời nóng đỏ lửa có khi lên tới gần 100 độ F. May mắn sao năm nay khí hậu thay đổi hẳn, mát mẻ khác thường. Hiện thời, tôi đang đi bộ dưới những tàng cây tỏa bóng mát, đang hít thở làn không khí trong lành của thiên nhiên như cảm nhận một sự thanh thản tuyệt diệu đang thấm vào cơ thể.

Chỉ mới đi bộ được một vòng, tự nhiên tôi cảm thấy trong người như thiếu oxy, mệt lả. Đôi chân nặng chình chịch. Đi thêm một vòng nữa xem sao, tôi thấy mệt hơn ... định bỏ cuộc ... Chợt nhớ lại tối hôm qua trước khi đi ngủ tôi có đọc một bài viết của BS Đỗ Hồng Ngọc nói về “Lợi Ích Của Hơi Thở: Phình bụng...thở vào!”, vậy tại sao mình không

thực tập phương pháp này nhỉ? Tôi bắt đầu vừa đi vừa hít vào thật sâu rồi thở ra nhẹ nhàng. Thở vào tôi phình bụng dưới ra, thở ra bụng xẹp xuống. Hít vào niệm “A Di”, thở ra niệm “Đà Phật”. Cứ thế tôi tiếp nối hơi thở không ngừng theo bước chân đi. Dần dần tôi cảm thấy tinh thần mình phấn chấn hẳn lên, đầu óc sáng khoái thanh thản một cách gì đâu, cái mệt mới đây đã tan biến đi từ lúc nào không hay. Tôi hiểu ra lời dẫn giải của BS Đỗ Hồng Ngọc quả là thiết thực. Nói về phương cách thở của ông nghe có vẻ đơn giản nhưng lại rất chi tiết mà tôi muốn chia sẻ cùng quý bạn đọc qua một đoạn viết của ông: “...*Thở bụng là cách thở tự nhiên không chỉ của người mà của ... mọi loài. Thử quan sát con thằn lằn, con tắc kè, con ếch ương... thì biết. Nó hoàn toàn thở bằng bụng, chỉ có cái bụng nó là phình lên xẹp xuống đều đều thôi. Chỉ cần cơ hoành nhích lên nhích xuống chút xíu là đã đủ cung cấp khí cho cơ thể rồi. Khi mệt, cần nhiều oxy hơn thì cơ hoành sẽ “thụt” mạnh hơn, nhanh hơn thế thôi. Nhớ rằng thở là chuyện bình thường nhưng tối quan trọng. Nhịn ăn vài tuần chưa chết, nhịn uống vài ba ngày chưa chết, nhưng không thở 5 phút thì đã chết vì thiếu dưỡng khí. Ai cũng phải thở, lúc nào cũng phải thở và ở đâu cũng phải thở. Người già càng cần biết cách thở...*

nếu muốn sống lâu và ít bệnh tật, ít ốm đau vặt.

Gần đây phương pháp thở bụng hay thở cơ hoành (abdominal breathing, diaphragmatic breathing) đã được các bác sĩ Dean Ornish, Deepak Chopra ở Mỹ quảng bá và áp dụng trong việc điều trị các bệnh tim mạch, các bệnh do hành vi lối sống gây ra có hiệu quả tốt. Hơn hai ngàn năm trăm năm trước, ở phương Đông, đức Phật cũng đã hướng dẫn cách thở này gọi là Anapanasati (An ban thủ ý) cũng là “quán niệm hơi thở” chẳng những mang lại sức khỏe dẻo dai mà còn giúp thân tâm an lạc.”

Để chứng minh sự hữu hiệu của phương pháp “thở vào phình bụng”, BS Đỗ Hồng Ngọc dẫn chứng một câu chuyện có thật như sau: “*BS Nguyễn Khắc Viện, sinh năm 1913 tại Hà Tĩnh, học Đại học Y khoa Hà Nội rồi sang Pháp tiếp tục học, tốt nghiệp BS Nhi khoa năm 1941. Năm 1942, ông bị lao phổi nặng, điều trị ở bệnh viện Saint Hilaire du Trouvet, Grenoble. Thời đó bệnh lao chưa có thuốc chữa như bây giờ. Từ năm 1943 đến năm 1948 ông phải chịu mổ 7 lần, cắt bỏ 8 cái xương sườn, cắt bỏ toàn bộ lá phổi bên phải và một phần ba lá phổi bên trái. Các bác sĩ Pháp bảo ông chỉ có thể sống chừng hai năm nữa thôi. Trong thời gian nằm chờ chết, ông đã tìm ra một phương pháp...thở bụng để tự chữa*

bệnh cho mình sau khi tham khảo đông tây kim cổ, và kết quả là ông đã sống đến tuổi 85 mới chết (1997), nghĩa là sống thêm được 50 năm nữa, hoạt động tích cực, năng nổ trong nhiều lãnh vực!” Chuyện khó tin nhưng có thật.

Ngoài lời dẫn giải của BS Đỗ Hồng Ngọc, tôi cũng đã từng thực tập phương cách “thở” trong khi hành thiền hoặc tọa thiền, từ khóa tu của thầy Nhất Hạnh tại Tu Viện Kim Sơn trước đây để biết kiểm soát hơi thở của mình. Thở vào biết thở vào, thở ra biết thở ra. Áp dụng hơi thở trong khi thiền hành, đi bách bộ, đem lại cho ta sự an lạc ngay trong giờ phút đó. Giúp ta tìm thấy sự thanh thân trong mỗi bước đi khoan thai, rũ bỏ được phiền não, gạt bỏ lo lắng, đoạn trừ dĩ vãng. Chính phương pháp này đã nhiều lần giúp tôi có giấc ngủ dài qua đêm, gạt bỏ được những lo nghĩ viển vông ập đến với mình. Thở là chuyện bình thường, nhưng ai cũng cần phải thở. Người ta có thể không ăn trong ba ngày vẫn sống nhăn, nhưng thiếu hơi thở trong ba phút là chết chắc. Căn bản của việc thực tập này không khó khăn phức tạp, nhưng cần kiên tâm và chuyên cần giúp cơ thể quân bình theo hơi thở. Bạn có thể áp dụng phương pháp “thở vào phình bụng” này vào nhiều trường hợp khác nhau, chẳng hạn nằm trên giường, lái xe, đi bộ, ngồi xem TV,

v.v...để cảm nhận một sự thay đổi lớn lao trong cơ thể, đặc biệt là giúp bạn kiểm soát được sự căng thẳng của não bộ, kiềm chế sự nóng giận vô lý, bình tĩnh để đối phó với mọi tình huống v.v... Bữa nay áp dụng “hơi thở” vào việc đi bộ, tôi phát hiện ra một điều thực lý thú, có hiệu quả rõ rệt trông thấy, đã giúp tôi bước những bước đi thoải mái thông dong một cách an nhiên tự tại. Trên con đường tôi đi, hai bên ngát ngưỡng những hàng cây cao chót vót, đủ mọi loại nhưng tôi không biết tên một cây nào cả, chỉ biết là những cây này đã được trồng ít nhất 20 năm, trước khi chúng tôi dọn đến đây. Trong số đó có nhiều cây hoa anh đào nở rộ vào đầu tháng tư mỗi năm, xen kẽ là những cây thông xanh thắm tỏa mùi thông, thơm lừng cả không gian. Tôi thầm cảm ơn trời đất đã cho tôi có sức khỏe cho tới tuổi này để tiếp tục enjoy cuộc sống bên những người mình thương yêu. Cứ thế tôi hăng say bước đi...

Vào lúc này trời có nắng nhưng không gắt, hơi gió nhẹ nhàng mon tron da thịt khiến tôi cảm thấy phấn khởi lạ thường. Quả thực phương thức thở đã giúp tôi thắng được sự uể oải của cơ thể mới đây. Tôi vẫn tiếp tục đi hết vòng nọ đến vòng kia, ngắm nhìn những vườn hoa xinh xắn trước mỗi căn nhà hàng xóm. Chung quanh tôi cây lá thì thậm to nhỏ, xào xạc

bên tai, tiếng chim ríu rít gọi nhau. Các nàng ve sầu hoan ca vang rộ như đón chào mùa hè vừa gõ cửa. Từng cánh bướm muôn màu nhớn nhơ bay lượn trên những khu vườn có hoa thơm cỏ lạ. Dăm ba chú sóc nâu đang lí lắc trước bước chân đi tới của tôi, thấy người nhảy thót vào bụi rậm. Tôi khoan thai đi bộ ngay giữa đường lộ, hít thở mùi lá thông tươi vào lồng ngực như cảm nhận một sự thanh bình của miền cao nguyên Đà Lạt ngày nào. Có đôi lúc tưởng như mình đang đi picnic ở một khu rừng núi nào đó cùng con cháu. Còn có gì an lạc hơn trong lúc này khi tâm tôi thực bình yên thanh thản đón nhận cảnh tĩnh lặng của đất trời. Mỗi bước đi tôi vừa thở vừa niệm Phật để cảm nhận một sự linh thiêng vô hình nào đó chứng giám những lời cầu nguyện của mình. Trong tiềm thức, những lời thuyết giảng của các bậc cao tăng luôn luôn nhắc nhở tôi tránh khỏi ba nghiệp chướng, kiểm soát được sự suy nghĩ lệch lạc của mình để những phiền não thường tình không quấy rầy, xen lấn vào cuộc sống hàng ngày. Quán chiếu về cuộc đời trôi qua, tôi thấy mình quả là có phước. Bước vào cái tuổi xuýt soát tám bó mà chưa bị những phiền toái của bệnh tật dày vò như một số bạn bè thì phải biết mình đã may mắn biết là chừng nào. Cuộc đời này có cái gì là vĩnh cửu, tất cả rồi cũng sẽ tan biến vào hư vô, thân

xác này cũng thế, một khi cái vô thường ập tới thì chỉ biết tin theo số phận mà thôi. Vẫn biết cuộc đời là ngắn ngủi, “sinh có hạn, tử vô kỳ” và con người ta ai cũng có duyên nghiệp riêng biệt, không ai giống ai, vậy mà không hiểu tại sao tôi đã không tránh khỏi đau buồn thương tiếc khi mất đi một số bạn thân tình cũng như nghe tin chết chóc, thảm họa cháy rừng, lũ lụt, động đất, tai nạn xe cộ hàng ngày trên internet... tôi bị ám ảnh mãi không thôi.

... Một nhánh cây từ trên cao bất chợt rơi xuống mặt đường chắn bước chân đi, cắt ngang sự suy nghĩ của tôi và đưa tôi về thực tại, chứng tỏ tâm của tôi chưa định, tôi mới chỉ áp dụng được một phần nào của phương pháp thực dụng này. Tôi chưa đạt tới cứu cánh của “thở trong chánh niệm” khiến tư tưởng bị chi phối, bất loạn, suy nghĩ mông lung.

Đây đó, nắng vẫn reo vui, hoa vẫn nở, chim vẫn líu lo như chia sẻ niềm hạnh phúc bất chợt của tôi dưới bầu trời xanh thẳm. Tôi nhắm mắt lại trong phút giây để cảm nhận được sự hiện hữu của mình trong an bình tĩnh lặng giữa cảnh vật sống động như đang chinh phục tôi đến ngất ngây. Dừng chân bên gốc cây anh đào, giang hai tay ngang vai làm vài động tác cho thư giãn toàn thân, tôi hít vào thật sâu và thở ra thanh thản. Uống cạn chai nước lạnh đem theo, tôi cảm thấy khỏe

khoảnh làm sao. Tôi mỉm cười và mãi nguyện với chính mình. Thế là tôi đã hoàn tất cuộc đi bộ dưỡng sinh thích thú của mình. Nhìn đồng hồ thấy đã 12:30 trưa, tính vòng đi tôi đã hoàn tất được 10 vòng trong 45 phút đồng hồ. Giá như trời không nóng nhiều, chắc hẳn tôi vẫn tiếp tục đi thêm vài vòng nữa cho đến khi nào thấm mệt.

Cuối cùng, xin chân thành cảm tạ BS

Đỗ Hồng Ngọc, nhờ thực tập phương pháp “thở” của ông mà tôi đã thắng được chính tôi, đã vượt qua được sự khó khăn mệt nhọc, và đã quân bình được năng lực của mình. Thiết nghĩ đây quả là một lợi lạc cho những ai muốn thực tập phương pháp này. Xin được chia sẻ cùng quý bạn đọc.

Ỗ Nguyên

ONE SMALL ROSE

I would rather have one small rose
From the garden of a friend
Than to have the choicest flowers
When my stay on Earth must end.

I would rather have one pleasant word
In kindness said to me
Than flattery when my heart is still
And my life on Earth has ceased to be.

I would rather have a loving smile
From friends I know are true
Than tears shed round my casket
When this world I've bid Adieu.

Bring me all your flowers today
Whether pink, white or red:
I'd rather have one blossom now
Than a truckload when I'm dead.

ANONYMOUS

BÔNG HỒNG NHỎ

*Thà được bông hồng nhỏ
Từ khuôn viên bạn hiền
Hơn vòng hoa rực rỡ
Khi tôi lìa thế gian.*

*Được một lời ưu ái
Với tất cả thân thương
Hơn ngàn điều xưng tụng
Khi tim mình đã ngưng.*

*Một nụ cười thương mến
Từ bạn bè chân tình
Hơn lệ tràn đũa tiễn
Tôi trọn kiếp phù sinh.*

*Thà cho tôi một đóa
Trong đám hoa sắc màu
Hơn cả xe hoa nở
Tiễn tôi về thiên thâu.*

THU LÊ phỏng dịch



HUẾ, NỖI NHỚ KHÔN CÙNG

Nhắc chuyện xưa như vẽ vờ huyền thoại
Ngọn gió diêu kỳ thổi đến thần kinh!
Những mái lầu cong lưỡng châu
long phụng
Khúc Nam Ai diêu ca Huế rất tình!

Cô Đô đó là một trời kỷ niệm
Vùng tuổi thơ hoa mộng dễ gì quên
Ánh trăng mơ lọc qua tàn cổ thụ
Trâm hồi chuông lạnh lẽo mỗi từng đêm.

Khi rời Huế là khởi mùa binh lửa
Buổi chia ly quả bịn rịn vô cùng
Ngó nhịp cầu rời ngược lại dòng sông
Trông bên cũ thủa qua đò Thừa Phủ

Chuông Linh Mục mỗi sáng mai vọng đờ
Tiếng mõ loan Diêu Đế thức hừng đông
Kìa Đông Ba Gia Hội nổi liền dòng
Có xa mấy, ghe lườn qua cồn Hến...

Huế một thời ươm vô vàn trù mến
Con đường trắng Thành Nội ngõ
Đặng Dung
Mái nhà thân thương tuổi nhỏ nương thân
Lớn dần lên nhờ bát com Phiếu Mẫu.

Những tên xưa nào Hiếu Nhơn,
Trung Hậu...

Này Trung Tích nọ Bộ Học, Bộ Tham ...
Từ ngã... Anh Danh dẫn đến
Viện Bảo Tàng
Di Luân Đường ...
trơ hai hàng tượng đá...

Hình thái Huế một thời răng nhớ quá!
Súng thần công lời gió lộng cao tầng
Xa Huế rồi mà cứ mãi băng khuâng
Giữa Sài Gòn đã nhiều lần bật khóc...!

Nhạc quán khuya nghe lịm hồn thôn thức
"Về miền Trung" buồn da diết mần răng!
"Ai ra xứ Huế" thấm thía chi bằng...!
Lau nước mắt nghe "Mưa trên phố Huế"!

Òi Huế !... Ở thì buồn đi thì nhớ!
Thành quách rêu phong gói kín nỗi niềm
Đề xa rồi nỗi nhớ cứ triền miên
Lá vàng rơi trên dấu hài cung nữ!

Chừ đem Huế theo bước chân viễn xứ ...
Cả tiếng mưa rơi / cổ kính con đường
Bến sông qua có tên những ngôi trường
Gom buồn vui quay vòng về dĩ vãng...

Huế của một thời kiêu sa lãng mạn!
Dấu hoàng tàn cổ kính ngự trong ta...

Hạ Thái Trần Quốc Phiệt 30/ 8/2018

MÁ HỒNG PHẬN BẠC

* tiểu-thu *

Mệt ngất ngư sau mấy mươi tiếng đồng hồ ngồi trên máy bay Ngủ gà ngủ gật trong khi chờ đợi ở phi trường Luân Đôn và Thái Lan, cuối cùng rời Thơ cũng đặt chân xuống phi trường Tân Sơn Nhất. Sau hai mươi lăm năm ly hương. Lòng Thơ cứ rộn lên vì biết lũ cháu và những người thân đang bồn chồn đợi phía ngoài cửa Luộc rời Canada, tuy đang mùa hè nhưng năm nay trời cứ lạnh lạnh như mùa thu Cái nóng gay gắt của Sài Gòn áp vào người khiến Thơ đổ mồ hôi hột, nhưng những tiếng kêu "cô, cô... tụi con đây nè" đây áp sự vui mừng khiến Thơ quên hết. Cái đám cháu khi Thơ rời Việt Nam chỉ là mấy đứa trẻ lau nhau, bây giờ đã tay bông tay bé. Thơ không còn nhận ra đứa nào lớn đứa nào nhỏ nữa! Thử tưởng tượng bà chị dâu cứ sồn sồn năm một. Thịnh thoảng lại chơi trò lai rai đầu năm một đứa, cuối năm một đứa. Lúc cao hứng còn cho ra nguyên cặp! Mười ba đứa tất cả. Sần sần nhau Ôm các cháu vào lòng mà rung rung nước mắt. Ngày người anh duy nhất lia đời Thơ không về. Nhưng lời trăng trối của mẹ làm Thơ bút rút: Thơ à, mỗi năm Thanh minh con nhớ về thăm mộ má nghen. Thơ đã long trọng hứa cho bà vui lòng. Vậy mà cũng đã mười năm, giờ này Thơ mới thực hiện được. Mấy đứa cháu tranh nhau mời cô đi ăn tiệm. Nhưng điều Thơ muốn thực hiện trước tiên là về quê thăm mồ mả ông bà.

SỐ 82

Chiếc xe van, do cô cháu gái mượn có tài xế, khá tốt. Đường không dài Sài Gòn-Cao Lãnh độ trăm tư cây số, nhưng đường sá hẹp lại nhiều xe, mỗi ông tài lái một kiêu, mạnh ai nẩy chạy, chen lấn tùm lum nên đi rất chậm. Từ ngã ba Trung Lương quẹo phải về hướng thị xã Cao Lãnh, hai bên đường vườn ôi xá lị, nhãn, đu đủ, măng cầu xiêm...nói tiếp nhau. Thơ nói tài xế ngừng xe để mua ít trái cây về cúng nhà từ đường và ngoài nghĩa trang gia đình. Cả một tiểu đội gồm già có, trẻ có, sồn sồn có, ngay cả một nhi đồng ước độ năm sáu tuổi gì đó, bung những rổ, những sè, những thúng trái cây ủa đến vây quanh đám người từ trên xe bước xuống. Thơ hoa mắt không biết chọn thứ nào. Bởi thứ nào cũng hấp dẫn, nhìn thôi cũng muốn chảy nước miếng! Ôi xá lị da xanh bóng như ngọc. Mãng cầu xiêm chín da mỏng đánh, tỏa mùi thơm ngát. Nhãn hột tiêu com dày, mọng nước ngọt lịm. Khi nhìn thấy đứa gái nhỏ cầm cái tô sành đựng đầy trái trứng cá chín, đẹp như những viên san hô, Thơ thấy cả một kỷ niệm êm đềm đang trở mình sống dậy. Hồi xưa hồi xưa, ngày nào không leo lên tảo thanh cái hàng trứng cá trông dọc theo con lộ mới là Thơ cảm thấy thiếu thốn một thứ gì đó. Trái trứng cá tròn tròn như viên bi ve, lúc chín đỏ mọng, bóng ngời. Ăn vừa ngọt

119

vừa thơm, lại có cái cảm giác rào rào dưới răng nên đám nhí đồng rất thích. Có điều kỳ lạ là trong những giắc chiêm bao, thỉnh thoảng cái màn hái trứng cá lại hiện về. Rất đầy đủ chi tiết. Như cái lần Thơ trèo qua mấy vòng dây kềm gai mà bác sáu Đông quần quanh thân cây để cản lũ trẻ trèo lên hái trái. Hay cái hôm Thơ và thằng Liêm vừa leo lên tới cháng ba, bỗng có tiếng la bài hải của con Lành đứng dưới đất "Tụi bây xuống mau. Có con rắn lục đeo phía trên đó". Trong đời Thơ sợ nhứt là rắn. Vì vậy không cần biết có hay không Thơ cũng tuột cái rột xuống đất, óng quần bị vướng đầu đó tét một đường lên tới đầu gối. Về nhà còn được mẹ thưởng thêm mấy con lươn vô cặp mông nõn nà!...

Qua khỏi thị xã, nhà cửa mọc lên như nấm khiến Thơ không còn nhận ra nhà những người quen hoặc họ hàng, tọa lạc hai bên con đường dẫn về xã Tân An, nơi chôn nhau cắt rún của Thơ. Trước đây (có nghĩa là hơn một phần tư thế kỷ đã trôi qua), nhà nọ cách nhà kia bằng một khu vườn. Có khi là một vườn cam, một vườn quít hoặc mận, xoài... Phía trước nhà là vườn hoa, rồi một hàng bông dâm bụt, bông trang hoặc bùm sùm, thả dây tóc tiên trở bông đỏ chói làm hàng rào, sau đó mới tới đường cái. Phía bên kia đường là con sông nhỏ. Lối đi từ trong nhà ra tới đường cái thường được lót gạch tàu đỏ au. Ngay góc nhà phía trước, sát lối đi là lu nước, có cái gáo dừa máng bên cạnh. Thời xưa người có tiền sắm xe đạp, ít nữa thì đi xe lô. Người

nghèo thì dùng phương tiện "lô ca chun". Không tốn tiền nhưng dưới ánh nắng mặt trời lại rất tốn mồ hôi. Thành thử lâu lâu phải ghé vô nhà nào đó uống nhờ gáo nước lạnh cho đỡ khát. Vườn tược được quét dọn sạch bóng. Cây cối xanh tươi tạo một cảm giác mát mẻ, sáng khoái. Nhưng nay, những vườn cây đã bị đốn sạch. Nhà cửa khít vách xây sát mé lộ khiến Thơ có cảm tưởng con đường hẹp hơn xưa. Cũng không còn thấy những bến sông phía bên kia đường. Hồi đó mỗi nhà đều có một chiếc xuồng ba lá neo dưới bến. Đó cũng là một phương tiện di chuyển của dân quê. Vừa nhanh chóng lại không tốn xu nào.

Từ trước bảy lăm, Thơ vẫn không hiểu vì sao chính quyền thời đó lại chọn đúng mảnh đất của gia đình Thơ để lập cái chợ mang tên là Trần Quốc Toản? Trừ căn nhà nn đúc của ông bà nội, căn nhà ngói đỏ của ba má Thơ phải dỡ đi. Vườn dừa, vườn cam và vườn soài bị đốn sạch. Thay vào đó là những căn phố lầu và cái nhà lồng chợ. Nghe kể lại, hôm những "đao phủ thủ" tới đốn vườn cam, cô hai của Thơ ôm từ gốc cam tơ mới có trái chiến khóc sụt nước! Thơ tiếc mấy cây bưởi ruột đỏ và mấy gốc chanh giầy sau hè nở những chùm hoa trắng muốt. Sau cơn mưa hoặc lúc màn đêm buông xuống, chúng tỏa mùi thơm dịu dàng, tinh khiết. Má kể hồi Thơ mới năm sáu tuổi gì đó, một hôm qua chơi bên nhà hàng xóm, na chùng Thơ chạy về nhà, người nóng như lửa, vừa ngã vô lòng má là trợn mắt, nghiêng răng lên cơn động

kinh. Má hoảng hốt la cầu cứu inh ỏi. Lối xóm chạy tới chặt nhà. Ai đó la lên rằng phải tước vỏ cây chanh đem vô nấu nước uống sẽ hết động kinh. Không nghĩ ngợi một tích tắc nào, ba Thơ chạy thẳng ra cây chanh sau hè, lột một mảng da từ dưới gốc lên gần tận ngọn. Mỗi lần hồi tưởng lại, Thơ không khỏi thấy lòng rung rung...Tội nghiệp cho cây chanh, ự dung bị lột một miếng da!

Xe ngừng trước cửa nhà chị Xuân, con người cô ruột của Thơ. Ngay căn giữa, có tới mấy mươi người ngồi kín ba chiếc bàn tròn đang dùng bữa trưa. Mấy chục con mắt đổ dồn vào Thơ. Một thiếu phụ trẻ có vẻ nhận ra người đang trên xe bước xuống nên chạy ù ra ôm chầm lấy Thơ, reo lên:

- Di Thơ phải hôn? Trời ơi, di về sao không cho tụi con hay.

Thơ cảm động trước sự nồng nhiệt của cô cháu gái:

- Liên Hoa phải hôn? À, di mới về tới Sài Gòn hôm kia. Má con đâu? Nhà đang đãi tiệc gì mà đông vậy?

Đang tươi cười Liên Hoa bỗng sùt sùi:

- Má con mắt rồi di ơi. Bả bị ung thư gan. Bữa nay là cúng bốn mươi chín ngày đó. Thôi sẵn đây con mời di vô ăn luôn.

Thơ bước tới trước bàn thờ đặt giữa nhà. Trái cây, thức ăn bày la liệt, hương khói tỏa nghi ngút. Thơ thấp ba nén hương. Trên bàn thờ, tấm ảnh bán thân của chị Xuân phóng lớn đang đưa mắt

nhìn Thơ, nụ cười tươi tắn. Tấm hình này chắc được chụp hai mươi năm về trước nên coi chị còn trẻ măng. Hồi xưa chị Xuân đẹp lắm. Chị giống cha nên cao, cặp mắt mơ màng dưới hàng mi cong. Mái tóc đen mun dợn sóng tự nhiên. Chị cao lớn giống một thiếu nữ Tây phương hơn là Việt Nam. Cái miệng lại hay cười nên ai cũng mến. Bao nhiêu người theo đuổi. Cuối cùng chị lên xe hoa về với anh Kiên. Lý do đơn giản: anh Kiên cao hơn chị, rất hiền và cha mẹ đều mắt sớm nên chị khỏi chịu cảnh làm dâu! Lúc con út Mai Hoa mới tròn hai tuổi, anh Kiên qua đời vì tai nạn xe mô tô. Anh phóng lên dốc cầu sắt quá trớn nên cả người lẫn xe đều bay tuốt xuống sông. Lúc cứu được lên bờ thì anh đã tắt thở. Năm đó chị Xuân mới xấp xỉ hăm lăm. Sau ba lần sanh nở, nhan sắc chị càng có phần rục rờ hơn lúc còn con gái. Chị có một thân hình nầy nở tuyệt đẹp và cặp mắt nhưng ướm rượt, tinh tú. Tính chị lại dễ dãi, ham vui. Thơ nghe má phàn nàn với Thiêm Út:

- Chị hai mà không dọn qua ở chung với con Xuân để coi chừng coi đổi tụi nhỏ, sau nữa "kèm" mẹ nó, tui coi bộ có phần nguy hiểm đó ghen thiêm!

Thiêm Út cũng đồng ý:

- Chị nói phải. Em thấy không những mấy thằng cha già dề, mà tụi thanh niên cũng dòm con Xuân muốn nhều nước miếng. Mà con nhỏ thì... Thiêm không nói hết lời chỉ chắt lưỡi chấm câu, nhưng mẹ Thơ cũng hiểu ý. Dĩ nhiên con nhỏ

Thơ hỉ mũi chưa sạch làm sao hiểu được tại sao lại phải kèm chị Xuân. Nhưng sợ hỏi "chiện của người lớn" sẽ bị má rầy. Như cái lần dựng hai (ba chị Xuaân) vì lên buôn bán trên Nam Vang, lâu ngày buồn tình bèn lập thêm phòng nhì trên đó. Hay tin, ông nội Thơ nổi tam bành, ngày Tết dựng xuống Cao Lãnh chúc Tết, bị ông già vợ vác ba ton rượt chạy có cò. Thơ thắc mắc:

- Má à, sao ông nội có vợ nhỏ, sanh ra cô Khanh được, mà dựng hai có vợ nhỏ lại bị ông nội đánh?

Má lật đật bùm miệng Thơ:

- Con nít đừng có lộn xộn hỏi chuyện người lớn. Ông nội nghe được là bị đòn nức đít! Con nhỏ không dám hỏi nhưng trong lòng tất nhiên là không phục vì thấy như vậy không công bình chút xíu nào!

Sau khi anh Kiên mất ít lâu, má Thơ thấy dưới quê tình hình không ổn, làm ăn không khá nên theo vợ chồng cô Mười, em ruột của ba, lên Kontum buôn bán gạo. Kontum cách Sài Gòn sáu trăm cây số. Đối với thời đó con đường này thật là xa diệu vợi. Mùa nắng ráo, xe chạy mau lắm cũng mất một ngày. Còn mùa mưa thì...phó thác cho ông Trời! Có khi bốn năm ngày mới tới bến. Vì vậy bất cứ hàng hóa gì, miễn lên tới nơi đều bán đắt như tôm tươi Lờ lẩm, bán giá bao nhiêu thiên hạ cũng mua. Vì vùng đất cao nguyên khi ho cò gáy này bấy giờ, ngoài rừng núi bạt ngàn, chỉ trồng rất giống mít. Mít nhiều đến nỗi phải cầu cứu tới con cháu Trư Bát Giới tiếp tay mới thanh

toán nổi cái số lượng mít kết sù này. Buôn bán khá, thỉnh thoảng má Thơ về Cao Lãnh thăm, đem vài vốc tiền bạc thuốc men giúp đỡ bà con nghèo trong làng.

Chắc chắn cái cảnh bị kèm kẹp khi tuổi còn đang hơ hớ, nên chị Xuân năn nỉ má Thơ cho chị theo học buôn bán, sau khi cô hai nhận nuôi mấy đứa cháu ngoại. Dầu gì bà ngoại cũng đáng tin cậy. Cô hai Thơ chắc cũng biết tánh con nên dặn riêng má phải hết sức coi chừng chị, để tránh chuyện đáng tiếc xảy ra. Chị lên Kontum ở chung với gia đình Thơ. Năm đó con bé mới mười ba tuổi, kh câm! Có chị Xuân má đỡ cực vì chị siêng năng, học việc rất nhanh. Chị tươi cười, nói tếu rất duyên dáng nên được khách hàng yêu mến. Có lần má Thơ bệnh không về Sài Gòn bỏ hàng được, phải nhờ chị đi thế. Ban đầu còn lo lắng, khi thấy công chuyện trôi chảy bà yên tâm, thỉnh thoảng lại nhờ chị đi thế. Bận xuống Sài Gòn bao giờ cũng đi xe đò, nhưng chuyển trở lên lại ngồi xe vận tải chờ hàng cho mình. Chờ thường xuyên nhưt cho tiệm nhà là anh Lương. Xe của mình nên anh bảo trì tốt, không bị nằm đường bất ngờ. Anh ngoài ba mươi, đã có vợ con đê huê. Có thể cho trên trung bình về nhân dáng cũng như nhân cách. Anh không có tai tiếng xấu trong giới tài xế xe hàng, nên mẹ Thơ yên tâm để chị đi chung xe với anh. Vả lại chiếc xe chờ hàng nào, ngoài tài xế cũng có một chú lơ xe. Đâu phải chỉ có trai đơn gái chiếc. Bà quên rằng cô cháu của bà là một hỏa

diệm sơn chỉ chờ có cơ hội là...phun lửa! Và cơ hội đó đã đến vào mùa mưa. Con đường quốc lộ thuở đó được làm từ thời Pháp thuộc, nên hẹp đến nỗi khi hai chiếc xe muốn qua mặt nhau, cả hai đều phải ép sát lề, một phần xe lọt qua khỏi đường nhựa vì con đường nhựa chỉ lớn hơn chiếc xe một chút. Bắt đầu từ Ban Mê Thuộc trở lên, hai bên đường nhựa là đất đỏ, trời mưa xuống đất dẻo quẹo, trơn trượt vô cùng.

Lần đó nhằm vào mùa mưa dầm, xe anh Lương tới khoảng giữa đường Ban Mê Thuật-Pleiku thì thấy cả một đoàn xe, vừa vận tải vừa xe đồ hơn chục chiếc kẹt dồn cục phía trước. Phải chú lơ đi điều tra mới biết có hai chiếc xe hàng qua mặt nhau, một chiếc bị trượt bánh quay ngang, nhưng đường đất đỏ trơn như thoa mỡ, bánh xe cứ quay như chong chóng, không cách nào de tới de lui được, đành phải đợi xe nhà binh từ Pleiku xuống kéo. May mắn, hầu như người nào lúc rời Sài Gòn cũng đều mua vài ổ bánh mì về làm quà. Những ổ bánh mì vàng tươi như mật, dòn rụm thơm tho. Chỉ ăn bánh mì không cũng thấy ngon. Đêm rừng xuống rất nhanh. Muối rừng thì đông như vãi trấu. Bóng đêm vừa trùm xuống là chúng bắt đầu tấn công. Hành khách xe đồ thì leo lên xe quay cửa kiến kín mít. Anh Lương và chị Xuân vô cabin tử thủ. Riêng chú lơ xe phải trèo lên mui xe, kéo tấm bạt che kín, ngả mình trên mấy bao gạo ngủ đờ. Đầu hôm hai anh chị còn cố gắng mở mắt thức, nhưng lần hồi chống hết nổi con

buồn ngủ đành mỗi người dựa một bên cửa nhắm mắt ngủ khò. Trời càng về khuya càng lạnh. Chị Xuân từ từ xích lại gần anh Lương hồi nào hông hay, đến gần sáng tiếng gà rừng gáy khiến chị tỉnh giấc, mới thấy mình đang tựa gọn hơ trong vòng tay ấm áp của anh Lương. Chị mắc cỡ, nhẹ nhẹ xích ra xa. Nhưng có lẽ do phản ứng tự nhiên, anh Lương ôm ghì chị trở lại khiến chị giựt mình kêu lên một tiếng nhỏ. Anh Lương mở bừng mắt thấy đang ôm chị Xuân trong tay cũng giựt mình buông vội chị ra. Nhưng sau khi quan sát lại hiện trường, thấy chính mình bị địch tấn công thì anh cười cười:
- Hồng phải tại tui đâu nghen...

Chị Xuân càng mắc cỡ, đưa tay nhéo anh Lương một cái. Anh đau điếng chụp tay chị Xuân. Rồi, chuyện gì phải xảy ra cho cặp trai đơn gái chiếc bị nhốt trong cái ca-bin nhỏ xíu này, đã xảy ra. Cái này gọi là tại Trời xui khiến chớ không phải lỗi ai!

Từ đó mỗi lần được giao trách nhiệm đi bỏ hàng dưới Sài Gòn là chị Xuân vui lắm. Bao giờ cũng có quà cho Thơ. Cho đến một hôm ăn bất cứ cái gì vô là chị đều mửa trở ra. Mà lại không bị cảm cúm gì cả mới kỳ! Chị có vẻ lo lắng và ốm đi nhiều. Lại không còn đùa giỡn với tụi Thơ như trước. Thơ hỏi chị có bệnh gì không thì chị lắc đầu, nhưng mắt lại đỏ lên như muốn khóc. Con nhỏ Thơ ngu ngơ chỉ biết ham chơi, ham ăn, ham ngủ chớ có biết gì đâu. Đến tối hôm đó, sau bữa cơm chiều, Thơ đến nhà con Sương

làm bài. Trở về nhà độ chín giờ, định đi thẳng vô buồng thì nghe tiếng khóc thút thít từ trong phòng mẹ vọng ra. Thờ tò mò trở lui, áp tai vào cánh cửa nghe lén, dù biết là xấu lắm. Nhưng con gái mà: Chúa tò mò!! Thì ra chị Xuân đang nói chuyện với mẹ. Thờ không tin ở lỗ tai mình: chị Xuân có bầu! Tiếng mẹ vừa lo lắng vừa tức giận:

- Tao đã cản dạn năm lần bảy lượt rồi mà. Tuy thằng Lương bề ngoài có vẻ đứng đắn, nhưng xưa nay hầu hết đám tài xế xe hàng đều theo một sách. Chỗ nào đặt chân tới là có thêm một con mèo. Mà không lo giữ thân, bây giờ tao biết ăn nói sao với chị hai đây!

Chị Xuân sụt sùi:

- Con lạy mẹ đừng cho má con hay. Cùng lắm con đi phá thai.

Tiếng mẹ Thờ thảng thốt:

- Đừng ghen. Tao không muốn làm đồng lõa giết người đâu à. Cái thai tuy mới hai tháng nhưng cũng tượng hình rồi. Đừng làm bậy mang tội.

Bà nghiêng răng nói tiếp:

- Còn thằng Lương nữa. Thiệt là đồ bất lương mà. Gặp lần này nó biết tay tao.

Tiếng chị Xuân van lơn:

- Mẹ đừng chửi ảnh. Lỗi ở con phần lớn. Nếu con không chịu...

- Chớ còn gì nữa. Cây kim cứ nhúc nhích hoài đó ai xô sợi chỉ qua được!

Thấy cả hai yên lặng hồi lâu, Thờ định nhẹ nhàng rút lui có trật tự thì tiếng mẹ thở dài:

- Thôi chuyện tới nước này tao cũng đành chịu. Để gặp thằng Lương coi nó tính

sao. Dầu gì nó cũng có phần trách nhiệm. Bây giờ sẵn cái bụng còn nhỏ, về thăm đám con mà một chuyến đi. Lần này đem tiền về cho má mà kha khá một chút, rồi trở lên đây chờ ngày sanh. Ừ hự. Đàn ông ăn rồi chùi mép khỏe ru. Bao nhiêu hậu quả đàn bà gánh hết. Cái kiếp đàn bà sao mà khổ dữ vậy không biết! Bây giờ có kinh nghiệm rồi ghen con. Từ rày sắp tới ráng mà giữ. Hồng ai thương mình bằng mình thương mình. Đâu có ai chết thế cho mà...
Chị Xuân lật đật ngắt ngang:

- Dạ, đại lần này con tởn rồi mẹ ơi. Không bao giờ có lần sau đâu, mẹ yên tâm.

... Chị Xuân cho ra đời một thằng cu bụ bẫm. Vợ anh Lương ẵm đứa nhỏ đi ngay tại nhà bảo sanh. May cho chị Xuân là vợ anh Lương khi sanh đứa con gái đầu lòng bị nhau không tróc, làm băng suýt chết, bác sĩ phải cắt bỏ tử cung. Từ đó tuyệt sản. Anh Lương sau khi gặp mẹ Thờ, trở về Sài Gòn cố gắng thuyết phục vợ đem đứa nhỏ về nuôi. Ban đầu chị cũng nổi máu Hoạn Thư, nhưng sau nghĩ lại phận mình không có tia hy vọng nào sanh con trai cho chồng nối dõi. Biết đâu ngày nào đó ảnh kiếm bà khác thì nguy, thôi cứ đem đứa nhỏ về nuôi, coi như cũng có ơn với chồng. Đến lúc thấy chị Xuân sanh được thằng cu chị mừng như bắt được vàng, ẵm lẹ thằng nhỏ về Sài Gòn, sợ chị Xuân đổi ý. Mẹ nào không thương con, chị Xuân lúc đầu cũng khóc lóc, nhưng sau thấy đó là giải pháp tốt nhất chị cũng nguôi dần.

Mẹ Thơ thờ phào nhẹ nhõm. Tưởng trời yên sóng lặng ...nếu sáu tháng sau nhà bác Nam bên cạnh không nhận nấu cơm tháng cho một anh chàng công chức, làm cùng sở bác trai, vừa ở Sài Gòn đổi lên. Anh ta ăn cơm tiệm hoài túi tiền chịu không nổi nên năn nỉ bác Nam gái nhận cho anh ta ăn cơm tháng. Một là để có đồng ra đồng vô, hai nữa anh ta lại là sếp trực tiếp của bác trai, nên bác Nam gái nhận lời. Ngày hai bữa anh chàng Sơn chạy chiếc vespa tới dựng trước nhà bác Nam. Nghe đâu anh ta mượn nhà ngoài đường Nguyễn Huệ, cạnh bờ sông Dakbla. Tuy mới lên mười bốn, nhưng Thơ cũng nhận thấy chàng Sơn này đẹp trai kinh khủng. Không thua gì tài tử Ấn Độ Ramarao trong mấy phim thần thoại mà Thơ cùng tụi bạn trong lớp hay đi xem ngoài rạp Vinh Hoa. Còn có phần hơn vì tài tử Ramarao đen thui, anh chàng Sơn có nước da trắng bóc như con gái. Mái tóc bông bênh, vàng trán cao, chiếc mũi thẳng tắp. Mỗi khi cười còn khoe một hàm răng trắng đều, đẹp đến nỗi anh Chà Hynos nếu thấy có thể chết giắc vì ghen! Mới đổi lên Kontum có hai tháng mà Sơn đã gây sôi nổi trong đám nữ sinh môn môn đào tơ của tỉnh này. Chẳng là từ sở về, anh ta phải chạy ngang qua trường Thánh Mẫu là nơi con nhỏ Thơ đang dùi mài kinh sử. Giờ tan sở có lẽ cũng xấp xỉ với giờ tan trường nên hàng ngày, lúc những tà áo trắng phơ phất trong gió chiều túa ra cổng, thế nào cũng gặp anh ta tà tà lái vespa chạy

ngang. Thơ còn nghe mấy chị lớp trên xì xào:

- Trời ơi, sao mà giống tài tử Robert Taylor quá chừng!

Nhưng có người không đồng ý:

- Tao thấy "ảnh" giống Gary Cooper hơn.

Người thứ ba chen vào:

- Tao thấy cái nét đẹp ngang tàng của "ảnh" giống James Dean y hệt!

Thôi thì chín người mười ý. Nhưng chung qui thì cô nào cũng ôm trong lòng hình ảnh của anh chàng Sơn hào hoa phong nhã này. May mắn nhất là Thanh Lý học lớp đệ tứ. Lý khá đẹp. Người dong dỏng cao, cặp mắt to lúc nào cũng có vẻ ngơ ngác như con nai vàng. Mái tóc đặc biệt màu hung hung xỏa tới ngang lưng. Nhà Lý ở ngay trước cửa nhà anh chàng Sơn, nên cô nàng viện đủ có để xuất hiện trước cửa mỗi khi biết chắc có Sơn ở nhà. Như những khóm hoa cần phải tưới, cắt vài cành hồng vào cắm bình v.v... Tay thì làm nhưng cặp mắt lại cứ liếc về phía "bên kia". Cũng từ ngày có Sơn làm hàng xóm, nhà Thanh Lý bỗng được bạn bè cùng lớp tới thăm thường xuyên hơn. Các cô tụ tập ngoài sân nói cười ríu rít. Đôi lúc Sơn cũng đứng ra cửa nhìn qua cười mím chỉ với các cô, hoặc chỉ đứng nhìn trời nhìn đất một tí rồi đi vô, làm như không nhận thấy sự có mặt của đám nữ sinh bên kia đường, dù rằng anh chàng biết tổng các "em" này tới vì mình. Hắn ba mươi tuổi đầu, kinh nghiệm tình trường cũng kha khá, đủ để

biết tâm lý của mấy con nai vàng còn ngo ngác này...

Nhưng ở đời ai mà ngờ được? Mấy em nữ sinh dù có chim sa cá lặn tới cỡ nào cũng không làm anh chàng Sơn rung động mấy may. Sơn cười tình với các cô cốt để nhìn thấy điệu bộ lúng túng, những cặp má đỏ hồng vì thẹn thùng... rồi quay vô nhà cười một mình. Đối với Sơn, cái đẹp ngây thơ của các cô thiếu nữ không có gì hấp dẫn. Rất lâu sau này Thơ mới biết, ngày còn đi học Sơn yêu đắm đuối cô láng giềng. Cô này rất đẹp, chỉ tội con nhà giàu. Hai người thề non hẹn biển, nhưng làm sao anh địch nổi với một tay mang cái bằng cấp Kỹ sư Cầu Công từ bên Pháp về? Người yêu gạt lệ lên xe hoa để lại cho Sơn một nỗi thông khổ và một mối hận đàn bà không bao giờ nguôi. Tình yêu đối với Sơn sau đó chỉ đơn thuần là hưởng thụ xác thịt. Một hôm, Thơ còn nhớ rành rành, sau bữa cơm chiều, chị Xuân cùng Thơ và chị người làm tên Hậu đang đứng bên cạnh cái giếng phía sau nhà để giặt quần áo. Nguyên hai dãy nhà, trong đó có cả nhà của bác Nam nấu cơm thán, đều xài chung một giếng nước. Chị Xuân mặc cái áo lụa màu cánh sen ngấn tay, cổ chữ U khoét hơi sâu, lúc chị cúi xuống kéo thùng nước từ dưới giếng lên thì nguyên cả phần trên cặp của nữ hoa phơi ra ngồn ngộn. Đúng lúc đó anh Sơn từ sau bếp nhà bác Nam bước ra. Trước cái hình ảnh đầy gợi cảm đó anh chàng cứ ngây ra nhìn. Thơ vội quay qua khều chị Xuân. Chị ngước lên. Bốn cặp mắt dính vào

nhau như không muốn rời. Trái đất như ngừng quay. Mọi người, mọi vật chung quanh như biến mất trừ hai kẻ trong cuộc. Bàng hoàng, ngờ ngẩn... Hết nhìn người nọ tới người kia, cuối cùng Thơ lại khều chị Xuân một cái nữa. Chị giựt mình rồi quay qua cười với Thơ, nụ cười đầy vẻ ngu ngơ như chị vẫn còn đang lạc vào trong cõi mộng nào đó! Anh Sơn bước hẳn ra sau, gật đầu chào chị Xuân rồi quay qua bắt chuyện với Thơ, tự nhiên như hai kẻ quen nhau từ kiếp nào (!) :

- Anh nghe bác Nam gái bảo Thơ học trường Thánh Mẫu phải không? Anh hay đi ngang qua đó, nhưng lúc tan trường các cô đông quá nên chả bao giờ anh trông thấy Thơ cả.

Trời ơi cái giọng Bắc kỳ sao mà ngọt như mật vậy nè! Thơ bị làm quen một cách đột ngột nên lúng túng:

- Dạ... dạ phải. Mà có khi em cũng thấy anh chạy ngang qua...

Sơn cười:

- Mai một nếu trông thấy anh bé nhớ gọi nhé. À, đây là chị của Thơ phải không? - Dạ. Chị em tên Xuân.

Sơn nghiêng đầu, rất lịch sự:

- Chào cô Xuân. Tôi có làm phiền gì các cô không nào. Chị Xuân đã lấy lại bình tĩnh, cười nửa miệng, cặp mắt nhưng liếc một cái bén ngọt: - Dạ không sao. Đây là chỗ công cộng mà. Cái giếng đâu phải của riêng ai. À, nếu anh cần nước tôi kéo dùm cho. Anh mặc đồ tây coi chừng dơ...

Sơn nhìn sâu vào mắt chị Xuân, nói nhẹ nhàng:

- Cám ơn cô, tôi không cần nước đâu. Tôi cần cái khác cơ...

Chị Xuân làm tỉnh như không hiểu, đưa mắt nhìn quanh:

- Ủa, ngoài này trừ cái giếng nước, còn có gì khác đâu?

Anh Sơn gật đầu, mắt không rời chị Xuân:

- Có chứ. Nhưng thôi, đề hôm khác tôi sẽ cho cô biết cái mà tôi muốn tìm.

Nói dứt câu anh chào chị Xuân, nháy mắt với Thơ một cái rồi trở vô nhà bác Nam. Vừa đi vừa huýt sáo như có điều gì thú vị lắm! Chị Xuân nhìn theo bóng anh Sơn, miệng cười vu vơ, ánh mắt vẫn còn mơ màng...

Vô nhà, chị người làm nói nhỏ với Thơ:

- Sắp có chuyện rắc rối rồi đó!

Khi Thơ hỏi chuyện gì chị ta chỉ cười không nói.

Nhà của Thơ là căn bìa, nên phòng ngủ có cửa sổ nhìn ra lối đi bên hông. Bàn học kê sát cửa sổ cho sáng sủa. Ngoài việc học bài, con nhỏ còn có thể ngắm trăng sao lồng lộng vào những đêm rằm, hoặc thả hồn trôi theo những áng mây bồng bênh trên nền trời xanh biếc. Một hôm đang chăm chỉ làm một bài toán học búa, có tiếng gõ cộp cộp trên cánh cửa sổ bên ngoài làm Thơ giật mình. Nhưng khi thấy khuôn mặt kẻ sát chân song, nhận ra là Sơn, cô nhỏ mới hoàn hồn. Sơn cười:

- Xin lỗi làm Thơ giật mình. Anh vừa ăn cơm xong, định về. Dắt xe ngang đây thấy Thơ đang học anh muốn hỏi thăm Thơ có khỏe không?

Hai người nói chuyện trời trăng mây nước một lúc Sơn chợt hỏi:

- Phòng này có một mình Thơ thôi sao?

Hơi ngạc nhiên trước câu hỏi hơi kỳ cục này, nhưng cuối cùng Thơ chợt hiểu:

- Á, chắc anh muốn hỏi thăm "ai" đó phải không?

Sơn cười xòa, lắc đầu:

- Chịu cô! Ừ, thì cô Xuân lúc này thế nào, có khỏe không? Sao không thấy cô ấy ra ngoài giếng như thường lệ?

Thơ xòe tay bắt bí liền:

- Có gì cho em mới tiết lộ. Hồng làm gián điệp không công cho anh đâu!

Sơn nhăn nhó thăm não:

- Tội nghiệp anh mà bé. Ừ, chắc chắn ngày mai anh sẽ có quà cho Thơ. Nói đi.

Nhưng con nhỏ vẫn giữ vững lập trường:

- Hồng được. Tiền trao cháo múc. Ngày mai em mới nói.

Cuối cùng Sơn đành chịu thua. Hôm sau, đang cắm cúi học bài sử địa, một cánh tay từ ngoài song cửa thò vào làm Thơ giật mình la oái một tiếng. Nhưng tiếng cười dòn của Sơn làm Thơ tỉnh hồn. Té ra Sơn thò tay vô đưa cho Thơ một bọc kẹo!

- Sao bé, tiền trả rồi giao hàng đi chứ. Mặt cô nhỏ tươi rói, toét miệng cười:

- Chị Xuân em về quê thăm nhà. Ba bữa nữa mới trở lên đây. Anh có nhắn gì cho chỉ không? Lần này em không đòi tiền.

Vừa nói con nhỏ vừa bóc kẹo bỏ vô miệng nhai ngon lành! Sơn lắc đầu:

- Bữa nay thì không. Nhưng vài hôm nữa anh sẽ nhờ Thơ đưa hộ cô Xuân cái này. Nhớ đừng cho người khác biết nhé.

Thơ cười cười:

- Em thì lúc nào cũng sẵn sàng, miễn có chút quà mọn như vậy là được rồi.

"Cái" mà anh Sơn nhờ Thơ đưa cho chị Xuân là một bức thơ. Sau đó, cửa sổ phòng cô nhỏ trở thành cái Guichet bưu điện một cách ngang xương! Nhưng không lâu cái màn này cũng ngừng không kèn không trống. Thơ ngạc nhiên hỏi chị Xuân lý do. Chị ngập ngừng hồi lâu rồi kéo Thơ lại ngồi xuống mép giường nói nhỏ:

- Chị biết Thơ thương chị lắm nên có chuyện này chị muốn kể cho Thơ nghe. Nhưng phải thề độc không được tiết lộ cho ai biết. Nhút là mợ. Chịu hôn?

Con nhỏ thề độc. Chị Xuân cười rạng rỡ, hai núm đồng tiền cạnh khoé miệng lúm sấu:

- Chị với anh Sơn thương nhau! Ảnh rủ chị tới nhà ảnh chơi hai lần rồi. Thơ biết hôn anh Sơn tuyệt diệu lắm!

Con nhỏ tò mò:

- Tuyệt diệu làm sao hả chị? Thôi em biết rồi, chắc anh Sơn hôn chị như Tây đầm trong xi nê phải không?

Chị Xuân cười rúc rích, bẹo má Thơ:

- Con nít con nôi đừng tò mò. Mai mốt lớn lên biết liền. Vui lắm.

- Anh Sơn biết chị có con không?

- Chị có nói sơ hoàn cảnh của chị. Ảnh nói dĩ vãng không có gì quan trọng. Phần ảnh chưa lập gia đình, nhưng trên chiếc

bàn nhỏ ở đầu giường chị thấy có chung tám ảnh bán thân một cô đẹp lắm. Chị hỏi ai thì ảnh nói bạn cũ. Lớn lên nghĩ lại Thơ thấy thương chị Xuân cách gì. Mỗi lần lao vào một cuộc tình là chị chỉ biết cho hết mình, không cần tính toán hơn thua gì cả. Có lần cô bồ cũ của anh Sơn từ Sài Gòn mò lên không báo trước, đến nhà anh Sơn gặp chị Xuân đang nấu ăn trong bếp. Lúc này hầu như thứ bảy hoặc Chúa nhật nào chị Xuân cũng kiếm có đi chơi nhà bạn, nhưng thật sự là đến nhà anh Sơn nấu nướng, hai người ăn với nhau rất êm đềm ấm cúng. Hai bà choảng nhau một trận toi bời. Bà kia giận đùng đùng bỏ về Sài Gòn một nước. Chị Xuân trách, anh Sơn trả lời rằng anh có moi móc dĩ vãng của chị đâu mà chị thắc mắc cái dĩ vãng của anh. Cô bồ cũ đó anh đã cho de rồi, nhưng cô ta vẫn không chịu quên thì đâu phải lỗi ảnh. Cũng có lý! Nhưng Thơ vẫn thấy có cái gì đó kỳ kỳ, không ổn khi Thơ hỏi anh chị có tính gì không? Chị Xuân trả lời là anh Sơn nói hai người như vậy là hạnh phúc rồi, tính toán lắm thêm phiền. Anh Sơn đẹp trai nè, ăn nói hay ho nè, bao nhiêu thiếu nữ xinh như mộng mê anh như điều đồ, vậy mà anh chọn chị. Cái vinh hạnh to như cái núi còn muốn gì nữa. Cho nên chị yêu anh như con chiên yêu Đấng cứu thế!

Tai họa lại đến khi chị Xuân có triệu chứng hôi cơm tanh cá. Chẳng may mẹ Thơ bận công chuyện phải về Sài Gòn mười ngày. Thơ thấy chị bỏ cơm hoài, có hỏi chị trả lời bị đau bao tử. Rồi Thơ thấy chị bồn chồn, thần thờ. Có khi mắt đỏ

hoe như khóc. Còn hai ngày nữa mẹ về thì chị Xuân nói với Thơ chị xuống Pleiku có chút chuyện mai sẽ về. Hôm sau chị về thật, nhưng là một chị Xuân xanh như tàu lá, cặp mắt thâm quầng, đi không vững, có chị bạn thân dìu vô nhà. Thơ thất kinh hồn vía, há miệng mà nói không nên lời. Chị Xuân cười cho Thơ yên lòng, nhưng cái cười héo úa như đóa hoa thiếu nước!

Suốt đêm đó Thơ nghe chị Xuân rên ri như đau đớn ghê lắm. Sáng hôm sau người chị nóng như lửa. Thơ nói chị đi khám bác sĩ nhưng chị không chịu. Con nhỏ chỉ còn cách cho chị uống thuốc cảm và cầu Trời cho mẹ về liền lập tức. Chưa bao giờ Thơ mừng mẹ đi xa về như lần này. Nghe Thơ nói, bà lật đật vô buồng. Thấy tình trạng chị Xuân bà cũng thất kinh, hồi Thơ kêu xích lô, đem thẳng chị vô nhà thương dân sự. Bác sĩ giám đốc là bạn thân của gia đình nên chị Xuân được tận tâm săn sóc. Thiệt hủ vía! Bác sĩ nói chị bị mất rất nhiều máu và bị nhiễm trùng bụng dưới. Sau này Thơ mới biết chị xuống Pleiku phá thai. Mẹ lắc đầu thờ ra:

- Con nhỏ này chứng nào tật nấy. Nó còn ở đây chắc có ngày tao lên cơn đau tim mà chết! Bữa đó tao về không kịp thì nay nó đã vô nghĩa địa nằm rồi. Hy vọng lần này nó tồn tới già.

Nhưng cũng giống như các bà sản phụ. Lúc đau đẻ thì rên la ồm tỏi, mắng chông chưởi con bú xua. Thề độc sẽ

cắm tên "ác ôn" đó không cho tới gần để khỏi phải sanh đẻ nữa. Nhưng thấy có mấy bà giữ được lời thề?! Vì vậy chị về Cao Lãnh với mấy đứa con được hơn một năm thì có tin chị lấy chồng. Mẹ Thơ gọi giúp chị một số tiền để chị mở một sạp vải ngoài chợ Cao Lãnh. Lần này chị Xuân tái giá với một ông Thiếu tá. Ông lớn hơn chị cả một giáp nên tung tiu chị ghê lắm. Chỉ có điều chị phải chịu cảnh làm bé. Bà vợ lớn ở Sài Gòn với các con.

Chuyện tình giữa chị với ông Thiếu tá Trọng cũng khá ly kỳ. Bữa nọ chị Xuân đưa con về thăm bà ngoại trên chợ Trần Quốc Toản. Xế trưa mấy đứa nhỏ ngủ hết, chị lấy chiếc xuồng ba lá dưới bên bờ qua sông, định mua ít mận da người cho mấy đứa ăn. Nhà ông Tư Lâu có vườn mận ngon nổi tiếng. Nhầm mùa nước đổ, dòng nước chảy cuồn cuộn mang theo những đám lục bình trôi dập dềnh. Chị vừa bơi vừa tránh mấy đê lục bình không để ý chiếc horbord đang phóng tới lẹ như tên. Xui xẻo trước đó là cái cua khá gắt, nên khi người lái thấy chiếc xuồng ba lá mỏng manh của chị Xuân thì quá trễ. Người lái hết sức cố gắng nhưng chiếc horbord vẫn đụng nhẹ vào mũi chiếc xuồng nhỏ khiến nó xoay tròn mấy vòng rồi lật úp. Chị Xuân dù biết lội nhưng trong lúc hồn phi phách tán, cộng thêm dòng nước chảy siết, chị chới với sắp chìm. Tài công cho horbord vòng trở lại, tắt máy, giao tay lái cho người bên cạnh, phóng ùm xuồng nước cứu chị Xuân. Người hùng ra tay cứu mỹ

nhân chính là anh Trọng. Có mấy người bạn từ Sài Gòn xuống chơi, anh cho họ làm một màn du ngoạn trên sông Tiền giang. Lúc trở về Cao Lãnh thì vô ý gây ra tai nạn. Chị Xuân sợ quá nên đeo anh Trọng cứng ngắt. Anh một tay ôm chị, một tay bơi tới chiếc horbord, người bạn anh kéo chị lên tàu. Cả hai ướt như chuột lột. Chị chỉ bèn nhà cho anh Trọng lái tàu vô. Thấy chị bước xuống bến mà còn liềng xiềng đi không vững, anh Trọng vội nhảy xuống dìu chị lên nhà. Cô Hai thấy hai người cũng hết hồn:

- Mèn đét ơi, sao mà ra nông nổi này?

Chị Xuân lật đật trấn an bà già rồi mời anh vô nhà uống ly trà nóng. Anh Trọng hết lời xin lỗi, hứa sẽ đền chiếc xuồng mới, vì chiếc xuồng cũ đã trôi mất tiêu. Anh nhìn bộ quần áo ướt dấp sạt rạt vào người chị bỗng trở nên... cà lăm, nói mà không dám nhìn chị:

- Cô... cô đi thay quần áo khô đi. Coi chừng bị cảm lạnh!

Lúc đó chị Xuân mới cúi nhìn bộ đồ ướt đẫm của mình bỗng đỏ mặt ấp úng:

- Cám ơn ông nhiều lắm. Bây giờ không sao rồi ông có thể về, để bạn ông phơi nắng dưới tàu tội nghiệp. Quần áo ông cũng ướt nhẹ đó.

- Không hề gì. Chúng tôi lính tráng phong trần đã quen. Nắng nôi hoặc ướt át chút đỉnh nhằm nhò gì. Thôi xin chào cô. Hy vọng mình sẽ gặp lại trong hoàn cảnh...ít nguy hiểm hơn.

Chị Xuân bẽn lẽn gật đầu và người hùng bẽn lụi gót.

Ba hôm sau, cơm tối vừa xong, chị Xuân đang ngồi tính sổ thì có tiếng gõ cửa. Cửa vừa mở chị kêu lên:

- Ủa, sao ông biết nhà tôi?

Anh Trọng, phải chính là chàng, nhìn chị Xuân cười tươi:

- Tục ngữ có câu: muốn là được! Tôi trở lại nhà bà thân sinh của cô trên chợ Trần Quốc Toản hỏi là ra địa chỉ của cô ngay. Không làm phiền cô chứ (lại một ông rau muống).

Chị Xuân lật đật tránh qua một bên:

- Dạ không. Mời ông vô nhà uống nước.

Không đợi mời tiếng thứ hai, anh Trọng bước vô liền, tay cầm một hộp bisquit Lu. Anh nói cho các cháu. Chị Xuân hơi ngạc nhiên. Té ra lúc gặp bà cô, với cái miệng ngọt như đường cát mát như đường phèn của của anh Bắc kỳ "Hà Lợi" này, bà già trầu Nam kỳ lục tỉnh rất ư thiệt thà kia đã tuôn ra hết "chiện" đời và sự nghiệp của cô con gái! Vậy rồi mỗi lần tới chơi anh ngồi lâu hơn một chút, thường hơn một chút, có khi lại giảng dùm một bài toán khó cho thằng Minh. Anh chơi lối trường kỳ kháng chiến, chừng nào địch quỵ mới thôi. Anh tâm sự với chị rằng vợ anh khi sanh đứa con thứ tư, thằng nhỏ thay vì ra đằng đầu như những đứa khác lại ngang ngược đưa cái mông ra trước, báo hại mẹ nó rặn đứt hơi, sau cùng phải mổ để đem cu cậu ra. Chị sợ quá bẽn... lăm cảm luôn! Đối với việc gối chăn hoàn toàn không còn hứng thú. Anh chồng ân ái với một khúc gỗ mãi cũng phải cụt hứng. Hơn nữa chị tránh tối đa chuyện gần gũi với chồng, chỉ sợ ôm bầu lặn nữa! Vì vậy chuyện

anh đổi đi đâu chị cũng không quan tâm lắm. Chị ở Sài Gòn lo cho mấy đứa nhỏ ăn học. Rảnh rồi là anh vùi về thăm.

Hè tới nơi, tụi thằng Minh con Liên Hoa, Mai Hoa được bác Trọng chở xe Jeep đi chơi tùm lum nên thích lắm. Khoái bác ra mặt. Lúc nào bác vắng mặt hơi lâu lâu là tụi nó nhắc hoài làm mẹ nó cũng thấy...như nhớ, thiếu thiếu một cái gì...rất khó diễn tả! Nhứt là từ sau cái lần anh tới chơi gặp lúc chị gọt trái thơm trong bếp bị đứt tay. Tuy chị Xuân nói không sao nhưng anh vẫn suýt soa, rồi lau vết thương bằng alcol, băng lại cẩn thận. Sau đó không thèm báo trước, cầm tay chị ngửa ra, đặt vào lòng bàn tay một nụ hôn nồng cháy. Chị Xuân bất ngờ, giựt tay lại, mặt đỏ hồng: - Anh kỳ!

Anh Trọng không nói gì chỉ nhìn chị bằng cặp mắt thiết ân yếm và cười nhẹ. Bữa đó có tụi nhỏ ở nhà nên không có chuyện gì xảy ra, chỉ tội nghiệp hai người đêm đó nằm trên giường mà lại có cảm giác như nằm trên ô kiền lữ. Lăn qua trở lại không tài nào chợp mắt. Sau này anh Trọng nói hôm nhìn thấy thân hình cực kỳ hấp dẫn của chị dán sát trong bộ quần áo ướt, anh có cảm tưởng như người đứng trước mặt anh là cô đào Sophia Loren của Ý Đại Lợi. Từ đó hình ảnh của chị bám sát anh không rời. Hầu như đêm nào anh cũng mơ thấy chị. Thứ bảy anh Trọng lái xe jeep đưa mẹ con chị Xuân về nhà cô Hai chơi. Sau bữa cơm trưa mọi người đi nghỉ, nhứt là tụi nhỏ cả buổi sáng chạy nhảy, leo trèo nên càng mệt. Anh Trọng rủ chị Xuân ra vườn. Hai

người thả bộ ra sau vườn. Nắng đẹp, bầu trời xanh trong. Nắng xuyên qua lá cây, đổ lấm tấm trên mặt đất. Hai người đi dưới những tàn cây êm mát. Thỉnh thoảng vài chú chim cất tiếng hót, phá vỡ cái tĩnh lặng của buổi trưa. Hoa bưởi tỏa hương thơm mát. Đến dưới tàng cây ô môi đang trổ bông, ửng hồng cả một góc vườn. Chị Xuân dừng lại dưới gốc, ngược nhìn lên nói:

- Em thích nhứt bông ô môi. Cái màu hồng sao mà rực rỡ! Anh có biết là bông ô môi ăn được hôn? Vị nó chua chua...

Anh Trọng đưa hai bàn tay ôm gọn khuôn mặt chị Xuân, nhìn sâu vào mắt chị:

- Phải, hoa ô môi đẹp lắm. Rực rỡ như cô Xuân của anh. Nhưng thay vì ăn hoa ô môi, anh chỉ muốn ăn... môi em!

Nói là thực hành liền. Anh Trọng cúi xuống hôn lên môi, lên mắt, lên má chị tới tấp. Ban đầu chị Xuân còn né, nhưng sau đó thì từ từ yếu dần và sau cùng là...hoàn toàn mất hết công lực. Đại bại không kèn không trống!

Chiều đó chị Xuân trở xuống chợ Cao Lãnh một mình, tụi nhỏ ở lại ngủ với bà ngoại một đêm. Phòng không nhà trống thì địch tiến chiếm là chuyện đương nhiên. Đêm đó anh Trọng nhứt định bám trụ nhà chị Xuân và sau đó thì anh chị mê nhau như điên đảo, chặt không đứt bút không rời. Bà xã anh không bao giờ xuống thăm nên không biết gì cả. Vả lại sau này bà còn bày ra cái trò ăn chay trường càng làm nản lòng chiến sĩ Trọng quá thể. Anh chị qua lại một năm sau thì

cho ra đời một thằng cu tí dễ thương hết sức. Lúc đó anh Trọng mới về Sài Gòn thú thật với vợ nhà. Lúc này vợ anh lo tu hành, ăn chay niệm Phật nên khi nghe có người "thế mạng", lãnh nhiệm vụ "trợ lý" thì mừng hết lớn, đâu cần biểu diễn màn điệu võ dương oai làm chi cho tốn sức lao động! Cứ để cho dì nó thoải mái nâng khăn sửa túi ông chồng chung... Được vợ ký giấy phép, anh Trọng dọn về ở chung với chị Xuân. Ý hợp tâm đầu, hạnh phúc hết sức. Nhưng nếu được mãi như vậy thì nói làm chi. Chỉ sau năm năm hương lửa mặn nồng, một hôm anh Trọng ngồi trực thăng thám sát chiến trường miệt Hồng Ngự, máy bay bị bắn rớt. Anh tử trận cùng với ba người nữa. Hôm đem xác anh về, chị vợ lớn rất bình tĩnh nhưng chị Xuân lại khóc tới xiù lên xiù xuống! Nhìn cảnh đó thêm Út cần nhân với cô Hai: - Thấy chưa, hồi đó em đã nói tuổi dần phải lấy chồng trẻ mà chị cứ gả nó sớm nên đời nó mới ba chìm bảy nổi, long đong như vậy. Trời Phật ngó xuống mà coi, mới hơn ba chục tuổi đầu mà đã goá chồng hai lần!

Cô Hai thở dài:

- Hồi đó đâu phải tại tui muốn gả sớm. Thêm biết tánh nó mà. Hồng gả nó cũng không được. Mà thôi, cãi hông lại ông Trời đâu thêm ơi! Con người ta ai cũng có số!

Lần này chắc tình yêu của chị với anh Trọng mãnh liệt lắm, nên sau đó chị nhưt định ở vậy lo buôn bán, nuôi con con ăn học. Thỉnh thoảng Thơ về Cao Lãnh chơi, ở nhà chị. Hai chị em nhắc lại

chuyện xưa, vui cũng lắm mà ngậm ngùi nhiều hơn. Chị chỉ Thơ xem tấm ảnh anh Trọng oai nghiêm trong bộ lễ phục trên bàn thờ:

- Trong bốn người đàn ông yêu chị chỉ có anh Trọng là hoàn toàn hơn hết. Với anh Kiên, lúc đó chị còn quá trẻ, thấy anh yêu mình đăm đuối thì nghĩ ừ lấy chồng chắc cũng vui. Với anh Lương, lúc đó chị đang cô đơn nên dễ bị sa ngã. Còn với anh Sơn thì chị hoàn toàn bị cái mã đẹp trai của anh làm cho mờ mắt. Riêng với anh Trọng thì nếu ông Trời cho chị đổi mười năm, hai chục năm mạng sống của chị, để ảnh sống lại chị cũng đổi liền.

Nói tới đây chị òa lên khóc làm Thơ cũng khóc theo. Chị Xuân của Thơ đó. Đẹp nhưng cũng thật lặn đạn, long đong. Cho tới bây giờ, mỗi khi gặp một người đàn bà thật đẹp Thơ đều tự hỏi không biết bà ta có hạnh phúc, may mắn hơn chị Xuân của Thơ không? Trời xanh lúc nào cũng ghen với má hồng!

Bữa nay trước bàn thờ người chị bạc phận, lòng Thơ bồi hồi khó tả:

- Chị Xuân, em thiệt buồn đã về trẻ một chút. Nhưng em tin rằng giờ này chị đang thật sự hạnh phúc. Vì chắc chắn chị đã gặp lại anh Trọng. Riêng em lúc nào cũng nhớ tới chị. An nghỉ nghe chị...

Sau làn khói hương mờ ảo, nụ cười của chị Xuân vẫn tươi, hai núm đồng tiền nhỏ xíu bên khóe miệng lúm sâu, duyên dáng...

TIÊU THU

CHIỀU THU

Hiu hắt đòi hoang ngọn gió may
Hơi thu man mác lá rơi đầy
Níu ngày, nắng úa vương chiều nhạt
Nhớ tổ, chim non vỗ cánh gầy
Mấy nẻo hương quan mơn lồi mộng
Bao niềm cô lữ dậy hồn say
Về đâu, ôi biết về đâu nhỉ
Hỡi áng mây bông lặng lẽ bay.

nguyễn vô cùng

2018



CHÀO THU PLYMOUTH

Rời chôn xưa xa khuất dặm ngàn
Xin chào thu mới cũng vừa sang
Âng khuâng nhớ lại thương nhà cũ
Lặng lẽ ngồi đây đếm tuổi vàng
Xào xạc rừng thông đùa gió lộng
Chập chùng sóng biển vỗ bờ hoang
Có ai đồng cảm niềm tâm sự
Hãy níu giữm ta vạt nắng tàn!

Nguyễn Kinh Bắc

Plymouth, MA 9-15-18

QUA ĐÈO NGANG

*Bước tới đèo Ngang bóng xế tà
Cỏ cây chen đá, lá chen hoa
Lom khom dưới núi tiều vài chú
Lác đác bên sông chợ mấy nhà
Nhớ nước đau lòng con quốc quốc
Thương nhà mỏi miệng cái gia gia
Dừng chân đứng lại trời, non, nước
Một mảnh tình riêng ta với ta*

Bà Huyện Thanh Quan

Kính Hòa:

MỘT BÓNG BÊN TRỜI

*Chiều xuống, đi trong vạt nắng tà
Nghe lòng trĩu nặng giữa phồn hoa
Một tuồng hưng phế đau hồn nước
Muôn dặm quan san chạnh nỗi nhà
Xót cảnh tha hương, sầu biệt xứ
Thương đời viễn khách, hận ly gia
Mười năm lưu lạc còn xuôi ngược
Quạnh quẽ bên trời, một bóng ta*

Nguyễn Kinh Bắc

Philadelphia 2004

ĐẠI BANG ĐÔI CÁNH

* TT-Thái An *

Kể từ ngày 25 tháng Tư, 1975, các phi cơ trong phi trường Tân Sơn Nhất đã tắt bật lên xuống để bốc người di tản. Gia đình các ông Trung Tá, Đại Tá không quân đã được bốc đi trước. Riêng các phi công cấp úy thì còn ở lại đến giờ chót chờ đợi lệnh di tản cuối cùng. Trung úy phi công Phạm Tứ nằm trong diện này.

Trưa 30 tháng Tư 1975, trung úy Phạm Tứ đang đóng trong phi trường Tân Sơn Nhất, anh chẳng đưa cha mẹ và các em vào. Chỉ có cô nhân tình nhỏ hơn anh mười tuổi đi theo vào phi trường từ ba hôm trước.

Khi Tổng Thống Dương Văn Minh tuyên bố hàng Việt Cộng trên đài phát thanh Sài Gòn thì tất cả máy bay còn lại trong phi trường đồng loạt cất cánh trong lúc đạn pháo kích của Việt cộng bắn xối xả vào, cảnh tượng thật hỗn loạn. Trung úy Phạm Tứ lái chiếc phi cơ trực thăng mang theo đầy nhóc người rời phi trường. Những chiếc phi cơ khác nhắm các hạm đội của Mỹ hoặc đảo Guam của Mỹ mà hướng tới. Riêng chiếc trực thăng của trung úy Tứ chỉ đủ xăng bay đến nửa chừng. Sắp hết xăng, may thay, Trung úy Tứ trông thấy một tàu tuần dương của hải quân Trung Hoa Dân Quốc (Đài Loan) nên xin đáp xuống khẩn cấp. Họ đồng ý,

thế là Trung úy cho phi cơ đáp xuống an toàn. Cô nhân tình của Trung úy Phạm Tứ tên Kim, làm con nuôi một bà người Quảng Đông từ nhỏ nên được bà cho đi học trường Tàu, biết nói tiếng Phổ thông nên làm thông dịch viên cho cả đám người tị nạn.

Sau khi cập bến hải quân ở Đài Loan, đám dân Việt Nam được đưa vào trại tị nạn. Ở trại, Kim tự khai với chính quyền Đài Loan rằng Kim và Phạm Tứ là vợ chồng. Phạm Tứ cũng chẳng muốn dính chính làm gì. Vì chàng còn đang lo không biết tương lai sẽ ra sao, làm gì để sinh sống.

Vài ngày sau, có phái đoàn không quân của Trung Hoa Dân Quốc (THDQ) vào trại kiểm đích danh trung úy Phạm Tứ. Ông tướng Phó Tư Lệnh Không Quân mời Phạm Tứ gia nhập không quân của THDQ, họ hứa sẽ phong chức Trung Úy cho chàng ngay, y như khi còn trong Không Lực Việt Nam Cộng Hòa. Phạm Tứ vô cùng xúc động nên suy nghĩ một lúc, chàng đã nhận lời. Chàng nghĩ thầm mình đang không biết qua Mỹ tị nạn sẽ làm gì thì đúng là buồn ngủ gặp chiếu manh.

Thế là Phạm Tứ được rời trại tị nạn. Được đưa về căn cứ không quân của Đài

Loan. Được phát cho vài bộ quân phục và vài bộ đồ bay của không quân THDQ. Có hai cái cánh mới và cái cờ mới: cờ Trung Hoa Dân Quốc (cờ Đài Loan). Có lễ tuyên thệ nhậm chức rất long trọng.

Sau đó “hai vợ chồng” Phạm Tứ và Kim được đưa về căn cứ không quân ở Gia Nghĩa, được thưởng cho một căn nhà trong cư xá sĩ quan không quân. Cư xá này toàn là nhà xây theo “single house” ba phòng ngủ, có sân trước, sân sau, có sẵn vài cây cao trong sân, kín cổng cao tường. Trong khi ở Đài Loan, chỉ có nhà “town house” ngoài mặt đường, còn đâu toàn là nhà chung cư, dù là có những chung cư cao cấp, nhưng vẫn là chung cư.

Lương Trung úy Không quân ở một đất nước không có chiến tranh và vật giá không leo thang kiểu lạm phát thì đời sống rất thoải mái. Có thể để vợ ở nhà nuôi một đàn con vài ba đứa dễ dàng. Phạm Tứ được cho đi học để nắm vững cơ bản về không lực và quân đội của Trung Hoa Dân Quốc, và được học chữ Tàu. Đồng thời mỗi ngày vẫn vào nhiệm sở để làm việc. Một năm sau chàng đã nói tiếng Phổ thông khá rành và đọc được khá nhiều chữ Tàu.

Vừa “nhập làng” cư xá sĩ quan, Kim đã quen ngay nhiều mệnh phụ trong làng. Nàng đánh mặt chược với các mệnh phụ trong cư xá hầu như mỗi ngày. Cũng có

người từ bên ngoài vào đánh mặt chược, vì trong làng không quân không bị cảnh sát dân sự vào làm phiền. Ngày nào cũng có sòng, không ở nhà người ta thì ở nhà Phạm Tứ.

Từ khi tạm yên với quân đội mới, nghề nghiệp mới, Phạm Tứ bắt đầu lôi cuốn sách dạy thiền của ông Tám ra đọc lại. Rời Việt Nam, chàng chỉ đem theo có cuốn sách này. Chàng say mê những mẫu chuyện kể lại của những người đệ tử của ông Tám. Có đứa bé gái chỉ mới mười hai tuổi ngồi thiền chưa đến một năm đã luyện được xuất hồn ra khỏi thân xác, đi dạo phố xá chung quanh hay những vùng phụ cận. Nhưng khi đi qua các đền miếu nó thấy toàn là ma quỷ đang ngồi đầy trên bàn thờ. Thế nên, sách ông Tám khuyên không nên để bàn thờ trong nhà vì chỉ làm tổ cho ma quỷ đến. Vì thế, trong nhà Phạm Tứ không để bàn thờ gì cả. Phạm Tứ quyết tâm mỗi đêm dành ra hai giờ đồng hồ để ngồi thiền. Vì thế chàng dành riêng một phòng trong căn nhà này làm chỗ ngồi thiền. Mỗi buổi tối chàng bắt đầu vào phòng thiền từ 9 giờ. Trong lúc ngoài phòng khách vẫn còn sòng mặt chược khua sồn soảng, và tiếng cười nói ồn ào. Một năm sau Kim sanh được đứa con trai đầu lòng, rất kháu khỉnh vì cả cha và mẹ nó đều đẹp trai, đẹp gái.

Trong đám khách đánh mặt chược, có Trung úy Không quân Lương Bá lui tới mỗi ngày. Lương Bá là bạn cùng đơn vị với Phạm Tứ, nhưng rất thân với Kim. Khi Kim thua tiền, chỉ cần nói một tiếng, Lương Bá xùy tiền ra ngay. Lắm khi Kim đi mua sắm, Lương Bá hay đi cùng vì Bá có xe hơi để chở nàng. Lương Bá cũng trả tiền mua sắm cho Kim, không thắc mắc gì cả. Thịnh thoảng vợ chồng Kim đi đâu cũng có Lương Bá đi cùng. Kim đưa con cho Lương Bá bế, còn chồng thì đi tay không rất khỏe.

Hơn một năm sau, gia đình Phạm Tứ gặp được vài đồng hương Việt Nam. Chàng rất thích chuyện trò với họ vì chàng có nhu cầu cần tâm sự. Có vài lần chàng thố lộ vì sao chàng và Kim quen nhau. Kim có mẹ ruột người Việt, nhưng vì hoàn cảnh riêng nên cho Kim từ lúc còn bé, làm con nuôi cho một bà người Tàu Quảng Đông. Bà mẹ nuôi này lại làm bé cho một ông Tàu, và bà không sanh để được nên xin Kim về nuôi.

Khi Kim mười ba tuổi đã có bầu, tác giả của cái thai bỏ chạy. Bà mẹ nuôi không ngại nuôi thêm cháu ngoại nên Kim rảnh tay. Khi được mười sáu tuổi, Kim theo bạn bè lên Pleiku mở quán nhậu, mục đích kiếm khách từ các binh chủng Việt Nam Cộng Hòa đang đóng ở đây. Kim còn trẻ và đẹp trội vì có máu lai nên nhiều chàng

ngắm ghé. Trong số này có chàng Đại úy Biệt Kích, tên Hùng.

Mỗi khi Đại Úy Hùng bước vào quán, chàng hay để trái lựu đạn xuống bàn. Tất cả các anh hùng không quân đều tự động rút lui vì theo lời Phạm Tứ “Tránh voi đâu xấu mặt nào”. Ai cũng biết Kim là người tình của Đại Úy Hùng. Đại Úy cũng đã lên tiếng cầu hôn với Kim, chàng hứa rằng kỳ này hành quân về sẽ chánh thức cưới Kim làm vợ. Nhưng lần đó Đại Úy Hùng không bao giờ trở lại. Chàng đã anh dũng hy sinh đền nợ nước. Kim buồn thẫn thờ, nhất là thấy mình có vẻ như đã cần thai. Phạm Tứ thừa cơ hội này ra tay nghĩa hiệp, chàng hứa sẽ nhận đứa trẻ là con của mình. Kim cảm động dọn vào ở chung với Phạm Tứ. Nhưng sau đó thì Kim biết mình không có thai với Hùng. Từ ngày ở chung, Kim công khai đánh bài mỗi ngày với các bạn cùng nghề. Lương Trung úy chẳng đủ cho nàng đánh tứ sắc. Phạm Tứ được các bạn phi công mách cho một việc phụ mà tiền thu vào cao hơn tiền lương rất nhiều. Đó là dùng máy bay trực thăng đi săn nai, lấy sừng, gạc, bán cho đường dây mua sừng nai, họ bán lại cho các tiệm thuốc Bắc. Giá bán rất cao, tiền vào thoải mái. Tha hồ cho Kim đánh bài.

Có người hỏi Phạm Tứ:

-Anh muốn Kim đánh bài như thế sao?

Phạm Tứ trả lời:

-Ai muốn thế! Nhưng không có tiền cho cô ta, thì cô ta chửi rủa suốt ngày nhưc đầu lăm. Nhiều lần nói không nghe tôi muốn bỏ cho rồi mà bị cô ấy hăm he nên không bỏ được.

Người kia lại hỏi:

-Anh sợ gì mà không dám bỏ Kim?

- Cô ấy đòi ném lựu đạn vào tôi hay cả trại lính. Tánh cô này nói là làm, chẳng cần biết luật pháp là gì.

- Thế tại sao khi vào Tân Sơn Nhất để chuẩn bị di tản, anh đem theo Kim làm gì?

- Vì cô ấy đe dọa nếu không cho cô ta theo, cô ta sẽ ném lựu đạn vào nhà cha mẹ tôi. Vì thế tôi phải cho cô ấy theo.

Vì thế người ta đoán lờ mờ rằng Phạm Tứ cố ý cho Kim theo người khác để chàng có thể rút lui sau này.

Kim đánh bài hơn một năm, nợ nần chồng chất. Một hôm vài chủ nợ đến đưa giấy đòi Phạm Tứ trả nợ cho vợ, nếu không họ đưa lên xếp không quân của chàng để thừa. Chàng phải mượn tiền trong không quân để trả nợ cho vợ.

Sau khi ở Đài Loan được gần ba năm thì hai vợ chồng ly dị. Người quen ai cũng thắc mắc tại sao Kim lại chịu ly dị mà không đe dọa gì cả. Nhưng được sáu tháng sau, hai người lại làm lành với nhau. Kỳ này họ phát thiệp cưới và đãi tiệc như mới lấy nhau lần đầu. Mà họ lên

xe hoa lần đầu thật vì trước đó có đám cưới bao giờ đâu. Cô dâu Kim mặc áo đầm cô dâu màu trắng, tay đưa cao tờ hôn thú lên chụp ảnh, miệng cười đắc thắng.

Người quen ai cũng thắc mắc tại sao Phạm Tứ đã “xổ lòng” rồi mà còn quay đầu lại. Kỳ này rõ thật là tự chui đầu vào lòng. Vì thế ai cũng bảo Phạm Tứ rất mê vợ, rất ghét vợ và cũng rất sợ vợ.

Lấy nhau hiệp nhì, Kim sanh thêm được đứa con gái, rất xinh xắn. Được gần sáu năm sau lại ly dị. Kỳ này Phạm Tứ xin giải ngũ khỏi Không quân Trung Hoa Dân Quốc. Bán căn nhà của Không quân biếu tặng chàng, được một số tiền để trả nợ cho vợ. Chàng xin được việc làm của hãng hàng không dân sự Air Tiger. Chàng dọn lên Đài Bắc, lái phi cơ trực thăng cho hãng này. Chuyên chở các thương gia, chuyên gia người nước ngoài đi thăm các mỏ dầu ngoài khơi hay tham quan các công trường trong nước.

Phạm Tứ luôn tự hào về số lượng giờ bay của mình. Số giờ bay này đạt được trong suốt tám năm phục vụ trong Không quân Việt Nam Cộng Hòa, vào sanh ra tử mới có được. Trong khi số giờ bay của các bạn đồng ngũ trong Không quân THĐQ chưa đến một phần mười của chàng. Chính Phạm Tứ cũng than buồn vì từ khi gia nhập Không quân THĐQ, cũng như bao phi công khác, chàng ít được bay. Vì

nước không có chiến tranh, thỉnh thoảng được xếp cho bay vài giờ cho khỏi quên thôi mà.

Thế là Phạm Tứ được hãng Air Tiger phát cho vài bộ đồng phục của hãng. Kỳ này chàng đổi hai cái cánh khác, chiếc áo có huy hiệu con cọp chấp đôi cánh và soãi chân bay cao. Bay cho Air Tiger hơn một năm, lần đó Phạm Tứ đang chở ba ông khách nước ngoài trên vùng trời Đài Bắc thì máy bay trục trặc kỹ thuật, cần đáp xuống khẩn cấp. Phạm Tứ được chỉ thị đáp xuống sân một trường tiểu học gần nhất. Nhờ kinh nghiệm bay lượn trong chiến tranh Việt Nam, đáp xuống khẩn cấp nhiều lần, và trong khi phi cơ đã tắt máy, nên Phạm Tứ đáp xuống an toàn. Mọi người trên máy bay không bị sứt mẻ gì cả. Cũng không người nào dưới đất bị vạ lây. Nhưng xe Hồng thập tự cũng đưa mọi người vào nhà thương khám nghiệm để bảo đảm an toàn.

Đích thân ông phó giám đốc công ty Air Tiger vào tận nhà thương thăm Phạm Tứ và cầm theo tấm chi phiếu khá lớn để thưởng cho chàng. Báo chí hôm đó đưa hình Phạm Tứ lên trang bìa với tất cả lời khen ngợi tốt nhất mà một người phi công có thể nhận được. Người ta lại nhắc đến tiêu sử của chàng, xuất thân từ Không quân Việt Nam Cộng Hòa. Vài người đồng hương Việt Nam lại kéo đến thăm Phạm Tứ và hãnh diện vì anh. Sau

đó, anh cưới một cô vợ người bản xứ. Cô này có trình độ hai năm trường cao đẳng chuyên nghiệp.

Có lẽ Phạm Tứ sinh ra để làm nghề Phi Công, lái phi cơ trực thăng. Anh chấp nhận ở lại Đài Loan để tiếp tục được bay dù phải đổi cánh đến ba lần.

Anh có tài lái phi cơ, chở khách đi đây đi đó. Nhưng việc gia đạo thì anh không muốn lái chút nào. Anh khoán hết cho người kia muốn lái sao tùy ý. Nếu anh chịu được thì anh theo, nếu anh không chịu được thì anh buông bỏ. Có lẽ đó là cách anh chọn để sống!

TT-Thái An 6/3/2018



MỘT TRỜI ĐẦY THƠ

Ven rìng êm ả chiều Thu,
Hàng cây vương lớp sa mù chơi vơi
Em ngồi nhặt lá vàng rơi
Cho anh giây phút tuyệt vời mộng mơ.

Nụ cười nửa miệng ngây thơ,
Hồn nhiên cặp mắt nai tơ dịu hiền
Lả lơi buông mái tóc huyền
Hương thu đượm cánh tay tiên nỡ nà.

Gót hồng rón rén thu qua,
Dáng em tình tú, nhạt nhòa dáng thu
Gió ngàn trời nhạc vi vu
Mây ngỡ ngán bước phiêu du bồi hồi.

Bâng khuâng nhẹ chiếc lá rơi,
Trời Thu hay cả một trời đầy Thơ?
Chiều vàng như thực như mơ
Giáng tiên say đắm thần thờ hồn anh!

Trần Quốc Bảo Richmond, Virginia



LỆ THU



Hãy về đây! dù mây trời vẫn vũ,
Mù mịt núi sông, mưa lũ gió ngàn
Hãy về đây! dù giông tố hoang tàn!
Ta vẫn đợi Thu về, tràn thương mến!

Những thảm họa, từ thiên tai đưa đến,
Đổ tại Thu (?)... oan nghiệt lắm Thu ơi!
Dùng tên mỹ nhân để gọi bão trời?
Than ôi! Miệng lưỡi loài người
nham hiểm!

Rất hiền lành, Thu tuyệt vời kiều diễm,
Ta yêu Thu, từ muôn vạn kiếp người
Nhưng gặp nhau, sao đắm lệ Thu rơi?
Tình dang dở như Ngu Lang Chúc Nữ!

Đường Thu đến, là con đường tình sử
Đường Tình nào mà chẳng có phong ba!
Mất lệ đong đây Em đang đến cùng ta
Ta đón nhận Tình Thu trong bão táp!

Trần Quốc Bảo Richmond, Virginia

MIỀN ĐẤT MỚI

* **Vưu Văn Tâm (Germany)** *

Bài viết được chấp bút từ những kỷ niệm xa xứ của một người bạn đồng môn. Câu chuyện chỉ là một trang đời nhỏ bé trong hồi ức của hàng trăm ngàn người vượt biển. Quá khứ làm nên hiện tại. Cho dù hiện tại là thảm cỏ xanh hay lá vàng héo hắt, bạn vẫn luôn nhớ mình là ai, từ đâu đến và cố gắng mỗi ngày là một người tốt trong xã hội.

Sau mười tháng đợi chờ ở trại tị nạn Singapore, tôi đến Canada giữa mùa đông rét mướt. Hành trang của tôi chỉ vồn vện hai bộ quần áo mang đi từ Việt-Nam và tám giấy thông hành với con dấu "stateless" (vô tổ quốc).

Tôi được sắp xếp về ở chung với gia đình chú thím tại một "appartement" nhỏ hẹp với một phòng khách và hai phòng ngủ. Dãy nhà bốn tầng này chỉ dành riêng cho những người tị nạn mới đến hay những gia đình có thu nhập thấp. Tôi ở chung phòng với con trai của chú thím. Đồ đạc, vật dụng trong nhà phần lớn là do hội từ thiện, hội nhà thờ hay của người dân địa phương giàu lòng hào sảng mang đến giúp đỡ. Bước đầu phải hội nhập với xã hội mới nên chúng tôi được theo học một khóa Pháp ngữ và được lãnh tiền trợ cấp xã hội. Số tiền ít ỏi, không đủ chi tiêu trong tháng là nguyên nhân của những cau có, bực dọc trong gia đình. Chú thím tôi cũng không thoát khỏi cái vòng lẩn

quẩn, oan nghiệt. Hai người cãi nhau gần như mỗi ngày, cho dù là buổi sớm mai hay lúc quay quần bên bữa cơm chiều lặng lẽ. Tôi nghe hoài những ngôn ngữ chợ búa và cũng quen dần với những cảnh xô xát, bát nháo đó!

Sau một năm học tiếng Pháp, tôi được chuyển vào một trường trung học gần nhà. Mỗi ngày, tôi phải đi bộ ngang một công viên rộng lớn, dù mùa xuân cỏ hoa xanh tốt hay trưa hè chói chang nắng lửa, dù mưa thu giăng kín khung trời cũng như những ngày mùa đông bốn bề tuyết phủ. Thuở đó, người tị nạn còn thưa thớt lắm. Tôi là học sinh Á Đông duy nhất trong trường. Bạn bè da trắng nhìn tôi với ánh mắt tò mò và không mấy thân thiện. Thầy cô thương hại, hay hỏi han nhưng tôi cũng không hiểu được nhiều. Vốn liếng ngoại ngữ của tôi không đủ đong đầy đôi bàn tay thì lấy đâu ra lời lẽ để trả lời hay kết bạn. Nhưng có lẽ ông Trời thương và "ngó lại" nên tôi cũng vượt qua được kỳ thi cuối năm.

Thím tôi biết được một nhà hàng Việt-Nam trong trung tâm phố cần tìm người phục vụ khách và phụ bếp. Sợ đi sớm về khuya một mình, thím kêu tôi đi cùng cho có bạn. Ông chủ chọn lựa người rất kỹ. Thím tôi không được nhận vì bị chê là không đủ khả năng, còn tôi thì được ông chủ chấp thuận. Tôi thăm nghĩ, có lẽ ông chủ "rét" vì thím tôi dáng người cao lớn như võ sĩ Karaté, ăn nói lanh lợi, khó mà ăn hiếp được. Công việc hằng ngày của tôi là rửa chén, phụ bếp và làm những việc lặt vặt, không tên!

Nhà hàng này là một trong vài nhà hàng Việt-Nam hiếm hoi trong thành phố thời bấy giờ. Tuy diện tích hơi nhỏ một chút nhưng được gia chủ trung bày khá lịch sự. Ánh sáng gian phòng lúc nào cũng được thấp đèn mờ với những ngọn nến trong lọ thủy tinh tròn tròn đặt trên mỗi bàn ăn, lung linh như đêm rằm tháng tám. Không hiểu sao người tây phương lại thích ăn uống trong khung cảnh mờ nhạt như vậy. Riêng tôi thì không hề thích cái khoảng này. Ăn tô phở mà không thấy được cọng hành xanh mướt, lát ớt đỏ au hay sợi phở trắng phau thì lấy gì để chiêm ngưỡng và thưởng thức! Ông chủ tánh tình keo kiệt và hay quát tháo nhân viên. Nghe đâu trước đây ông là giáo sư ở Việt-Nam. Không rõ ông dạy môn gì,

chứ xét theo thái độ và lời lẽ của ông mỗi khi phẫn nộ thì chắc chắn không phải là môn quốc văn!

Ngày đầu làm việc, tôi không được trả lương vì ông chủ bảo đó là ngày thử việc. Ông còn dặn thêm :

- Khi vắng khách mới được ăn cơm chiều và không được ăn tôm!

Giờ học của tôi từ sáng sớm đến xế chiều. Bước chân khỏi cổng trường, tôi cắp sách đi thẳng một mạch đến nhà hàng với cái bụng lép kẹp. Cũng may, chị bếp trưởng thương tình, thường cho tôi vài miếng thịt chiên hay đôi ba con tôm mỗi khi vắng mặt chủ. Vừa ăn tôi vừa nghe tiếng chị giục bên tai:

- Ăn mau mau lên nhỏ ơi, rồi còn rửa mớ chén bát nữa. Ông chủ về bắt gặp thì phiền lắm !

Tôi còn nhớ như in ngày đầu tiên đi phụ bếp. Vừa bước chân ra khỏi cửa nhà hàng, tôi đã ngửi thấy mùi dầu mỡ bám đầy trên tóc cũng như trên quần áo. Sương khuya xuống lành lạnh đôi vai, hầm Métro không một bóng người. Tôi chờ chuyến xe cuối cùng để về nhà. Nhà vốn dĩ là nơi chốn để đi về, nhưng ngôi nhà chật chứa bao nhiêu tình thương của mẹ cha giờ đã xa xôi lắm rồi. Ngồi trên bậc thang xi-măng, tôi vừa tủi thân, vừa bùi ngùi nhớ nhà, nhớ những ngày đạp xe

đi học trên những con đường Sài-Gòn
thêu hoa dệt gấm... Nước mắt tôi tuôn
trào như sông, như suối. Ánh đèn của
đường hầm Métro hôm đó hình như cũng
đồng cảm với tôi nên lung linh, vàng vọt.

Ba mươi mấy năm trôi đi thật nhanh, mới
đó mà tuổi tôi đã hơn ngũ tuần. Những
sợi tóc bạc cứ âm thầm tiễn đưa những
sợi tóc xanh về miền dĩ vãng. Nợ công
danh tôi đã trả hết, chỉ còn vương vấn nợ
áo com. Tôi không còn di chuyển bằng
Métro nữa, nhưng mỗi khi có dịp đi

ngang chôn ấy, tôi hay nhìn vào những
bậc thang ngày cũ. Hình ảnh cậu bé "mò
côi" ngồi gục đầu nức nở dưới ánh đèn
khuya vẫn hiện lên rõ nét. Cổ họng tôi
nghẹn lại, trái tim tôi hình như bị khứa
thêm một vết thật sâu! Những giọt nước
mắt đêm đó có lẽ sẽ theo tôi cho đến hết
cuộc đời này.

Vưu Văn Tâm

08.08.2018



NHỮNG BÀI THƠ NGẮN - Nguyễn Thùy

Ta xoay hướng lại

Gặp nhau một chuyến đò ngang
Em qua bên đó,
anh sang bên này
Đất trời hai ngã Đông Tây
Ta xoay hướng lại
cho ngay đường tình.

Cơn cơn do đâu

Tôi giang tay
nắm mây bắt gió
Hỏi đất trời căn cứ do đâu
Người yêu nhau
Sao nước mãi... qua cầu!



Anh nằm mộng, Em nằm mơ

Đêm qua anh nằm mộng
Đêm qua Em nằm mơ
Nước non cách biệt đôi bờ
Bỗng dưng sống lại
lời thơ tao phùng
Đất trời vào cuộc tình chung
Khởi từ anh mộng
kết cùng em mơ.

THU MUỘN

Thu qua, không gợn hơi may,
Mưa rơi không lạnh, rừng cây xanh đều
Lá vàng chưa hiện bao nhiêu
Nắng tơ còn đọng dáng chiều lửng lơ.

Năm nay thu lại hững hờ
Dòng sông chảy nhẹ, đôi bờ cỏ xanh
Chim muông chao lượn tung hoành
Mùa thu chậm chạp, vô tình, lạ thay!

HÀ BÌNH TRUNG

(Trích từ “Thuở Ấy Yêu Nhau”, 2005)

TIẾC THU

Cúc vàng quỳn rũ thu đi
Để ta thơ thẩn ướt mi đợi chờ
Để ta thương tiếc giấc mơ
Để ta dẹt mãi vẫn thơ ngậm ngùi.

QUỲNH ANH PHẠM ÁNH BÍCH

(Trích từ “Tình Trong Cõi Mộng”, 1998)



VÀNG THU XỨ LẠ

Mây trắng tha phương trắng dẫm trường
Quan hoài chạnh khúc dạ sầu vương
Kiếm Hồ gió có bay tà áo
Trần Võ ai còn lắng nhịp chuông
Trắng lạnh đôi bờ đau ý Trúc
Tuyết rơi mấy nẻo quạnh vườn sương
Vàng Thu Xứ Lạ! Thương Thu cũ
Mặt giấy loang sầu... Sóng Đại Dương...

TUỆ NGÀ



THU SANG ĐẤT KHÁCH

Chợt nghe tiếng ngỗng quê nào
Gió se se lạnh, trời cao mây vẫn
Quanh co mấy nẻo đường trần
Mù xa biển Bắc, trắng ngàn mây Nam
Chiều không nắng muộn ngày tàn
Cây khô lá rụng nghe vàng võ Thu
Trời âm u, đất âm u
Chân quen nẻo thuộc tiễn đưa mộng hồn
Mai này hoa tuyết vào Đông
Một thời gian đợi, một không gian chờ.

VƯƠNG ĐỨC LỆ

(Trích từ “Thơ Giữa Đồi Thương“, 2005)

BORDEAUX, LÀNG MAI VÀ NHỮNG NGÔI CHÙA

* VŨ NAM *

Đọc bài Chùa Làng Chùa Thị ở Việt Nam nữa chừng bỗng dung tôi có ý định viết về vài ngôi chùa ở quê nhà và ở ngoại quốc mà tôi có dịp viếng thăm, với tựa đề Bordeaux, Làng Mai và...

Một lần trong mùa hè của những năm về trước, vợ chồng tôi và vợ chồng một anh bạn bất thành linh nảy ý đi nghỉ hè ở vùng Bordeaux. Định đi đến bãi biển miền nam nước Anh nhưng sợ lạnh, dù là đang mùa hè, vì xem thời tiết thấy nước Anh đang có mưa và khí hậu xuống thấp. Đi biển mà không tắm biển được cũng uổng một lần đi! Vì thế chúng tôi quyết định đi vùng miền nam nước Pháp, mé biển Đại Tây Dương, hy vọng được đắm mình trong sóng biển Đại Tây Dương thơ mộng, từ lâu đã nghe nhưng chưa bao giờ thấy tận mắt. Địa Trung Hải chúng tôi đã đi vài lần rồi. Monaco, Nice, Marseille,... chúng tôi cũng đã có dịp đi qua trong những ngày hè. Biển Adria giữa Ý và Croatien cũng đã có lần đến thăm. Biển Hoà Lan, Đan Mạch thuộc biển Bắc cũng đã có lần bơi lội trong dòng nước thật ... lạnh, dù trời đang mùa hè.

Mấy năm trước tôi và gia đình cũng có đến nghỉ hè ở vùng Tây Bắc nước Pháp, nơi gần con đường hầm chạy dưới biển giữa Pháp và Anh. Nước biển ở đây không sạch, ít người tắm, dù không khí tốt, gió thật mát nên cũng đáng để một

lần đến đây du lịch. Nơi đây còn đầy những lô-cốt to lớn của Đức thời Hitler, màu xanh đậm, nằm lù lù dọc ở bãi biển. Nhìn những lô-cốt, tôi nghĩ đến trận chiến thế giới lần thứ 2, đầy kinh hoàng, chết chóc, và cuộc đổ bộ ở Normandie của quân đội đồng minh mà tôi cũng thấy được ít nhiều sự kiện lịch sử này qua cuốn phim Ngày Dài Nhất.

Trở lại vụ đi Bordeaux. Trước khi đi tôi vào Internet lấy nhiều tư liệu về thành phố, làng mạc, hotel, camping của thành phố Bordeaux và các vùng lân cận, nhất là vùng biển vịnh Arcachon. Tôi còn ra ADAC xin những bản đồ đường đi bằng đường làng, xa lộ v.v Và một điều không thể quên được là mang theo địa chỉ hai ngôi chùa và Làng Mai mà một anh bạn đã có dịp về đây nhiều lần đã cho chúng tôi có cả số điện thoại.

Chúng tôi đến Làng Mai khi trời chiều. Trời mùa hè xe hơi lặn lội trên những con đường làng ngoằn ngoèo qua những ngôi làng... Nhưng lòng chúng tôi thấy vui. Chúng tôi mong mau tới Làng. Không phải vì mong tìm chỗ ngủ qua đêm mà vì lòng háo hức tìm đến một địa danh đã lâu rồi được nghe rất nhiều qua sách báo. Theo đường tôi đã để ý nơi nào có chỗ ăn, nhà hàng, nơi nào có Hotel, Camping, Vì cũng có thể chúng tôi sẽ trở lại nơi này để ngủ qua đêm, nếu chúng tôi chưa tìm được Làng mà màn đêm đã xuống.

Rồi Làng Mai cũng hiện ra trước mặt: Làng Thượng. Một vùng rộng lớn. Chánh điện thờ Phật là một căn nhà dài, thấp, nhưng bên trong sáng choang. Từ ngoài nhìn vào thấy được tượng Phật. Vài căn nhà cách nhau hai ba mươi mét. Khu vườn để cắm trại ngoài trời, những bãi đậu xe, những vườn cây, bầu sen... Tất cả đã tạo nên một Làng Thượng yên tĩnh, hiền hoà trong ánh nắng chiều miền duyên hải Đại Tây Dương.

Chúng tôi đến Làng Thượng gặp ngay những nữ tu hiền hoà. Đây là nơi ở của các nữ tu, một sư cô đã nói như vậy. Đúng là lời nói không mất tiền mua. Vị nữ tu đã thăm hỏi chúng tôi bằng những lời thật thân tình, trong giọng nói, ánh mắt của cô được đầy tình bác ái. Sở dĩ như vậy là vì cô thấy chúng tôi lần đầu tiên đến đây. Đến vì tò mò cho biết Làng Mai, chứ không phải đến vì có ý định ghi danh cho một khoá học nào. Cô hỏi chúng tôi định ngủ qua đêm ở đâu. Chúng tôi cho biết nếu không ngủ được trong chùa chúng tôi sẽ chạy ngược đường lại ra những Hotel mà chúng tôi vừa chạy qua. Cô nói vậy thì tốn tiền lắm, vả lại trời cũng đã chiều rồi. Cô cho biết khoá tu học vừa chấm dứt, mọi người đã ra về, nhưng có ít người còn ở lại chơi và nghỉ bên Làng Hạ, nếu muốn chúng tôi có thể qua đó để nghỉ đêm, cô sẽ điện thoại báo cho Thầy trụ trì bên Làng Hạ. Tuổi trẻ tôi, do hoàn cảnh và nơi sinh ở vùng quê nên có những dịp gần gũi những ngôi chùa vào những ngày gió

bắc, khi cùng với ông già lên núi chặt những cây mai rừng về chưng Tết. Buổi trưa hè dù là những ngày đông, nắng vẫn vàng rực. Ngôi chùa thấp, nằm im ru giữa những cây mít già. Dòng suối trong treo xa xa đã nghe tiếng nước chảy. Một vị thầy, một hai chú tiểu. Cảnh thiên môn u mặc. Mọi tranh chấp đua chen trong đời sống chắc nếu di chuyển đến đây cũng tan mất. Mọi bực dọc từ trần thế, từ gia đình khi đến đây chắc cũng lắng dịu lại.

Và chúng tôi đến Làng Mai vừa khi gặp một sư cô qua vài phút đàm đạo tôi cũng có tâm trạng yên bình như những ngày nhỏ khi đến chùa.

Thời nhỏ cũng rất nhiều lần thấy chiếc áo màu nâu của các thầy. Khi các thầy từ trên núi xuống quán ba má tôi mua đường mua sữa, ba tôi lúc nào cũng ân cần trò chuyện như trò chuyện với các bậc thầy tổ. Sau này, đất nước sôi động chiến tranh, nhà tôi dời đi về nơi an ninh, các thầy về lại thành phố lập chùa, tu hạnh. Có lẽ là nơi ồn ào khó đem đạo vào tâm, nên một vị thầy đã về lại trong khu vườn nhà tôi để nhờ ba tôi cất một ngôi chùa thật nhỏ, đủ để một vị thầy ở để tu. Đất nước thăng trầm trong chiến tranh, chúng tôi lớn lên, phải ra đi lính, đi làm, ba má tôi mất, thầy già yếu không còn được ai chăm sóc, thầy đã phải về ở bên các đồng đạo ở những ngôi chùa đông người trên thành phố. Ngôi chùa nhỏ cạnh nhà tôi cứ để không, chị tôi ra vào đốt nhang. Sau ngày chinh chiến tàn, tôi trở về căn nhà cũ, vẫn thấy ngôi chùa cạnh nhà còn nằm

đó. Thời gian có làm hao mòn mái tôn của chùa, vách ván có cũ ra vì qua những ngày mưa ngày nắng, nhưng ngôi chùa vẫn còn có thể là nơi cư ngụ tu tập cho một người tu. Nhưng bây giờ trong chùa đã trống trơn! Y như cuộc chiến tàn những người lính trở về với đôi bàn tay trắng, không mang thương tích đã là may.

Những buổi trưa hè sau khi ăn cơm, tôi hay mang một ghế dài vào chùa để ngủ. Trong ngôi chùa nhỏ yên tĩnh, tôi ngủ được những giấc ngủ ngày thật bình yên, dù bên ngoài cuộc sống đang xáo trộn vì những vấn đề kinh tế, đổi tiền và cái đói trong thời đất nước vừa chấm dứt chiến tranh.

Đó là những ngôi chùa làng trên quê hương. Bây giờ xin viết đến vài ngôi chùa ở ngoại quốc mà người viết có dịp đến viếng hoặc ít nhiều gần gũi.

Tu Viện Viên Đức. Khi nghe đến tên Tu viện trên nước Đức này tôi như nghe đến những điều gì thiêng liêng, thoát trần, mà nơi đó chỉ có các Cha, các thầy dòng, đêm ngày miệt mài với thánh lễ, dâng mình trước Thiên Chúa và học đạo. Đó là ở Âu Châu. Còn ở Á Châu. Những tu viện lớn ở Ấn Độ, hay ở Lhasa, thủ đô Tây Tạng, đã gắn liền với máu và nước mắt kể từ năm 1950 đến nay, khi hồng quân Trung Cộng xâm lăng xứ sở này.

Nhưng không. Tu viện Viên Đức là một tu viện của Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Âu Châu, nằm tọa lạc trên một vùng bình nguyên hiền hòa của miền nam nước Đức, không xa nó là biên giới Thụy Sĩ và Áo, xa hơn chút nữa là dãy

Alpen, nổi tiếng với mây mù và tuyết trắng cả năm trên những đỉnh núi cao. Nhìn từ trên phi cơ xuống khi qua rặng Alpen như ngồi trên vùng bông lai tiên cảnh. Cách khoảng 20 cây số là hồ Bodensee, rộng lớn, chứa nước của dòng sông Rhein, xuất thân từ trên núi cao trong dãy Alpen, len lỏi qua các vùng nước Áo, Thụy Sĩ, Đức, Pháp, Hoà Lan rồi cuối cùng ra ở biển ở địa phận xứ hoa quả, dê điều, tôm cá... Vùng đất một thời gian dài đã làm vui lòng người Việt tị nạn mỗi khi hè về.

Tu viện Viên Đức trước đây là một nơi dùng để triển lãm nông nghiệp, nằm cạnh một nông trại rộng lớn. Tiếng ọt ẹt, khua chiêng của bò sữa vẫn còn, chỉ thiếu tiếng ếch nhái, ễnh ương, nếu không cũng không khác cảnh đồng quê Việt Nam mấy. Nơi này trong thời gian tới có thể là nơi tổ chức những ngày tu học, những trại cho Gia Đình Phật Tử có thể chứa đến bảy tám trăm người.

Vùng đất này hơn 25 năm về trước tôi có đến đây trong những ngày hè, để đá banh, sinh hoạt với những tổ chức hội đoàn. Nơi đây có những bãi cỏ rộng. Nơi đây có thể trầm mình trong hồ Bodensee trong những buổi trưa hè. Nước sạch và trong không thua gì như ở biển, cũng đồng người không thua gì những vùng biển du lịch ở Ý. Nay trở về đây, để tham dự Lễ An Vị Phật trong ngày tu viện tổ chức, tôi như người xa trở lại quê nhà sau một khoảng thời gian đi xa. Vẫn những đồi cỏ, vẫn những những căn nhà mái đỏ trên triền đồi, vẫn những con bò sữa đứng

ăn rải rác trên cánh đồng. Vùng đất bao la này, không những rất thích hợp với chùa chiền, tu viện, mà còn rất thích hợp với những nhà dưỡng lão, cho khách du lịch, để có những ngày xóa bớt những phiền muộn, những ưu tư của trần gian.

Những đạo hữu ở vùng Bodensee, những anh chị em ở đây đã bỏ công sức ra tìm, kết quả tu viện được thành hình. Ai cũng mừng, nhưng có lẽ tôi nghĩ các anh chị em người Việt tị nạn, các đạo hữu vùng Bodensee là những người mừng nhất. Từ nay họ có nơi để cuối tuần đến sinh hoạt Phật sự, có nơi để hội họp tu tập Phật pháp, lễ lạc v.v...

Nghe tin các đạo hữu vùng Bodensee tìm được nơi này, Thầy phương trượng chùa Viên Giác rất hoan hỷ và Thầy đã tiến hành việc quyên tiền, bản thân Thầy cũng đi đó đi đây để quyên tiền mua đất, trả nhà băng. Nghe Thầy nói mỗi năm Thầy sẽ về đây đôi ba tháng để viết sách, dịch kinh. Rất tốt. Vùng này yên tĩnh, rất thích hợp cho việc tu trì. Trong ngày An Vị Phật, mùa hè, nên phía trước tu viện cánh đồng bắp đang xanh, đầy trái. Lối mòn với cỏ xanh quanh co, những con bướm vàng uốn lượn trên những loài hoa dại. Mùa đông chắc nơi đây là cánh đồng tuyết, và những con đường này sẽ đọng đầy tuyết sương. Quanh đây nếu có một đàn cò, có vài cái ao nước chắc nó đã trở thành tiên cảnh. Tu viện dù không đứng ngay giữa phố thị, nhưng cũng không nằm ở vị trí cô quạnh một mình giữa đồng, nên các thầy có thể đi mua sắm những việc cho tu viện cũng không đến

nổi phải vất vả lắm. Phật tử đến đây ngoài xe hơi có thể dùng xe lửa, rồi xe Bus.

*

Niệm Phật Đường (NPĐ) Tam Bảo nơi vùng tôi ở, được hình thành cách đây cũng đã mười năm. Tôi, với tư cách là một Phật tử, không quá xa, cũng không quá gần với NPĐ, về nhà ở cũng như về công việc phụ giúp NPĐ, giúp hai sư trụ trì. Tu thì ở đâu cũng vậy, cố gắng vượt lên trên nỗi buồn của nhân thế, hoặc vào những nơi buồn khổ của con người để xóa tan, an ủi những khổ đau bất hạnh mà con người nơi đó đang phải chịu đựng. Nhưng..., khi hai sư ở đây, có những ngày hè, có những ngày mưa, có những ngày tuyết, không biết hai sư thì sao, nhưng tôi cảm được sự cô đơn quanh quẽ của hai vị sư bằng tình cảm đời thường của mình, một người không biết nhiều trong chốn thiền tự, không rành nhiều về tình cảm của người đã khoác áo nhà tu. Nên khi có thì giờ rảnh, trên đường đi mua đồ, đến bạn hữu, tôi hay "tạt" qua để viếng thăm hai sư. Có ai ở chùa thì tôi đàm đạo, sau khi lễ Phật. Thiển nghĩ, dù sao trên đường đời mình có thể biết chút ít nhiều hơn người tu, nhưng về mặt đạo hạnh là mình phải thua xa, cần phải học hỏi nhiều từ những người đã cởi bỏ đời thường để nhập vào chốn thiền môn khi tuổi còn rất nhỏ, nên tôi rất thích đàm đạo với người tu hành.

Có những ngày thấy nắng hanh, điểm ánh sáng vàng trên những ngọn cây, tôi đến

chùa đề nghị hai sư đi xe với tôi, tôi chở hai vị lên những triền đồi để hưởng gió, và để nhìn xuống thành phố mình cư ngụ. Tâm hồn và tầm nhìn mở ra với nhân thế, với cuộc đời, để ngắm những cánh hoa đồng, màu vàng màu tím, để nhặt vài cánh hoa thổi bay vào gió trong ánh nắng lung linh. Chiều về, tôi về với bốn phận người đời, hai vị sư về với kinh kệ, hương hoa trước Phật. Không chỉ riêng tôi, mà tôi biết có nhiều anh chị, các bác, các cháu thỉnh thoảng đến rủ sư đi nơi này, chở đi dạo ở những nơi khác. Tất cả đều muốn ít nhiều những ngày tu tập ở đây, các vị sư cũng có được ít nhiều niềm an lạc, vui vẻ.

Đã mười năm qua, hết xuân đến hè, vòng trái đất vẫn xoay, bốn mùa vẫn chuyển đổi, nhưng thấy NPĐ vẫn không được có gì thêm hơn những ngày đầu; những lễ lớn, vẫn không đủ chỗ cho những Phật tử lễ lạy, nên gần đây ni sư đang có vận động để tìm một cơ sở lớn, và...cũng còn đang tìm. Nơi thành phố này cũng không dễ gì tìm một chỗ hăng xướng cũ thích hợp cho việc xây sửa lại một ngôi chùa, còn đi xa hơn, ra ngoài, thì ni sư trụ trì không muốn, vì sư không muốn xa các đạo hữu, đặc biệt là các bác lớn tuổi nơi đây. Nên việc tìm cứ tìm, và chờ cứ... chờ!

NPĐ nằm cạnh dòng suối. Mùa hè nước chảy mạnh. Mùa đông yên tĩnh. Cạnh chùa là đám rừng. Khung cảnh nơi đây khá yên tĩnh, rất thích hợp cho người tu, nhưng NPĐ nhỏ quá, so với số dân Việt Nam ở tại thành phố này.

Có những buổi chiều mùa hè, tôi đến chùa bất thành linh trong ngày cuối tuần, thấy ni sư rời khỏi NPĐ, ra ngồi đọc sách dưới chân cầu trong ánh nắng chiều. Có lẽ người đi tu thấy bình thường, nhưng với tôi, người trần, thấy buồn buồn. Đời sống đang vang động ngoài phố kia, chỉ cách một hai cây số, nhưng tôi biết đó không phải là nơi sinh hoạt cho những vị tu hành. Với tôi thì được, với những người Việt khác thì được, nhưng không phải với người đi tu. Tu cũng có cái khó và cái dễ của nó. Các thầy hay nói như thế, lập lại hoài thành sáo ngữ, nhưng thật sự là như thế. Trong ý nghĩ của tôi người đi tu hẳn hơn xa người đời, nên trước mặt người tu, người đời nên cung kính, lễ phép. Ở đây tôi xin bỏ ra ngoài những người chỉ lợi dụng bộ áo tu, chớ những người này không phải đi tu, dù ở bất cứ đạo nào.

Viết về tu viện Viên Đức, tôi lại lan man viết về Niệm Phật Đường Tam Bảo. Nhưng đã mười năm qua, dù có những sinh hoạt gần gũi, đã bao đổi thay, nhưng tôi vẫn chưa viết được cho NPĐ lấy một hàng để gửi báo. Những ngày đạo hữu Đặng Ngọc Trân còn ở đây, còn đi làm, đã lo lắng cho để xây dựng NPĐ, nay đã là người tu gần mười năm trong nhà chùa, lo lắng cho chùa trong những thời kinh, ăn chay niệm Phật và thông dong đi thăm những miền những chùa nổi tiếng về lịch sử Phật giáo như ở Ấn độ v.v... Còn những đạo hữu khác, không ít thì nhiều, cũng góp công góp sức cho những ngày đầu, nay cũng vẫn còn có mối ưu tư

cho một ngôi chùa mới nơi đây.

Dù muốn dù không cũng phải công nhận rằng mười năm qua NPĐ cũng là nơi giúp nhiều cho những bác lớn tuổi neo đơn, những cháu bé tuổi còn dại nơi địa phương này. Người lớn tuổi đến NPĐ, điện thoại đến sư nói chuyện hỏi thăm để hỏi thăm sức khỏe của vị sư và cũng để tìm sự an lạc cho chính mình. Với những em bé hình ảnh Đức Phật, những ngày lễ Phật, hình ảnh người tu ít hay nhiều cũng ảnh hưởng đến đời sống trẻ thơ, một ảnh hưởng tốt về mặt tâm linh, ảnh hưởng trong vô thức. Bây giờ còn tiềm tàng, ngày sau sẽ phát triển.

Tu viện Viên Đức đã thành hình, dù gì bà con Phật tử ở vùng ba biên giới Đức Áo Thụy Sĩ cũng đã có nơi để thỉnh thoảng hội tụ nhân ngày lễ Phật, Lễ Tết, Vu Lan, ngày rằm .v.v..., vì nơi đây lúc nào cũng có vị sư trụ trì. Còn NPĐ Tam Bảo, ngày nào còn, quý đồng hương cũng có thể đến viếng cảnh nơi đây, vì có những thành phố khá lớn nổi tiếng và đẹp như Stuttgart, Tübingen..., viếng NPĐ, nghỉ lại qua đêm, đàm đạo với các vị trụ trì.

Vũ Nam (Germany)



Trăng núi

Trăng lên núi tịnh trắng thiên
Trăng hơi thở nhẹ
chạm miền thình không
Nắng hoa thạch sắc ứng hồng
Mây trắng núi nắng
chất chùng nhân gian.

Ý Anh



Hương xanh

Gởi về Bảo Trân

Trà xanh như mắt em xanh
Sương long lanh đọng
mong manh ngọn trà
Nhánh thơm em gói làm quà
Ướp bài thơ nhỏ gọi là hương xanh.

Ý Anh

HAI NGƯỜI THẦY

* Phong Thu *

Thầy Khoa đã trở thành trung tâm chú ý của nhiều học trò lớp 11, 12 trong trường. Đám con gái trong lớp Thảo cứ đoán già đoán non về lai lịch của thầy. Nhỏ Linh cứ cho rằng thầy Khoa quê ở Bến Tre vì thầy hay kể cho lớp nghe những câu chuyện huyền thoại về ông Đạo Dừa. Nhỏ Hà không đồng ý, nó nói quê thầy ở Cà Mau vì thầy hay kể chuyện về thời tiết mưa nắng bốn mùa của vùng đất cuối cùng này. Nhỏ Lựu thì lạnh chanh cãi bừa và bảo quê thầy ở Quảng Nam Đà Nẵng nhưng lập luận này đã bị cả nhóm xúm nhau cười vì thầy nói giọng Miền Nam chính gốc. Nhỏ Hạnh thì bĩu môi trêu chọc Lựu: “Ồ! Thầy cùng quê với mày. Quảng Nam í mà. Nhận làm bà con đi nhưng đừng có “mết” thầy nha”. Lần đó Lựu đỏ mặt và cô nàng im luôn không dám hó hé. Không có gì lạ khi đám con gái lớp Thảo bàn tán về thầy. Lần đầu tiên thầy xuất hiện cả lớp đã thì thầm với nhau. Thầy giản dị trong chiếc áo sơ mi trắng, vầng trán cao và rộng, nét mặt nghiêm nghị và giọng nói ấm áp đã làm cho mấy đứa con gái ngẩn ngơ. Thầy dạy Hoá Học nhưng yêu thích văn thơ. Mấy con nhỏ trong nhóm Thảo làm biếng học những môn khác nhưng lại “mê học” môn thầy. Điểm tụi nó bao giờ cũng tương đối không đến nỗi ẹ như môn chính trị, toán, vật lý. Năm đó thầy Khoa lại được chọn làm giáo viên hướng dẫn

lớp nên cuối tuần thường có sinh hoạt thường kỳ. Sau giờ họp là thầy hay kể chuyện, đọc thơ cho cả lớp nghe. Có một ca dao mà cả bọn quên mất tựa và không biết ai là tác giả nhưng tối ngày hết đứa này tới đứa kia ngâm nga:

*Trông tránh như nón không quai
Như thuyền không lái như gái
không chồng
Gái có chồng như gông đeo cổ
Gái không chồng như mảnh gỗ long đanh
Mảnh gỗ long đanh anh còn chữa được
Gái không chồng chạy ngược chạy xuôi
Không chồng khổ lắm chị em ơi!..**

Lắm lúc nhỏ Lựu hỏi thầy:

- Thầy ơi! Vậy ở giá tốt hơn hay lấy chồng tốt hơn hở thầy?

Thầy Khoa vui vẻ trả lời:

- Có những bài thơ như vậy mới vui. Nhưng nhớ đừng sống cô đơn! Buồn lắm!

- Vậy tại sao thầy không có vợ? Linh hỏi tới.

Mặt thầy Khoa đỏ rần:

- Tại thầy là đàn ông.

Thảo chiêm vô:

- Vậy là đàn ông thích ở giá hơn đàn bà và không sợ chạy ngược chạy xuôi đến bờ hơi tai mới có tám chồng ngon lành.

Lần đó thầy Khoa cười rất lớn. Nhóm con gái cũng cười theo.

Bạn bè Thảo là một đám quỷ sứ. Các nàng mặt mày sáng sủa, ăn mặc bảnh bao, đã vậy còn điệu muốn chảy nước luôn. Các chàng trai cùng trường thường hay trêu chọc các cô nhưng đồng thời cũng sợ mấy bà chằng này lắm. Mới nhìn mặt, cô nào tưởng cũng hiền nhưng thật ra là những trái bom nổ chậm. Cứ nhìn cái mặt Lựu có ai biết nó là con “lựu đạn sét”. Tóc nó cắt Slow, đã vậy còn quần cúp cúp, khuôn mặt thon nhỏ và cái mũi dọc dừa thanh tú. Nhỏ Hạnh thì mặt tròn đầy đặn, cái miệng cười có duyên đến chết người. Nhỏ Linh còn đáo để hơn, nó có cái răng khểnh (Linh hay trêu là răng nanh) mỗi khi cười nhe ra các chàng trai đều lác mắt. Đến giờ học là các nàng làm bộ nghiêm trang lắm. Không ai biết rằng các nàng đang hoạt động ngầm. Cứ đến giờ thầy Khoa là nhỏ Hạnh táy máy tay chân. Nó tìm đủ cách để hỏi thầy:

- Thầy ơi! Tại sao nước viết tắt là H₂O mà không phải là T₂Y thầy?

Linh lém lỉnh:

- Thầy có thể cho tụi em biết công thức kết hợp của T₂Y đi.

Thầy tinh ý đáp:

- Hôm nay chúng ta chưa học công thức đó. Có thể cuối năm thầy sẽ giải thích cho các em hiểu.

Cả lớp bụm miệng cười. Lựu nhanh miệng nói:

- Thừa thầy đó là một công thức mà tụi em sáng chế ra để nói về tình yêu đó.

Thảo thụi vào lưng Lựu một cái và thì thầm:

- Thôi đừng có quậy Lựu ơi!

Lựu la lớn:

- Thầy ơi! Thảo nhéo em.

Thầy Khoa hiền lành lắc đầu cười và bắt đầu giảng bài tiếp. Khi ra chơi Thảo đã bị cái đám lâu la này quấy nhiễu toi bời. Hạnh vừa ăn cà rem vừa cựa nựa:

- Con nhỏ Thảo lầy điếm thầy quá! Nó muốn làm đệ tử ruột của thầy nên chơi lại tụi mình.

Linh thêm dầu thêm mỡ:

- Mà y không thấy nó luôn chận họng mình hay sao?

- Tao là lớp trưởng. Tao phải có nhiệm vụ nhắc nhở mỗi khi những thành viên trong lớp gây rối trong giờ học.

- Tụi tao đâu có gây rối gì đâu? Lựu liếc xéo Thảo.

- Vậy thì giải thích cho tao nghe xem cái công thức mắc dịch đó là cái gì?

Hạnh quăng cây cà rem vô thùng rác và bò lẩn ra cười. Lựu nghiêng đầu qua một bên hỏi lại Thảo:

- Bà lớp trưởng ơi! Câu hỏi này là tụi này hỏi thầy. Mắc mớ gì đến cô mà cô xía vô.

- Tao thấy có cái gì không ổn.

Linh nhảy tót lên bàn ngồi và cái mặt nó vác lên trời:

- Cuối năm rồi thầy giải thích luôn.

Những câu chuyện như vậy chỉ chấm dứt khi có tiếng chuông vào lớp.

* * *

Chính trị là môn học mà hầu như tất cả học trò đều chán. Đã vậy thầy Khan lại là người từ ngoài Bắc được điều động vào Nam giảng dạy nên giọng của thầy vừa nặng, vừa khó nghe khiến cho đám

học trò cứ tha hồ ngủ gật. Thầy Khan lại khó tính và hay gắt gỏng mỗi khi học trò trả bài không thuộc. Thầy đe rằng cuối năm em nào không chịu học chính trị sẽ không đủ điểm thi tốt nghiệp. Nhỏ Lựu, nhỏ Linh thì sợ quái gì. Giờ của thầy là hai đứa bày trò đánh ca-nô. Nhỏ Lựu thường vẽ biếm họa thầy Khan trên những mảnh giấy xé từ trong tập và những tấm hình đó thường méo mó tùy theo lăng kính của nó đánh giá thầy. Sau giờ học chính trị, Lựu đem treo lên bảng làm trò cười cho cả lớp. Lựu hai lần trả bài không thuộc. Thầy Khan đã cho nó hai cái trứng ngỗng nhưng nó cóc cần. Nhỏ Linh thì điểm bài kiểm tra cũng không vượt qua khỏi con số 5, Hạnh thì cũng không hơn gì. Ba con nhỏ này được thầy Khan chiếu cố và cho là một lũ lười biếng, cứng đầu. Thảo là lớp trưởng nên bắt buộc tất cả các môn học đều phải trên năm điểm. Dù không thích môn chính trị cũng phải nhét vào đầu vài chữ để trả nợ quý thân.

Hôm nay thứ hai lại có môn chính trị. Môn học được nhà trường liệt vào danh sách là một trong bốn môn chính quyết định thi tốt nghiệp lớp 12. Đầu giờ là phải trả bài cũ, thầy Khan bắt đầu giờ số điểm và rà từ trên xuống dưới, rồi đột ngột gọi lớn:

- Nguyễn thị ngọc Lựu.

Lựu chậm chạp mang tập tiến về bàn thầy rồi đứng quay mặt xuống lớp. Thầy Khan hỏi:

- Muốn xây dựng thành công Chủ Nghĩa Xã Hội thì phải có con người mới Xã Hội

Chủ Nghĩa. Vậy con người đó cần phải có những đức tính gì?

Lựu không do dự đáp:

- Thưa thầy, em không hiểu về con người mới Xã Hội Chủ Nghĩa mà chỉ muốn nói đến con người thực trong đời sống hiện tại.

Khuôn mặt dài ngang dọc đầy vết nhăn của thầy Khan co dúm lại. Cái miệng của thầy bắt đầu dẩu ra, thầy hỏi vặn lại:

- Vậy con người thực trong cuộc sống bình thường là gì?

- Không được nói dối dù bất kỳ mình đang ở cương vị gì thưa thầy.

Nét mặt Lựu trở nên bình thản. Cô tiếp tục nói: - Thưa thầy, những gì mà thầy dạy, chúng em không tìm thấy được trong thực tiễn. Chúng em sống và lớn lên trong miền Nam nên những lý thuyết đó quá xa lạ và em xin lỗi... em không thể nào tiếp thu nổi.

Nhiều tiếng xôn xao trong lớp. Thầy Khan khoát tay cho cả lớp im lặng và đứng bật dậy như một cái lò so. Ông nhìn Lựu một lúc rồi chậm rãi nói:

- Em có biết môn học này rất cần thiết cho mỗi chúng ta không? Nó sẽ giúp cho các em hiểu được sự tốt đẹp của Chủ Nghĩa Cộng Sản (CNCS). Nếu các em không muốn học thì đó là một tai họa cho công cuộc xây dựng thành công Chủ Nghĩa Xã Hội của nước ta. Mọi người ai cũng nghĩ như em thì đất nước chúng ta sẽ ra sao?

Lựu bình tĩnh trả lời:

- Thưa thầy, khi chúng ta chưa biết dọn dẹp sạch sẽ căn nhà của mình thì làm sao

có thể hiểu được cái học thuyết xa lạ kia. Thầy Khan giận dữ. Hai đồng tử của ông co lại rồi giãn ra. Ông nghĩ học trò Miền Nam là những đứa chẳng ra gì. Vừa dốt lại vừa mất dạy. Chế độ cũ đã đào tạo một đám học trò không có một chút tư cách đạo đức nào. Ông quăng quyển vở của Lựu xuống đất:

- Đi về chỗ. Tôi sẽ nói chuyện với em sau.

Lựu tỉnh bơ cúi xuống lượm quyển tập và khẽ nhếch mép cười. Thầy Khan bỏ cả giờ học, ông bắt đầu hăng hái giảng dạy cho cả lớp nghe về đời sống tốt đẹp của nhân dân Miền Bắc dưới sự lãnh đạo của Đảng, ông thao thao bất tuyệt nói về thiên đường CNCS... Thế là sau giờ ra chơi, Lựu bị mời lên văn phòng làm kiểm điểm. Khi nó trở về lớp, đôi mắt đỏ hoe. Cả lớp nhìn nó á ngại và cũng từ ngày đó nó đã thực sự ngoan ngoãn trong giờ học chính trị.

Một buổi sáng cũng vào giờ thầy Khan, cả lớp im phăng phắc. Thầy Khan ngồi xuống ghé được năm phút thì đột nhiên thầy đứng dậy mặt hầm hầm không nói gì. Sau đó thầy rời khỏi lớp độ 20 phút rồi trở lại. Thầy Khan đã bỏ hẳn việc kiểm tra bài và suốt buổi học thầy lại gằn cổ giảng cho cả lớp nghe về đạo đức của con người mới XHCN. Cuối buổi học, một số bạn đã hỏi Thảo:

- Ai bỏ mắt mèo trên ghé thầy? Thảo có biết không?

Thảo tròn mắt đáp:

- Làm gì có chuyện đó.

- Vậy mà có đó Thảo. Bỏ là lớp trưởng bỏ phải biết.

Thảo nhún vai cười tỏ vẻ không tin. Nàng đem chuyện đó nói cho cả nhóm nghe thì cả bọn hình mũi lên cười. Hạnh bĩu môi:

- Ông ta chỉ bịa chuyện mà thôi. Ai mà dám đụng tới cán bộ.

- Tao nghe mấy đứa nam sinh lớp 12C2 nói rằng ông ta chạy vào cầu, rồi đứng chửi đổng một mình. Ông chửi bậy lắm!

Linh nhăn mặt tỏ dấu khinh bỉ.

- Tại sao tụi nó biết?

Lựu hỏi tới.

- Mày còn phải hỏi!

Thảo khoanh tay đứng nhìn các bạn rồi bất giác lắc đầu. Vậy là khổ cho thầy Khoa rồi.

Lựu đột ngột thay đổi nét mặt. Cô nàng hỏi liên tục:

- Sao lại khổ cho thầy. Lớp mình làm thì mình chịu. Có liên can gì đến thầy.

- Mày ngốc quá đi. Nếu có chuyện gì thì họ cứ moi thầy hướng dẫn lớp ra mà bỏ lên đầu. Cũng như chuyện vừa rồi của mày. Thầy Khoa đã bị khiển trách là không theo dõi chặt chẽ học trò. Biết chưa.

Giọng Lựu run run:

- Thảo à! Tao đâu có muốn thầy bị...

Thảo dụ giọng:

- Thôi bỏ đi Lựu. Chuyện đã qua. Có nhắc cũng không ích lợi gì mà chỉ làm cho mi buồn. Tao lo vụ mắt mèo thầy Khan sẽ làm lớn chuyện.

- Nhưng ông ta làm sao tìm ra được người đã chơi xỏ lá ông ta chứ. Chẳng lẽ đem cả lớp ra làm kiểm điểm? Lựu trề môi.

* * *

Thầy Khoa có vẻ buồn buồn. Thầy không còn kể chuyện vào những giờ cuối cùng của buổi học. Thầy thường trầm ngâm mỗi khi đến lớp. Một ngày cuối tuần, sau khi mọi người ra về, thầy đã gọi Thảo đến hỏi nhỏ:

- Thảo à! Thầy rất cảm ơn em đã giúp đỡ thầy suốt gần nửa năm học. Nhìn chung lớp mình mọi thành viên đều chăm chỉ, ngoan và ham học. Chỉ có một điều thầy lo là có một số bạn rất nghịch. Tuần vừa qua, thầy Khan báo cáo lên Ban Giám Hiệu và giáo viên toàn trường về việc lớp mình có người đã bỏ mắt mèo trên ghế của thầy. Sau đó còn dán giấy 35 trong cuốn giáo án của thầy Khan.

Thảo giật nảy mình:

- Thật sao thầy?

- Ông ta đổ trách nhiệm cho thầy quá dễ dãi với các em nên đã để các em làm chuyện đó để bị mặt ông ta. Thầy rất buồn nhưng thầy không dám lên tiếng bênh vực gì cho các em và thầy cũng không dám...

Thảo nhìn cử chỉ nhũn nhặn của thầy và ái ngại nói:

- Thưa thầy, nếu có chuyện gì thì các em chịu hoàn toàn trách nhiệm không phải do thầy.

- Thầy không lo bị phê bình, chê trách... mà thầy lo vì thầy Khan bắt buộc thầy tìm cho ra thủ phạm. Thầy lo ngại sẽ có em bị câu lưu hoặc bị phê trong học bạ về đạo đức.

- Không bao giờ tìm ra được thủ phạm đâu thầy. Thật ra bạn bè em cũng chỉ nghịch ngợm thôi.

- Thầy vẫn mong muốn tất cả các em không có những hành động như vậy – Đôi mắt thầy Khoa vừa nghiêm nghị vừa buồn, thầy tiếp – Thầy đã trải qua những năm tháng của tuổi học trò nên thầy hiểu các em nhiều lắm. Có một điều thời học sinh của thầy không như các em bây giờ. Khi đất nước đổi thay, con người cũng chịu chung số phận và hoàn cảnh.

Thảo như hiểu được một phần ẩn khúc trong câu nói của thầy. Nàng thành thật nói:

- Thưa thầy, hầu như tất cả mọi người trong lớp đều thương mến thầy, gần gũi và kính trọng thầy. Em không hiểu tại sao không ai thích giờ thầy Khan?

- Thật ra thầy Khan không phải là người xấu. Ai cũng muốn người khác nể trọng mình không phải vì nhân cách, kiến thức, tài năng của họ mà vì họ muốn thỏa mãn tính kiêu căng cũng như tiếng tăm và địa vị mà họ muốn đạt được. Hôm nay thầy nói chuyện với em hơi lâu. Có dịp thầy trò mình sẽ nói chuyện nhiều hơn. Bây giờ thầy phải đi họp đây. Nếu thầy có bỏ trường, bỏ lớp mà đi thì bảo các bạn đừng buồn.

Bóng thầy khuất bên dải hành lang cuối lớp học.

Mùa hè đã trở về, năm học đã sắp chấm dứt. Trời trở nên oi bức và cơn mưa đầu mùa đã đổ xuống sân trường. Những cơn mưa hạ thường kéo dài trong nhiều ngày rồi chấm dứt. Sân trường đầy đó những vũng nước lầy lội, đục ngầu.

Mấy tuần sau hàng phượng vĩ trong sân trường những chiếc lá non li ti bé nhỏ đã nhú ra. Và sau đó những nhánh phượng cũng đã ôm ấp những đài hoa tròn trịa, xinh xinh đã xuất hiện xen kẽ giữa những chiếc lá xanh non mơn mớn. Trong những ngày này, lòng Thảo nôn nao buồn. Nhỏ Hạnh, Linh, Lựu, cũng nói với nàng rằng một thời hoa mộng sẽ trôi mất vào thời gian. Những trang sách học trò xếp lại sau lưng để chuẩn bị cho mình hành trang vào đời. Có bao nhiêu mùa hạ trong đời học trò là có bấy nhiêu kỷ niệm đáng yêu. Có lẽ nàng sẽ không bao giờ yêu một loài hoa nào hơn những cánh phượng sân trường. Hoa phượng là biểu tượng cho tuổi học trò và mỗi độ hè về tiếng ve sàu ngân nga trên những vòm lá trên cao đã in sâu vào tiềm thức nàng một nỗi nhớ thương.

Gần đến ngày thi tốt nghiệp, cả trường nhận được tin thầy Khan bị bệnh nặng phải đưa vào bệnh viện. Tin tức về thầy mỗi ngày một xấu đi. Các bạn trong lớp dù không thích thầy nhưng cũng lo ngại nên đi thăm tập tin tức hàng ngày và cho biết trước kia thầy bị lao phổi nên phải cắt bỏ nửa lá phổi. Thầy đã sống bằng nửa lá phổi còn lại đã hơn mười năm. Lần này thầy đã hôn mê hơn một tuần không tỉnh dậy. Thầy sống rất khó khổ, trong căn nhà tập thể nhỏ như một cái hộp chỉ có một kệ sách, một cái giường ọp ẹp, một chiếc xe đạp tèm, mấy bộ quần áo đã cũ mèn mà thầy thường mặc đến trường cho thơm mát. Ngày hôm qua, bạn bè thầy đã mang cái xe đạp, tài sản cuối cùng của thầy đem bán để thuốc

thang cho thầy nhưng không có hiệu quả. Cả trường quyên góp tiền để cố gắng mua một loại thuốc đặc biệt chích cho thầy. Thầy chỉ mở mắt được một lần duy nhất và không nói được gì rồi sau đó thầy đã ra đi vào lúc nửa đêm về sáng.

Đám tang thầy rất đơn sơ. Gia đình thầy hầu như không có ai vì tất cả đã chết trong chiến tranh. Những giọt nước mắt khóc người quá cố bây giờ là bạn bè, đồng nghiệp và lũ học trò. Lúc sinh thời thầy oai quyền, hống hách ai cũng sợ. Lúc thầy chết khuôn mặt khắc khổ, đen xạm, đôi mắt vẫn mở to như còn luyến tiếc nhân gian hay muốn gọi lại một lời uỷ thác sau cùng mà chưa kịp nói. Ông Hiệu trưởng người cùng quê với thầy cũng là một Đảng viên lâu năm đã khóc mùi mẫn bên nấm mồ và than rằng:

- Một đời theo Đảng, để rồi chết trong đói khổ như vậy sao Khan. Tao bắt lặc khi thấy mày chết lần mòn...mà không cứu được...

Lúc đó tất cả mọi người đều rơi lệ. Thảo thấy thầy Khoa cúi đầu, chốc chốc lại gỡ kiếng ra lau đôi mắt nhòa lệ. Nhỏ Lựu đột ngột nói bên tai Thảo: "Tao có lỗi với thầy, Thảo ơi!" Rồi nó khóc thút thít như đưa con nít mới lên ba. Thảo nói nhỏ: "Mày đâu có làm gì xấu đâu mà lo". Lựu cứ khóc rầm rức: "Tại tụi mình không hiểu rõ cuộc sống đau khổ của thầy. Tao đã khinh thầy và đã làm những điều sai quấy". Thảo thấy Lựu quá buồn nên không hỏi tiếp.

Mấy tuần sau, cả trường lại nhón nháo lên khi hay tin thầy Khoa đã vượt

biên. Lốp Thảo sừng sờ. Đám con gái vây quanh Thảo hỏi rằng tại sao thầy đi mà không từ già. Nhìn mặt đứa nào cũng y chang như đám ma của thầy Khan. Linh mấy ngày liên tục không nói với ai một lời. Hạnh thì lanh chanh bảo rằng thầy còn nợ nó một câu hỏi mà không chịu trả lời. Rồi tiếp theo đó, Lựu đột ngột bỏ học và thông báo với bạn bè rằng nó không còn mơ ước gì cả. Cho đến một hôm Thảo nhận được thư của Lựu:

Sài gòn, ngày...tháng ...năm1978

Các bạn thân thương,

Đừng ngạc nhiên khi ta đột ngột bỏ trường ra đi. Ta đã chọn cho mình một cuộc sống khác. Sau cái chết của thầy Khan, tao tự hỏi: "Học để làm gì? Và sau khi mất thầy Khoa vĩnh viễn, tao có cảm giác đất nước mình không cần những người có tri thức". Đói khổ, đau đớn như thầy Khan làm sao đứng vững trên bục giảng. Cuộc đời hai người thầy quá trái ngược, cũng như phong cách của hai người làm tao suy nghĩ rất nhiều. Tao mãi mãi là con nhỏ không bao giờ có thể hiểu nổi cái lý thuyết cao siêu của Chủ Nghĩa Cộng Sản và tao cũng không hiểu vì sao thầy Khan lại ôm ấp giấc mộng thiên đường của Chủ Nghĩa Cộng Sản cho đến chết. Thầy Khoa - một thần tượng của đa số học sinh toàn trường - lại từ bỏ quê hương. Tuổi trẻ của chúng mình có còn là hàng phượng đỏ chói chang, là niềm kiêu hãnh vô biên về tuổi mộng mơ đẹp nhất đời không? Đã có nhiều đêm ta suy tư về số phận của tất cả bọn mình.

Các bạn ơi! Ta vẫn còn ôm trong lòng một niềm ăn năn là đã đối xử với thầy Khan không tốt. Ta là một đứa học trò ngổ ngáo nên ta không kịp hiểu rằng chế độ Miền Bắc đã đào tạo ra thầy và nhào nặn thầy thành một mẫu số chung. Ta chính là người đã chế giễu thầy trong hầu hết các giờ học. Ta là thủ phạm trét mắt mèo trên ghế thầy và cũng chính ta đã viết giấy dán trong giáo án của thầy số 35. Khi thầy chết ta không kịp xin thầy tha thứ.

Hôm nay viết những dòng chữ này để tâm hồn ta thanh thản đôi chút và phần nào vơi đi những nỗi buồn. Xin tạm biệt những người bạn thân yêu. Ta xin gởi lại khung trời mùa hạ những nụ hôn sau cùng của tuổi học trò và hãy nói giùm ta với những chùm phượng đỏ rằng ta yêu màu hoa ấy. Chúc các bạn thành công và hạnh phúc trong tương lai.

Thân thương,

Ngọc Lựu

Bạn bè chuyền tay nhau đọc lá thư của Lựu đến nhàu nát.

Mùa thi đã chấm dứt. Một ngày trong tháng bảy, Thảo trở lại trường xem kết quả thi tốt nghiệp. Hai giờ chiều mà sân trường vắng hoe. Cây phượng trong sân trường đã nở đầy hoa. Những cánh hoa phượng đỏ thắm trông giống như những đóm lửa rực sáng đốt cháy cả bầu trời. Nắng hạ oi ả, chói chang và cả sân trường bùng lên hàng ngàn tiếng ve ngân. Tiếng

ve năm nay Thảo nghe buồn kỳ lạ. Nó không còn là tiếng ve của mùa hè những năm xa xưa. Bạn bè đâu rồi? Thảo nhìn quanh chỉ thấy những lớp học trống trơn. Người gác cổng đang quét những cánh phượng rơi trên mặt đất, thấy Thảo ông ngừng lại chào và khẽ mỉm cười. Thảo chào đáp lễ rồi quay sang nhìn những chùm phượng đang rung rinh trong nắng. Màu phượng rung rung làm lòng Thảo xao xuyến buồn man mác. Chưa có năm nào buồn như năm nay. Đồi học trò vô tư, hồn nhiên đã vụt chấp cánh bay xa. Thảo đã nhận ra những thay đổi đột ngột trong tâm tư nàng từ khi thầy Khoa chết, thầy Khoa bỏ ra đi và Lựu bỏ trường, bỏ lớp... Hôm nay là ngày cuối cùng Thảo đến trường. Nàng nhìn tên của từng người bạn và hiểu rằng tất cả đã chuẩn bị hành trang lên đường. Nàng sẽ không còn những ngày nô đùa với bạn bè, không còn những ngày ngồi yên lặng trong lớp học uống từng lời của thầy, cô, nghe giọng nói, tiếng cười đùa nghịch ngợm của đám bạn bè hay phá phách. Còn đâu những mùa hè chuyển tay nhau những quyển lưu bút viết đầy những dòng chữ thân thương. Còn đâu những ngày bạn bè ngồi bên nhau nhặt từng cánh phượng rơi ép vào trang sách và những ngày rong chơi dưới cơn mưa hè

mát lạnh làm ướt mềm mái tóc. Trường lớp sẽ ngủ yên. Từ đây, đời học trò đầy hoa bướm mộng mơ đã khép lại sau lưng Thảo. Tương lai đang mở ra trước mắt hay chỉ là một giấc mơ đầy ảo tưởng. Thảo quay ra công và đứng nhìn ngôi trường lần cuối cùng. Người gác cổng đã trở lại. Ông ta gọi:

- Cô Thảo, cô có thư. Tôi chờ cô lâu lắm và hy vọng cô trở lại.

- Thư ai đó chú Năm.

Ông già trao cho Thảo bọc giấy nhỏ, rồi mỉm cười có vẻ bí mật:

- Về nhà mở ra xem.

Thảo đón lấy và nhét vội vào giỏ xách:

- Cảm ơn bác nhiều. Đây là địa chỉ của con. Hôm nào bác rảnh ghé nhà con chơi.

Đẩy chiếc xe đạp ra khỏi cổng. Thảo không nén được sự tò mò. Nàng mở gói giấy ra xem và tìm nàng đập rộ lên một niềm vui khôn tả. Thảo bắt giác hét lên vui sướng: “ Ôi! Thư của thầy Khoa. Thầy còn sống. Cảm ơn trời Phật. Thầy ơi! Thầy ơi! Mong một ngày hạnh ngộ.”

(Bình Dương, những ngày vào hạ 6-1984
Viết lại 6-2000 tại Maryland)

Phong Thu



VÀI HÌNH ẢNH PHÁP LUẬT TRONG TRUYỆN KIỀU

* LS Ngô Tăng Giao *

NÀNG KIỀU ĐÓNG VAI BỊ CÁO

Trước hết phải kể đến vụ xử án khá đặc biệt mà nàng Thúy Kiều phải đóng vai bị cáo. Trong vụ án này là lúc chàng Thúc Sinh rước Thúy Kiều về làm vợ được nửa năm trời thì ông thân sinh ra chàng bấy lâu vắng nhà, vừa về. Ông cụ nổi giận bắt hai người phải xa nhau. Thúc Sinh không tuân lệnh “*Om cấm ai nữ rút dây cho đành*”. Thúc Ông đành phải nhờ đến “ba tòa quan lớn” xét xử hộ.

Quan tòa cho trát về đòi Thúc Sinh và Kiều lên công đường. Hai người vào hầu tòa và ngược nhìn thấy quan tòa “*Trông lên mặt sắt đen sì*”. Chàng và nàng là bị cáo. Tòa cho rằng hai người không thể yên ổn lấy nhau được vì chàng Thúc Sinh đã có bà “vợ cả” rồi và bên nguyên đơn là Thúc Ông lại không ưng cho chàng lấy Kiều:

*“Suy trong tình trạng bên nguyên
Bề nào thì cũng chưa yên bề nào”*

Quan Phủ cứ chiếu vào pháp luật mà xử rằng Kiều phải chọn một trong hai cách xử đoán: hoặc là chịu hình phạt hoặc là bị trả về lầu xanh “*Phép công chiếu án luận vào*”:

*“Một là: cứ pháp gia hình
Hai là lại cứ lầu xanh phó về”*

Nàng Thúy Kiều đã quyết một bề lấy chồng, dù phải chịu tội trước công đường chứ không muốn trở lại chốn lầu xanh. Thế là nàng bị đem ra làm tội. Bị đánh đòn toi bời, cần rặng chịu vậy “*Đào hoen quyện má, liễu tan tác mày*”. Thúc Sinh trông thấy cảnh này, xót xa, vừa khóc vừa khẽ than thầm là “*oan khốc vì ta*”, tự nhận lấy trách nhiệm làm Kiều phải tội. Quan Phủ nghe lời than nên động lòng hỏi rõ đầu đuôi câu chuyện của Kiều. Nhờ đó mà Thúc Sinh có cơ hội kể hết tự sự đầu đuôi cho quan Phủ nghe. Chàng còn nhân dịp này khoe thêm tài năng của Kiều, thổ lộ là Kiều cũng có biết làm văn, làm thơ nên xin quan xét thương cho. Thời đó đàn bà như vậy là chuyện hiếm có.

Quan ra đầu đề thơ và Kiều lập tức vâng lời tay cầm bút đề thơ. Quan khen thơ rất hay. Lại khen hai người tốt đôi vừa lứa. Quan khuyên Thúc Ông không nên rẽ duyên đôi lứa Thúc Sinh và Kiều. Quan xử theo tình cảm chứ không theo pháp lý:

*“Đã đưa đến trước cửa công
Ngoài thì là lý, song trong là tình
Dâu con trong đạo gia đình
Thôi thì dẹp nổi bất bình là xong”*

Sau đó quan truyền sắm sửa làm lễ thành hôn chính thức cho Thúc Sinh và

Thúy Kiều lầy nhau. Như vậy Kiều được “tha bổng”. Thúc Sinh ngẫu nhiên đóng vai một “thầy kiện” giỏi mồm mép và khéo léo biện hộ cho Kiều. Thúc Ông thua kiện nhưng “*Thúc Ông thôi cũng giệp lời phong ba*”. Thế là êm đẹp cả đôi bên. Quan xét xử vụ kiện này thật là lạ, nhưng thời xưa ông quan là phụ mẫu của dân, thay mặt Vua, nên quyền hành rất rộng.

NÀNG KIỀU ĐÓNG VAI QUAN TÒA

Thêm một vụ án nữa là kể từ khi nàng Thúy Kiều về làm vợ của tướng Từ Hải thời mỗi ngày vợ chồng lại càng yêu nhau thêm. “*Trong quân có lúc vui vầy*” nàng Kiều “*Thong dong mới kể sự ngày hàn vi*”. Từ Hải nghe chuyện cũ trong cuộc đời gian truân của vợ thì nổi giận đùng đùng như sấm như sét liền ra lệnh nghiêm quân tuyển tướng sẵn sàng để đi tóm cổ những kẻ đã lừa đảo hãm hại đời nàng Kiều trước kia và lôi về trừng phạt. Cả đám những kẻ đã từng hại Kiều thời gian trước dù ở xa xôi khắp nơi cũng vẫn bị quân lính của Từ Hải âm thầm tìm tới tận nơi bắt về “*Cửa viên lại dắt một dây dẫn vào*” và chờ bị xử tội. Tướng Từ Hải để toàn quyền cho nàng Thúy Kiều đóng vai ngồi làm “quan tòa” xét xử:

*“Từ rằng: ‘Án, oán hai bên,
Mặc nàng xử quyết báo đền cho mình”*

Nàng Kiều lên tiếng nhắc đến lý công bằng và nguyên nhân tội ác của bọn tội phạm rồi phán nếu các người không làm hại ai thì khi nào lại bị trình diện ở đây mà lãnh hình phạt. Danh sách các bị can khá xôm tụ:

*“Trước là Bạc Hạnh, Bạc Hà
Bên là Ưng, Khuyển, bên là Sở Khanh,
Tú Bà cùng Mã Giám Sinh”*

Tuy rằng việc xử đoán do nàng Kiều chủ tọa song mọi mệnh lệnh đều do Từ Hải theo ý Kiều mà truyền ra cho nên khi Kiều phán là các bị can này có tội thời lập tức đội quân đao phủ tâm phúc của chủ tướng Từ Hải ra tay thi hành án ngay. Tất cả nhóm bị can này đều bị chém đầu:

*“Các tên tội ấy đáng tình còn sao?
Lệnh quân truyền xuống nội đao
Thề sao thì lại cứ sao gia hình,
Máu rơi thớt nát tan tành”*

Nàng Kiều đóng vai... quan tòa trong vụ xử án này thật quả là không danh chính ngôn thuận và trái với nguyên tắc tố tụng. Thường thì trước “vành móng ngựa” thoát tiên một bên là phía công tố phải đưa ra bằng chứng rồi lên tiếng buộc tội. Kế đó, ngược lại, bên bị can có quyền lên tiếng biện bạch về tội trạng của mình hay nhờ một ông “thầy kiện” cãi giùm. Quan tòa ngồi giữa nghe lập luận của đôi bên xem phải trái đúng sai ra sao rồi mới xét xử và tuyên án.

Đằng này nàng Thúy Kiều vừa đóng vai công tố, tố cáo, buộc tội người ta rồi lại tự mình đóng vai quan tòa xét xử, tuyên án. Khác gì lời bà con ta thường chê một kẻ vừa tham gia trong trò chơi thể thao lại vừa đóng vai trọng tài “vừa đá banh vừa thổi còi”! Còn đâu sự vô tư nữa?

Như vậy phải gọi vụ xử án này chỉ là một cuộc báo thù mà thôi. Đúng như lời Kiều nói với mẹ quản gia nhà Hoạn Thư

và sự trường Giác Duyên rằng xin hãy đón ngài: “*Xem cho rõ mặt, biết tôi báo thù!*” Đã gọi là trả hận như “*Việc nàng báo phục vừa rồi,*” thì luật pháp chỉ còn đóng vai trò phụ thuộc. Ấn tuyên ra hầu như để thoả mãn tình cảm cá nhân riêng tư... và trả mối hận thù.

HOẠN THƯ VÀ QUYỀN BẢO CHỮA

Mặt khác riêng trường hợp Hoạn Thư được lên tiếng giải bày tâm can kể lể chuyện xưa tích cũ để tự bênh vực cho mình. Chính danh thủ phạm còn được quyền bào chữa cho mình thì tại sao trong vụ xử án này cả đám bị can còn lại chẳng ai được phân trần câu nào, không được lên tiếng cãi một tiếng nào và đều bị hình phạt... tử hình mà không phân biệt tình tiết nặng nhẹ khác nhau.

Trong đám bị cáo đó thấy có hai tên Ưng và Khuyển không đáng tội chết. Ưng và Khuyển là đầy tớ nhà Hoạn Thư và tất nhiên chỉ hành động theo mệnh lệnh sai bảo của chủ nhân chúng mà thôi, như Thiên Lôi chỉ đầu đánh đấy. Chủ mưu việc bắt cóc Kiều là Hoạn Thư và bà mẹ Hoạn Thư. Vậy mà trong khi chính danh thủ phạm là Hoạn Thư được tha bổng thời hai tên tay sai đồng lõa lại bị tử hình.

Trong tác phẩm truyện Kiều cũng đã tạo ra một nhân vật có tài bào chữa ngang tài cãi cộ của một trạng sư lành nghề, đó là nàng Hoạn Thư. Câu chuyện như sau: Nàng Thúy Kiều kể chuyện hồi trước mình bị một số người lừa đảo và hãm hại rất khổ sở. Từ Hải liền ra lệnh cho quân lính dưới trướng đi bắt những kẻ này về để xử tội. Trong đó có “*Chính danh thủ phạm tên là Hoạn Thư*”. Dù sao

thì Hoạn Thư cũng chỉ là một người vợ cả bị anh chồng Thúc Sinh lừa dối và giấu quanh nên phần uất mà đánh ghen với Kiều là vợ lẽ mà thôi chứ bản tâm nàng không muốn thế. Bị cáo Hoạn Thư khấu đầu trước mặt Kiều lúc đó là... quan tòa và lên tiếng tự biện hộ cho mình:

*“Rằng: ‘Tôi chút phận đàn bà
Ghen tuông thì cũng người ta
thường tình’ ”*

Rồi Hoạn Thư lẻo mép kể lể những việc mình đối xử trước kia với Kiều không đến nỗi xấu xa tệ hại quá mức. Nào là khi bắt gặp quá tang Thúc Sinh đang tình tự với Kiều ở Quan Âm Các mà nàng không hề nói năng giận dữ gì trái lại nàng đã ngợi khen Kiều hết lời. Nào là sau khi Kiều trốn khỏi Quan Âm Các nàng cố ý bỏ qua chuyện đó không cho người đỏi theo bắt bớ. Nàng muốn chứng tỏ rằng ngoài việc chồng chung ra nàng không thù ghét gì Kiều:

*“Lòng riêng riêng những kính yêu;
Chồng chung, chưa để ai chiều cho ai
Trót lòng, gây việc công gai,
Còn nhờ lượng bể thương bài
nào chẳng?”*

Trong lời kêu ca Hoạn Thư không hề nhận là có tội. Nàng đã tự bào chữa và viện cứ để chứng minh rằng nàng vẫn kính yêu Kiều. Thật là đủ cả tình cả lý! Nói năng lễ độ mà đanh thép! Thúy Kiều bèn phán: “*Khôn ngoan đến mực nói năng phải lời*” và tuyên án tha bổng cho bà vợ cả này:

*“Truyền quân lệnh xuống trưởng tiền
tha ngay”*

Xét kỹ ra thì bị cáo Hoạn Thư này mới chính là thủ phạm đầu xỏ đã “đạo diễn” ra bao màn kịch phạm pháp và ra lệnh cho những người dưới quyền mình theo đó mà thi hành. Trong khi các bị cáo khác không được “quan tòa” Kiều cho phép tự lên tiếng “thanh minh thanh nga” bào chữa cho tội trạng của mình để rồi bị “Máu rơi thịt nát tan tành”.

THÚY KIỀU ĐỆ TỬ LƯU LINH

Nói chuyện rượu cũng không nên quên mà không nhắc tới một nhân vật nữ nổi tiếng trong văn học đó chính là nàng Thúy Kiều của cụ Nguyễn Du. Nàng còn trong tuổi “vị thành niên” tức là nàng mới chỉ gần 15 tuổi :

“Xuân xanh sắp sỉ tới tuần cập kê”

Thế mà “ngày vừa sinh nhật ngoại gia” tức là vừa gặp ngày bên họ ngoại ở xa có tiệc mừng sinh nhật, cha mẹ và hai em đều sắm sửa một chút lễ vật để cùng lên đường đem dâng biếu, chỉ riêng nàng ở nhà. Trong cảnh “*nhà lan thanh vắng một mình*” và buồn tình nên nàng đã lén qua nhà hàng xóm tìm anh Kim Trọng để trút bầu tâm sự. Hai anh chị cùng uống rượu nhạt nhạt với nhau đã say say:

*“Lòng xuân phơi phới chén xuân
tàng tàng.”*

Và cảm thấy thời giờ đi mau quá, tưởng như ngày ngắn không đầy gang

tay “*Ngày vui ngắn chẳng đầy gang*” Muốn kéo dài mãi thời gian để trò chuyện với nhau. Trông ra “*Ác đã ngậm gương non đoài*”, mặt trời lặn rồi, sắp tối rồi đây. Kiều vội nói: “*Vắng nhà chẳng tiện ngồi dài*” và từ biệt Kim Trọng để quay về. (Gớm! Nàng ngồi lì nhậu nhạt cả ngày còn vẽ vờ mà nói là không tiện ngồi dài, ngồi lâu. Cái nàng Kiều này thật là vớ vẩn!).

Quay về nhà thấy cha mẹ và hai em đi chưa về: “*Hai thân còn giờ tiệc hoa chưa về*” thế là nàng lại vội vàng quay lại, “*xăm xăm băng lối vườn khuya một mình*” (with a quick step, she rushed out and crossed the garden) mò qua nhà chàng. Khuya rồi đấy nhé! Thật là táo tợn quá! Anh chị cùng nhau thề thốt ghi trên giấy. Kiều lấy dao cắt một món tóc để thề. Rồi hai anh chị lại nhậu tiếp:

“Chén hà sánh giọng quỳnh tương.”

Vừa mới uống rượu say tàng tàng với nhau ban chiều, đêm lại uống rượu nữa. Sự đó đối với chàng Kim Trọng đa tình có lẽ không chi lạ, nhưng đối với nàng Thúy Kiều thì cái vụ chè rượu của nàng khiến chúng ta thấy dễ nể! Hai anh chị thức thâu đêm suốt sáng truyện trò nhạt nhạt. Các cụ cao niên mô phạm mắng cho là... đồ gái hư! Hư thật đấy! Vừa hư vừa... vi phạm pháp luật vì chưa tới tuổi được phép uống rượu (under age)! Trong những giai đoạn về sau này trong cuộc đời nàng Thúy Kiều đã không còn là... vị thành niên nữa thì OK! Nàng có quyền lai rai ba sợi. Kiều lúc ở lầu xanh uống rượu với khách. Khi say sưa thì không nghĩ ngợi gì. Nhưng khi tỉnh rượu và khi tàn canh, trời sáng, khách ra về

thì nàng lại giật mình trợ trợ nên nghĩ ngợi, sợ hãi và thương xót cho thân mình:

*“Khi tỉnh rượu lúc tàn canh
Giật mình, mình lại thương mình xót xa”*

Khi thì Kiều uống rượu với Thúc Sinh, cùng nhau vui miệng uống nhiều rượu mà không say, tưởng như là rượu tiên, chàng và nàng vừa đối ẩm chúc rượu mời nhau nhậu nhẹt vừa ngâm thơ nói liền câu thơ với nhau theo phong cách chơi thơ của thi nhân thời xưa:

*“Khi gió mát, khi trăng thanh
Bầu tiên chúc rượu, câu thần nói thơ.”*

Khi bị Thúc ông cản trở hôn nhân và đưa hai anh chị ra tòa nhưng được tòa không những tha bổng mà còn kết hợp cho lấy nhau, hai anh chị xum họp vui vẻ trong cảnh phong lưu nhàn nhã lại có màn nhậu rượu, nhậu từ sáng sớm mới đáng nể chứ, đến tận trưa mới chuyển qua uống trà:

*“Mãng vui rượu sớm trà trưa
Đào đà phai thắm, sen vừa nảy xanh.”*

Sau một năm chung chạ với Thúc Sinh, nàng “vợ lẽ” Thúy Kiều tỏ ra cũng biết điều hay lẽ phải nên tỉ tê khuyên chàng nên quay về nhà thăm bà “vợ cả” cho phải phép. Thế là lại có màn uống rượu tiễn nhau lên đường:

*...“Tiễn đưa một chén quan hà”...
...“Chia phôi ngừng chén, hợp tan
ngheñ lờ”...
...“Chén đưa nhớ bữa hôm nay”...*

Gần cuối truyện, nàng Kiều gặp lại chàng Kim Trọng. Khi mới gặp nhau Kiều và Kim Trọng đã có lần uống rượu với nhau suốt ngày suốt đêm. Lần này tái ngộ hai người lại một đêm bày trò nhậu nhẹt với nhau. Hai anh chị thức rất khuya, nến đã gần cháy hết và hương trong bình đã tàn. Phải nổi thêm nến và thắp thêm hương vào bình hương:

*“Thêm nến giá, nổi hương bình,
Cùng nhau lại chúc chén quỳnh
giao hoan.*

Cuộc rượu lại được dịp kéo dài! Thúy Kiều quả thật đáng được liệt vào hàng... cao thủ, đệ tử ruột của Lưu Linh. Nàng không thua kém một đáng mày râu nào khác!

LS. NGÔ TÀNG GIAO

Trích: **“CHUYỆN PHIẾM PHÁP LUẬT”**
Soạn giả: LS. Ngô Tăng Giao

XB 2018 - Sách dày hơn 300 trang
Ấn phí và bưu phí (USA): 20\$

Chi phiếu xin ghi: Mr Giao Ngo
45481 Caboose Terrace
Sterling - VA 20166



Đón đọc: **VĂN HỌC VIỆT NAM** Tác phẩm mới nhất của Trần Bích San nhà xuất bản Cỏ Thơm

- Cộng Sản hủy diệt văn hóa phẩm. Người Việt Quốc Gia bảo vệ nền văn hóa nhân bản dân tộc.
- Tác phẩm gồm các yếu tố căn bản của nền Văn Học Việt Nam, nghiên cứu tận gốc rễ, bảo tồn sự thực các dữ kiện văn học.
- Một quyển sách không thể thiếu trong mỗi gia đình người Việt hải ngoại.
- Công trình biên soạn công phu trong 20 năm.
Sửa chữa và bổ túc trong 3 năm.
- Sách dày 1200 trang, bìa cứng, chữ vàng, 140 hình ảnh, tài liệu.
- Sách sẽ có vào cuối tháng 12. Giá bán \$50. Nếu đặt mua trước được miễn phí shipping. **Tất cả tiền bán sách cả vốn lẫn lời được dùng tặng quỹ yểm trợ Thương Phế Binh VNCH.**
- Mua sách xin liên lạc:
Trần Gia Thái Ph.D.
P.O. Box 740248
New Orleans, LA 70174
(504) 615-5606 / (504) 263-5661
Email: chautran6@aol.com

TÌM ĐƯỢC DĨ VĂNG

* Tôn Nữ Mặc Giao *

Ai dám bảo dĩ vãng trôi qua rồi không bao giờ tìm lại được? Thế mà tôi đã tìm được và đang nắm giữ nó trong tay. Vậy thì cái ước mơ: “Cờ bay, cờ bay oai hùng trên thành phố thân yêu vừa chiếm lại đêm qua bằng máu...” ngày xưa của tôi trên đất mẹ sẽ có ngày trở lại. Với tâm lòng thành hướng về Tổ Quốc thân yêu tôi mong mỏi và tin tưởng như vậy.

Bên một góc trời Âu của quận 13 giữa phố Paris, tôi đã tình cờ gặp lại nàng. Từ Hotel Le Baron, trên đường Avenue de Choisy, nàng bước ra và đi về phía chợ. Tôi lặng lẽ theo sau nàng một khoảng cách vừa phải, vừa đi vừa ngắm nghĩa sau lưng nàng một cách thích thú và hồi hộp, trông ngực đánh thành thành như thườ còn lẻo đẻo theo sau nàng mỗi buổi tan trường về của những ngày xa xưa trên quê hương yêu dấu giờ đã xa tít mù khơi. Một ký ức không bao giờ nhạt phai, mà nay vẫn còn âm ỉ dấu kín tận đáy lòng. Ôi quê hương! Một thời thanh bình êm ả nay còn đâu?

Nàng như chẳng nhận ra tôi bởi có lúc bất ngờ nàng quay người lại để bước lui vào một cửa hàng nào đó mà nàng đã bỏ lỡ khi đi ngang qua. Lúc đó, mặt đối mặt, hai ánh mắt chạm nhau. Nhưng cái nhìn của nàng khiến tôi nhớ đến một câu hát nào đó của nhạc sĩ Diệu Hương: “Không cần biết anh là ai...” Có nghĩa là nàng phớt tình Ảng Lê, cho nên tôi mới

có dịp nhìn thẳng khuôn mặt nàng mà không sợ bị phát hiện. Dáng dấp nàng vẫn thon thả, mái tóc vẫn xõa ngang vai. Tuy bây giờ đã không còn dây và bóng mượt như xưa, nhưng vẫn như một bức màn với những sợi tơ muôn đời thắt chặt vào hồn tôi không buông. Nàng mang giày boot nâu, mặc một chiếc dress màu nâu đậm, cổ tay và cổ áo bẻ lật ra ngoài bằng một lớp ren màu nâu nhạt, hai vạt áo cài chông lên nhau bằng hai hàng nút khá đắt tiền nhìn rất sang cả. Trông nàng giống như một tiểu thư con nhà khuê các, kín cổng cao tường ngày xưa của đất thần kinh miền Trung nước Việt.

Nàng cứ đi quanh quẩn ngắm hết cái này đến cái nọ mà không thấy nàng mua gì hết. Tôi cũng đi quẩn quanh theo nàng mà chưa dám nhận “bà con” bởi hình ảnh quá khứ đang kéo tới ùn ùn khiến tôi ngại ngùng. Đạo ấy, chúng tôi là láng giềng của nhau ở thành thành phố Sài Gòn, nàng hơn tôi vài tuổi nhưng nhằm nhò gì. Các cụ ngày xưa vẫn thường nói “gái hơn hai, trai hơn một” kia mà! Tình yêu nào có phân biệt tuổi tác? Nàng lên đại học, tôi vẫn còn là anh học trò đệ nhị. Tôi cũng chẳng biết mình trồng cây si nàng từ bao giờ. Chỉ biết khi bóng nàng thấp thoáng từ đầu ngõ mỗi buổi tan trường về là chúng tôi, một lũ “ranh con” hỉ mũi chưa sạch theo sau đuôi nàng như một đội cận vệ theo hộ tống “bà lớn” đi “thị sát dân tình”. Mỗi lần nàng quay người

lại mỉm cười với chúng tôi là cả bọn “sướng tê”, đứa nào cũng nghĩ là “nàng cười với ta”.

Cho đến một hôm, giờ ọ! Nàng xuất hiện ngay ngưỡng cửa nhà tôi. Quá bất ngờ tôi đứng như trời trồng, Nàng cười (Ồ! Nụ cười nghiêng nước nghiêng thùng) hỏi tôi:

- Có Thủy Tiên ở nhà không ạ?

Tôi không trả lời mà chạy mất tiêu luôn. Không chạy làm sao được, bởi tôi đang quần đùi áo “may ô”, tay cầm túi giẻ hùng hục đánh bóng chiếc vespa vừa được ông bố thưởng cho sau khi thi đậu tú tài đôi. Chiếc xe được dựng ngay giữa phòng khách, đèn đuốc sáng choang, cửa thì mở toang hoác như để cho bà con lối xóm ai cũng biết là tôi vừa được chiếc xe mới để từ nay khỏi phải đạp xe đạp đi học như thời còn Trung Học nữa! Tuy là xe mới kéo chứ không phải “secondhand”, nhưng tôi vẫn lau chùi này, chùi chỗ nọ, miếc chỗ kia. Bóng đèn nổi tôi có cảm tưởng, con ruồi nào vô phúc đậu lên xe tôi chắc chắn là phải té lăn cù. Chính vì chăm chú, mãi mê o bế chiếc xe kỹ quá nên nàng “đại giá quan lâm” mà tôi đâu có biết. Thì ra nàng là bạn học cùng Văn khoa với bà chị cả Thủy Tiên của tôi.

Không bỏ lỡ dịp may, tôi tắm vội vã, diện láng cón, trình diện nàng với câu nói thành tâm “lo lắng” cho nàng:

- Để tôi chở Chiêu Thương về, con gái không nên đi tối nguy hiểm, tôi có xe đây!

Vừa nói tôi vừa chỉ chiếc vespa, nhưng nàng lắc đầu từ chối:

- Cám ơn, tôi có xe nhà đang chờ ngoài kia.

Tôi nhìn theo hướng tay chỉ của nàng phía bên kia đường, có một chiếc xe hơi trắng với người tài xế đang ngồi đợi. Nàng là con nhà quan, bố nàng là một vị Sĩ Quan cao cấp, nhà nàng ở cuối ngõ, tuy không đồ sộ như cái “Dinh Độc Lập” nhưng cũng kín cổng cao tường biệt lập với những nhà chung quanh. Tôi cũng rất lấy làm lạ, nàng là tiểu thư nhà cao cửa rộng. Có thể nói ra một bước là lên xe xuống ngựa như ai, nhưng không hiểu sao chẳng bao giờ thấy nàng sử dụng xe nhà đưa đón đi học, mà cứ cuốc bộ ra đầu ngõ đón xe lam hoặc xe bus như chị tôi. Đường như đọc được sự thắc mắc trong ánh mắt tôi, nàng giải thích:

- Mẹ tôi không muốn con gái đi tối nên để người tài xế đưa đi cho an toàn. Chúng tôi chỉ sử dụng xe nhà khi cần thiết.

Thế là tôi mất một dịp may làm quen với nàng, nhưng tôi nhất quyết không nản chí. Nàng năm thứ ba Văn Khoa, tôi bắt đầu chập chững năm thứ nhất. Vì “mê” nàng tôi cũng ghi danh Văn Khoa. Nhưng chẳng học được cái đêch gì cả, tối ngày cứ canh me hôm nào không có chị tôi đi cùng thì vác vespa đuổi theo mời nàng lên xe. Nhưng nàng từ chối, thà là lên xe bus để người ta xô qua xô lại chứ nhất quyết không chịu ngồi lên cái nệm êm ái sau xe vespa của tôi. Còn tôi vẫn không nản lòng, “có công mài sắt có ngày nên kim” mà! Tôi nhất quyết mài cho thành cây kim mới thôi.

Rồi dịp may cũng đến, chị Thủy Tiên của tôi bỏ học ngang để lấy chồng. Thế là nàng thui thui một mình đi học, tôi được dịp theo nàng nhiều hơn. Theo đây là theo đuôi xe bus chứ chưa được hân hạnh chở nàng đâu. Rồi một hôm chuyến xe bus chở nàng đi học bị nằm đường, tất cả mọi người đều phải xuống đường cuốc bộ đến trạm kế tiếp chờ chuyến xe sau chen nhau mà leo lên. Tôi thấy thế mới xả lại gần nàng nói nhỏ:

- Chiêu Thương nhắm chen lại họ không? Coi chừng trễ giờ đó! Sẵn tôi cũng đến trường, Chiêu Thương ngại gì mà không cho tôi chở?

Nàng không nói gì, mắt vẫn theo dõi chiếc xe bus vừa tấp vô lề, chỉ “hốt” dùm một số ít người. Số còn lại phải chờ thêm chuyến sau nữa. Tôi nói thêm:

- Tôi là em chị Thủy Tiên chứ có xa lạ gì đâu mà Chiêu Thương ngại? Số người còn lại vẫn đông như thế này thì chắc phải hai ba chuyến nữa. Chiêu Thương mới lên được, liệu có trễ giờ học không? Nàng xem đồng hồ tay rồi e dè kéo vạt áo dài ngồi lên yên sau xe vespa của tôi. Ngày hôm đó quả là một ngày thần tiên đối với tôi, mũi tôi phồng to, mặt tôi vênh váo có cảm tưởng như tất cả mọi người ngoài đường, ai ai cũng chiêm ngưỡng và bái phục tôi sao có “người yêu” đẹp mê hồn. Thế là từ đó được trốn, ngày nào tôi cũng được đưa nàng đi học và đón nàng về. Duy chỉ có một điều tôi không vui mấy ở nàng là đã bằng lòng cho tôi đưa đón, sao không để tôi đón đi và đưa về tận công nhà? Mà cứ bắt tôi phải chờ ở bến xe bus khi đưa nàng đi học và thả

nàng ngoài đầu ngõ khi đón nàng về. Tôi có hỏi nhưng nàng chỉ ồm ờ: “Bây giờ Đàng Giao (tên tôi) muốn được tiếp tục như vậy hay muốn chấm dứt từ đây?”

Dĩ nhiên là tôi phải cam hòng để được tiếp tục đưa đón nàng chứ đại gì mà yêu sách để mất đi cơ hội làm... đây tớ cho nàng. Ôi! Nàng đẹp quá mà! Làm đây tớ cho nàng tôi cũng cam lòng. Nàng đẹp như Thâm thủy Hằng ngày xưa chứ không phải nhờ dao kéo mà tạo thành. Nói như thế không có nghĩa là tôi chỉ mê sắc đẹp của nàng, cũng có một phần. Ai mà không yêu chuộng cái đẹp? Tôi thích nàng ở sắc đẹp là cái chắc rồi, nhưng lại càng quý hơn ở cái nét dịu hiền, thực nữ của nàng. Con nhà quan, có học mà lại không kiêu căng, rất bình dị từ cách ăn mặc cho đến cách cư xử đối với mọi người. Thử hỏi tôi làm sao không mê nàng cho được. Ôi! Con đường tình ái của tôi đang lên hương như vậy thì 75 ập đến! Những ngày cuối tháng tư đen đó ai mà không lo sợ và xót xa cho quê hương trong cơn dẫy chết. Tuy chỉ là một sinh viên chưa hề cầm súng ngày nào, nhưng lòng tôi lúc đó cũng buồn thiu và nóng như lửa đốt. Thấy xót xa cho quê hương và đồng bào ruột thịt đang chen lấn đẩy xô nhau từ khắp nơi, trốn chạy bọn cộng sản để đổ dồn về Sài Gòn cũng đang oằn mình hấp hối chứ có sáng sủa gì cho cam. Ôi Mẹ Việt Nam ơi! Ôi Quê hương ơi! Ôi hồn thiêng sông núi ơi! Lòng của tôi thì rất “đại bác” nhưng đôi tay của tôi lại quá nhỏ bé. Làm sao ôm hết được những đau thương trước mắt? Làm sao xoa dịu được nỗi đau quê mẹ?

Rồi cái gì đến cũng phải đến thôi, bố mẹ tôi dắt díu gia đình theo ông cậu là Trung Tá Hải Quân đóng ở Phú Quốc, rời bỏ quê hương trong những ngày tận cùng đau thương của đất nước. Đứng bên thành tàu, nước mắt tôi tuông như mưa khi nhìn lui quê mẹ buồn thiu như một thành phố chết. Quê hương tôi rồi sẽ ra sao? Đồng bào tôi rồi sẽ ra sao? Thân nhân, bạn bè và “người yêu” của tôi nữa rồi sẽ ra sao? Khi đất nước “được” thống nhất dưới ách thống trị của cộng sản? Nghĩ đến Chiêu Thương tôi không khỏi đau lòng nhưng rồi tự an ủi lấy mình, cha nàng là sĩ quan cao cấp có thể đã di tản trước mình từ lâu rồi cũng nên. Những ngày cuối tháng tư đó, tôi cũng đã cố gắng len lỏi vào đến tận cuối con ngõ và đảo qua đảo lại trước cổng “tư dinh” của gia đình nàng cả chục lần. Nhưng vì cửa đóng then gài, kín cổng cao tường một cách riêng biệt khiến tôi không làm sao biết được chuyện gì đã xảy ra bên trong. Thôi thì nếu có duyên thì sẽ gặp lại nhau và không ngớt cầu xin cho gia đình nàng được bình an trong cơn lửa bỏng dầu sôi của đất nước.

Gia đình tôi được định cư ở Mỹ, hơn 30 năm lưu lạc xứ người tôi vẫn “lưu linh lưu địa” chưa yên bề gia thất bởi không tìm được một nửa cái mình kia. Những tháng ngày mới đặt chân đến Mỹ, ai cũng đầu tắt mặt tối vừa học vừa làm để mau chóng được thích nghi, hội nhập vào xã hội mới. Tôi cũng không ngoại lệ, nhưng khi đã yên ổn đâu vào đó rồi tôi bỗng nhớ nàng da diết, tôi tìm kiếm dò la tin tức nàng khắp nơi mà chẳng ai biết. Đến cả

chục năm sau mới gặp được một người quen cùng lối xóm ở Việt Nam, vượt biên sang được cho biết nàng đã lấy chồng và theo chồng ra nước ngoài nhưng không rõ đi nước nào. Thế là hết, tôi buồn chán cảm đầu cảm cổ học cho đến tốt đỉnh vinh quang, bằng cấp lung tung, nhà cao cửa rộng nhưng vẫn phòng không chiếu bóng. Bây giờ già hai thứ tóc, ở vậy cho rồi chứ ai thèm lấy? Trừ khi về Việt Nam thì con gái hơ hớ nó cũng nhào vô nhưng thèm vào! Đất nước còn cộng sản thì đừng hòng có mặt “ông”. Giữa lúc tôi tuyệt vọng nhất, lấy vacation sang Pháp thăm thẳng bạn thân thay đổi không khí xem sao thì không ngờ được gặp nàng.

Tôi sang Paris đã hơn một tuần, lần này nữa là lần thứ ba nên tôi chẳng lạ gì những danh lam thắng cảnh của nước này. Hôm nay thẳng bạn bạn chở bà xã đi bác sĩ nên tôi một mình lang thang trên phố của quận 13, ngắm ông đi qua bà đi lại và thả hồn về dĩ vãng một cách say sưa. Không biết có phải thần giao cách cảm hay không mà lại xui khiến nàng hiện ra bằng xương bằng thịt trước mặt tôi. Nhưng buồn thay, trong lúc lòng tôi nổi sóng ba đào bởi quá xúc động khi gặp lại nàng, thì nàng lại “không cần biết anh là ai” một cách vô tư khiến tôi tủi thân vô cùng. Tôi cứ lẻo đẻo đi theo sau lưng nàng như thế, cũng có lúc vượt qua mặt nàng và làm đủ cách để gọi sự chú ý của nàng nhưng vô ích thôi. Nàng chỉ lo ngắm hàng chứ ngắm làm gì một thằng già như tôi. Một lúc sau, đoán trước nàng sẽ bước xuống bậc tam cấp trước mặt. Tôi lật đật nhanh chân hơn nàng,

cũng giả vờ tự nhiên bước xuống trước nàng thì một dịp may đưa đến. Nàng treo chân loạng choạng suýt ngã nhào xuống phía trước, may thay có tôi nhanh tay ôm lấy nàng nói:

- Chiêu Thương cẩn thận chứ! Có sao không?

Nàng vừa nhăn nhó suýt xoa vì đau chân vừa đưa tay đẩy tôi ra nói cảm ơn, và mở to cặp mắt nhìn tôi ngạc nhiên vì đã gọi tên nàng ngon ơ! Không bỏ lỡ cơ hội, tôi cười và tự giới thiệu:

- Chiêu Thương không nhớ tôi sao? Đăng Giao đây!

Nam Mô, A Men! Tôi thật không ngờ, nàng ôm lấy tôi khóc oà, và lại càng sung sướng hơn nữa nàng gọi tôi bằng “anh” ngọt sót khiên tôi như mở cờ trong bụng:

- Trời ơi! Anh Giao! Sao bây giờ anh lạ quá vậy? Có biết là Chiêu Thương trông tin anh lắm không?

Tôi cũng ôm lại nàng vỗ về, khi đã qua cơn xúc động, chúng tôi tìm một quán cà phê ấm cúng ngồi nói chuyện. Ngày xưa chúng tôi xưng hô với nhau bằng tên, bây giờ thấy nàng gọi tôi là anh nên tôi tỉnh luôn. Tôi hỏi nàng:

- “Anh” thấy Chiêu Thương từ Hotel Le Baron đi ra, Chiêu Thương sang đây du lịch hay công tác?

Nàng lắc đầu:

- Chẳng có du lịch công tác gì cả, Chiêu Thương sống ở đây mà! Lúc nãy vào khách sạn thăm con nhỏ bạn từ Úc sang tham dự buổi Thu Tao Ngô của các văn nghệ sĩ Paris tổ chức. Nó không có thì giờ nhiều, chỉ gặp nhau được một chút xíu, ngày mai xong việc là nó bay về

ngay. Còn anh định cư ở đâu? Anh đi được từ ngày tháng 4 năm 75 phải không? Vì sau đó Chiêu Thương thấy nhà anh đã bị “tụi nó” chiếm.

Nghe nàng nói thế tôi ngạc nhiên:

- Uả! Chiêu Thương định cư ở Pháp hả? Đúng là vô duyên đối diện bất tương phùng thật! Anh sang Pháp chơi lần này nữa là lần thứ ba mà đâu có biết Chiêu Thương ở đây.

Nàng cười đùa:

- Thì bây giờ “có duyên đối diện được tương phùng” rồi nè!

Tôi cũng cười rồi nắm nhẹ bàn tay nàng đặt trên bàn nói:

- Lúc nãy Chiêu Thương nói lấy chồng và định cư ở đây phải không? Ba má và các em Chiêu Thương như thế nào rồi? Hãy kể cho anh nghe về gia đình Chiêu Thương từ sau cuộc đời đó đi!

Nàng tắt nụ cười, đôi mắt thoáng buồn xa xăm:

- Buồn lắm! Anh có muốn nghe không?

Tôi gật đầu tha thiết nhìn nàng như thông cảm, như sẵn sàng chia xẻ tất cả với nàng mặc dù tôi chưa biết nỗi buồn của nàng là gì. Nàng nhấp một chút cà phê rồi chậm rãi nói:

- Những ngày cuối tháng tư như anh đã biết, giới nghiêm 24 trên 24 đâu có ai ra ngoài đường được. Bố Chiêu Thương chạy tới chạy lui bằng xe díp nhà binh có tài xế lái nhưng không phải tìm đường đi tản mà là cứ phải nghe lệnh này, theo lệnh nọ. Cuối cùng thì bố Chiêu Thương ngồi luôn trong phòng nhận điện thoại liên miên, có lần Chiêu Thương nghe bố Chiêu Thương hét lên trong điện thoại để

trả lời cho ai đó: “Danh Dự, Tổ Quốc và Trách Nhiệm là trên hết. Tôi không đi đâu hết! Là một quân nhân tôi thà chết cho quê hương chứ không thể bỏ quân đội được.” Và rồi bố Chiêu Thương tự sát ngay sau khi nghe tiếng ông Dương Văn Minh kêu gọi trên đài phát thanh “buông súng đầu hàng vô điều kiện”.

Kể đến đây Chiêu Thương khóc nức nở, tôi thật không ngờ Bố Chiêu Thương lại khí khái và can đảm đến như vậy nên cũng yên lặng xúc động và cảm phục dâng tràn, tôi nắm lấy tay Chiêu Thương vỗ nhẹ nhẹ. Một lát sau nàng sụt sịt kể tiếp:

- Bố mất rồi, mẹ Chiêu Thương vì các con mà phải sống. Những tháng ngày đó nhà Chiêu Thương khổ lắm! Họ gọi gia đình Chiêu Thương là gia đình Ngụy, nói thật, bố Chiêu Thương sống rất trong sạch nên đâu có dư tiền lắm bạc. Có lộn lung được chút đỉnh để phòng thân là do mẹ Chiêu Thương tần tiện chặt mót mà ra, ăn mãi thì cũng phải hết, các em Chiêu Thương còn bé quá! Chiêu Thương là con lớn nhất nên phải nghĩ cách tìm đường sống cho gia đình. Lúc đó! Chiêu Thương mới thấy nhớ anh da diết, Chiêu Thương không biết đó có phải là tình yêu hay không. Nhưng thật sự mà nói trong những tháng ngày đó, Chiêu Thương rất cần có được một chỗ dựa tin cậy để mà có người góp ý và cố vấn cho những vấn đề khó khăn nan giải mà những người tự xưng là “giải phóng miền Nam” đang áp đặt lên người dân thời bấy giờ. Chiêu Thương nghĩ tới anh nhưng nhà anh đã bị họ chiếm. Tuy buồn

nhưng Chiêu Thương nghĩ thôi thế cũng xong, thoát được người nào thì đỡ người này, Chiêu Thương chưa biết phải làm gì để cứu gia đình thoát khỏi cơn bế tắc thì “Đức vâu” xuất hiện. Anh còn nhớ Đức vâu không? Đức Tây lai và răng hô đó! Học thì dở nhưng được cái con nhà khá giả và lại có quốc tịch Pháp. Ngày xưa mình không để ý gì mấy, nhưng sau 75 cái bằng quốc tịch đó lại rất có giá trị. Chiêu Thương lấy Đức rồi đi Pháp. Sau đó bảo lãnh lại cho mẹ và các em Chiêu Thương được sang cả bên đây, đứa nào cũng được học hành tới nơi tới chốn, đã lập gia đình và ổn định công ăn việc làm cả rồi.

Biết được chồng nàng cũng là một người quen nhưng chưa kịp hỏi han thì nàng tiếp:

- Đức rất tốt và giúp đỡ gia đình Chiêu Thương rất là nhiều. Biết mình mang ơn người ta nên Chiêu Thương sống rất trọn tình trọn nghĩa. Nhưng có lẽ cái số Chiêu Thương vất vả nên gầy gánh nửa chừng, Đức mất cách đây đã 10 năm rồi. Chiêu Thương độc thân từ đó đến giờ, sống cho con mà thôi! Các con Chiêu Thương đã lớn khôn, có sự nghiệp và gia đình cả rồi! Chỉ thiếu là Chiêu Thương chưa được lên chức bà nội, bà ngoại mà thôi!

Tôi nghe thế thì mừng rơn trong bụng nhưng cũng không dám để lộ ra mặt, chỉ ân cần hỏi han:

- Chiêu Thương có mấy cháu? Ở cả đây chứ? Có cháu nào đi xa không?

Chiêu Thương dựa người ra ghé cười vui vẻ:

- Ở xa cả, thằng cháu lớn đang làm việc ở Anh, vợ nó cũng theo sang đó. Đứa con gái theo chồng về Mỹ. Chồng nó là người Việt nhưng ra đời ở Mỹ, cả hai đều làm việc bên Mỹ. Chiêu Thương chỉ có hai đứa con mà thôi! Thấy chúng nó có công ăn việc làm và sống hạnh phúc là mừng rồi. Còn anh thì như thế nào rồi? Thủy Tiên chắc cũng cháu nội cháu ngoại cả rồi chứ?

Tôi không vội trả lời mà chỉ đưa mắt nhìn nàng đắm đuối. Trong đáy mắt nàng, tôi nhìn ra được cả một bầu trời rộng mở và khuyến khích cho tôi mạnh dạn bước vào mở cửa trái tim nàng. Biết được nàng góa chồng đã mười năm nay, vấn đề tài chánh trong gia đình không phải lo lắng bởi gia tài và tiền bảo hiểm của người chồng để lại. Ngoài việc chăm lo con cái ra nàng còn mang một “trọng trách” giống tôi. Để tưởng nhớ quê hương và đóng góp vào việc bảo tồn và phát huy văn hoá Việt tại hải ngoại, nàng đã mở một trường Việt Ngữ Cội Nguồn để dạy tiếng Việt cho các trẻ em gốc Việt sinh ra tại Pháp. Tôi cũng là một giáo viên thiện nguyện của trường Việt ngữ Về Nguồn ở San Jose hơn 10 năm qua. Dĩ nhiên là tôi quá đỗi vui mừng bởi cả hai đứa cùng nhìn về một phía. Nàng tâm sự: “Cái chết của bố và sự hy sinh phải sống vì con của mẹ đã khiến em có một ý thức trách nhiệm đối với quê hương. Dĩ nhiên là mình chẳng làm gì được với cái “nghiệp cộng sản” còn đang đè nặng trên quê hương tổ quốc, nhưng ít nhất nơi xứ người em cũng đã và đang cố gắng đóng góp bằng cách duy trì tiếng mẹ đẻ cho thế hệ đời

sau không quên cội nguồn và phát huy văn hoá Việt đời đời vang danh trên thế giới”.

Chúa Ôi! Nàng xung em tự bao giờ? Trước tôi đã yêu nàng, giờ tôi càng khâm phục nàng hơn. Bởi tôi hiểu, phải có một tấm lòng thật sự hướng về đất nước như thế nào mới có thể “vác ngà voi” một cách bất vụ lợi như thế được. Nàng nói đúng, ở đâu có người Việt thì ở đó tiếng Việt đời đời không bao giờ bị mai một. Nhiều người gọi cái “nghề” thiện nguyện của chúng tôi là “ăn cơm nhà đi vác ngà voi”. Không hề chi, anh sẽ cùng em kề vai sát cánh vác cái ngà voi này tới cùng để duy trì tiếng mẹ đẻ đời đời không bao giờ nhạt phai trong cộng đồng người Việt đời đời sau cho dù là bất cứ ở nơi nào trên thế giới.

Chiều buông chậm chậm, phố đã lên đèn. Trời Paris chớm Thu gió hiu hiu mát dịu, không khí thật là dễ chịu. Chúng tôi rời khỏi quán cà phê, nắm tay nhau đi ngược trở lại con đường Avenue De Choisy. Tuy chỉ là yên lặng nhìn nhau không nói gì, nhưng sự truyền cảm qua cái nắm tay đã nói lên được tất cả những gì mà hai đứa đang cùng nhau hướng về. Văng vẳng đâu đây tiếng hát Thái Thanh vang ra từ một cửa hàng Việt Nam nào đó bên vệ đường nghe nhớ nhưng gì đâu: “Tiếng nước tôi, bốn ngàn năm rồng rã buồn vui. Khóc cười theo mệnh nước nổi trôi, nước ơi!....”

TÔN NỮ MẶC GIAO

PAYSAGE

Il y avait un merle blanc, un merle noir.
Il y avait des fées parmi les pâquerettes.
Il y avait une abeille blonde,
une source bleue,
une rose thé,
une tulipe chocolat.

Il y avait une femme qui descendait
la colline,
une femme habillée de feu, de laine et
d'amour.

Une mère aux yeux d'iris,
une mère aux mains de soie,
une mère coiffée de rêves.

Et je chantais avec ses lèvres.
Et je vibraï avec son coeur.

Il y avait une maison de sucre et de blé.
Il y avait un abricot mûr sur une fenêtre.
Il y avait un grand soleil de cuivre roux
et des iris aux langues d'or.

Il y avait une femme qui s'approchait de
la maison
et qui caressait l'abricot
et qui regardait le soleil.

Une mère aux yeux de violette,
Une mère aux mains de velours.
Une mère habillée de brouillard et
de larmes,
De lumière et de l'amour.

Pierre Gamarra (1919-2009)

PHONG CẢNH

*Có con sáo trắng, sáo đen.
Có những nàng tiên giữa hoa cúc dại.
Có con ong vàng,
Có dòng suối xanh,
Có hoa hồng trà,
Uất kim hương nâu.*

*Có người đàn bà đi xuống ngọn đồi,
Bà mặc áo lửa, áo len và áo tình yêu,*

*Bà mẹ mắt xanh biêng biếc,
Bà mẹ tay mềm óng lụa,
Bà mẹ êm đềm giấc mơ.*

*Và tôi hát với đôi môi bà.
Và tôi ngân nga với trái tim bà.*

*Có một ngôi nhà toàn đường và lúa.
Có một trái mơ chín trên cửa sổ.
Có một mặt trời ửng màu đồng đỏ,
Và những cánh hoa dã lan lười vàng.*

*Có người đàn bà đến gần ngôi nhà
Ve vuốt trái mơ
Nhìn ngắm mặt trời.*

*Bà mẹ đôi mắt hoa tím,
Bà mẹ tay tơ nhung êm.
Bà mẹ mặc áo sương mù và áo nước mắt
Mặc áo ánh sáng và áo tình yêu.*

Nguyễn Mây Thu

(Bài dịch – 24/09/2018)

PHÂN ƯU

Nhận được tin buồn:

Nhà thơ **Phương Du**
Bác sĩ NGUYỄN BÁ HẬU

đã mệnh chung tại Pháp vào ngày 14 tháng 9, 2018

Hưởng Thương Thọ 95 tuổi

Tang lễ sẽ được cử hành vào lúc 9 giờ sáng ngày 21 tháng 9, 2018 tại:
l'Eglise Saint-Jacques le Majeur, 39 Rue Gabriel Péri, 92120 Montrouge
và sau đó tại:

Cimetière de Montrouge, 18 Avenue de la Porte de Montrouge, 75014 Paris

Xin thành kính chia buồn cùng Bà quả phụ Nguyễn Bá Hậu và toàn thể tang quyến

Cầu mong hương hồn Người Quá Cố sớm về Cõi Vĩnh Hằng

Cơ Sở Cỏ Thơm, Câu Lạc Bộ Văn Hóa Paris và thân hữu:

Phan Anh Dũng, Phan Khâm, Trần Bích San, Đỗ Tràng Mỹ Hạnh, Nguyễn Thị Ngọc Dung, Tiểu Thu & Nguyễn Văn Thành, Đỗ Bình, Phạm Thị Nhung, Nguyễn Thùy, Trần Văn Cảnh, Lê Mộng Nguyên, Mây Thu, Mỹ Phước Nguyễn Thanh, Nguyễn Ba Linh, Nguyễn Đức Tăng, Nguyễn Văn Đông, Nguyễn Bảo Hưng, Hoàng Đức Phương, Kim Lan, Phạm Tu Chính, Võ Hùng Anh, Từ Tri & Lê Thị Thu Hương, Phạm Văn Đức, Quách Vĩnh Thiện, Song Nhi, Lê Trọng Nguyễn thị Nga ...



TƯỜNG NIỆM NHÀ THƠ PHƯƠNG DU NGUYỄN BÁ HẬU



Nhà thơ **Phương Du** tên thật là **Nguyễn Bá Hậu**, sinh năm Giáp Tý, người làng Phương Canh, tỉnh Hà Đông. Tốt nghiệp Y khoa bác sĩ năm 1952, sau đó phục vụ trong QLVNCH, là một trong 10 vị bác sĩ đầu tiên trong ngành Quân y. Sau khi giải ngũ, ông cùng gia đình sang Pháp định cư năm 1971. Nhà thơ Phương Du theo khuynh hướng Thơ Mới nhưng có nhiều bài Đường Thi, nhất là Thơ Xương Họa. Ông là tác giả của 3 tập Thơ: Tha Hương 1, 2, thi tập Tình Thương, tập biên khảo: Hoa Tâm và nhiều bài biên khảo giá trị. Ngoài ra ông còn viết nhạc, thực hiện 3 CD Thánh Ca. Nhà thơ Phương Du là **một trong những cột trụ** của Ba Lê Thi Xã và Câu Lạc Bộ Văn Hóa Việt Nam tại Paris (CLBVHVN-Paris) nơi quy tụ những tâm hồn thiết tha với lý tưởng tự do, yêu Chân Thiện Mỹ và luôn hướng về quê hương. Ông và CLBHVN-Paris đã thường hay tổ chức những sinh hoạt Văn học Nghệ thuật về Hội Luận Tư Tưởng, Tác phẩm và Tác giả...

Ông từng làm giám khảo trong cuộc thi Hoa Hậu Áo Dài năm 2000 tổ chức ở Pavillon Baltard một trong những hí viện hàng đầu của Paris. Dù xa quê hương đã lâu nhưng lòng ông vẫn trĩu nặng những thể sự thăng trầm của đất nước. Tình yêu quê hương của ông đã thể hiện trong suốt mấy chục năm cống hiến trong việc bảo tồn và phát huy văn hóa Việt Nam ở hải ngoại. Qua sự miệt mài và tận tụy đó, nhà thơ Phương Du được đưa vào tập tuyển Những Khuôn Mặt Văn Hóa Việt Nam Paris.

Sự ra đi của BS Nguyễn Bá Hậu, nhà thơ Phương Du là một mất mát vô cùng lớn lao riêng cho CLBHVN-Paris, và cũng là sự mất mát chung cho những công trình bảo tồn và phát huy văn hóa Việt Nam hải ngoại.

Đỗ Bình Paris

VÀI CẢM NHẬN VỀ THƠ PHƯƠNG DU

... Đọc hết 138 bài thơ trong thi tập «Tha Hương», một sự kiện khách quan ai cũng nhận thấy là, về thể thơ, Phương Du là một nhà thơ đa dạng, làm đủ mọi thể thơ, từ đường thi, thất ngôn, ngũ ngôn, tứ tuyệt, qua lục bát, song thất lục bát, ca trù, hát xẩm, đến thơ mới, thơ tự do.

Hầu như hết mọi thể thơ đều đã được sử dụng trong tập thơ Tha Hương. Trên tổng số 138 bài thơ, thơ Đường, với thất ngôn bát cú, ngũ ngôn và tứ tuyệt, gồm 86 bài, chiếm tỷ số 62%. Thơ Việt Nam, gồm 52 bài, chiếm tỷ số 38%, trong đó có 35 bài thơ lục bát, chiếm 25%; 10 bài song thất lục bát, chiếm 8% và 7 bài hát nói, chiếm 5%.

Trong bài viết này, theo nội dung cảm xúc, nhận định và tư tưởng của Phương Du, dẫn không chú ý, cùng với những câu trích rải rác, chúng tôi cũng đã trích hầu như trọn vẹn 13 bài thơ, trong đó nhiều thể thơ đã được nhận ra : 7 bài là đường thi thất ngôn hay ngũ ngôn, 3 bài lục bát, 1 bài song thất lục bát, 1 bài hát nói, và 1 bài hát xẩm.

Cái đa dạng về hình thức thể loại thơ dẫn theo cái phong phú về ý tưởng. Qua một chủ đề nội dung là Tha Hương, Phương Du đã đề cập đến rất nhiều khía cạnh của nó : từ những cái chân của cảm tình chủ quan với quê hương, quốc gia, đất nước, đến những cái thật của cảnh sống khách quan, từ những sinh hoạt thực tại cá nhân gia đình, nghề nghiệp, qua những sinh hoạt thực tế xã hội, bạn bè, du lịch thể giới, đến hành hương tâm linh, cầu nguyện. Từ những nhận định về nếp sống, về tình đời, đến những suy tư về tình thương, về cái hay, cái tốt của tình thương, của tình người. Từ những khám phá về đẹp thiên nhiên, qua những chiêm ngưỡng và tuân giữ nếp sống nhân nghĩa truyền thống đến những học hiểu, thán phục và ca ngợi những cái đẹp của các

giáo lý Khổng, Lão, Phật, Chúa, Mẹ. Cái đẹp đầu tiên và chính yếu, căn bản của thơ Phương Du là cái đẹp nội tại, đẹp từ trong cái nội dung, cái tâm tình hoài hương, thương dân, thương nước, ước vọng thanh bình, phú cường cho quốc gia, dân tộc. Cái đẹp này là một sự cảm xúc, rung động chân thực, bột phát và tức khắc của một tâm hồn Việt Nam chân nhất, đơn sơ, trào ra mỗi khi «chiều đến, ra đứng ngõ sau, trông về quê mẹ» ! Cái đẹp này là sự thương mến cảm thông «Dân ta đói khổ ngập trời, Thiếu ăn thiếu mặc cuộc đời lâm than» ! Cái đẹp này là lòng ước vọng, mong sao «Ngày nào nước Việt phú cường, Đè huề mạnh tiến trên đường thịnh hưng». Sống «Tha Hương», chẳng những không bị tha hóa, mà vẫn giữ được bản tính của mình, nếp sống gia đình truyền thống của mình, chung thủy, thuận hoà, từ hiếu. Chẳng những không bị thất truyền, mà còn phát triển và thành đạt được trong nghề của mình. Duy trì và thăng tiến được liên lạc bạn bè của mình, trung tín, lễ nghĩa. «Không quên hồn nước», không quên tiếng việt của mình, mà còn làm cho trong sáng hơn, phong phú hơn, vui tươi hơn trong giao thiệp hằng ngày và trong thi ca xướng họa. Không bị cô đơn, mà hoà đồng, khiêm ái, tứ hải giai huynh đệ ; mà giữ gìn truyền thống nhân ái «thương người như thể thương thân». Không bị tha hóa, vong thân, cũng chẳng bị đồng hóa, mà vẫn giữ được căn tính của mình, chủ thể tính của mình. Cái đẹp này là cái đẹp được thấy «Cháu nội, dâu hiền âm cúng thêm». Được

chứng kiến «Nhiều bệnh cứu châm khởi rất nhanh». Được tham dự «Hai chục năm qua mỗi dịp xuân, Ba lê mặc khách hợp quay quần, Chung lưng vun bón vườn thơ Việt, Gọt rửa từng câu, xướng họa vắn». Được «Bao năm vất vả đấu tranh, Hè này ta rảnh du hành Mỹ chơi». Được «Ôn trời rộng lượng bao la, Ở cho có đức là ta toại nguyên. Và được «Sửa soạn ngày mai về nước Chúa, Những điều Mẹ dạy gắng làm theo». Đây là cái đẹp chủ thể làm chủ động, vừa biết vượt trên thực tại vật chất để rung cảm với những tâm tình bột phát, những cảm xúc thiên nhiên, thoát tục, tâm linh, vừa biết đi vào thực tại, để ghi nhận những dữ liệu thực tế, thẩm lượng, định giá, hầu thực hiện sáng tạo. Cái đẹp này bao hàm một cái gì là chân, là thật, gói ghém một cái gì vừa tốt, vừa thiện và đưa tới một cái gì vừa cao, vừa siêu, vừa cao cả, vừa tâm linh. Đẹp, Tốt, Thật ; Mỹ, Thiện, Chân là ba cực ôm quần vào nhau của một vòng tròn Thái Cực đồ «Thơ Phương Du».

Về nội dung mới này, ta có thể bảo rằng Phương Du là một trong những người đã khai phá ra một thể hệ mới trên thi đàn văn học Việt Nam cho thời hậu chiến. Khác với thơ thời tiền chiến 1930-1945 và thơ thời chiến 1945-1975, thơ thời hậu chiến 1975-2015 nở rộ ra ở hải ngoại với dòng thơ THA HUƠNG. Chính Phương Du đã là người đầu tiên ấn hành 4 thi phẩm: «**Tha Hương**» vào năm 1986, «**Tình Thương**» vào năm 1991, «**Tình thương II**» vào năm 1993 và «**Hoa**

Tâm» vào năm 2002 và tái bản năm 2008. Trong tất cả bốn thi phẩm này, ngay cả trong ba tập thơ về chủ đề Tình Thương và Hoa Tâm, đều tràn trề những bài thơ, những lời thơ Tha Hương. Sau đó, dần dà, những đề tài về «lưu vong», «lưu dân xa xứ» đã được một số tuyển tập thơ hải ngoại giới thiệu và phổ biến. Năm 2003 tuyển tập “Một phần tư (1975-2000) thế kỷ Thi Ca Việt Nam Hải Ngoại” đã được Võ Đức Trung xuất bản ở Pháp. Cùng năm 2003 một tuyển tập thơ hải ngoại khác, tên là Lưu Dân Thi Thoại, đã được Diên Nghị & Song Nhị cho xuất bản ở Mỹ. Tuyển tập thứ ba đã được Nguyễn Thùy biên soạn dưới tựa đề Khung Trời Hường Vọng và xuất bản ở Pháp năm 2005. Tuyển tập thứ tư dưới tựa đề Kỷ yếu 20 năm văn học Cội Nguồn 1993-2013 đã được cơ sở Thi Văn Cội Nguồn xuất bản ở Mỹ vào năm 2013.

Nhiều ý ắt phải nhiều lời. Lời của Phương Du rất bình dân, giản dị, nhưng cũng rất phong phú, rất tự nhiên và chân thật, và cũng rất dồi dào âm sắc và nhạc tính; chân thật và truyền cảm về ghi nhận, sắc sảo phân biệt tốt xấu về phê phán, súc tích phong phú về sáng tạo đẹp tươi ; trong sáng và dễ hiểu về tâm linh. Ngoài cái đẹp về ý, thơ của Phương Du còn có cái đẹp về lời thơ. Nét đặc sắc và độc đáo về lời đẹp của thơ Phương Du là lời của ông có nhiều chất dân gian, bình dân. Những đề tài của 138 bài thơ trong «Tha Hương» đều có chất dân gian. Vì hầu hết các đề tài này đều là những đề tài gắn liền đến cuộc sống và lời nói hằng

ngày của người bình dân. Đòi tôi, Nhà tôi, Nghề tôi, Làng tôi, Đất Nước Tôi. Vườn Xuân, Vui Xuân, Chào Hè, Bãi biển Hè, Thu Về, Thu Xa Quê, Thu Xưa Thu Nay, Đông Về, Đông xưa Đông nay. Nhớ Quê, Hận Ly hương, Nhớ Bạn, Buồn Thế Sự, Sâu Chia Ly,... Đề tài gắn liền đến cuộc sống dân gian, bình dân đã vậy, mà ngữ liệu, ngôn từ sử dụng, đều rất gần với tục ngữ, ca dao, là thứ ngôn ngữ thường ngày của dân gian, quần chúng, bình dân.

Để chứng tỏ và thưởng thức nét đẹp của lời thơ có nhiều chất dân gian, bình dân và phong phú này của lời thơ Phương Du, và đồng thời để chấm dứt bài «Độc Thơ Tha Hương của Phương Du» này, xin mời độc giả đọc bài «Làng tôi», mà tôi nghĩ rằng Phương Du rất ưa thích. Lý do vì trong lá thư Phương Du vừa gửi cho tôi ngày 14.01.2016, ông đề nghị với tôi rằng : «Bài lục bát nhan đề «Làng Tôi» ở trong Tha Hương, trang 35, tôi muốn đổi vài chữ và thêm hai câu ở cuối bài, để đưa vào hình ảnh rất đẹp của làng Việt Nam ta». Xin mời độc giả đọc bài thơ đã phổ biến từ năm 1986, mà nay, 2016, đúng 30 năm sau, đã được tác giả đọc lại và thêm vào đó hai chữ ở câu thứ tám «Ưa nuôi gà vịt, thích trồng bưởi cam» và hai câu mới cuối cùng ở cuối bài «Là nơi hè sáng tinh sương, Trông như xanh tổ ánh dương chan hòa».

LÀNG TÔI

*Làng tôi ở tỉnh Hà Đông,
Thôn trên xóm dưới,
ruộng đồng bao quanh.
Làng tôi có lũy tre xanh,
Con ngòi nước chảy long lanh dưới cầu.
Làng tôi dân chúng không giàu,
Cấy cây mùa hạ, làm mầu mùa đông.
Làng tôi đa số tiểu nông,
Ưa nuôi gà vịt, thích trồng bưởi cam.
Làng tôi có gió nồm nam,
Chiều hè đàn trẻ mê ham thả diều.
Làng tôi có tiếng chuông chiều,
Ngân dài một điệu làm xiêu tâm hồn.
Làng tôi có tiếng ốc đùn,
Giục dân về xóm, hoàng hôn xuống dần.
Làng tôi chùa đẹp bội phần,
Hồ sen bán nguyệt,
nằm gần tháp chuông.
Làng tôi có lấm chim muông,
Sáng kêu riu rít như tưởng gọi nhau.
Làng tôi san sát vườn cau,
Ông già bà lão ăn trầu nhuộm răng.
Làng tôi có hội hoa đăng,
Trai thanh gái lịch tung tăng sân đình.
Bao nhiêu cảnh vật hữu tình,
In sâu vào óc những hình ảnh quê.
Nay tuy bận rộn trăm bề,
Nhưng luôn tưởng nhớ
hương về cố hương.
Là nơi hè sáng tinh sương,
Trông như xanh tổ ánh dương chan hòa.*

*(Làng tôi, thi tập Tha Hương, tr. 35,
cập nhật theo thư ngày 14.01.2016)*

Paris, tháng 02 năm 2016

Gs Trần Văn Cảnh

GIẤC MỘNG NGÀY VỀ

Lâm hành vương vấn trong lòng
Tình thương nỗi nhớ khóc rờn trong ta.
Bao nhiêu hình ảnh hiện ra
Bạn bè quyến thuộc khó mà mờ phai.
Bỗng nhiên vật đổi sao dời,
Hồn lìa khỏi xác ngút trời bay cao.
Bay ngang qua các vì sao
Vác cây Thánh giá (1)
bay vào cung thiên.
Vào đây hồn được an nhiên
Tọa nơi Chúa đã dành riêng từng người
(2)
Thiên cung (3) phong cảnh tuyệt vời,
Đẹp tươi sáng láng khác đời trần gian
Nhờ theo lời Mẹ khuyên ban
Nay hồn vào nước Thiên Đàng
vinh quang.
Nguyện cầu ở dưới ánh dương
Mọi người nghe Mẹ trọn đường thờ Cha.
Vì Cha đã tạo nên ta
Cho ta sự sống, thương ta tận tình (4).

Phương Du Nguyễn Bá Hộ

Chú thích:

1. Chúa Ki-Tô từng nói: Ai theo ta hãy vác Thánh giá theo ta. Kề nào không vác không xứng làm môn đệ ta.
2. Trước khi về trời Chúa Ki-Tô đã nói với các môn đệ rằng: “Ta sẽ về trời trước để dọn chỗ cho mỗi người”.

3. Đức Mẹ đã cho biết cảnh Thiên Đàng đẹp tươi sáng láng không bút nào tả được.
4. Vì thương loài người phạm nhiều tội lỗi, gây chiến tranh liên miên nên Chúa đã sai con một là Chúa Ki-Tô xuống thế làm người chịu chết trên cây Thánh giá để cứu chuộc tội lỗi loài người “Rédemption”.

MỘT CHIỀU THI NHẠC

Chiều nay thi nhạc giao duyên,
Đàn ca quên tạm ưu phiền tha hương.
Tao nhân nào quản dậm trường,
Cùng nhau xum họp
vãn chương luận bàn.

Chiều nay mặc khách hân hoan,
Vịnh ngâm, xướng họa,
muôn phần vui tươi.
Vườn thơ năng tưới, năng bồi,
Cây xanh, lá thắm, nảy chồi, đâm bông.

Chiều nay men tỏa đầy phòng,
Giọng ngâm ấm áp sưởi lòng thi nhân.
Êm đềm, truyền cảm, nhẹ nhàng,
Hồn thơ diễn tả rõ ràng từng câu.

Chiều nay bên cõi trời Âu,
Tiếng hò, điệu hát, tưng màu vườn thơ.
Phỉ lòng mặc khách mong chờ,
Giao duyên thi nhạc, giấc mơ trong đời

Phương Du Nguyễn Bá Hộ

LAI LỊCH VỀ CA KHÚC “TÌNH THU TRÊN SÔNG SEINE” CỦA NHẠC SĨ NGUYỄN VĂN ĐÔNG

* Phan Anh Dũng *

Nhạc sĩ Nguyễn Văn Đông, tác giả của nhiều ca khúc nổi tiếng như: *Chiều Mưa Biên Giới*, *Phiên Gác Đêm Xuân*, *Sắc Hoa Màu Nhớ*, *Nhớ Một Chiều Xuân*, *Khúc Tình Ca Hàng Hàng Lốp Lốp*, *Lời Giã Biệt*, *Về Mái Nhà Xưa*, *Khi Đã Yêu*, *Niềm Đau Dĩ Vãng*, *Thầm Kín*, *Mùa Sao Sáng*... qua đời ngày 26 tháng 2, 2018. Nhiều nguồn tin cho rằng sau biến cố 30 tháng 4, 1975, ông không còn cảm hứng để viết nhạc nữa. Thật ra ông vẫn sáng tác một số ca khúc rất hay nhưng không có điều kiện để phổ biến như: *Trái Tim Việt Nam*, *Núi và Gió*, *Vô Thường*, *Tình Thu Trên Sông Seine*, *Tình Có Hương*, *Viễn Xứ Ca*, *Trường Sa Lương Tri Thế Giới*, *Sài Gòn Trong Trái Tim Tôi*, *Chào Đất Nước Tự Do và Hy Vọng* ... Ca khúc cuối cùng ông sáng tác trước khi qua đời là: *Việt Nam Quê Hương Lộng Lẫy*.

Nhân dịp trời vào Thu ở tiểu bang Virginia, tôi hân hạnh giới thiệu với quý vị ca khúc “Tình Thu Trên Sông Seine”, nhạc sĩ Nguyễn Văn Đông sáng tác đầu năm 2015, diễn tả niềm thương nỗi nhớ về một dòng sông nổi tiếng, chan chứa kỷ niệm của tác giả thời trai trẻ cách đây trên nửa thế kỷ. Một bạn đọc của Cô Thom, thân hữu Hoàng Văn Được, Việt kiều Pháp ở Paris, có gởi tặng tôi bài viết và tập tài liệu về ca khúc “Tình Thu Trên Sông Seine” của Nhạc sĩ Nguyễn Văn

Đông. Ông Được cho biết mùa Hè năm 2004 có đón tiếp Nhạc sĩ Nguyễn Văn Đông trở lại thăm Paris. Ông Được và nhạc sĩ họ Nguyễn cùng đi thăm nhiều thắng cảnh nổi tiếng ở Paris và một số tỉnh ở nước Pháp - nơi có người nhà của nhạc sĩ sinh sống. Ông Được kể lại một kỷ niệm khó quên khi ông cùng nhạc sĩ họ Nguyễn trôi thuyền du ngoạn trên sông Seine: "đó là một buổi sáng mùa Thu khi thuyền trôi đến chân chiếc cầu Royal và Alma thì nhạc sĩ họ Nguyễn đã thả xuống ở mỗi nơi một ổ khóa cùng một cành hoa.

Nhạc sĩ Nguyễn Văn Đông đã bùi ngùi kể lại kỷ niệm xưa, khơi dậy ký ức về 'Dòng sông và Định mệnh' từ hơn nửa thế kỷ trước. Ông Được nghe rồi ghi lại trong bài viết gởi tặng tôi. Họ Nguyễn cho ông Được biết phong tục thời xa xưa là ổ khóa đóng lại rồi quăng chìa cùng với lời thề nguyện trọn đời trọn kiếp có nhau; còn nay là ổ khóa có tình để mở và buông thả nơi để lại nhiều kỷ niệm, với hy vọng tình duyên trái ngang không thành được thanh thân bay đi. Được biết Pont Des Arts de Paris cũng nổi tiếng với trăm ngàn ổ khóa tình yêu, chứng tích của những lời thề nguyện trên dòng sông Seine trữ tình, lặng lẽ trôi muôn thuở.

Vào dịp Tết Bính Thân, ông Hoàng Văn Được về thăm nhạc sĩ Nguyễn Văn Đông

ở quê nhà, được ông tặng nhạc phẩm "Tình Thu Trên Sông Seine", sáng tác đầu năm 2015, do ca sĩ Elvis Phương vừa mới thu âm đúng vào đầu năm 2016. Khi ông Hoàng văn Đước gởi tặng bài viết, tôi là người thứ hai biết lai lịch bản nhạc này. Khi nghe Elvis Phương hát, tôi thật sự xao xuyến và nhớ đến Paris tôi đã ghé thăm vài lần với Tâm Hảo, gặp gỡ bạn bè từ thuở trung học: BN, LTP ... và những bạn yêu âm nhạc: QVT, MC, HY, TTT, LC ... Trong số những thành phố tôi đã có dịp du lịch, Paris là thành phố tôi yêu thích nhất. Sau vài năm xa Paris tôi lại thấy nhớ và mong ước trở lại - vào một dịp mùa Thu nào đó!

Theo lai lịch bài hát ở dưới, tác giả Nguyễn văn Đông đã đến Paris theo công vụ vào thập niên 60 và trái tim của người thanh niên ấy cũng đã rung động vì một bóng hồng, trong không gian lãng mạn của Paris, của dòng sông Seine trữ tình, lung linh ánh sáng muôn màu vào chiều tối, tuyệt diệu nhất có lẽ là vào mùa Thu lá vàng ... Mời quý vị đọc bài viết của thân hữu Hoàng văn Đước ở dưới và cũng xin lắng đọng tâm hồn để nghe Elvis Phương hay Tâm Hảo giải bày tâm sự của tác giả "Tình Thu Trên Sông Seine", ký ức trôi về từ nửa thế kỷ trước: "Mùa Thu lá rơi. Tình ơi tình ơi, ru mãi trong tôi".

Phan Anh Dũng

(9 tháng 4, 2016 – hiệu đính 5 tháng 10, 2018)

TÌNH THU TRÊN SÔNG SEINE

(Hoàng Văn Đước viết từ chuyện do chính NS Nguyễn Văn Đông kể, Tết Bính Thân 2016)

Từ bao đời, Paris thủ đô của nước Pháp, nổi tiếng là Kinh thành ánh sáng, là Trung tâm nghệ thuật và văn hóa thế giới, ghi lại cho đời biết bao áng thơ văn tuyệt tác của những danh nhân khắp nơi trên hoàn vũ về một Paris Tình Yêu và Nỗi Nhớ. Paris nổi tiếng toàn cầu với Tháp Eiffel, Bảo tàng Louvre, cung điện Versailles, Nhà thờ Đức Bà với hàng trăm kiến trúc Gothique cổ xưa nguy nga tráng lệ. Paris còn có những thắng cảnh hữu tình dạt nên thơ nhạc còn lóng lánh giọt lệ ái ân thời cổ đại với những khu vườn cổ tích Tuileries, Luxembourg lãng mạn ... nhưng có lẽ sông Seine mới thật sự là đề tài thi vị nhất, gợi nhiều cảm hứng cho tao nhân mặc khách Việt Nam, vốn là du học sinh đến với kinh thành hoa lệ này, bắt đầu sự nghiệp thi ca của mình như Vũ Hoàng Chương, Nguyên Sa, Cung Trầm Tưởng khi tuổi đời còn rất trẻ. Từ trên đỉnh chót tháp Eiffel, phóng tầm mắt nhìn ra dòng sông Seine chảy dài giữa lòng phố thị Paris, trôi qua những chiếc cầu lịch sử, tô điểm cho kinh thành tình ái thêm bội phần lung linh huyền ảo khi du khách thả thuyền trôi trên dòng sông Seine giữa mùa thu khoác áo sương mù. Ngày ấy, Nguyên Sa có những vần thơ triu mến đầy trắc ẩn:

Paris có gì lạ không em?

Mai anh về giữa bên sông Seine.

Anh về giữa một giòng sông trắng,

Là áo sương mù hay áo em?

Cùng với Nguyên Sa ngày đó, Vũ Hoàng Chương cũng để lại cho đời những vần thơ trác tuyệt dành cho tình yêu sông Seine:

Anh hiểu! Vàng thu sẽ dậy men.

Lá rơi vàng kín mặt sông Seine.

Hồn anh sẽ động dài trên lá.

Để giúp em màu đàn áo len

Sông Seine là thế, như dáng liễu kiều sa đài các, mang mộng寐 liêu trai đi vào hồn nhạc của Nguyễn văn Đông, thời son trẻ độc thân của nửa thế kỷ trước, nay tái hiện trong ca khúc “Tình Thu Trên Sông Seine”, khi tác giả chạnh lòng hồi tưởng:

*Thuyền tình anh đầy trăng đầy sao trời
nhấp nhô.*

Dòng sông Seine mộng mơ

đầy thơ vô đôi bờ.

Thuyền lênh đênh

trên dòng sông mùa thu,

*Khói sương mù như màu áo em nên anh
yêu mây chiều lãng du.*

Khi ký ức ủa về cho hương gầy mùi nhớ. Chuyện kể đầu năm 1960, nhạc sĩ Nguyễn văn Đông nhận lệnh đưa Đoàn văn nghệ Vì Dân sang trình diễn ở Paris, thủ đô nước Pháp. Thuở ấy có khoảng 100 ngàn kiều bào ta đang sinh sống trên toàn quốc Pháp cùng một số du học sinh theo học các ngành nghề ở các trường Đại học Paris. Khi ấy, nhạc sĩ Nguyễn văn Đông, Trưởng đoàn văn nghệ Vì Dân, đã đề bạt nghệ sĩ Trần văn Trạch, một thành viên của đoàn, bay qua Paris trước lập tiền trạm.

Thời kỳ đó dân tình đã có sự đối chọi nhau vì màu sắc chánh trị phân chia giữa Quốc gia và Cộng sản, đặc biệt là trong giới du học sinh Việt Nam. Vì những lý do tế nhị, Đoàn Văn Nghệ Vì Dân được lệnh hoạt động độc lập, không dựa vào Tòa Đại sứ Việt Nam ở Pháp, để dễ bề tiếp xúc mọi giới kiều bào, tạo thuận lợi cho việc thu phục nhân tâm hướng về Quốc gia. Cuộc diện ngày ấy khá thuận lợi, khi ở thành phố Paris có ông Phạm văn Mười, Việt kiều quốc tịch Pháp, tục danh là Thầy Mười chủ nhà hàng “La table du Mandarin”, trên đường Rue de l’Echelle, ông Mười dành cho Đoàn Vì Dân dùng làm nơi gặp gỡ các thành phần kiều bào thiện chí cùng giới văn nghệ sĩ tha hương muốn góp phần vào chương trình hướng về quê nhà. Ngày ấy đã có những du học sinh hồi hương về nước như: thi sĩ Hoàng Anh Tuấn, đạo diễn Lê Hoàng Hoa, cùng một số văn nhân tài tử một thời lê gót khắp Paris, đã đóng góp cho Trường đoàn Vì Dân nhiều sáng kiến quý giá, nhằm đột phá vào thành trì ý thức hệ không dễ thu phục trong một sớm một chiều. Dưới màu áo lữ khách, nhạc sĩ Nguyễn văn Đông cùng nghệ sĩ Trần văn Trạch nghiên cứu đời sống kiều bào ở Paris, thiết lập các cơ sở tình cảm, nhằm đưa 4 thành viên của Đoàn Vì Dân là các nhạc sĩ Mạnh Phát, Thu Hồ, Minh Kỳ, Hoài Linh - tứ trụ trợ thủ của Trường Đoàn, sang điều hợp chương trình - trước khi Đoàn Vì Dân qua trình diễn vào mùa Thu năm 1960. Nữ diễn viên điện ảnh nổi tiếng tài sắc Trang Thiên Kim - thành viên của Đoàn Vì Dân, thành thạo hai

ngôn ngữ Pháp và Anh văn - được phân công thực hiện “script” đặc biệt về sinh hoạt của sinh viên Việt Nam ở khu Quartier Latin, Paris, khi ấy còn có tục danh là “Xóm học” để dùng lồng vào chương trình văn nghệ. Đoàn Văn Nghệ Vì Dân được lệnh chia nhỏ từng tốp 3 người, với công tác “trao đổi văn hóa”, từng đợt sang trình diễn theo lịch trải rộng trong thời gian 3 năm. Vào mùa Thu năm đó ở Sài Gòn, Đoàn Vì Dân dồn tổng lực vào việc tổ chức thật quy mô chương trình “Đại Nhạc Hội Trăm Hoa Miền Nam” do bà cố vấn Ngô Đình Nhu chủ trì, nhằm đối kháng lại phong trào trăm hoa đua nở ở Miền Bắc. Một số kiều bào và du học sinh ở Paris được mời về tham dự Đại hội này.

Mọi sinh hoạt nghệ thuật kể trên đều xuất phát từ chương trình “Hoa Hướng Dương” do Trung Tướng Nguyễn văn Là đề xuất, khơi dậy từ ý tưởng Đại Hội Thi Đua Văn Nghệ Toàn Quốc, do Đoàn Vì Dân tổ chức vào năm 1959 tại thủ đô Sài Gòn - do bà Cố vấn Ngô Đình Nhu chủ trì bảo trợ. Tướng Là đã hoạch định ra kế sách “Vì sự an nguy Tổ quốc”, hướng ra hải ngoại, thu phục nhân tâm, chiêu hiền đãi sĩ. Ngày đó nhạc sĩ Nguyễn văn Đông đã chu toàn nhiệm vụ giao phó nhưng nỗi niềm riêng về một dòng sông kỷ niệm trong “Tình Thu Trên Sông Seine”, gợi nhớ về một bóng hồng trong chiến dịch “Hoa Hướng Dương” năm xưa trôi theo dòng đời hơn nửa thế kỷ qua, nghe lại vẫn làm xao xuyến trong tim: *Ngồi bên nhau thầm mong ngày sau ta*

có nhau. Dòng sông ơi đừng mang người đi chẳng hẹn kỳ. Thuyền đưa ta về nơi thật xa khuất nơi kinh kỳ. Mai này còn hương ngày cũ, anh nương tìm về. Theo dòng đời trôi nổi, nhân vật cùng dòng sông trong ca khúc đều có định mệnh riêng. Mặc ai nhớ ai quên, ký ức có nhạt nhòa, kỷ niệm có tàn phai theo năm tháng nhưng cảnh cũ vẫn sừng sững còn đó in dấu cố nhân:

*Kìa cầu Royal khi ta mới quen.
Thuyền qua Alma đêm trao chiếc hôn.
Tiễn em qua cầu hoa vàng ngập lối.
Môi em hé run: "Mùa thu lá rơi"*

Trong văn chương Pháp, Paris là người tình đắm đuối đầy si mê nhưng hay thất hứa, biến suy ngay cả trong vòng tay ân ái mặn nồng. Vì đâu nên cuộc bể dâu? Paris là Kinh đô ánh sáng, là Trung tâm văn học nghệ thuật, Paris là nơi hội tụ Bắc học tinh hoa thế giới, người người đua chen với tới tầm cao trí tuệ nên tình yêu chân chất thường trĩu nặng những ưu phiền: *Chào Paris! Tình yêu người đi hay biến suy. Dòng sông Seine buồn trôi vì ai lỡ xuân thì. Mùa Thu nay người xưa về đâu lá thu sầu. Bay vờn bàn chân viễn xứ vấn vương thương hoài.*

Tác giả Nguyễn Văn Đông xin chào Paris tình yêu - nhân lần trở lại, một lần nữa nghẹn ngào với dòng sông Seine, kỷ niệm âm thầm xuôi chảy chẳng hẹn mang người về.

Hoàng Văn Đước

Tình Thu Trên Sông Seine

Nhạc & lời: Nguyễn Văn Đông



Thuyền tình anh đây trăng đây sao trôi nhấp nhô Dòng sông Seine mộng mơ đây thơ vô



đôi bờ Thuyền lênh đênh dòng sông mùa Thu khói sương mù Như màu áo



em anh yêu mây chiều lãng du Ngồi bên nhau thắm mơ ngày sau ta



có nhau Dòng sông ơi đừng mang người đi chẳng hẹn kỳ Thuyền đưa



ta về nơi thật xa khuất kinh kỳ Mai này mùi hương ngày cũ anh mong tìm



về Kia cầu RO - YAL đêm ta mới quen Thuyền qua AL -

20
 MA đêm trao chiếc hôn Tiên em qua cầu hoa vàng phủ
 Xóm Học

23
 lối Môi em hé run: "Mùa Thu lá rơi" Chào PA -

26
 RIS tình yêu người đi hay biến suy Dòng sông Seine vì ai buồn trôi lơ

29
 xuân thì Mùa Thu nay người xưa về đâu lá thu sàu Bay vờn bàn

32
 To Coda D.S. al Coda ♩ CODA
 chân viễn xứ vẫn vương thương hoài Thuyền tình... hoài MÙA THU LÁ

35
 RƠI TÌNH OI TÌNH OI RU MÃI TRONG TÔI



TÌNH THU TRÊN SÔNG SEINE - Nhạc và lời: Nguyễn Văn Đông

1. Thuyền tình anh đầy trăng đầy sao
trôi nhấp nhô.
Dòng sông Seine mộng mơ đầy thơ
vỗ đôi bờ.
Thuyền lênh đênh dòng sông mùa Thu
khói sương mù
Như màu áo em
anh yêu mây chiều lãng du.

2. Ngồi bên nhau thắm mong ngày sau
ta có nhau.
Dòng sông ơi đừng mang người đi
chẳng hẹn kỳ.
Thuyền đưa ta về nơi thật xa
khuất kinh kỳ,
mai này mùi hương ngày cũ
anh nương tìm về.

ĐK: *Kìa cầu Royal đêm ta mới quen.
Thuyền qua Alma đêm trao chiếc hôn.
Tiễn em qua cầu, hoa vàng phủ lối,
môi em hé run: "Mùa Thu lá rơi".*

3. Chào Paris! Tình yêu người đi
hay biến suy.
Dòng sông Seine buồn trôi vì ai
lỡ xuân thì.
Mùa Thu nay người xưa về đâu lá thu sàu
bay vờn bàn chân viễn xứ,
vấn vương thương hoài.

CODA: MÙA THU LÁ RƠI. TÌNH ƠI
TÌNH ƠI, RU MÃI TRONG TÔI



Tâm Hảo hát: TÌNH THU TRÊN SÔNG SEINE

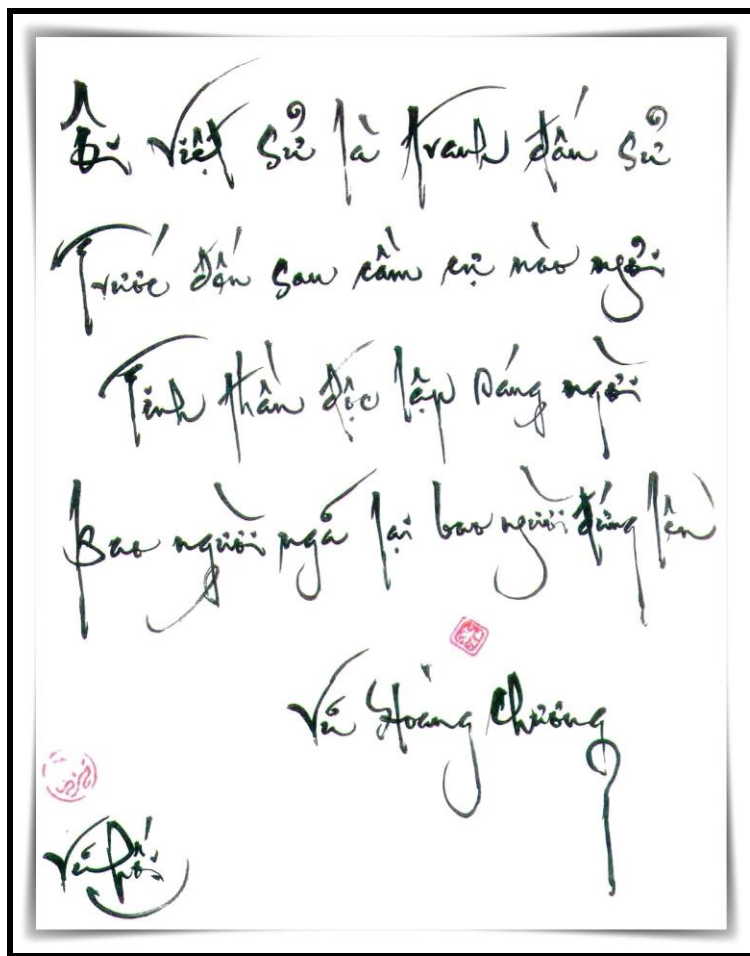
<https://www.youtube.com/watch?v=qtQEv0j2giw>



Nguyễn Văn Đông
Trần Văn Trạch thời '60



Nguyễn Văn Đông
Ngày trở lại Paris 2004



VIỆT SỬ

*Ôi Việt Sử là tranh đấu sử Trước đến sau cầm cự nào ngơi
Tinh thần độc lập sáng ngời Bao người ngã, lại bao người đứng lên*

Thơ: **VŨ HOÀNG CHƯƠNG**

Thư họa: **VŨ HỐI**

(Trích trong tuyển tập “Tranh Đấu Sử Thi”)

PHÂN ƯU

Nhận được tin buồn:

Bà **TRẦN TRINH THUẬN**

(tức bà quá phụ **CHỮ BÁ ANH**)

pháp danh: HẠNH THIÊN

bút hiệu : **Vi Khuê**

Chánh quán Thừa Thiên

Từ trần: 25 tháng 9 năm 2018 tại Virginia USA

Hưởng thọ 88 tuổi âm lịch

**Thành thật chia buồn cùng Ông Trần Đại Bản, gia đình Chử Nhất Anh,
Chử Nhị Anh, Chử Tứ Anh và toàn thể tang quyến.**

**Nguyện cầu hương linh Bà Vi Khuê Trần Trinh Thuận
sớm được tiêu diêu nơi miền cực lạc**

Ban Điều Hành Cơ Sở Có Thơm, một số văn thi hữu và thân hữu:

Phan Anh Dũng, Phan Khâm, Trần Bích San, Đỗ Trảng Mỹ Hạnh, Nguyễn Thị Ngọc Dung, Trương Anh Thụy, Nguyễn Văn Thành 1923, Ngô Tăng Giao, Phạm Văn Tuấn, Vũ Hối, Nguyễn Lâm, Diễm Hoa, Nguyễn Phú Long, Trần Quốc Bảo, Hoa Văn Ngô Văn Hòa, Tuệ Nga, Hoàng Song Liêm, Thanh Thanh Lê Xuân Nhuận, Uyên Thao, Hoàng Thị Bạch Mai, Bùi Thanh Tiên, Phạm Trọng Lệ, Phong Thu, Diễm Trân, Lý Hiếu, Đỗ Ngọc Phú, Hồng Thủy, Ý Nguyên, Phạm Bá, Huy Lãm, Hoàng Dân Bình, Tiểu Thu, Cát Đơn Sa Diễm Châu, Hồ Trường An, Phạm Thị Nhung, Đỗ Bình, Tâm Hào, ÔB Đàm Xuân Linh, ÔB Phạm Xuân Thái, ÔB Dương Ngọc Hoán, ÔB Vũ An Thanh, ÔB Hoàng Cung Fa-Hoàng Dung, ÔB Đinh Hùng Cường, Thủy Diễm, Nguyễn Thị Thanh Bình ...



TƯỜNG NIỆM NỮ SĨ VI KHUÊ TRẦN TRINH THUẬN (1931-2018)



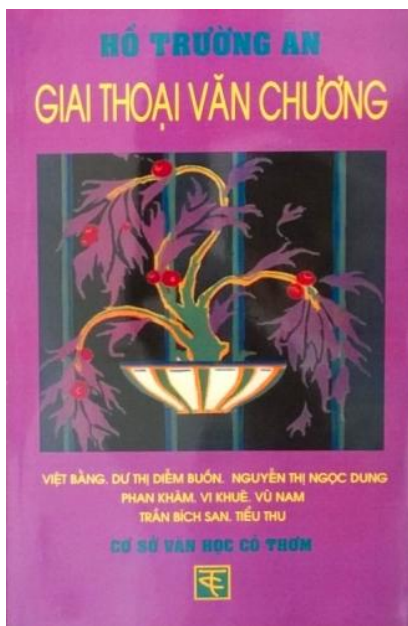
HỌP MẶT CỎ THƠM 2009 – Falls Church, Virginia USA

Hàng ngồi: Bùi Thanh Tiên, Hoàng Dung DC, Hà Bình Trung, Nguyễn Thị Ngọc Dung, Trương Anh Thụy, **VI KHUÊ**, Hồng Thủy, Nguyễn Lân, Ngô Tăng Giao, Tạ Quang Trung

Hàng đứng: Phan Khâm, Đặng Nguyên, Vũ Hối, Phan Anh Dũng, Thủy Senser, Nguyễn Văn Bá, Huy Lãm, Lê Thương, Nguyễn Ngọc Bích, Nguyễn Phú Long, Trần Bích San

THEO CHÂN NỮ SĨ VI KHUÊ ĐI TRÊN LỚP SÓNG PHÉ HUNG CỦA VĂN CHƯƠNG HẢI NGOẠI

* Hồ Trường An *



Bắt đầu từ năm 1985, văn đàn Việt Nam ở hải ngoại mới được phái đẹp tham gia tích cực và đóng góp nhiều văn phẩm thi phẩm có giá trị. Nhưng trước đó, từ năm 1975 cho tới 1981, văn đàn vốn quanh quẽ tiêu điều, trần cảm vắng bóng, thụ điều biệt tâm, bướm đẹp chưa chui ra khỏi ổ kén. Các cây bút phái mạnh đã từng vang danh nổi tiếng trong nước một khi ra hải ngoại ở bước đầu định cư vì phải lo vấn đề cơm áo nên họ ngại cầm bút, hướng hồ là bậc nữ lưu phải vừa kiếm sống vừa lo việc nội trợ tề gia?

Tuy nhiên, hai Nhà Văn Nữ Túy Hồng và Trùng Dương khi ra hải ngoại (từ năm

1975) vẫn viết lách cầm chùng. Nhưng văn phẩm của họ thiếu chất men nồng ngát say sưa để khơi dậy nguồn cảm hứng, thiếu ngọn lửa đỏ để đun sôi nhiệt huyết can trường, thiếu luôn ánh mặt trời nên khó thể làm nở hoa thần trí sáng tạo. Cho nên tác phẩm của họ chỉ ở mức độ vô thưởng vô phạt mà thôi, không còn phong độ sắc sảo như hồi còn ở trong nước. Cái căn phần bất hạnh của lịch sử hãy còn khơi vết thương rỉ máu trên trái tim và trong tâm hồn họ. Vết thương ấy trong một sớm một chiều dễ nào khép miệng chứ nói gì đến trạng thái lành lặn. Và rồi theo vận hành tiêu cực, ngòi bút của họ sa sút dần cho đến nỗi họ phải gác bút. Trùng Dương rút lui trước, Túy Hồng nói gót theo sau, chìm dần vào vùng bóng tối và sương mù của lãng quên.

Tạp san Văn Học Nghệ Thuật do Võ Phiến và Lê Tất Điều chủ trương trước 1980 đã khám phá được hai cây bút nữ lưu mới toanh và sáng giá. Đó là Hoàng Dung và Nguyễn thị Ngọc Liên. Tạp san Đất Mới do Thanh Nam và Mai Thảo chủ trương cũng khám phá được một tay cự phách văn chương phái nữ để về sau này hợp cùng Trần Diệu Hằng, Phan thị Trọng Tuyên, Nguyễn thị Ngọc Nhung, Nguyễn thị Hoàng Bắc tạo thành một lực lượng mới. Đó là Nhà Văn Nữ Lê thị Huệ. Nhưng Hoàng Dung và Nguyễn thị

Ngọc Liên không thừa hơi sức, chỉ thổi một cơn gió nhẹ quá và mỏng quá, chỉ làm lay động khóm cỏ bông rồi im bật. Lê thị Huệ thì bền bỉ hơn, lâu lâu thổi một cơn heo may vi vút lay động khóm thùy dương hay chòm lê liễu lao xao cho tới hiện giờ.

Vào tháng 7 năm 1982, tạp san Văn do Mai Thảo chủ trương đã thấp thêm hào quang cho hai chị Tuệ Nga và Vi Khuê. Đó là hai nhà thơ nữ mà trước năm 1975 đã từng đóng góp cho thi đàn miền Nam mỗi người một pho phương cáo sáng giá qua hình thức tập thơ: “Suối” của Tuệ Nga và “Giọt Lệ” của Vi Khuê. Trên đất nước quê hương, mạch sáng tác của họ hãy còn thừa thốt rỉ rả. Riêng về chị Vi Khuê, theo tôi được biết, vào thời điểm trước 1975, chị quá bận rộn chức vụ hiệu trưởng trường Trung Học Tư Thục Đệ Nhị Cấp Văn Khoa tại Đà Lạt, sau khi đã từ dịch khỏi ngành Thông Tin Văn Hóa của chính phủ Việt Nam Cộng Hòa với 20 năm công vụ thâm niên. Đó có nghĩa là, trong chặng đường thanh xuân của Vi Khuê, chị đã luôn luôn bận rộn với công việc mưu sinh xây dựng trên hai ngành văn hóa và giáo dục. Cho nên dù muốn dù không, chị không thể đem hết tâm cơ để dấn thân vào cuộc bút trình và vào công việc tạo dựng sự nghiệp văn chương cho mình. Chính văn chương mới là địa hạt thích hợp với khả năng, sở trường và hoài bão của chị. Như từ 1980 đến nay, độc giả kiêu bào chúng ta há không chứng kiến cái lâu đài văn chương của chị nếu không nguy nga thì cũng tráng lệ hay sao? Nhắc lại thời điểm trước cái

mốc lịch sử, lúc ấy cơn bão thời cuộc đang lộng hành, đất nước đang oằn oại trong khói lửa đạn bom. Nhưng khi Chị Vi Khuê từ thành phố Đà Lạt ra đi giữa lúc Miền Nam Việt đang hấp hối thì cùng một lúc đó chị Tuệ Nga theo làn sóng di tản qua đảo Guam. Sau khi tìm đất nước Hợp Chúng Quốc để định cư, cả hai cầm bút trở lại. Mạch sáng tác của họ trở thành phồn thịnh, kho tàng cảm hứng của họ trở nên phong phú và khởi sắc tuyệt vời. Từ đó cho tới nay, Tuệ Nga vẫn miệt mài làm thơ, cho xuất bản khá nhiều thi tập. Còn Vi Khuê, thi sĩ, vẫn không bỏ thơ một khi đã khám phá ở chính mình cái khả năng sáng tác văn xuôi dồi dào chẳng kém. Hai thể loại văn chương của chị song hành với nhau, cùng đưa tên tuổi chị lên đỉnh cao sơn Olympia huy hoàng ánh sáng. Thơ Tuệ Nga theo đường lối bán cổ điển đẹp như gấm thêu hoa, nối gót Vũ Hoàng Chương, Đông Hồ, Mộng Tuyết Thất Tiểu Muội. Thơ Vi Khuê vượt thời gian, gọi nên hình ảnh rực rỡ trong lăng kính vạn hoa, được hình thành qua nhiều thể loại, thích ứng với sự biến hóa không ngừng nghỉ của bộ môn nghệ thuật sáng tác cao quý nhất này.

Khi định cư ở Virginia, từ năm 1975 Chị Vi Khuê cùng phu quân bắt tay vào công cuộc làm văn hóa: cả hai làm báo, tổ chức trường dạy tiếng Việt cho trẻ em Việt Nam, đặt ra giải thưởng Nguyễn Du dành cho cuộc thi thơ độc đáo... Còn riêng chị Vi Khuê vẫn tiếp tục làm thơ, viết truyện ngắn, viết khảo luận, bắt lấy làn sóng điện của Đài Phát Thanh Mỹ tại Hoa-tingh-đồn để nói lên Tiếng Nói của

Cộng Đồng Việt Nam đầu tiên vừa hội nhập quê hương mới này... Chính giải thưởng thơ Nguyễn Du này đã lôi ra ánh sáng rực rỡ của Tiểu Bang California một ngôi sao thi ca nữ giới mà trước đó tên tuổi hãy còn chìm trong bóng tối mê mông các cộng đồng kiều bào ở nơi này. Đó là nhà thơ nữ Trần Mộng Tú.

Tôi được quen biết Chị Vi Khuê vào năm 1984 thì phải. Thư từ và điện thoại viễn liên trao đổi cho tới năm 1987, tôi mới được diện kiến chị trong dịp chị cùng Nhà Báo Chử Bá Anh sang viếng Kinh Đô Ánh Sáng Paris. Trong bữa tiệc do Nhà Văn Nữ Thụy Khuê khoản đãi, chị mặc y phục bằng lụa mỏng nhẹ màu đen rất hợp với mái tóc uốn khá cao phồng chiếc gáy trắng ngần, hợp với đôi bàn tay thắp bút mềm mại và nõn nà. Nhưng màu đen không làm cho chị có vẻ buồn bã đâu. Nữ trang nạm kim cương thanh nhã, phấn xoa mặt màu hồng đào phơn phớt, son tô môi màu hồng ngọc sáng bóng làm chị có vẻ mệnh phụ đài trang.

Vào năm 1989, tôi qua viếng tiểu bang Virginia, lúc ấy Anh Chử Bá Anh và Chị Vi Khuê rời bỏ thành phố Arlington, thiên cư về thành phố Burke cũng thuộc lãnh thổ Virginia. Căn nhà của họ thật tráng lệ, nhưng sao mà mê mông và lạnh lẽo vì chỉ có hai vợ chồng sống bên nhau. Trong thời gian đó, bốn người con của họ đã thành đạt và còn muốn trau dồi học vấn ở trình độ cao hơn nữa nên không có mặt ở nhà. Nếu cả hai anh chị không xông pha vào làng văn chợ báo thì họ sẽ bị cái buồn tịch liêu đè nặng trên tâm hồn theo ngày qua tháng lại. Chính

tại nơi đây, Anh Chử với tài năng làm báo uyển chuyển và tinh tế đã nâng tờ Phụ Nữ Diễn Đàn lên cương vị bán chạy hàng đầu. Và cũng chính nơi đây, Chị Vi Khuê viết báo phong phú và sáng tác thật ngoạn mục. Ngòi viết của chị một khi đặt trên trang bản thảo là tung hoành như sư tử hí cầu và chạy thoăn thoắt như thuyền buồm rẽ sóng lướt ra khơi. Một bước khởi hành đầy hứng thú!

Lúc đó, tuy vào tiết cuối xuân, thế mà khóm cây liên kiều trong vạt đất trước nhà vẫn thịnh phóng hoa vàng rực nắng. Hôm thăm viếng đó, tôi được Anh Chử và chị Vi Khuê đưa đi ăn trưa ở một tiệm sang trọng trong khu Phố Tàu và ăn tối trong tiệm bán đồ hải sản. Đó là hai nơi mà nhà báo siêu sao "CBA" rất xứng ý dùng để chiêu đãi bạn bè.

Rồi sau đó vài hôm, trong buổi dạ yến Do Nhà Văn Nữ Trương Anh Thụy thiết đãi viển khách từ nước Pháp xa xôi đến thăm chính là tôi đây, vợ chồng Chị Vi Khuê cũng được mời tham dự. Cũng vẫn dung quang tươi sáng, cũng vẫn cách trang điểm lộng lẫy như vào hai lần gặp gỡ trước, nhưng chị diện chiếc áo cổ tròn tay ngắn tới khuỷu. Chiếc áo ấy bằng chỉ tơ trắng dệt lẫn với chỉ tơ màu thùy lục rất đẹp. Chị đeo hoa tai, nhẫn nạm bích ngọc; hai cườm tay lồng vào hai chiếc vòng ngọc thạch xanh thắm. Màu sắc phục sức hài hòa với màu trang điểm, lại hợp với ánh sáng rực rỡ của buổi xế mùa xuân êm đềm. Hôm đó, Chị Thụy, nữ chủ nhân có bảo tôi: Hai cô con gái của Chị Vi Khuê, ngoan ơi là ngoan!

Nguyệt San Phụ Nữ Diễn Đàn đã ân cần giới thiệu hai Nhà Thơ Nữ là Trân Sa và Hàn Song Tường cùng Nhà Văn Nữ Trần thị Diệu Tâm. Về sau, Hàn Song Tường và Trần Mộng Tú nối gót Chị Vi Khuê: vừa viết văn vừa làm thơ, ở lãnh vực nào họ cũng oanh liệt như các dũng tướng xung trận. Còn Trân Sa miệt mài với thơ, viết truyện ngắn cầm chừng rồi bỏ cuộc môn sáng tác tay trái của mình (tức là môn văn xuôi). Riêng Trần thị Diệu Tâm chỉ chuyên viết văn rặc rỗng. Cả bốn trở thành bốn ngôi sao rực sáng trong dải quần tinh Ngân Hà từ lúc khởi nghiệp văn chương cho tới bây giờ.

Về văn xuôi, Chị Vi Khuê viết truyện ngắn và biên khảo và thoại kịch, bi lẫn hài. Đã vậy, chị sắm vai bà Táo mỗi năm một lần đọc số dài đến mấy trăm câu do chính tay chị soạn để trình lên Thượng Đế thật vui nhộn. Tuy nhiên chị chưa viết truyện dài. Đề tài trong các truyện ngắn của chị gồm cuộc sống nhọc nhằn của đồng bào ở quê nhà đang bị bao vây bởi bức màn tre và cuộc sống lạc phương hướng của kiều bào khắp bốn phương trời hải ngoại. Bằng lối văn trong sáng như dòng suối chảy thán thót trên lớp cát vàng óng mịn, chị vẽ ra nhiều thảm trạng thương tâm. Chị viết văn không bằng ngọn lửa hận thù theo làn sóng thời thượng. Chị biết tự chủ lấy ngòi bút của mình, viết văn bằng một thái độ ung dung điềm đạm, bằng ánh sáng thiên lương soi rọi tỏ rạng cảnh thiên bạch nhật. Cho nên văn chương của chị có nồng độ truyền cảm không gay gắt nhưng rất thấm thía. Chị đi theo bước chân của Nữ Sĩ Pearl S.

Buck (Hoa Kỳ) và Eleen Chang (Trương Ái Linh, Trung Hoa), không bù lu bù loa khi diễn tả cảnh thương tâm, không hằn học chì chiết khi nói đến cảnh trái tai gai mắt. Chị viết viết văn bằng sự thăng bằng và hòa điệu giữa lý trí và tình cảm; đôi mắt dò xét rất thông minh của chị nhìn sâu vào từng lớp sóng phé hưng của lịch sử, vào từng thời cuộc tráo trở, vào từng tấn bi kịch của đời sống, vào từng cái tê nhị phức tạp của nội giới con người.

Trong truyện ngắn, Vi Khuê biến kiến thức về chính trị thành hình sương bóng khói giăng bạng bạc khắp tác phẩm. Chị không tương vào đó một cách cầu thả vụng về đăm ba tài liệu chính trị khô cứng vô hồn.

Thi ca của Vi Khuê đủ thể loại: thơ lục bát, thơ thất ngôn bát cú, thơ tứ tuyệt, thơ tám chữ, thơ tự do, thơ gồm nhiều đoạn (strophes) mà mỗi đoạn gồm 4 câu bảy chữ, thơ lục bát mà từng cặp được xắn từng mảnh rời và khi đọc qua chúng ta tưởng đâu đó là thơ tự do. Đề tài trong thi ca của chị rất phong phú: tâm linh, tôn giáo, tâm tình đượm nhuần Thiên phong Thiên vị, hiện tình đất nước, nỗi buồn lưu vong, những thảm trạng của nhân loại, tình yêu pha trộn nhiều nhân sinh quan rất mới và rất cập nhật. Còn trường phái thi ca của chị thì sao? Hình như chị làm thơ tùy hứng: khi thì trường phái cổ điển, khi thì trường phái lãng mạn, khi thì trường phái hiện thực, hoặc trường phái ấn tượng, hay trường phái siêu thực... Nhưng nhờ thần trí sáng tạo dồi dào và nhờ trái tim mẫn cảm, chị làm loại thơ nào cũng chói chan thần trí sáng tạo. Đến

đổi hai loại thơ lỗi thời là thơ cổ điển và thơ lãng mạn (qua đề tài tình yêu), chị vẫn áp dụng triệt để sự canh tân. Cho nên thơ theo hai trường phái ấy dưới ngòi bút của chị có nhiều ngữ pháp mới, nhiều ngôn từ sáng tạo rất kỳ thú, nhiều cánh cửa đẩy thơ lọt ra khỏi sào huyệt quen thuộc bé nhỏ, đưa thơ vượt qua khuôn khổ nhàm chán để bay vào khung trời mênh mông tình ý viễn thâm.

Về thi ca, Vi Khuê biến những tư tưởng tâm linh, kiến thức về tôn giáo, nhân sinh quan thành những chất liệu rất thơ. Chị không nhồi nhét vào đó những câu kinh bài kệ, những đoạn trong loại sách Học Làm Người của Nguyễn Hiến Lê một cách bừa bãi và lộ liễu, chẳng những để tránh cho thơ khỏi méo mó tật nguyên mà còn làm thơ thêm sâu sắc về triết lý sống. Chị Vi Khuê sáng tác thơ và truyện ngắn dồi dào như rải mưa hoặc ướp sương cho khu vườn cây cỏ xanh tươi, cho chồi non lộc biếc nhú mầm, cho nhánh non cành già tươi ngần ngắt.

Từ năm 1987 cho tới trở về sau, văn chương nữ lưu như trăm hoa thịnh phóng với nghìn tía muôn hồng chen chúc; nhưng trong vàng vẫn có chen lộn chì thau, hay trong ngọc vẫn có trà trộn sỏi đá. Rồi văn chương đương đại và văn chương hậu hiện đại lần lượt xuất hiện, được quý bà quý cô tung bồng chào đón và phân khởi tham gia. Nhưng chị Vi Khuê vẫn không thay đổi đường lối sáng tác mà chị đã từng vạch nên một chân trời in 7 sắc cầu vồng lộng lẫy. Chị không chấp nhận thời trang, không quen các cuộc phiêu lưu liêu lĩnh trong văn

chương một khi chị đã có một cương vị sáng chói trên văn thi đàn.

Năm 1996, Anh Chử Bá Anh đột ngột từ trần. Tin bay nhanh làm sững sốt cả cộng đồng, nhất là giới truyền thông, báo chí. Còn lại chị Vi Khuê ở một mình trong ngôi nhà vắng lạnh. Các con chị đều ở xung quanh ngôi nhà chị, nhưng mỗi người có một gia đình riêng.

Sau biến cố 9.11.2001, Chị Vi Khuê bán nhà để lãng khuây kỷ niệm và dọn về nơi biệt thất của cô trưởng nữ Chử Nhất Anh. Nhưng chị vẫn có ngôi nhà riêng của chị xây liền với nhà con gái. Nếp nhà đầy đủ tiện nghi. Đúng là một thư trang, hay như một viện sách với rất nhiều cửa sổ, nền bằng gỗ liếp bóng loáng như gương soi và nổi vân ngoạn mục. Mọi nơi đều sạch sẽ thơm tho như trong trí tưởng của “nhà thơ”. Sống chung mà riêng, riêng mà chung. Thường thường, các con của chị cùng dâu rể về họp mặt xung quanh chị vào những ngày cuối tuần. Cuộc sống của chị vẫn nhàn lạc, vẫn âm cúng như tự xưa giờ. Chị tiếp tục viết lách, dự các buổi ra mắt sách, dự các cuộc tiếp tân văn nghệ, cố giữ nếp sống bầu bạn keo sơn với văn chương như khi Anh Chử còn sinh tiền. Ai biết được ở con người có vẻ kiêu nhược như chị mà vẫn có tinh thần vững mạnh như cây thanh tùng trên đỉnh cô sơn? Chị không hề bỏ cuộc sáng tác, vẫn luôn luôn hăm hở với văn chương, ung dung thực hiện những dự định mà chị đã từng vạch ra.

Chị Vi Khuê viết thư thăm hỏi tôi thỉnh thoảng. Chị trình bày lá thư thật sạch sẽ và đẹp đẽ. Phong bì thư đều dán tem quý.

Nét chữ của chị không gò gẫm, rất mềm mại và uyển chuyển: nét buông xuống, nét đá lên, nét khoanh tròn đều minh bạch. Bạn hữu của chị đều cho rằng chị thích nét đẹp trong mọi sự biểu hiện sinh hoạt hằng ngày, và giấc mơ sẽ thực hiện được trong tương lai gần là nét chữ đẹp của chị sẽ được giữ lại nơi Tuyển Tập Thơ Thủ Bút, phát hành trong năm 2006. Cuộc bút trình của Chị Vi Khuê làm tôi liên tưởng đến “Bài Thơ Xanh” mà từ thuở ra mắt thi tập “Cát Vàng” vào năm 1995, chính chị viết lời trần tình:

Bài Thơ Xanh là bài thơ của nguồn hy vọng, sáng ngời hình ảnh, rộn rã âm thanh, bài thơ của ví von tràn đầy nhựa sống:

*“Như tuôn lá đổ về rừng
Như bàn tay mẹ đón mừng con thơ
Như hồng nồn má mửng tơ
Thơm thơm cháu ngoại hôn bà sớm mai
Như non cao tiếp biển dài...
Bờ xa bãi rộng, trăng cài núi xanh...”*

*Như muôn thác lũ về nguồn
Như tìm giếng nhỏ còn tuôn mạch đời
Như bướm căng gió ra khơi
Như cây trái mới đâm chồi lộc non...”*

Đó cũng chính là hình ảnh chị Vi Khuê, người cầm bút nữ đã liên tiếp hoạt động 30 năm qua trên nhiều lãnh vực, tại Thủ Đô Hoa Thịnh Đốn, miền Đông Bắc Hoa Kỳ.

Chú thích: Ở đây, chữ Chị Vi Khuê và Anh Chữ Bá Anh đều được viết chữ hoa, do sự kính trọng của bút giả đối với cả hai vị.

HỒ TRƯỜNG AN: Thưa Chị Vi Khuê, mở đầu cuộc phỏng vấn hôm nay, một lần nữa xin chị lại cho vài nét tiểu sử chính.

VI KHUÊ: Vâng, tôi xin lặp lại một lần nữa nếu nhà phỏng vấn thấy cần thiết.

I - Lý lịch cá nhân: Bút hiệu chính là Vi Khuê. Tên họ là Trần Trinh Thuận. Chánh Quán Huê (Thừa Thiên) Miền Trung Việt Nam. Quê nội: Làng Thạch Bình, Huyện Quảng Điền (Thừa Thiên). Quê ngoại Làng Ưu Điền, Huyện Phong Điền. Học lực Cử Nhân Văn Chương Việt Hán (Viện Đại Học Đà Lạt). Trước năm 1975, tại Việt Nam là công chức, xướng ngôn viên, biên tập viên, diễn viên thoại kịch Đài Phát Thanh Huế, Đà Lạt (Bộ Thông Tin Văn Hóa Việt Nam Cộng Hòa). Sau đó là giáo chức, Hiệu Trưởng Trường Trung Học Tư Thục Đệ Nhị Cấp Văn Khoa tại Đà Lạt.

II. Sinh Hoạt Văn Hóa:

A- Các tác phẩm cá nhân đã xuất bản (thơ và truyện ngắn):

1. Giọt Lệ, thơ 1971 (Việt Nam)
2. Cát Vàng, thơ 1985 (Hoa Kỳ)
3. Ngựa Hồng Trên Đồi Cỏ, văn 1986
4. Tặng Phẩm Tình Yêu, thơ 1991
5. Những Ngày ở Virginia, văn 1991
6. Vãn Chờ Xe Thồ Mộ, văn 1993
7. Hoa Bướm Vườn Thơ Tôi, thơ 1994
8. Thơ Vi Khuê, băng và CD 1985-1997
9. Thơ Trong Mưa Và Hoa, 2001 (Poems in Rain & Flowers) tam ngữ đối chiếu, Việt, Anh, Pháp.
10. Sách dạy tiếng Việt:

- Căn Bản Tiếng Việt (1978), Tập nói và viết tiếng Việt (1979).

- Teach Me Vietnamese, Bảng học tiếng Việt (2000)

- 6 bộ sách hướng dẫn dạy học (Teacher's Guide) soạn cùng Tiến Sĩ Chữ Nhị Anh (trong Ban Tu Thư) được in bằng roneo, phát không cho học sinh, và được phổ biến trên trang "Web" www.vyea.com.

B. Tác phẩm Trong Các Hợp Tuyển Văn Chương (nhiều tác giả): 20 tập.

* Sách báo có bài viết về tác phẩm của Vi Khuê: 17 cuốn.

* Có tên trong Tự Điển Các Nhân Vật Quốc Tế ấn hành tại Anh Quốc (Dictionary of International Biography).

* Có tên trong Tự Điển Tiểu Sử Văn Học về các tác giả, ấn hành tại Hoa Kỳ (American Biographical Institute).

* Có 30 bài thơ phổ nhạc bởi 19 nhạc sĩ tên tuổi như Hoàng Nguyên, Phạm Duy, Lê Hữu Mục, Song Ngọc, Phan Ni Tấn, Trọng Nghĩa, Nguyễn Tuấn, Châu Đình An, Võ Tá Hân, Vũ Đức Nghiêm v.v.

* Được vinh danh trong số 2000 Notable American Women (1994).

* Đã là giám khảo 3 cuộc thi văn chương tầm vóc tại Hoa Thịnh Đốn, Gia Nã Đại và San Jose.

C- Cộng tác với các báo, tạp chí:

* Với hầu hết các tạp chí văn học nghệ thuật Việt Nam tại nước ngoài, từ 1982. Từng là chủ bút Tạp Chí Tin Điện tại Tây Đức.

* Một cây bút chủ lực của Nguyệt San Diễn Đàn Phụ Nữ từ 1982 đến 1996 (14 năm), phụ trách các mục về Văn Học Nghệ Thuật: Tin Tức Người Việt Khắp Nơi (Đào Thị Khánh), Đọc Và Giới Thiệu Tác Phẩm Bạn (Đoàn Văn), Phóng sự từ các Thời Sự Nóng, Sóng Táo Quân (Nguyễn Thị Bình Thường), Thơ và Truyện Ngắn (Vi Khuê). Do đó, phải có nhiều bút hiệu.

* Cũng cộng tác với nhiều Đặc San Huế từ ngày xuất hiện đến nay, cho đến số mới nhất, năm 2005, tại Hoa Thịnh Đốn...

* Cộng tác với các đoàn thể văn hóa tại địa phương Hoa Thịnh Đốn: Hội Giáo Dục Trẻ Em Việt Nam, Hội Văn Bút Việt Miền Đông Hoa Kỳ và Hải Ngoại, Tam Cá Nguyệt San Cỏ Thơm, Nguyệt San Kỷ Nguyên Mới, Câu Lạc Bộ Văn Học Nghệ Thuật (từ ngày mới thành lập đến nay) và Hội Người Việt Cao Niên Hoa Thịnh Đốn.

* Tác phẩm sẽ xuất bản trong năm 2006:

A- Vi Khuê, Văn Nhiều Thể Loại:

Truyện ngắn, Truyện ngắn nhất

Truyện Ngắn Chuyển Ngữ

Truyện Dã Sử

Thoại Kịch Thời Đại: bi, hài

Đọc và Cảm Nghiê Tác Phẩm Bạn

Văn Tiễn Đưa Người (Điều Văn)

Biên Khảo, Suu Tầm

Khảo Luận Văn Học dưới hình thức văn chương

B- Vi Khuê, Thơ, thủ bút...





HOA - Vi Khuê

Sớm mai dậy với sao mai
mới hay trái đất đã quay nửa vòng
đất còn chẳng chịu nằm không
máu tim ta vẫn vun trồng nên hoa.

FLOWERS

Translation by Vi Khuê

*Woke up in the morning
with the morning star
Saw that the earth had completed
another half turn
Even earth wouldn't cease its revolution
Why should I stop bleeding
for my flower garden?*

THU Ở VIRGINIA - Vi Khuê

Đã nắng đào tuôn khắp nẻo đường
Mùa thu! và đất rất thơm hương
Nồn nà mây trắng giăng trời biếc
Phơ phất sương lam ướt nụ hương
Nhớ một con thuyền xưa lạc bến
Đau nghìn trang giấy mới nên chương
Chút ray rút nợ từ thiên cổ
Lẻo đẻo theo mình quá đại dương.

AUTUMN IN VIRGINIA

Translation by Nguyễn Huỳnh Điệp

*Over everywhere the sunshine
is spreading
In the autumn the soil seems
sweet smelling
Across the blue sky
hang some clouds in white
Flower buds bathe in the thin flying fog
Recalled an ancient strayed boat
Bled over thousands of pages
to make a good verse
Since time immemorial
came some anxiety
followed right behind overseas
to make me worry.*



THU VÀNG TIỀN CHỊ

(Kính Thành Tưởng Niệm Nữ Sĩ Vi Khuê)



Người đi! Người đã đi rồi!
Áo Thơ Rũ Bụi, Cõi Trời Tiêu Dao
Phù du quán tạm, chiêm bao
Thu Vàng Tiền Chị xạc xào lá rơi!

Nhớ Người! (GIỌT LỆ*) cho đời,
(CÁT VÀNG*) lấp lánh đẹp lời Cô Thi
(THƠ TRONG MƯA và HOA*) đang thắm thì ...
Tử Sinh, Mệnh Số, Người đi thật rồi!

Nhớ Người ! mãi mãi ... Nhớ Người!
(BÀI THƠ XANH*) Ngát Ý Đời Vô Vi...
Người Đi Hay Người Trở Về,
Cõi Trời Miên Viễn, Thơ Đề Chân Không ...

Oregon Mùa Thu 2018

Tuệ Nga

* “Giọt Lệ”, “Cát Vàng”, “Thơ Trong Mưa và Hoa”:

Tác phẩm của Vi Khuê

* Bài Thơ Xanh, trong “Thơ Trong Mưa và Hoa” - trang 18

CHÂN DUNG TỰ HỌA

SELF-PORTRAIT

Tôi dang hai cánh tay đàn bà
ôm lấy cuộc đời đầy lửa đạn
tôi đã sống như loài bò sát
với đôi người và những máu chân
tôi đã bám li mặt đất yêu thân
tôi đã bám, như loài rắn rết
rồi tôi sẽ xa anh và xa hết
tôi chết đi xin người rữ cờ tang
khóc thương tôi, như đã khóc thương chàng...

Khóc thương tôi, chỉ vì tôi đã khóc
tôi đã đổ một trùng dương lệ ngọc
tôi vốn nòi khóc mướn thương vay...
tôi chẳng là gì hết của hôm nay
tôi, sinh vật đã già như cây cối
tay móng nhọn che mặt trời tiếc nuôi
mặt mày nhăn như loài cú rừng hoang
như con mèo đêm mỗi tối lang thang
trong ngõ ngách lên lời than thở vội...

Tôi từ chối sống bằng-cây-cối
để sa sút, tôi trở thành cỏ dại
tôi đã góp hai bàn tay tội lỗi
vào cuộc đời tôi thế thốt yêu đương
tôi, đàn bà, với trăm nỗi xót thương
đã tham dự chiến trường không dám hỏi
hỏi giùm tôi, xin hỏi giùm tôi với!
khóc thương tôi, xin hãy khóc thương nàng...

I open both my feminine arms
to embrace this life full of fire and sword;
I have lived like what reptilians afford
with a couple of pupils and the clinging feet;
I have stuck obstinately to this earth so sweet;
I have clung to it like a snake or centipede,
then I get away from you and all in deed.
On my death please sing the mourning hymn
to cry and regret me just as you did Him...

Grieve for me because I have wept,
I have shed an ocean of pearl tears well kept,
for I am by birth a compassionate artiste...
I am today nothing at all and at least.
I am already as old a creature as a stunted tree,
with sharp-nailed hands to shade the sun free,
with a wrinkled face like a wild owl
or a she-cat each night wandering to scowl
in the blind alleys to repeatedly lament...

I have refused, for living equal to trees a bent,
to fall into decay; I have become a weed
contributing my two hands to sinful deed
in the life where I have vowed love.
I, with a lot of compassion of a dove
have taken part in the battle daring not ask.
Question for me, please question for me, unmask!
Grieve for me, please cry and regret Her...

VI KHUÊ

Translation by THANH-THANH



Thi sĩ Thanh Thanh & Vi Khuê (San Jose 1996)

GIỌT LỆ

... Còn chăng hay đã hết
Câu chuyện của loài dơi?
Hai ngàn năm sờ soạng
Tìm chưa thấy mặt trời?

Nhỏ nhoi thay kiếp người
Đau thương thì hiện hữu
Vết bầm trong xương tủy
Sờ nát đầu ngón tay!...



HOANG VU

Qua đèo nay, nhớ trấn xưa
Hoang vu đôi hạ, đôi bờ cỏ may
Từ bên ấy sang bên này
Con sông vẽ một nét mây bắc ngang
Em về bên ấy sao đang
Tôi thương cổ thụ hai hàng lệ xưa
Cồn hoang dã, bến lau thưa
Trơ thân cỏ dại nằm chờ nước sông
Cửa trời đã khép đôi khung
Suy tư bước nhỏ ngại ngừng chân em
Dòng ơi, sông nước êm đềm
Trả hoang vu, lại cho mình hoang vu.

VI KHUÊ

CHỦ BÁ ANH VÀ VI KHUÊ

Nhà giáo **CHỦ BÁ ANH** ngay hồi nhỏ đã theo gia đình từ đất Bắc vào Nam trong một kỳ nghỉ hè và có dịp ghé lên Đà Lạt lần đầu tiên. Bao nhiêu năm sau, trong cuộc sống xa xứ, cái thành phố cao nguyên đó vẫn khắc ghi nhiều dấu ấn và được kể lại:

“Tôi đặt chân đến thành phố Đà Lạt vào mùa hè năm 1943... Lúc đó ông ngoại tôi vừa mua chiếc xe Simca 9 là loại xe mới nhập cảng vào Việt Nam lần đầu, nên quyết định đưa gia đình đi nghỉ hè tại 4 vùng núi cao của Việt nam, suốt một lộ trình từ Bắc vào Nam. Chuyến đi gồm 4 người, ông ngoại, bà ngoại, cô Ngọc Lan, - cô giáo của tôi - và tôi.

Chặng đến cuối cùng là thành phố Đà Lạt, sau khi rời Phan Rang qua đèo Dran, đèo Ngoạn Mục Bellevue, đến Cầu Đất, rời Trại Mát và trạm dừng chân là khách sạn Langbiang Palace nhìn xuống hồ Đà Lạt... lúc ấy dân chúng Đà Lạt còn thưa thớt, phương tiện di chuyển là xe ngựa. Cái ấn tượng khắc sâu trong tâm trí tuổi thơ của tôi là tiếng người lái xe ngựa dùng miệng tạo thành một thứ âm thanh kêu “cọt cọt” để điều khiển con ngựa.

Rạp ciné Eden nay gọi là Ngọc Lan thuở đó bên trên chưa có balcon chia thành từng ô và thiếu tiện nghi hơn bây giờ. Mãi cho đến khi nhạc gia của nhạc sĩ

Hoàng Nguyên làm chủ thì rạp Ngọc Lan và Ngọc Hiệp mới tân trang lại. Mặc dầu đó là lần đầu tiên tôi biết Đà Lạt nhưng nơi đó đã để lại trong ký ức tuổi thơ của tôi nhiều hình ảnh đẹp đẽ mà tôi vẫn giữ mãi cho đến ngày nay dù đang sống xa Đà Lạt muôn ngàn dặm.”

Mãi về sau này khi trưởng thành CHỦ BÁ ANH trở lại Đà Lạt với nghề giáo chức và lập nghiệp luôn tại nơi này gần 20 năm cho đến khi phải di tản ra nước ngoài:

“Từ năm 1951 về sau, hàng năm tôi vẫn có dịp lên lại Đà Lạt và cho đến năm 1957 từ Huế tôi nhận được sự vụ lệnh... bổ tôi lên Đà Lạt dạy tại trường Trần Hưng Đạo. Trường lúc đó do cụ Hoàng Khôi làm Hiệu trưởng.

Tôi dạy học ở Đà Lạt liên tiếp từ năm 1957 cho đến cuối tháng 3 năm 1975, chúng tôi về Saigon có việc... cho đến cuối tháng 4 năm 75 thì lên đường di tản sang Hoa Kỳ.

Đà Lạt đối với tôi đã có quá nhiều kỷ niệm, từ cuộc sống đến tình cảm. Tôi mong đợi một ngày về thăm Đà Lạt... thăm lại những ngôi trường mà do chính tay tôi xây dựng, gặp lại các bạn đồng nghiệp ngày xưa đã cùng chung sức với chúng tôi trong ngành giáo dục; thăm lại các bạn trẻ học trò cũ.”

Tiếc thay ước nguyện đó chưa thành đạt thì nhà giáo họ Chủ đã từ giã cõi đời tại Virginia, Hoa Kỳ, ngày 12 tháng 3 năm 1996, hưởng thọ 63 tuổi, để lại niềm thương tiếc nơi những nhà văn, nhà thơ thân hữu và nhất là các nhà báo đã sát cánh cùng ông trong lãnh vực này từ bao năm tại nước ngoài. Tất nhiên những người Đà Lạt của ngày tháng cũ cũng khó thể quên ông.

Nhà thơ, nhà văn **VI KHUÊ (Trần Trinh Thuận)** là hiền thê của nhà giáo Chủ Bá Anh. Sinh tại miền Trung (Huế), là công chức, giáo chức và cũng là Hiệu trưởng một trường trung học Văn Khoa tại Đà Lạt. Vào năm 1994 VI KHUÊ viết bài thơ “**Mà thương đến cả Vệt Đường Hoa**”:

*“Trái đất có lẽ sẽ phải nổ
lúc ấy rồi ta cũng tiếc thôi
tiếc sao những buổi rong chơi phố
những buổi nhìn mây, buổi ngó trời...
Xuân này ở Mỹ sao mà lạ
bỗng rộn ràng lên chuyện tiếc thương
và nhớ, và yêu Đà Lạt quá
yêu, ồ yêu nhỉ! Nhớ, sao không?
Nhớ Đồi Cù mướt xanh trong nắng
biệt thự hồ bên đứng ngắm xa
ngựa trắng, tóc hoe vàng, trước ngõ.
nàng công chúa Thượng áo hoa cà*

*Lên đồi. Lên đồi. Lên đồi cao
những cô con gái má hồng au
những chàng trai gấn Alpha đỏ
Đà Lạt mùa sương một sớm nao!
Ai tặng cô em một nhánh đào
một nụ hồng lá thắm xôn xao
và ai âu yếm cài lên tóc
để đến nay cô nhớ ngọt ngào?
Bùi Thị Xuân còn thơm giắc mơ
thì người cứ dẹt gấm thêu thơ
còn ai thiếu phụ chiều nay mộng
hãy nhớ sân trường Đại học xưa.
Và rừng. Và thác. Và thung lũng
và gió từng cơn buốt thịt da
Đà Lạt. Trời ơi! Giờ ấm, lạnh?
mà thương đến cả Vệ Đường Hoa!”*

VI KHUÊ viết xong bài thơ trên còn ghi thêm lời đề tặng “gởi người Đà Lạt, xưa, sau”. VI KHUÊ yêu muôn hoa Đà Lạt, yêu cả đến những bông hoa vô danh mọc thảo nhiên chen lẫn cùng cỏ dại bên lề đường, nay được đặt tên “Vệ Đường Hoa”.

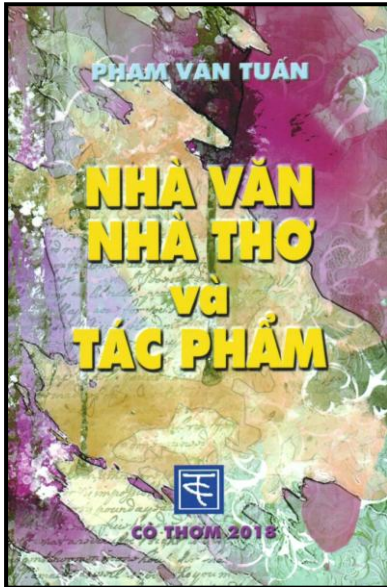
Sách đã trích dẫn nhiều bài viết về Đà Lạt của VI KHUÊ. Chỉ ghi lại đây thêm một chút tâm tình của VI KHUÊ về thành phố này:

“Năm 1972, tôi cùng chồng con sinh sống tại Đà Lạt, một thành phố thơ mộng nhất miền Nam... Đà Lạt của tôi nhỏ bé

hơn nhiều. Nhỏ bé nhưng mà đẹp, đến nỗi có lần đã làm sững sốt một du khách Tây phương đến thăm. Đứng trên sân cù, đưa mắt nhìn bao quát cảnh vật, từ vườn hoa thành phố, Bích Câu, đến những cây cầu đưa ra trên mặt nước hồ Xuân Hương với những chiếc “pê đa lô” màu sắc lộng lẫy đang lướt sóng dưới ánh nắng vàng nhạt, ông ta đã phải thốt lên: “Voilà la huitième merveille de la nature!” Tôi hỏi: “Ông khen cái gì mà tuyệt vời quá vậy?” Ông đáp: “Tôi nói cái thành phố này,” và chỉ tay lên ngọn tháp chuông của ngôi trường học Yersin thấp thoáng phía bên kia, ông ta lại tấm tắc: “Thế mà cái tháp chuông kia còn đẹp hơn!”

Bây giờ ý nghĩ đó lại đến với tôi, khi tôi tập trung tinh thần để thu gọn cả thành phố vào trong ống kính ký ức. Tôi trông thấy tất cả, tôi nhớ lại tất cả. Đà Lạt mùa xuân năm ấy, nắng ửng lên ở khu phố Hòa Bình. Ở nhà tôi, hoa mimosa vàng rực rỡ trong sân. Bà cụ An Hòa, chủ nhân ngôi chùa có tượng Phật bằng vàng bên cạnh, vừa mang qua tặng chúng tôi một chục hoa lay-ơ trắng muốt như cành huệ, cắm vừa tròn chiếc độc bình pha lê nơi phòng khách.”

**(Trích: “ĐÀ LẠT NGÀY THÁNG CŨ”
Soạn giả: LS. Ngô Tăng Giao)**



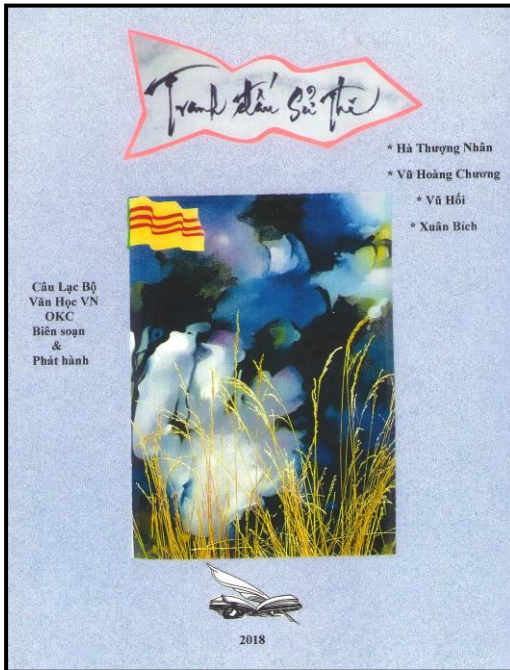
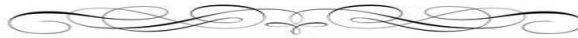
Cỏ Thơm hân hạnh giới thiệu với độc giả và văn thi hữu gần xa tập sách biên khảo: “**Nhà Văn, Nhà Thơ và Tác Phẩm**” của tác giả **Phạm Văn Tuấn**.
Sách dày 360 trang gồm nhiều bài biên khảo có giá trị về các văn thi hào nổi tiếng thế giới.

Địa chỉ liên lạc: **MR. TUAN VAN PHAM**
13870 REMBRANDT WAY, CHANTILLY, VA 20151

Email: tuanpham1387@hotmail.com

Giá sách kể cả cước phí bưu điện:
\$10 USD (trong Hoa Kỳ)

Viết check, xin đề tên người nhận tiền: Hiep Pham



Cỏ Thơm hân hạnh giới thiệu với độc giả và văn thi hữu gần xa tập “**Tranh Đấu Sử Thi**”, do Câu Lạc Bộ Văn Học Việt Nam OKC biên soạn và phát hành năm 2018. Tuyển tập hơn 100 trang, khổ giấy lớn 8.5” x 11”, nhiều hình màu, gồm những bài thơ đầy tinh thần đấu tranh, bất khuất trước bạo quyền của: **Vũ Hoàng Chương, Hà Thượng Nhân, Vũ Hối và Xuân Bích**. Các bài thơ được Thư họa gia Vũ Hối phóng bút tuyệt đẹp.

Quý vị muốn có tuyển tập “Tranh Đấu Sử Thi”, vui lòng liên lạc:

MR. VŨ HỐI
14311 WICKLOW LANE, MD 20707
Phone: (301) - 377- 4979

PHIẾU MUA/GIA HẠN/QUẢNG CÁO

(SUBSCRIPTION & ADVERTISEMENT FORM)

Họ và tên (Reader's Name):

Địa chỉ (Address):

.....

Phone, Fax, Email:

Ngày đặt mua (Order date): Từ số (From issue #):..... tới số (To issue #):.....

Kèm theo chi, ngân phiếu số (Enclosed check, money order #)

Số tiền (US dollar amount) \$

GIÁ MỘT NĂM 4 SỐ BÁO CỔ THƠM, kể luôn cước phí media mail
PRICE OF 4 ISSUES, including media mail cost
Nội địa Hoa Kỳ (In USA): US \$40.00 - Gia Nã Đại (In Canada): US\$50.00

GIÁ QUẢNG CÁO TRẮNG ĐEN MỖI SỐ

Trên Tạp Chí Cổ Thơm (7 x 8.5")

1/2 trang trong: US \$30.00

1 trang trong: US \$60.00

Trang trong bìa trước: US \$100.00

Trang trong bìa sau: US \$100.00

Dùng ngân phiếu, lệnh phiếu Mỹ kim, xin ghi trả và gửi về:
(Check payable in US dollars to Cothom Foundation; send to):

COTHOM FOUNDATION
9020 CARDIFF RD
RICHMOND, VIRGINIA 23236
USA

**QUÝ VỊ ĐỘC GIẢ MUA BÁO DÀI HẠN, QUÝ THÂN CHỦ CHO QUẢNG CÁO
LÀ AN NHÂN YẾM TRỢ TAM CÁ NGUYỆT SAN VĂN HỌC CỔ THƠM.**